

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH



Chuyện Kể Về
HỘ PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC

Duy Hòa



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2016
hai • không • một • sáu

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, do sao lục tái trình bày, xin vui lòng gửi email vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **DUY HÒA, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 09/10/2022

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

Chuyện Kể về

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

DUY HÒA



MỤC LỤC

- LỜI DẪN..... 11
- Hồi Thứ Nhất:
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ 15
- Hồi Thứ Hai:
GIÁNG SANH VÀO TIẾT ĐOAN NGỌ..... 21
- Hồi Thứ Ba:
XÂY BÀN, PHẠM CÔNG TẮC GẶP THẮT NƯƠNG ĐIỀU
TRÌ CUNG 37
- Hồi Thứ Tư:
XÂY BÀN GẶP ĐẮNG A.Ă.Ă. PHẠM CÔNG TẮC LẤN ĐẦU
PHÒ CƠ 71
- Hồi Thứ Năm:
VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO..... 87
- Hồi Thứ Sáu:
GIÁNG LINH HỘ PHÁP DI ĐÀ 101
- Hồi Thứ Bảy:
THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO 145
- Hồi Thứ Tám:
ĐẠO XÂY RA BIẾN, HỘ PHÁP GIẢI ẾM LONG TUYỀN KIỂM..... 157
- Hồi Thứ Chín:
PHẠM NGHIỆP GÁNH VÁC NỀN ĐẠO..... 197
- Hồi Thứ Mười:
“CỨU TRỪNG KHÔNG KẾ AN THIÊN HẠ, PHẢI ĐỂ
HIỆP THIÊN ĐỨNG TRỊ VÌ.”..... 227
- Hồi Thứ Mười Một:
TRẦN THÁNH PHI CHÂU..... 279

▪ Hồi Thứ Mười Hai:	
HỘ PHÁP TÁI THỦ QUYỀN HÀNH.....	297
▪ Hồi Thứ Mười Ba:	
“TUỔI ĐÁ BẢY MƯƠI CŨNG ĐỦ RỒI”	353
▪ Hồi Thứ Mười Bốn:	
SAU NGÀY ĐĂNG TIÊN.....	383
▪ Hồi Thứ Mười Lăm:	
LỜI PHÊ CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	391
▪ Phụ Ghi:	
NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÁC	405
▫ CHUYỆN ÔNG ĐỘI.....	405
▫ Chuyện Về Hiến Tiên Công Quả.....	408
▫ Chuyện Làm Công Quả Sau Đây	410
▫ Đức Ngài Dạy Đi Cầu Siêu Phải Đọc Kinh Thành Tiếng.....	411
▫ Hình Phạt Cho Người Ngoại Tình.....	412
▫ Chuyện Ông Đính.....	413
▫ Cửu Trùng Đài Qua Phước Thiện Phải Đi Từ Minh Đức.....	414
▫ Chuyện Sống Chung Người Âm	415
▫ Chuyện Sở Bá Vương Hạng Võ.....	417
▫ Chuyện Ông Huỳnh Hữu Lợi.....	418
▫ Chuyện Ông Chánh Trị Sự Miên.....	418
▫ Đức Hộ Pháp Kể Về Tiền Kiếp Của Mình.....	420
▫ Còn 1 Ước Nguyên Nhân Chưa Về Kịp Hội Long Hoa ...	421
▫ Đức Hộ Pháp Kể Về Việc Chi Tiêu Lúc Còn Làm Ngoài Đời.....	421
▫ Đức Chí Tôn Dạy Pháp Cho Ngài	422
▫ Chuyện Thánh Pêrô	424
▫ Câu Chuyện Cô Tám Nghi	425
▫ Đức Hộ Pháp Phân Xử Những Trường Hợp Đánh Nhau	427
▫ Chuyện Tú Tài Thạnh	428
▫ Đứa Trẻ Trộm Trái Cây.....	431
▫ Đức Chí Tôn Cho Biết Đã Có Người Đạt Pháp Ở Khắp Nơi	432

▫ Giải Bệnh Cho Vua Sái Miên.....	433
▫ Chuyện Ông Cờ.....	434
▫ Chuyện Bà Hoàng Hậu Prasey	435
▫ Đức Chí Tôn Giao Cho Đức Ngài 5 Gánh Pháp	436
▫ Chuyện Thất Nương Xuống Phong Đô Cứu Độ Thân Phụ	437
▫ Chuyện Ông Thần Chiếm.....	439
▫ Chuyện Phật Mẫu Quì Xin Chí Tôn Mở Đạo.....	442
▫ Chuyện Hồi Mới Khai Đạo.....	442
▫ Ảnh Hưởng Của Vật Thực Đến Chơn Thân.....	443
▫ Người Tu Không Mặc Nợ	444



TÒA-THÁNH TÂY-NINH



HỘ PHÁP NGỰ TRÊN NGAI THẤT ĐẦU XÀ

LỜI DẪN

TRÓT SANH RA TRONG THỜI LOẠN LẠC NHƠN TÂM ĐIÊN ĐẢO, THỜI THẾ QUAY CUỒNG, ÂU CŨNG LÀ DO hạnh hèn phước mỏng, vắng bóng lời vàng tiếng ngọc, xa ánh đèn Thiêng liêng rọi bước. Mọi thứ chi chi cũng phải tự tu học qua kinh sách để lại.

Sau khi đọc qua một ít tài liệu về Đạo, về Đức Hộ Pháp, tiểu đệ mạo muội bỏ chút công hèn mọn mà tom góp những điều hay lẽ đẹp lại thành quyển sách này. Hầu trước là để chư hiền huynh, chư hiền tử giải khuây sau những giờ bon chen mệt mỏi với trường đời. Sau là để chư hiền huynh, chư hiền tử có thêm chút kiến thức, thẳng như ai chưa biết để thi thố trong trường Đại Đạo. Thiết nghĩ cũng hữu ích đó chút.

Tuy là phận hậu bối hàng vô danh tiểu tốt, mọi thứ chỉ đều học lại từ sách vở của các bậc Tiên bối đi trước, tiểu đệ thật không dám múa rìu qua mắt thợ, tài hèn chế giễu chuyên gia. Nhưng tiểu đệ cũng tự hiểu được bốn phận của một người giữ Đạo chơn chánh. Tiên nhơn hữu ngữ: “*Tu thân, tể gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, tiểu đệ đây xin đóng góp một hạt cát nhỏ nhoi vào cái sa mạc mênh mông tri thức của nền Đại Đạo. Trước là để tự tạo động lực tìm tòi kinh sách, góp chút kiến thức cho gia quyển, sau là chia sẻ cùng chư huynh tử đệ muội đồng môn. Thẳng như được vậy thì cũng đã phù hợp với sở vọng của Đức Chí Tôn từ buổi ban sơ mở Đạo:

“Các con phải đồng tâm hiệp lực cùng nhau, bỏ hết các điều tẻ theo thường tình, thì mới dễ thành Đạo. Ủy Thầy

khuyên các con đũa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra mà thi thử, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái ‘Điểm Linh Quang’ của Thầy ban cho các con lắm.”

■ TNHT, QUYỂN I.

Tiểu đệ chỉ luôn thành tâm khẩn nguyện Đức Chí-Tôn, Phật-Mẫu, và các Đấng Thiên-Liêng hằng ban ơn lành cho nền Đại Đạo, xoay chuyển mọi Thiên thi để Đạo quyền khởi phục, tế độ nhơn sanh gây đời Thánh Đức.

*“Bổ hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
Chừng nào Đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.”*

Con cái Đức Chí Tôn toàn quyền sử dụng nội dung trong quyển sách này.

Tiểu đệ căn bút,

■ DUY HÒA.

*“Hộ giá Chí-Tôn trước đến giờ,
Pháp luân thường chuyển mối Thiên-Cơ.
Chưởng quyền Cực-Lạc phân ngôi vị,
Quản suất Càn-Khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên-Thơ.
Hình hài Thánh-Thể chừ nên tướng,
Đài trọng Hồng-Ấn gắng cậy nhờ.”*

■ **GIÁO-TÔNG LÝ THÁI-BẠCH**

HỒI THỨ NHỨT: ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THỬ HỔN ĐỘNG KHI TRỜI ĐẤT MỚI PHÂN NGÔI THỨ, TRÊN QUẢ ĐỊA CẦU 68 NẦY CÁC ĐẰNG CHƠN HỒN tại mặt thể còn ngu muội, kém tiến hóa. Chính vì thế mà Diêu Trì Kim Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn tức nhiên là Đấng Tạo Hóa biến sanh vạn vật, nhóm ngự triều Đại Hội nơi Kim Bồn phòng định 100 ức Nguyên Nhân xuống trần đặng làm bạn với các đấng chơn hồn trong Vạn Linh sanh chúng là con cái yêu dấu của Ngài, thay Ngài giáo hóa, và khai mở trí thức, tinh thần cho họ.

Trước khi ấy, Kim Mẫu kêu toàn cả Linh căn chơn tánh dự Hội Yến Bàn Đào, ban cho mỗi vị một cái túi gọi là Vạn Bửu Nang. Trong đó có 8 món báu là:

- | | |
|----------|----------|
| 1. Hiếu | 5. Lễ |
| 2. Đễ | 6. Nghĩa |
| 3. Trung | 7. Liêm |
| 4. Tín | 8. Sĩ |

Và căn dặn khi xuống trần thể rũi để mất cho dù 1 món cũng về cùng Mẹ không đặng.

Thời kỳ Thánh Đức sơ khai Long Hoa Đại Hội, Đức Di Lạc khi ấy còn đang kiếp Tiên vị, mệnh danh là Hoàng Cực Chủ Nhân lãnh lệnh Kim Mẫu làm chủ thuyền Bát Nhã chở các Nguyên Nhân xuống thế. Lần đầu 24 chuyến thuyền, 2 lần sau mỗi lần 6 chuyến đúng như theo quyển kinh thứ nhứt và thứ nhì Ngọc Lộ Kim Bàn.

Nhưng sau khi xuống trần, các Nguyên Nhân bị nhiễm

phạm tánh mà quên lời dặn dò của Kim Mẫu, để đánh mất những món báu ấy nên không thể qui hồi cựu vị được. Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng liêng mới mở các kỳ phổ độ, chính là để độ rỗi các Nguyên Nhân quay về.

Nếu tính từ thời Thượng Cổ đến nay thì ở mặt thế này đã trải qua 2 kỳ phổ độ để độ rỗi các Nguyên Nhân ấy qui hồi cựu vị.

Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ thì có:

- Nhiên Đăng Cổ Phật khai sáng Đạo Phật.
- Thái Thượng Đạo Quân khai sáng Đạo Tiên.
- Văn Tuyên Đế Quân khai sáng Đạo Thánh.

Mỗi một kỳ phổ độ đều có mở một Hội Long Hoa để điểm đạo các Chơn Linh Nguyên Nhân đặc đạo. Chủ hội thời Nhứt Kỳ tức nhiên là Đấng Nhiên Đăng Cổ Phật nên mới có câu “*Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội Nhiên Đăng Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn*”, điểm đạo thì chỉ có 6 ức Nguyên Nhân đặc đạo.

Thời Nhị Kỳ Phổ Độ thì có:

- Thích Ca làm Giáo Chủ Đạo Phật.
- Lão Tử làm Giáo Chủ Đạo Tiên.
- Khổng Tử làm Giáo Chủ Đạo Thánh

Sau đó 551 năm Đức Chí Tôn mới cho Đức Chúa Jésus Christ giáng sanh, cũng vào thời Nhị Kỳ. Trong thời kỳ này chủ Hội Long Hoa thì có “*Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di Đà Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn*”. Đức Di Đà làm chủ hội, điểm đạo được 2 ức Nguyên Nhân đoạt pháp, phần nhiều là môn đồ của Lão Tử đặc đạo. Cộng cả hai kỳ phổ độ lại chỉ có 8 ức Nguyên Nhân trở về, còn lại 92 ức lương chụạ đạ trên.

Đến thời kỳ Hạ Ngươn mặt kiếp, Đức Chí Tôn mở **Tam Kỳ Phổ Độ** tức là thời kỳ qui cổ, chính mình Đức Chí Tôn giáng trần dùng huyền diệu cơ bút lập Đạo vô vi để tận độ 92 ức Nguyên Nhân qui hồi cựu vị cũng bởi vì khi trước, Chí Tôn sai người xuống trần mở đạo rồi giao chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phàm giáo. Nên lần này Người nhứt định đến chính mình Người đặng dạy dỗ mà thôi. Người để Tam Trấn Oai Nghiêm thay mặt về vô vi cho Tam Giáo kể ra thì có:

- Quan Âm Bồ Tát chưởng quản về Phật Giáo.
- Lý Thái Bạch Tiên Trưởng chưởng quản về Tiên Giáo.
- Quan Thánh Đế Quân chưởng quản về Thánh Giáo.

Nhơn thời Hạ Ngươn này cũng có rất nhiều các Nguyên Nhân đã đắc đạo trong 2 kỳ phổ độ trước cũng đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giáng trần, tái kiếp hoặc chiết ngươn linh chịu mạng lệnh nơi Đức Di Lạc Vương Phật lo cứu rỗi 92 ức Nguyên Nhân còn say đắm hồng trần. Kể ra sơ lược như sau:

Bát Tiên thì có:

- | | |
|-------------------|-----------------|
| 1. Lý Ngưng Dương | 5. Lam Thế Hòa |
| 2. Hớn Chung Ly | 6. Hà Tiên Cô |
| 3. Lữ Đồng Tân | 7. Hàn Tương Tử |
| 4. Trương Quả Lão | 8. Tào Quốc Cựu |

Các vị Thời Quân thì có:

- | | |
|--------------------|----------------|
| ▪ Thánh Pierre | ▪ Xích Tinh Tử |
| ▪ Đông Phương Sóc | ▪ Thánh Juda |
| ▪ Từ Hàng Đạo Nhơn | ▪ Sa Nặc |

Và còn có:

- Ngự Mã Thiên Quân

- Long Nữ, đệ tử của Quan Âm Bồ Tát
- Nhị Lang Thân Dương Tiễn
- Văn Thù Bồ Tát
- Ngô Tôn Quyền
- Quan Vân Trường
- Từ Giáp
- Nhan Hồi
- Francois Hugo
- Khổng Minh
- Mạnh Hoạch

Và các chư Thánh ở Bạch Vân Động, 500 vị La Hán ở Tây Phương Cực Lạc. Về phần năm quyền vô vi, Tam Tông Chơn Giáo thì có:

- Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn
- Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn
- Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn

Đại diện cho Tam Giáo thì có:

- Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Đại Tiên Trưởng đại diện cho Tiên Giáo
- Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai đại diện cho Phật Giáo
- Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân đại diện cho Thánh Giáo

Ngoài ra còn có:

- Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn đại diện cho Thánh Giáo
- Thái Công Tướng Phụ Quân Pháp Thiên Tôn đại diện cho Thần Giáo

Về phân phổ độ vô vi thì có hằng hà sa số chư Phật ở các tầng trời:

- Thượng Thiên Hồn Ngươn
- Hội Ngươn Thiên
- Hư Vô Cao Thiên
- Tạo Hóa Huyền Thiên
- Phi Tướng Diệu Thiên
- Hạo Nhiên Pháp Thiên

Thường du ta bà thế giải tận độ chúng sanh. Bởi vì thời kỳ này là Hạ Ngươn mặt kiếp, là thời kỳ tận diệt để khai Thượng Ngươn nên Chí Tôn đến mở Đạo cứu rỗi con cái của Người, hầu hết các Cung, các Động, các tầng Trời chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đều lãnh lĩnh phổ độ trong thời kỳ này.

Trong quyển sách này chỉ nói chủ yếu về Phạm Công Tắc, là một chiết ngươn linh của Ngự Mã Thiên Quân. Ông cũng là một trong những Nguyên Nhân đặc đạo trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sinh ra thời Phong Thần là Vi Hộ, đệ tử của Đạo Hạnh Chân Nhân. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này ông tình nguyện hạ thế để làm tướng soái cho Chí Tôn mở Đạo về sau đặc phẩm Thiên Phong Hộ Pháp, và là vị Giáo Chủ hữu hình của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

HỒI THỨ HAI: GIÁNG SANH VÀO TIẾT ĐOAN NGỌ

PHẠM CÔNG TẮC SANH NGÀY MÙNG 5 THÁNG 5 NĂM CANH DẦN (21-9-1890), NĂM THÀNH THÁI THỨ 2, tại làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh Tân An trong một gia đình theo Đạo Công Giáo. Thân sinh của ông là ông Phạm Công Thiện và bà La Thị Đường, ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ông Phạm Công Thiện là một công chức dưới thời Pháp thuộc, khi được đổi công tác đến Tân An làm việc thì mang gia đình cùng theo. Ông Phạm Công Thiện là một người rất thanh liêm, lòng hâm mộ đạo đức luôn luôn chủ trương dĩ đức vi trọng, thường tích cực tham gia chống áp bức và bất công. Do đó trong giới đồng liêu không ưa gì ông, và tìm cách đẩy ông đi xa để rồi cuối cùng là ông phải nghỉ việc, đưa gia đình trở về quê quán ở Tây Ninh làm ăn sinh sống.

Ông Phạm Công Tắc có tất cả 8 anh chị em ruột. Ông là con thứ tám áp út, còn một người em gái út thứ chín nữa. Thuở thiếu thời, ông được biết đến như là một người con hiếu thảo trong gia đình. Khi đến tuổi cấp sách đến trường, ông được ba mẹ cho theo học chữ Nho tại trường làng, tính bẩm sinh năng động, siêng năng học tập nên rất được lòng yêu quý của thầy cô.

Lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị lệ thuộc ngoại bang là nước Pháp, ông đã sẵn có ý thức về nỗi thống khổ của một dân tộc vong quốc. Ông hay bày biện các cuộc chơi đánh đố một vài nhân vật trong lịch sử nước Pháp, khiến cho các bạn bè ái ngại và lánh xa. Sau đó ông được đổi qua chương trình

Tây học và học bậc trung học ở trường Chasseloup Laubat, Sài Gòn. Ngoài ra, ông còn tự học thêm tư tưởng Nho học và dung hợp với tư tưởng Tây học cho phù hợp với xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Đến năm 12 tuổi thì thân phụ của ông qua đời, gia đình gặp cảnh khó khăn sa sút nên ông rắp tâm học tập để thi đậu ra làm việc phụ giúp gia đình. Về sau Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết rằng thân phụ của ông, ông Phạm Công Thiện là chơn linh Ngân Hà Công Bộ nơi Thiên liêng giáng trần.

Sau đó ông thi đậu bằng Thành Chung. Trong thời gian đi học ông có tham gia phong trào Đông Du do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhựt Bản lãnh đạo, có 2 nhà cách mạng là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh giúp sức. Để nâng cao dân trí, họ gửi các thanh niên du học ngoại quốc, nhất là Nhựt Bản.

Tại Sài Gòn, phong trào Đông Du do 2 ông Gilbert Chiếu (Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các Kinh Thương Hội như Minh Tân Công Nghệ, khách sạn Nam Trung làm nơi lưu trú hội họp cho đảng viên. Dù đang theo học năm thứ hai tại trường Chasseloup Laubat, Ngài cũng thường lén bỏ học đến họp với các anh em.

Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập họp các đảng viên chia nhiều nhóm để xuất ngoại. Trước đó đã có 3 nhóm tới được Nhựt Bản, tên của ông nằm trong nhóm thứ tư nhưng sau đó phong trào này bị mật thám Pháp khám phá được. Chúng đến xét nhà ông Gilbert Chiếu và xét cơ sở Minh Tân Công Nghệ của ông Dương Khắc Ninh để tìm danh sách và tổ chức phong trào Đông Du, nhưng ông Ninh đã lanh tay thiêu hủy tất cả hồ sơ phi tang nên bọn chúng

không có bằng chứng gì để bắt bớ. Hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ hết sức sôi động. Ở triều đình Huế, vua Thành Thái bị phế, vua Duy Tân lên kế vị nhưng rồi từ bỏ ngai vàng để hợp tác với Trần Cao Vân chống Pháp về sau cũng bị bắt.

Sau đó mật thám vẫn luôn chú ý theo dõi, dò xét các nhà lãnh đạo, chính ông cũng bị chúng để ý và nhà trường lưu tâm. Buộc lòng ông phải nghỉ học về làng An Hòa, Tây Ninh tạm tránh sự dòm ngó của mật thám. Khi tình hình êm dịu, ông lại dần thân vào trường tranh đấu. Lân này ông hoạt động cẩn thận hơn rồi thường xuyên tham gia cộng tác viết báo với bút danh là “*Tây Sơn Đạo*”, như các tờ báo: Công Luật, La Cloche Fêléé của Nguyễn An Ninh; La voix Libre, Lục Tỉnh Tân Văn của ông Pierre Jeantet, Gilbert Chiếu làm chủ bút. Đến khi ông Chiếu bị bắt thì tờ báo cũng bị đình bản. Ông lại về quê quyết định đi làm việc kiếm tiền nuôi mẹ, phụ giúp gia đình. Vì những ảnh hưởng cách mạng cũng như có mối thâm tình với các Tiên Vương, về sau ông cho lập Báo Quốc Từ thờ phụng Tổ Hùng Vương, ông cũng có bốn ba sang Nhứt rước tro Cờng Đế, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Từ.

Năm lên 17 tuổi, ông thi đậu tốt nghiệp và quyết định ra làm việc để trả hiếu cho mẹ. Lúc đầu ông xin làm cho hãng buôn ăn lương, nhưng sau nghe theo người anh rể khuyên lơn nên xin qua làm việc cho sở nhà nước. Ông xin qua làm việc cho Sở Thương Chánh Sài Gòn.

Vào một dịp Tết ở trước cửa đồn cặp mé lộ nơi Ngài làm việc, có một nhóm người chơi bài cu đi 12 lá tứ sắc, một đồng trúng 10 đồng. Người chủ sòng bài thấy Ngài liền kêu nắm tay lôi kéo:

“Chơi bài thầy tám. Tôi xô thầy đặt.”

Ngài mới nói:

“Thiệt chơi?”

Người chủ sòng nói:

“Thiệt mà, tôi xỏ thầy tám đánh.”

Ngài nói:

“Đánh thì đánh, Tết mà phải hôn.”

Đoạn người chủ sòng đòi xỏ. Ngài đặt ngay con sớ đỏ, tiền đặt là 30 đồng. Ông chủ sòng thấy Ngài đặt nhiều tiền có ý lo sợ rồi đổi ý nói:

“Thôi thầy xỏ đi.”

Ngài nói:

“Ừ! Cũng được.”

Tiền vẫn để y nằm trên lá bài sớ đỏ. Người đó mới nói:

“Thầy đánh, thầy xỏ cũng sớ đỏ hả? Thầy chơi thiệt sao?”

Ngài mới nói:

“Ông xỏ tôi đánh, tôi xỏ ông đánh tôi mà, thiệt chứ đâu có chơi.”

Ngài cầm 12 lá bài lên, xòe rồi rút ngay con sớ đỏ trên tay đưa trước mặt cho người chủ sòng. Ông ta cả kinh, chung tiền tất cả là 300 đồng rồi không nói một lời dọn đi nơi khác luôn. Rồi Ngài có nói thêm:

“Tao vốn không ưa bài bạc, mà nó rủ rê tao cũng đánh cho nó biết mặt.”

Lúc ấy Ngài bất mãn với thái độ của người Pháp, họ cho là dân Nam ngu dốt nên Ngài có ý phá bọn Pháp chơi.

Đương lúc làm trưởng ban phân công công tác các đội đóng trạm để kiểm soát đồ buôn lậu mà bắt. Người dân làm

nghe này đa số nghèo khổ, cực nhọc, vất vả họ bất chấp nguy hiểm, liều lĩnh để kiếm sống. Thấy vậy Ngài nẩy lòng trắc ẩn rồi sinh ý nghĩ là tự mình đến liên lạc với bọn họ và cho biết vị trí các trạm, luôn cả giờ thay đổi để cho họ tìm lối khác mà đi tránh né hoặc tìm cách che giấu qua mặt. Lúc Ngài gặp bọn họ để nói chuyện, họ vẫn chưa biết Ngài đương là trưởng ban tuần tra bắt buôn lậu. Xong Ngài dặn mỗi ngày cho người tới một điểm nào đó do Ngài chỉ định, lúc mấy giờ sẽ có người cho biết tin tức mới.

Cứ ngày nào cũng vậy, đúng giờ đã định họ đến ngay điểm mà Ngài cho gặp. Ngài mặc cái rông choàng kín bít thùng thình, đầu quấn khăn bịt kín chỉ còn 2 con mắt, tay thì cầm cây ba ton. Ngài nói:

“Tôi vâng lệnh Đức Thủy Thủ đến chỉ thị để giúp đỡ anh em buôn bán kiếm sống, dấu hiệu ‘bàn tay nắm’ là mật hiệu.”

Ngài nắm bàn tay làm kiểu để biết nhau và cứ như thế bọn họ nắm được thông tin nên kiếm được khá nhiều tiền mà không khi nào bị bắt. Có chăng là những chuyến bị bắt nhỏ trá hình để cho sự việc không làm người Pháp để ý.

Một lần nọ, Ngài xuất hiện với một hình như cũ để chỉ điểm, những người dân buôn lậu dâng lên cho Ngài một bọc tiền để gọi là đền ơn đáp nghĩa. Ngài quát cho mỗi người một cây ba ton rồi nói ra lệnh:

“Cấm nhật không được làm như vậy nữa!”

Ngài có kể lại:

“Thấy tiền nhiều, lương ít cũng động lòng tham lắm. Nhưng lương tâm đâu cho làm vậy được, vì làm vậy là mình lấy của họ rồi, còn gì là ân nghĩa.”

Từ đó bọn họ thấy Ngài như vậy nên rất quý trọng, họ

lập bàn thờ Đức Thủy Thủ, trên bàn thờ là hình ảnh một cái búa làm hiệu.

Một hôm Ngài dẫn vài người bạn sang bên kia sông chơi vì Ngài biết trong xóm đó có người làm buồn. Sang sông, đi rảo rảo dạo chơi một lúc, mua 1 con vịt rồi xách vào một nhà để xin nghỉ trưa. Ngài nhờ người nhà nấu giùm nồi cháo vịt. Bà chủ nhà thấy khách vui vẻ tự nhiên, mà mình thì không bận việc gì, hơn nữa khách đã nói lời xin khi bước vào, mình đã thuận thì khách ăn trưa mình giúp cũng được.

Trong khi chờ đợi, mọi người đang nói chuyện thì đằng sau nhà, ông chồng người chủ nhà về, kéo xuống cột lại rồi vào nhà một cách thận trọng, ông chồng hỏi:

“Nhà có khách là ai vậy? Có quen biết hôn mà lại đến nhà nghỉ một cách tự nhiên vậy?”

Ông chồng tỏ vẻ bực bội không đồng tình. Lúc ấy các bạn Ngài thấy bầu không khí có hơi ngột ngạt, sắp nguy rồi. Riêng Ngài thì bình thường, vì ngay lúc đầu Ngài đã thấy trong nhà có bàn thờ Đức Thủy Thủ nên mới dám tự nhiên dẫn bạn vào xin nghỉ chân. Chờ ông chồng từ nhà sau bước lên, Ngài liền nắm bàn tay lại đưa ra y như kiểu Ngài đã làm trong trang phục thùng thình, đầu quấn khăn kín mặt để chỉ điểm ra lệnh cho họ biết thông tin. Ông chủ nhà thấy vậy cả kinh, đổi giận ra mừng, lại còn hối hả sai vợ đi mua đồ thêm để đãi, còn phân nồi cháo để ông lo cho.

Buổi tiệc ấy khá thịnh soạn và vui vẻ lạ thường, các bạn của Ngài không khỏi lấy làm lạ vì cách đối xử của ông chủ nhà. Ông ta cứ khẹp nép, kính cẩn đối với Ngài và các bạn. Các bạn Ngài có hỏi:

“Sao ông tôn trọng mình quá vậy?”

Ngài mới trả lời:

“Tôi cũng không biết nữa.”

Một thời gian sau, Ngài thấy cũng tạm khá cho cuộc sống của những người làm nghề đó. Ngài viết thư hẹn ngày sang chơi.

Đúng ngày, Ngài đi qua một mình. Bọn họ đã chuẩn bị trước nên đón Ngài hết sức chu đáo. Xong tiệc, bọn họ dùng ghe đưa Ngài sang bờ, khi cập bờ, Ngài đứng trước mũi ghe thay vì bước lên, Ngài quay lại quơ giò đá người kế bên một cái rồi xoay người ngang phóng vọt lên bờ coi gọn lăm. Đoàn Ngài lặng lẽ ra đi. Ngài ngụ ý cho bọn họ thấy mình là đàn anh thứ thiệt chớ chẳng phải thường.

Để chấm dứt quan hệ này và không dính líu với họ nữa, một hôm Ngài gửi một lá thư báo tin rằng Đức Thủy Thủ giờ đây đã đi biệt tích, không biết đi đâu, có lẽ đã chết rồi. Từ đó không bao giờ gặp họ nữa.

Hồi thời niên thiếu, do Ngài sanh nhằm vào ngày mùng 5 tháng 5, là ngày Tết Đoan Ngọ nên trong gia đình ai cũng lo khó nuôi. Ngài khỏe mạnh hồng hào nhưng thỉnh thoảng tự nhiên ngủ thiếp đi như chết, rồi sau đôi ba giờ mới tỉnh dậy, có khi kéo dài cả nửa ngày khiến cho huyền đường lo âu, nhất là cụ cố luôn tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc, thuốc thang chạy chữa đã nhiều mà không hết.

Cảnh trạng lạ lùng của Ngài, chết đi sống lại, loan truyền ra ngoài Thiên hạ người ta tìm tới và có đăng tin trên mặt báo như vậy:

“Một thiếu niên 19 tuổi sau khi đỗ tú tài thì đôi mắt tự nhiên lòa hẳn đi, kéo dài trong 1 tháng thì thiếu niên lâm trọng bệnh. Trong lúc mê sảng thiếu niên cho già biết là anh được Thiên tướng xuống đưa về Thiên Đình chữa bệnh. Anh sẽ chết rồi 15 ngày sau mới sống dậy, miễn đừng đem xác chôn

và ngày ngày vẫn cho anh uống 3 lần nước lạnh vào 6 giờ sáng, 12 giờ trưa và 8 giờ tối.”

Vào một đêm Rằm tháng Giêng năm Đinh Mùi (1907), Ngài nằm trên sập kê trước nhà, nhìn vầng Trăng hư ảo mà khẽ ngâm bài “*Thần Đông Vấn Nguyệt*” của một người bạn vong niên đã ngâm cho Ngài nghe qua một lần mà đã thuộc lòng tưởng chừng như đã in sâu vào trong tâm trí. Ngài thiếp đi lúc nào không hay.

*“Thu thiên dạ thanh quang vân tĩnh,
Chốn lữ đình thức tỉnh canh khuya.
Tai nghe văng vẳng bốn bề,
Gương Nga vằng vặc dựa kê quế lan.
Thấy Trăng thêm động lòng vàng,
Ngâm câu vấn Nguyệt cho đang mấy lời.
Hỏi di Nguyệt mấy lời sau trước,
Duyên có sao mà được thành thơ?
Nguyệt rằng vật đổi sao dời,
Thân này Trời để cho người soi chung.
Làm cho mỗi một anh hùng,
Ngàn thu sương tuyết một lòng thanh quang.
Hỏi di Nguyệt có dàng lên tới,
Chốn thiềm cung phông mấy mươi xa?
Nguyệt rằng ta lại biết ta,
Có cây đơn quế ấy là nhà em.
Anh hùng thử đến mà xem,
Kìa gương Ngọc tỏ nọ rèm thủy tinh.
Hỏi di Nguyệt có tinh chẳng tá?
Chữ Xuân Thu phông đã nhường bao?
Nguyệt rằng yếu liễu thơ đào,*

*Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
Giương Nga vàng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tinh dầu là con cái nhà.*

*Nguyệt lại hỏi đến người quân tử,
Buổi vắn lời ai giữ kinh luân?
Ta rằng có đấng Thánh Quân,
Rạ tay đẹp loạn, nên thân trị bình.*

*Nguyệt hỏi ta ngần ngại, ngại ngần,
Ta hỏi Nguyệt thơ thần, thần thơ.
Liều qua trước gió phát phơ,
Hương đưa bát ngát, phòng thơ ngạt ngào.”*

Khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền ảo, chẳng phải là ánh sáng nóng bỏng của Mặt Trời, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo của Mặt Trăng. Ánh sáng vừa trong trẻo, vừa dịu dàng, vừa đầm ấm bao trùm khắp chung quanh. Còn Ngài đang lững thững đi trên đường bằng phẳng sạch sẽ và trắng như tuyết chạy thẳng tắp về chân trời xa. Ngài vừa đi vừa tiếp tục ngâm bài thơ.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một bóng người, Ngài im bật chú ý nhìn. Bóng người tiến lại trông rõ dần, khi còn cách Ngài vài chục thước hiển hiện một vị sư già, nét mặt từ bi mặc áo cà sa vàng, vị sư lên tiếng:

“Em có nhớ Qua không?”

Ngài nhìn vị sư chợt nhớ ra vội đáp:

“Dạ.”

Chính Ngài đã được gặp vị sư này một lần cách đây hơn 10 năm, hồi Ngài đương theo học một ông đồ chữ Nho, Ngài thường theo hầu thầy đi làm thuốc. Một hôm, ông thầy sai Ngài cân thuốc trong hiệu khách Đức Vọng ở chợ

ngã tư Tây Ninh.

Bước vào cửa hàng, Ngài đã thấy ngôi ở cái kỹ dài đối diện với quầy hàng là vị sư già mặc áo cà sa vàng đây, cùng với một ông già râu tóc bạc phơ trông thật là Tiên phong đạo cốt làm cho ai nhìn cũng kính mến. Ngài đưa toa cân thuốc, người chủ tiệm cầm lấy toa tính tiền xong đưa tay chỉ về phía trường kỹ mời Ngài ngồi chơi trong khi chờ đợi.

Ngài đứng yên dựa vào quầy hàng nhìn kỹ vị sư và ông già. Hai người chỉ chỗ Ngài rồi nói chuyện với nhau. Ngài lắng tai nghe, biết rằng 2 người đang nói chuyện về tướng số và rõ ràng đang luận về tướng Ngài. Chính tai Ngài nghe thấy và còn ghi mãi trong ký ức lời kết luận của nhà sư:

“Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả.”

Nhớ đến chuyện cũ, Ngài đã định hỏi vị sư về quá khứ, hiện tại cũng như về tương lai. Ngài còn đang suy nghĩ đặt câu hỏi thế nào thì vị sư già như biết ý, mỉm cười rồi kéo tay Ngài:

“Em suy nghĩ gì đấy. Thôi hãy đi chơi với Qua.”

Ngài trả lời:

“Dạ.”

Ngài bước theo, vị sư giục Ngài bước lên ngang hàng để vừa đi vừa nói chuyện cho dễ. Vị sư thuyết cho Ngài nghe về tinh thần bác ái và vị tha của Phật Tổ, khuyên Ngài sau này ráng tu để độ chúng sinh thoát khỏi ách khổ ải của trần gian.

Câu chuyện vừa hết thì cũng thấy vừa hiện ra ở phía trước một tòa lầu đài nguy nga, một màu trắng tinh như chạm bằng viên bạch ngọc khổng lồ. Đến trước tòa nhà vị sư bảo:

“Em chờ Qua ngoài này, Qua vào trong một chút nhé.”

Ngài đứng chờ. Hồi lâu mà vẫn không thấy vị sư trở lại,

Ngài nóng ruột gõ cửa gọi:

“Thầy ơi!”

Không có tiếng trả lời. Ngài gọi nữa, gọi 2-3 lần nữa nhưng chỉ có tiếng Ngài vọng lại. Sốt ruột, Ngài đi vòng quanh nhà tìm xem có lối nào vào được chẳng. Tòa lâu đài có 8 cửa giống hệt nhau, cửa nào cũng đóng kín. Gặp mỗi cửa Ngài lại gõ một lần. Vẫn không có ai trả lời làm Ngài thấy chột dạ, định quay lại tìm lối về. Nhưng bây giờ Ngài mới nhận ra trước mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời. Tám cửa đều giống nhau, 8 con đường chẳng khác gì nhau, hướng ra 8 phương trời. Ngài chẳng biết chọn con đường nào.

Giữa lúc băng khoảng, có bóng đèn sáng lập lòe ở phía xa Ngài nghĩ thầm:

“Chỗ có ánh sáng kia hẳn có nhà. Ta hãy tới hỏi thăm đây là đâu và nhờ chỉ lối về.”

Ngài bèn hướng theo con đường đi lại phía có ánh đèn. Quả nhiên ở đây cũng có một tòa nhà mà cửa cũng lại đóng. Ngài đánh bạo gõ cửa hỏi:

“Có ai ở trong nhà không?”

Vẫn không có ai trả lời. Ngài gõ tiếp mấy lần nữa. Đang lúc sắp bấn loạn thì tự nhiên cửa mở, một tiểu đồng hiện ra, đầu để 3 chỏm tóc phất phơ, mặt hồng hào tròn trĩnh. Cậu bé bước ra khỏi nhà thì cửa từ từ đóng lại. Cậu ta hỏi:

“Anh có phải là anh Tắc không?”

Ngài lấy làm ngạc nhiên hỏi lại:

“Ừa, sao em biết qua?”

Cậu bé tiểu đồng mỉm cười:

“Sao tôi lại không biết. Thấy đợi anh ở trong nhà.”

Ngài càng ngạc nhiên hỏi:

“Thấy là ai hở em?”

Chú tiểu trả lời:

“Rồi anh sẽ biết. Đi vô thôi”

Nói xong, tiểu đồng quay trở lại vào nhà. Trước khi bước vào trong nhà, cậu bé ngoảnh lại bảo:

“Anh theo tôi nhé.”

Rồi cậu ta vào, Ngài nhìn theo thấy một cảnh tượng làm hơi ớn mình: phía trong cửa có một con lông vàng nhìn giống như con chó, chớ thật ra nó là con Kim Mao Hẩu nằm chặn ngang đường. Chú tiểu đồng thân nhiên leo lên con Kim Mao Hẩu trèo qua lưng bước xuống nhà. Thấy Ngài ngần ngại nên tiểu đồng cười, giục:

“Có gì mà sợ, nó không phải là chó nên chẳng cắn đâu. Anh cứ theo tôi đừng sợ gì cả.”

Nghe lời chú bé khuyến khích, Ngài đánh bạo bước qua con vật ấy một cách e dè rồi nhảy đại một cái ra xa. Ngài vừa bước qua cửa từ từ đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đều đóng. Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng và dặn:

“Anh chờ ở đây. Lúc nào Thấy kêu tôi sẽ cho anh hay.”

Nói xong chú tiểu bỏ đi. Ngài chờ lâu quá sốt ruột, phần vì sợ con chó lông vàng lúc nãy nên Ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe bước ra nói:

“Anh làm gì rồi thế? Anh nhát quá, thôi ở đấy mà chờ Thấy.”

Nói xong không để Ngài kịp đáp lại thì cậu ta đã bỏ đi. Còn một mình ở lại trong phòng, Ngài ngắm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng 10 thước, 4 mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liên tục đẹp.

Đoạn từ bên ngoài một ông già cao lớn, mặc áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào. Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra ông già này là người đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong tiệm Đức Vọng độ nào. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo:

“Con ngồi xuống đi.”

Đầu tiên ông già hỏi thăm về gia đình, ông hỏi thăm từng người một nhưng trừ ông thân của Ngài đã qua đời thì ông không hỏi tới, Ngài cũng lấy làm ngạc nhiên. Sau lúc chỉ điểm từng cái tốt xấu của từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng:

“Con đem bánh cho anh con ăn đi.”

Chú tiểu mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh bốc hơi thơm phức. Ông già bảo:

“Con ăn đi.”

Mấy cái bánh nhìn trong ngần như bột lọc, hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, sắp theo hình tròn. Ngài đưa tay lấy cái trên chóp đĩa bẻ đôi ăn ngon lành. Hàng bánh thứ hai có ba cái, Ngài lấy ăn thêm một cái nữa bụng đã đỡ đói. Đương nghĩ không biết có nên ăn nữa hay không thì như biết ý, ông già bảo:

“Con ăn nữa đi!”

Ngài vâng lời lấy cái thứ ba bẻ đôi, ăn xong phần nhân thấy bụng no, ngán quá không sao ăn thêm được nữa. Ngài vò hai miếng vỏ bánh ném xuống gầm bàn. Biết Ngài đã no,

ông già kêu lấy nước. Tiểu đồng mang lên một tô nước bằng vàng, nước đầy tận miệng. Ngài uống một hơi hết sạch tô nước. Đợi Ngài uống xong ông già trầm ngâm rồi nói:

“Hôm nay con ăn 2 cái bánh rưới và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này.”

Đến đây, ông già như có ý không để Ngài có nhiều thì giờ hỏi cặn kẽ liền truyền lệnh cho tiểu đồng:

“Con đưa anh con về.”

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con chó lông vàng, Ngài vái xin con đó.

Ông già tỏ vẻ ưng lòng nói:

“Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con.”

Khi trở ra Ngài bước lên lưng con chó đó, cánh cửa tự mở ra, lúc đến tòa lâu đài 8 góc thì chú tiểu đồng từ tạ:

“Bây giờ em chưa thể đi cùng với anh được. Sau này Thầy sẽ cho em xuống với anh. Thôi anh về đi.”

Ngài sức nhớ đi chơi lâu quá, vội chạy nhanh về vô tình vấp phải mô đất té lộn đi một vòng. Ngài giựt mình tỉnh dậy thoang thoảng bên tai tiếng kêu khóc vang vầy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kẻ thì kéo tóc, người thì giật tay gọi tên âm ỉ. Ngài chờn vờn ngồi dậy nói như trong mơ:

“Con chó của tôi đâu rồi?”

Người người ngơ ngác, đó là Ngài nhớ tới con Kim Mao Hẩu đã gặp trên Thiên cung.

Đến năm 21 tuổi Ngài vâng lệnh mẫu thân lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều. Bà Nhiều là người phụ nữ theo luật tam tòng, rất hiếu lễ, tận tảo thờ phụng cha mẹ chồng hết lòng. Hai người sanh đặng 3 người con. Trai đầu lòng

tên Phạm Công Huyền, gái thứ tên Phạm Hồ Cẩm, gái út tên Phạm Tân Tranh. Người con trai lớn mất sớm, 2 người nuôi được 2 người con gái. Bà Nhiều cũng thường được mọi người gọi là bà Tám cũng bởi vì Ngài thứ tám trong gia đình.

Năm 22 tuổi thân mẫu của Ngài cũng qua đời, để lại bao nỗi tiếc thương. Rồi sau đó em gái út của Ngài cũng chết, chỉ còn lại ông anh rể mà Ngài coi như anh ruột thịt.

Sau đó Ngài được chuyển công tác đi nhiều nơi. Như năm Nhâm Tý (1912) Ngài được chuyển xuống làm việc ở Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian này Ngài có hay sáng tạo thơ văn và viết nhiều tác phẩm cổ động khuyến học và kết hợp được một phong trào thanh niên cấp tiến lục tỉnh miền Nam.

Năm Ất Mão (1915) Ngài được chuyển ra ngoài Trung Kỳ làm việc tại Hưng Thạnh, Qui Nhơn. Trong thời gian này Ngài lấy bút hiệu là Ái Dân. Ngài thường giao tiếp với các nhân sĩ từ Bình Thuận cho đến Quảng Trị, Ngài cùng những người bạn mở lớp học đêm để xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí. Ngài cũng có tham gia nhiều tờ báo và thành lập Văn Đoàn Thi Xã ở miền Trung với mục đích lấy văn học làm đất chiêu hiền đãi sĩ.

Trong thời gian làm việc ở đây, vì tánh tình hào phóng nên Ngài hay trả tiền cho một ông lão hay uống cà phê chung quán với Ngài. Vì chút cảm tình ấy, ông lão đã truyền đạt võ nghệ của mình cho Ngài. Vốn trong suy nghĩ Ngài đã để tâm đến tiếng đồn về võ nghệ Bình Định đã lâu, nay mới có dịp lãnh hội thực tế.

Đến năm Canh Thân (1920) Ngài được chuyển về lại Sài Gòn. Ở đây Ngài có tham dự vào các chương trình truyền giáo của học phái Thiên Lâm Phật giáo và chương

trình Thần học Thiên Chúa Giáo. Ngài cũng có tham gia vào các phong trào Cần Vương, sử dụng ngòi bút để thể hiện tinh thần dân tộc trên các mặt báo yêu nước lúc bấy giờ. Ngài cùng với những người bạn yêu thích thi văn, như Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức,... thành lập hội Thi Xã Miền Nam.

Lúc bấy giờ, một người bạn tên là Trần Thành Chương cho Ngài biết rằng có một gia đình nghèo khổ, có hai đứa con gái bị tú bà gạt gẫm bán cho lầu xanh. Nghe vậy Ngài mới rủ người bạn là Cao Quỳnh Cư cùng nhau góp hết số tiền đã dành dụm được để giúp đỡ cho họ thoát khỏi cảnh nhơ nhớp. Ông Cư là chiết ngươn linh của Hớn Chung Ly trong hàng Bát Tiên. Một số để cho họ về quê, một số tác hợp với mấy người trai làm nghề khuân vác nghèo mà chưa vợ, rồi giúp vốn cho họ làm ăn. Vì đó mà bà tú bị mất nhân viên nên lầu xanh cũng ngưng hoạt động. Nhưng rồi sau đó mấy mục ấy cũng không chịu bỏ nghề, họ đi kiếm tìm đâu hồng biết, đem về số mới lại xinh đẹp hơn nữa. Ngài mới nói:

“Tưởng đâu mà mình làm vậy là hết, họ biết là xấu, có số vốn rồi thì tìm phương tiện mà sinh kế. Nào dè bốn cũ soạn lại, mà còn soạn qui mô hơn nữa chớ.”

Ngài có một nỗi băng khoảng là tâm Đạo để giải thoát. Giải thoát cho bản thân, rồi giải thoát cho cả dân tộc cũng như là cả nhân loại. Ngài nhận thấy rằng nước Việt Nam ta không tinh thần đạo giáo nên khó lập thành chánh giới, vì không có căn bản tinh thần đạo đức mà phải chịu thiệt thòi. Vì có đó làm cho Ngài đau khổ, khổ não tinh thần mà tìm hiểu coi sắc dân ta có đạo hay chẳng. Hại thay! Ở trước mắt ta nào là bóng chàng, đồng cốt, ông tà, ông địa làm cho nhơ nhục cái tinh thần đạo giáo khiến cho Ngài mang một nỗi niềm uất ức.

HỒI THỨ BA: XÂY BÀN, PHẠM CÔNG TẮC GẶP THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

TRONG TÌNH HÌNH XÃ HỘI VIỆT NAM LÚC BẤY GIỜ, ĐẤT NƯỚC ĐANG CHỊU DƯỚI SỰ ĐÔ HỘ CỦA THỰC dân Pháp. Theo Hòa ước Giáp Thân (1884) hay còn gọi là Hòa ước Patenôtre thì người Pháp không có quyền can thiệp vào việc nội trị của nước Việt Nam, nhưng đại diện Pháp luôn tìm cách lấn quyền triều đình Huế. Dần về sau Vua Việt Nam không còn một chút thực quyền nào ngoài việc tế tự Trời Đất và lễ miếu, mọi việc trong nước đều do người Pháp quyết định mà đứng đầu là viên Toàn Quyền.

Văn hóa cũng bị ảnh hưởng sâu rộng từ phương Tây, chính quyền Pháp cho mở trường Pháp Việt dạy chữ quốc ngữ, do dễ học mà cũng lại đủ khả năng diễn đạt tư tưởng một cách dễ dàng nên số người theo Tây học tăng nhanh, sự ảnh hưởng của nền Hán học cũng vì đó mà giảm dần. Tuy vậy, những lĩnh vực khác như thi văn, âm nhạc vẫn còn giữ được tầm ảnh hưởng riêng.

Trong sự du nhập của nền văn hóa ngoại bang, đặc biệt nhất là phải kể đến phong trào Thần Linh Học, dùng cách xây bàn để giao tiếp với cõi vô hình.

Phong trào Thần Linh Học của nhân loại khởi xuất từ Hoa Kỳ vào nửa đầu thế kỷ 18 tại thành phố New York, rồi sau đó lan truyền qua Anh, Pháp, và Đức, tạo nên một phong trào có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ. Khi Pháp xâm lược nước ta vào năm 1858, thì phong trào này sau đó cũng theo du nhập vào Việt Nam.

Lúc bấy giờ, 3 ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang có quen biết ông Đại Úy Paul Monet, là một hội viên của Hội Thần Linh Học Pháp. Ba ông nhờ ông Monet ngồi đồng để làm sao thông công nói chuyện được với các Đấng Chơn linh vô hình. Việc này làm cho các ông rất lấy làm thú vị. Đặc biệt là ông Cư đã có một lần tận mắt chứng kiến việc thông công với các Đấng vô hình, nên ông luôn nuôi nấng ước vọng được liên lạc với thế giới vô hình.

Trong giới nghiên cứu Thần Linh Học có đủ hạng người, và cũng có rất nhiều người là thi sĩ lừng danh trong Hội Thi Xã. Ông Cao Quỳnh Cư vốn là người gốc Tây Ninh, xuống làm việc tại Sở Hỏa Xa, Sài Gòn. Ông Cư mượn phố ở tại số 134 đường Bourdais và một người cháu là ông Cao Hoài Sang, cũng làm việc tại Sở Thương Chánh cùng với ông Phạm Công Tắc. Ông Sang là chiết ngươn linh của Lữ Đồng Tân trong hàng Bát Tiên. Ba người đều là hội viên của Hội Thi Xã, cũng rất thân thiết với nhau, thường đêm nào cũng hội hiệp, khi đờn lúc ngâm thi tiêu diêu với phú phong lưu tài tử.

Vào ngày mùng 4 tháng 6 năm Ất Sửu (1925), 3 ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, cùng vài người bạn nữa trong Hội Thi Xã đến nhà ông Cao Quỳnh Diêu, là anh ruột của ông Cư, rủ ông Diêu qua nhà ông Sang chơi ở phố Hàng Dừa, đường Arras gần chợ Thái Bình, Sài Gòn. Lúc ấy, con ông Diêu là Cao Quỳnh Đức thấy mới hỏi cho biết mấy ông đi đâu thì ông Sang trả lời là:

“*Đi sai bàn.*”

Cao Quỳnh Đức mới hỏi:

“*Sai bàn là chi?*”

Ông Sang trả lời:

“Là cầu các linh hồn về nói chuyện chơi.”

Nghe vậy, Cao Quỳnh Đức cũng lấy làm lạ mà đi theo coi làm thế nào cho biết.

Đoạn mấy ông đều kêu xe kéo vô nhà ông Sang rồi vây nhau xung quanh một cái bàn tròn 3 chún để nơi trước hàng ba, lại có chưng bình bông tươi tốt và đốt nhang, sắp đặt trên một cái bàn nhỏ để vừa vách kế đó. Chừng mấy ông kêu:

“Lặng lặng định thần.”

Thì mỗi người đều để 2 tay úp lên mặt bàn, ngồi im.

Giây lâu, cái bàn nghiêng qua bên ông Cư, ông Cư cứ tưởng là do ông Tác phá nên rầy và biểu dừng xô, cứ ngồi cho tịnh.

Bàn lại ngã qua phía ông Diêu, ông Diêu cũng cho là nội bọn phá nên lại rầy nữa.

Cách một chập coi bộ mấy ông mỗi tay nên thầy đều tan ra nghĩ hết, coi trông mấy ông chưa ai thạo việc ấy cả, cứ cãi nhau hoài. Kẻ nói vậy người luận khác, phân phân bất nhứt.

Khi ấy ông Sang mới nói với mấy ông rằng:

“Mình cứ tịnh tâm, ngồi im điem, chừng nào có vong nhập thì chắc là họ gõ chơn bàn nghe cắc cắc chỗ gì.”

Nghe đến đó ai nấy cũng làm dùn mình.

Đến khi vây nhau lại nữa, ông Cư ngồi xếp bằng trên ghế tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn mà đưng cẳng, nên cả thầy đều rút chơn lên. Người thì chồm hồm, người xếp bằng.

Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt. Phần thì muỗi chít chơn, hễ thò tay xuống gáy thì lại động làm cho cái bàn không yên tịnh, lớp lại buồn ngủ. Ông Cư lại suy nghĩ rồi luận rằng:

“Thế khi chúng ta để trong nhà nên các hồn ma không dám vào. Vậy khiêng bàn ra ngoài trời trông trải họa may họ mới nhập đặng.”

Đoạn mấy ông hè huội áp nhau khiêng bàn ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dõ lên để xuống làm cho mấy ông rầy nhau rồi cười hoài. Gặp lúc khuya trời tối, muỗi lại cắn hơn nữa. Mấy ông chịu ã hết nổi mới đành dẹp nghỉ, nhưng hẹn tối mai sẽ hiệp nhau làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu rồi từ giã nhau ra về.

Qua đến đêm mai gặp nhằm thứ bảy, lối 9 giờ, thầy đều tựu đến đủ mặt, cũng sửa soạn như bữa trước rồi vây nhau lại ngồi chung quanh để tay úp trên mặt bàn. Nhưng nay ông Cư có dặn mọi người là phải xè bàn tay ra, 2 ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại rồi ngón tay út của người khác làm cho có thể các bàn tay liền nhau trọn cái vòng bàn. Mấy ông đều nghe theo.

Tịnh một chập, bàn dõ lên cao ngã vào góc tường, rúi cho ông Tắc ngồi phía trong kẹt, làm cho ông Tắc tưởng rằng ông Sang đang ngồi đối diện cố ý muốn cợt chơi, nên ông Tắc la um sùm là:

“Sang! Sang! Đừng phá máy, chơi giống gì kỳ quá, mắc kẹt tao sao máy! Ráng ngồi tử tế coi mà!”

Ai nấy thấy vậy đều cười rộ lên. Mặt bàn nghiêng lại như cũ. Ông Cư thấy vậy liền năn nỉ mấy ông xin đừng giỡn, để ý ráng làm cho tận tâm coi thế nào cho biết.

Khi nghe ông Cư nói vậy, cả thầy đều ngồi lẳng lặng. Ông Cư thường hay có tánh giả ngộ, hễ nghe bàn cục kịch lại trợn mắt ngó mấy ông kia, làm ai nấy cũng có vẻ sờ sợ xong rồi rấp nhau cười rộ lên nữa.

Làm như vậy đã trót vài giờ mà bàn cũng cứ dõ lên để

xuống mái. Mà hễ thấy vậy thì mấy ông lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chừng tịnh lẩn nầy cả thầy ngồi im điềm, thoát nhiên bàn đỡ lên gõ lia gõ lịa. Mấy ông cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng cả thầy đều để để thật lòng mà thử cho hết sức nên không xô đẩy chi, ấy là bàn điều động tự nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kể lại nghe rần rần trong người. Trong cơn mấy ông hỏi nhau thì bàn dứt gõ, nhưng cũng còn linh chình dường như có sự sống vậy.

Chừng nghi rằng có vong nhập, thầy đều kinh tâm. Mấy ông lui đụi không biết phương chi mà thông đồng với vong dạng.

Lúc ấy ông Cư mới liền dặn mọi người để như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn mà làm xao động, e vì vong xuất ngoại. Dứt lời, ông Cư mới nói với vong rằng:

“Xin khoan đi, để cho hỏi ít lời. Bây giờ chưa kiểm dạng thế nào cho hiểu nhau thì duy cứ gõ 2, nghĩa là ‘Ừ, chịu, có’ hoặc ‘phải’, còn gõ 1 là ‘Không’ hay là ‘chẳng phải’.”

Vong tiếp gõ 2, tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn ông Cư liền ngụ ý rồi nói với vong như vậy:

“Ta hiểu theo đây thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi muốn trả lời lại, cứ tùy theo vẫn Alphabet quốc ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót rồi bắt đầu trở lại mà nối chữ khác. Xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu dây thép vậy.”

Vong liền gõ 2, nghĩa là “Đồng ý”.

Hiểu nhau rồi, bàn gõ, ông Cư khởi đọc.

Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết 20 mấy chữ cái mà bàn cũng còn

gỗ mãi. Tức mình ông Cư mới cắt nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, mà lại cũng thương mấy ông vì muốn thẩu đảo nên ráng chịu khó đến cùng.

May sao lối mỗn hơi rồi, ông Cư đọc từ A, Ẫ, Ậ, B, C, D, Đ,... tới chữ L thì dứt gỗ. Ông Cư dặn ông Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ ghép lại. Đoạn bạn gỗ tiếp quận thứ nhì. Ông Cư cũng đọc từ A, Ẫ, Ậ, B, C, D, Đ,... cho đến chữ Ừ bàn ngừng lại rồi cũng cứ nối điệu theo như trước, cho đến khi ráp lại đặng mấy chữ này:

“L Ư O N G C A O Q U Y N H”

Đó là Cao Quỳnh Lượng, tên người con của ông Điều đã qua đời cách đây vài năm.

Khi tiếp đặng mấy chữ ấy rồi thì mấy ông hơn hờ vui cười. Dứt tiếng, ông Cư suy nghĩ rồi nói rằng:

“*Như phải là Cao Quỳnh Lượng thì chắc biết mấy người ngồi đây, vậy cứ nói tên mỗi người coi có trùng chằng?*”

Ông Cư vừa dứt lời thì bàn gỗ, chững ráp nguyên chữ thì thành ra mấy chữ thế này:

“D I Ê U”

“C U”

“T Ặ C”

“S A N G”

“Đ U C”

“T H Ậ N”

“N G U Y Ê N”

Thấy đều rõ cười lên, còn cái bàn thì hồng lên một chùng lắc qua lắc lại dường như cũng cười theo vậy. Khi ấy, ông Điều mới tiếp hỏi Lượng rằng:

“Con có ở hầu ông nội chăng?”

Bàn gõ trả lời:

“Có.”

Ông Diêu tiếp:

“Mời ông nội đến đây, tiện không?”

Bàn gõ trả lời:

“Đặng.”

Dứt lời thì bàn đỡ lên rồi để xuống, không còn điều động như khi nãy nữa. Lúc ấy ông Tắc mới nói là:

“Bộ khi nó đi rồi.”

Nghe vậy mấy ông đều dang ra nghỉ hết. Chừng ấy, trông coi mấy ông, ông nào cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông Diêu và ông Cư. Cũng bởi từ ấu chí trưởng 2 người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi nên chẳng tin là có hồn. Nay lại thấy điều lạ kỳ như vậy thì 2 người ngồi nhìn nhau, tình hình như cánh cửa của sự bí mật đã dần hé mở cho mấy ông thấy đặng.

Cách nửa giờ cả thầy vậy nhau ngồi để tay lên cũng tịnh như trước, kỳ nầy trông mấy ông có màu kiêng dè không dám cười giỡn nữa.

Đoạn bàn gõ, ông Cư cũng đọc chữ rồi ráp lại được như vậy:

“CAO QUỲNH TUÂN”

Cao Quỳnh Tuân là tên thân sinh của ông Diêu và ông Cư. Sau đó cả thầy đều đứng dậy xá rồi ngồi xuống. Ông Diêu hỏi sơ ít điều đã qua rồi, kể ông Cư mới tiếp nói rằng:

“Vi buổi thầy quá vắng anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đôi anh của con đã trọng còn không nhớ đặng hình ảnh của

thầy, huống chi là con còn nhỏ quá. Duy buổi lớn khôn nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp này cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để rọi truyền ngày sau cho con cháu làm kỷ niệm.”

Bàn gõ tỏ ý khứng chịu rồi liền tiếp đánh nhịp rập lại được bài thơ như vậy:

*“Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp,
Tình thương câu dặn gắng tâm đời.
Bên màng đòi lúc trêu hôn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thanh thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.”*

Khi làm đến câu chuyển thì cả thầy đều nao lòng rưng rưng nước mắt, chùng qua câu kể thì ông Điều, ông Cư, và ông Tác đều vùng khóc lớn lên một lượt làm mấy ông kia với ông Sang cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó đầu cũng gần 2 giờ sáng, lối xóm nghe khóc rùm lên vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái thì họ đứng coi một hồi nhưng không hiểu chi rồi cũng đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài rồi thì ông Cao Quỳnh Tuân tiếp thêm mấy chữ:

“Thầy xin kiếu.”

Ông Cư vội nói:

“Thưa thầy, ngày mai con nấu mâm cơm cúng thầy, kính thỉnh thầy về chứng lòng thảo của chúng con.”

Ông Tuân gõ bàn tỏ ý chấp thuận. Đoạn bàn đỡ lên cao rồi để xuống nhẹ hều không còn hơi động đũa như trước nữa. Mấy ông mới nói:

“Đi rồi, đi rồi.”

Khi ấy mấy ông mới xúm nhau đem vô đèn chếp mỗi người một bản coi đi coi lại rồi trầm trồ khen mãi.

Ông Cao Quỳnh Tuân qui vị lúc 53 tuổi. Ông là Chơn linh Xuất Bộ Tinh Quân giáng trần.

Hôm mùng 6 tháng 8 năm Bính Dần (1926), sau khi Chí Tôn giáng cơ dạy việc xong có nói:

“Thầy sẽ cho Xuất Bộ Tinh Quân đến nhập cơ.”

Kể đó Thầy thăng rồi mấy ông tái cầu, ông có giáng cơ nói với mấy ông như vậy:

“CAO QUỲNH TUÂN

Mừng mấy con và mấy cháu.

Điều! Từ đây thầy lấy làm vui mà thấy con dựng đẽ bước vào đường Thánh Đạo. Vậy hãy ráng tu hạnh hầu phục hồi cựu vị.

Thầy rất vui thấy Cú và con đã đem tấm nhiệt thành mà cứu độ như sanh khỏi dòng khổ hải. Ấy cũng là số phận rất may mắn của linh Ngọc Hoàng đã định cho con và Cú, Tắc, Sang.

Vậy thầy có mấy lời thiết yếu cùng con sau đây:

*Cựu vị ngày xưa đã có rồi,
Đường về chớ bỏ há con ôi.
Công trình chớ nệ xây nền Đạo,
Phước mỏng đâu hay bởi tứ Trời.
Đức trước hưởng rồi tua trả đức,
Ngôi sau gìn ắt dựng an ngôi.
Từ đây son sắc vì sanh chúng,
Cảnh tịnh mai sau cũng dựng ngôi.*

Thầy đã an lòng cho con và Cư, còn Đức, An, Thân, thì có lệnh Thượng Đế định phần cho chúng nó. Lượng từ đây phải ở nơi Lôi Âm Tự châu Phật Như Lai và nghe lệnh, chừng có lệnh Thượng Đế đòi sai trấn thì nó sẽ về cùng con đặng. Thầy kiếu mấy con.”

Qua hôm sau mấy ông cũng hẹn nhau lúc 8 giờ tối tại nhà ông Sang để xây bàn nữa. Kỳ này mấy ông sắp đặt coi bộ chỉnh tề hơn, có một bàn nhỏ kế bên đặt hương, đăng, hoa, trà, quả.

Đúng 9 giờ tối, cuộc xây bàn bắt đầu. Bốn ông: Diêu, Cư, Tắc, Sang và 2 người con của ông Diêu là Đức và Thân cũng ngồi vào đặt 2 bàn tay úp xuống mặt bàn như đêm xây bàn vừa rồi.

Tịnh thần một lát thì bàn lay chuyển một cách uyển chuyển nhẹ nhàng, bàn liền gõ, ráp lại thành mấy chữ:

“THAC VITINH”

Nghe “*thác vì tinh*” thì ai nấy đều rớn óc hết.

Ông Cư hỏi:

“Đàn ông hay đàn bà?”

Bàn gõ trả lời:

“Đoàn Ngọc Quế, con gái.”

Ông Cư bèn xin một bài thi tự thuật. Vong liền gõ bàn cho bài thi như vậy:

*“Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn Xuân uống sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủ nợ xuống Tuyên Đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,*

*Tơ tóc thôi rời nghĩ trúc mai.
Đồn dập tương tư oằn một gánh,
Nội mình tâm sự tỏ cùng ai?”*

Sau khi tiếp được bài thi Đường luật như vậy thì mấy ông rất phục thi tài của người gõ bàn, nhưng nghe có điều gì đó bí ẩn. Không lẽ một vong linh bình thường mà làm được bài thi kiệt tác như vậy sao? Nghĩ vậy nên ông Cử hỏi:

“Cô bị bệnh gì mà thác?”

Bàn gõ trả lời:

“Sanh trưởng tại Chợ Lớn, con một, thác vì tình năm 19 tuổi.”

Ông Cử thấy cô làm thi hay quá nên mời cô thường đến để xướng họa thi văn. Cô Quế gõ bàn trả lời bằng lòng và sau đó xuất khỏi bàn. Buổi xây bàn này kết quả rất tốt đẹp. Mấy ông hết nghi ngờ và tin tưởng rõ rệt là có các linh hồn nơi thế giới vô hình.

Bài thi của cô Quế quá hay, mấy ông cứ trầm trồ mãi rồi mấy ông đem đờn ra, một ông ngâm bài thi, mấy ông còn lại hòa đờn theo rồi cùng nhau mượn chung rượu đây vui trong lúc tàn canh để gợi niềm hoài cảm. Mấy ông có họa lại bài thi của cô Quế như vậy:

Bài họa của ông Tắc:

*“Ngẩn bút hòa thi tử phận ai,
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh còn dương thế,
Oan nặng ngàn Thu xuống dạ đài.
Để thảm Xuân đường như ác xế,
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hèm gì chưa rõ đầu đuôi thế,*

Ngẩn bút hòa thi tủi phận ai.”

Bài họa của ông Cừ:

*“Rằng liễu khóc oanh có mấy ai,
Mộ người quốc sắc đấng thiên tài.
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các,
Xót bạn tri âm cõi dạ đài.
Ngàn dặm hoa trôi sâu cụm nước,
Một mô cỏ loáng ủ nhành mai.
Cửu tuyền hôn Quế linh xin chứng,
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai.”*

Bài họa vận của ông Sang:

*“Nửa chừng Xuân gãy tủi phận ai,
Nông nổi nghĩ thôi tiếc bấy tài.
Ngọc thốt dăm bì trang tuần kiệt,
Vàng rơi riêng chạnh khách Chương đài.
Những ngờ duyên thắm trao phòng Bích,
Hay nổi xương tàn xử giậu mai.
Một dải đồng tâm bao thuở nối,
Nửa chừng Xuân gãy tủi phận ai.”*

Đây nói sơ lược về thơ Đường luật và các thể thức họa thi thơ Đường luật.

Thơ Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể xuất hiện từ thời Đường khoảng năm 618–907 bên Trung Hoa. Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau:

1. Luật
2. Vận
3. Đối

4. Niêm

5. Và bố cục

Về hình thức, thơ Đường luật có các dạng chính như:

- Thất ngôn bát cú: 8 câu, mỗi câu 7 chữ
- Thất ngôn tứ tuyệt: 4 câu, mỗi câu 7 chữ

Trong đó dạng thứ nhất được sử dụng nhiều nhất. Bên cạnh đó còn có các biến thể như:

- Ngũ ngôn tứ tuyệt: 4 câu, mỗi câu 5 chữ
- Ngũ ngôn bát cú: 8 câu, mỗi câu 5 chữ
- Về **luật** thì có 2 luật: Luật bằng và luật trắc, là cách sắp đặt tiếng bằng và tiếng trắc trong các câu của bài thơ. Luật nhất định buộc người làm thơ phải theo đúng mà đặt.

Trong tiếng Việt, luật bằng là bao gồm các chữ có thanh huyền và thanh ngang (không dấu); luật trắc bao gồm các chữ có thanh sắc, hỏi, ngã, nặng.

Trong 1 câu, chữ thứ hai và chữ thứ sáu phải giống nhau về thanh điệu, chữ thứ tư phải khác chữ thứ hai và sáu. Ví dụ nếu chữ thứ hai và sáu là thanh bằng thì chữ thứ tư phải là thanh trắc, hay ngược lại. Nếu không theo quy luật này thì gọi là thất luật.

Ví dụ:

<i>N</i>	<i>m</i>	<i>t</i>	<i>s</i>	<i>t</i>	<i>c</i>	<i>a</i> ?
1	2	3	4	5	6	7

Nếu chữ thứ hai và thứ sáu của câu đầu tiên trong bài thơ là thanh bằng thì gọi là luật bằng. Ngược lại, nếu là trắc thì gọi là luật trắc.

Ví dụ 1 bài thơ Đường luật sử dụng luật bằng, dạng thất ngôn bát cú thì quy luật như sau:

Các chữ để trống là tự do, không bắt buộc là thanh gì, còn lại là bắt buộc:

Chữ thứ	1	2	3	4	5	6	7
Câu 1	[tự do] <i>Nội</i>	Bằng <i>minh</i>	[tự do] <i>tâm</i>	Trắc <i>sự</i>	[tự do] <i>tỏ</i>	Bằng <i>cùng</i>	Bằng-vân <i>ai?</i>
Câu 2	[tự do] <i>Mạng</i>	Trắc <i>bạc</i>	[tự do] <i>còn</i>	Bằng <i>xuân</i>	[tự do] <i>uống</i>	Trắc <i>sắc</i>	Bằng-vân <i>tài.</i>
Câu 3	[tự do] <i>Những</i>	Trắc <i>ngõ</i>	[tự do] <i>trao</i>	Bằng <i>duyên</i>	[tự do] <i>vào</i>	Trắc <i>ngọc</i>	Trắc <i>các,</i>
Câu 4	[tự do] <i>Nào</i>	Bằng <i>dè</i>	[tự do] <i>phủi</i>	Trắc <i>nợ</i>	[tự do] <i>xuống</i>	Bằng <i>tuyên</i>	Bằng-vân <i>đài</i>
Câu 5	[tự do] <i>Dương</i>	Bằng <i>sinh</i>	[tự do] <i>cam</i>	Trắc <i>lỗi</i>	[tự do] <i>tình</i>	Bằng <i>sông</i>	Trắc <i>núi</i>
Câu 6	[tự do] <i>Tơ</i>	Trắc <i>tóc</i>	[tự do] <i>thôi</i>	Bằng <i>rồi</i>	[tự do] <i>nghĩa</i>	Trắc <i>trúc</i>	Bằng-vân <i>mai</i>
Câu 7	[tự do] <i>Đôn</i>	Trắc <i>dập</i>	[tự do] <i>tương</i>	Bằng <i>tư</i>	[tự do] <i>oản</i>	Trắc <i>một</i>	Trắc <i>Gánh</i>
Câu 8	[tự do] <i>Nội</i>	Bằng <i>minh</i>	[tự do] <i>tâm</i>	Trắc <i>sự</i>	[tự do] <i>tỏ</i>	Bằng <i>cùng</i>	Bằng-vân <i>ai?</i>

- Về **vân** thì cách gieo vân như thế này, có tất cả 5 vân gieo ở cuối câu 1, 2, 4, 6, 8, và thường dùng vân bằng, rất hiếm dùng vân trắc. Nếu suốt bài thơ chỉ gieo 1 vân gọi là độc vân.
- Về **đối** thì được hiểu nôm na là sự tương phản về ý nghĩa cả từ đơn, hay từ kép cũng vậy, hoặc là sự tương đương lẫn nhau. Có nhiều phép đối, ví dụ như:
 - Đối chữ: danh từ đối danh từ, động từ đối động từ,...
 - Đối cảnh: trên đối dưới, cảnh động đối cảnh tĩnh,...

Những câu phải đối trong 1 bài thơ bát cú là câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6. Nếu không đối thì bị gọi là thất đối.

Ví dụ:

*Riêng vui Nguyệt chiếu sắc trong ao,
Đền ngọc từng khi để bước vào.
Rảnh hững trăm hoa khoe đánh ngựa,
Nhàn vầy mấy bạn dự Bàn Đào.
Đò đời rảo gót non sông lướt,
Cứu thế dìu nhân đạo đức trau.
Chờ buổi tuần hườn Thiên Địa trở,
Nương gương Thần huệ một vừng cao.*

■ LỮ ĐỘNG TÂN

- Về **niêm** nghĩa là giữa các cặp câu quy định, **chữ thứ hai** và **thứ tư** của câu dưới phải giống câu trên. Hoặc là cả 2 câu đều là 2 chữ bằng, hoặc là 2 chữ trắc thì gọi là niêm. Ngược lại không giống nhau gọi là thất niêm. Các câu quy định đó là 1-8, 2-3, 4-5, 6-7. Ví dụ:

• Câu 1: Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?

• Câu 8: Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?

• Câu 2: Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.

• Câu 3: Những ngỡ trao duyên vào ngọc các,

• Câu 4: Nào dè phải nợ xuố ng tuyên đài.

• Câu 5: Dưỡng sinh cam lối tình sông núi,

• Câu 6: Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.

• Câu 7: Đồn dập tương tư oản một gánh,

- Về **bố cục** của bài thơ thì đối với dạng thất ngôn bát cú người ta ví nó như một bức tranh trong một cái khung

nhứt định, 8 câu 56 chữ, vẽ thể nào để thành một bức tranh hoàn toàn thì vẽ. Trong đó gồm có:

- Đề thì câu 1 gọi là **phá đề**, là câu mở bài, nói lung động cả ý nghĩa trong bài và câu 2 gọi là **thừa đề**, là câu nối với câu phá ở trên.
- Câu 3 và 4 gọi là **thực trạng**, là giải thích đầu bài cho rõ ràng.
- Câu 5 và 6 gọi là **luận**, là bàn bạc về vấn đề đã nêu.
- Câu 7 và 8 gọi là **kết**, là tóm ý nghĩa cả bài.

Còn về **phép họa**, thì thể thơ Đường luật có đại loại những phép họa như: họa hạn vận, họa phóng vận.

- Trong **họa phóng vận** lại có nhiều loại như: họa nguyên vận, họa đảo vận, họa hoán vận, họa tá vận.
- **Họa hạn vận** nghĩa là phải theo sự định trước, người ta ra một cái đề cho mình vẫn nào thì mình phải dùng vẫn ấy để làm 1 bài thơ. Phép họa này khác với họa phóng vận là họa hạn vận không có bài xướng để dựa theo đó mà họa, mà họa hạn vận phải diễn tả ý theo đầu đề đã ra sẵn, và dùng đúng 5 vẫn hạn định cho 8 câu và phải hạ vẫn đúng theo thứ tự đã hạn định.

Ví dụ: Chuyện kể, năm 1926 ông thi sĩ Đào Sĩ Nhã có đến thăm gia đình họ Phan ở Hưng Yên, sẵn dịp ông Nhã thách ông Phan Mạnh Danh làm một bài thơ với đề như sau:

- Đầu đề ra là: Xuân khuê
- Hạn định 5 vẫn là: chờ, hờ, thừa, tơ, thơ
- Phải dùng 19 chữ: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, trăm, ngàn, vạn, đôi, cặp, nửa, trượng, thước, tấc.

Ông Danh làm bài thơ như vậy:

“*Một mong hai đợi bốn ba chờ,
Mười hẹn đêm Trăng tám hững hờ.
Nửa gói năm canh gà gáy giục,
Tấc mây sáu cánh nhận tin thưa.
Trăm lần cặp mắt đôi hàng lệ,
Chín khúc bên lòng vạn mối tơ.
Ngàn trượng thành sâu đo thước khó,
Biếng đem bảy vẻ dệt nên thơ.”*

Còn **họa phóng vận** thì có 4 kiểu như sau:

- Họa nguyên vận là họa đúng 5 vần của bài xướng và gieo vần cũng theo thứ tự của bài xướng luôn.
- Họa đảo vận là họa ngược lại thứ tự 5 vần từ dưới lên thay vì họa nguyên vận từ trên xuống.
- Họa hoán vận là thay đổi thứ tự vị trí các vần của bài xướng tùy ý.
- Họa tá vận là mượn vần của bài xướng để làm 1 bài thơ khác tùy ý người làm, cách này được nhiều người sử dụng vì dễ làm hơn.

Ví dụ, họa nguyên vận:

Bài xướng:

“*Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giáng phàm gian?
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.”*

■ YẾT MA LUẬT

Bài họa:

“*Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùn Tiên Phật giáng phàm gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,*

Chính thật ta đây Đấng Ngọc Hoàng.”

■ CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Qua đêm hôm sau 3 ông Điều, Tắc, Cư cũng hẹn nhau tới nhà ông Sang để tiếp tục xây bàn. Mấy ông vừa ngồi vào chuẩn bị xây bàn thì có 3 ông khách quen thân vào tới, đó là: Vương Hồng Sễn, Đoàn Ngọc Quế, Nguyễn Văn Xuân. Ông Sễn và ông Xuân làm thơ ký tập sự chung một sở trường máy, đường Đỗ Huy Vi, ông Quế thì lớn tuổi hơn, làm Thông Phán ở Phòng Nhì dinh Thượng Thơ. Ba ông đi xe kéo tới nơi liền xin vào thí nghiệm xây bàn, nên bắt ghế ngồi quanh bàn chung với mấy ông, thành ra có tất cả 7 người ngồi giáp chung quanh bàn, các bàn tay úp xuống bàn đặt khít nhau.

Ngôi tịnh thân hồi lâu bàn bắt đầu chuyển động, 3 cây nhang rung rung như báo cho biết có vong nhập bàn. Đồng hồ lúc đó cũng vừa điểm đúng 9 giờ tối. Bàn gõ xưng tên là:

“Đoàn Ngọc Quế, tiểu thơ.”

Tên cô tiểu thơ trùng tên với ông Đoàn Ngọc Quế đang ngồi xây bàn, ông Quế liền hỏi:

“Chẳng hay trong nhóm hôm nay có người nào trùng danh tánh trùng tự với tiểu thơ chẳng?”

Cái bàn liền nghiêng qua phía ông Quế rồi gõ mạnh một tiếng “cộp”.

Ông Sễn liền hỏi:

“Nội trong bọn có người nào mới lạ chẳng?”

Cái bàn liền gõ trả lời:

“Có.”

Rồi gõ tên người lạ đó là “SỄN”.

Bàn gõ khoan thai yếu điệu quả là tánh nết của một tiểu

thơ khuê các. Khi nào không muốn trả lời câu hỏi của mấy ông thì bàn nghiêng nghiêng qua một bên nhưng không gõ, 3 cây nhang rung rung như không đồng tình. Lần lần hỏi đến gia đạo của cô và cô đau bịnh chi thì được cô gõ bàn cho bài thi này:

*“Trời già đành đoạn nợ ba sinh,
Bèo nước xẻ hai một gánh tình.
Mấy bữa nhăn mày lâm chúc qui,
Khiến ôm mối thâm lại Diêm Đình.”*

Đoạn đến đây cũng đã khuya, 3 ông khách xin kiếu ra về. Ba ông đã chính mắt thấy tai nghe và cũng đã trực tiếp tham gia vào xây bàn nên không còn điều gì để nghi ngờ là chuyện huyền hoặc nữa. Các ông tin chắc có linh hồn nơi cõi vô hình.

Sau khi 3 vị khách ra về, 4 ông Diêu, Cư, Tắc, Sang tiếp tục xây bàn để câu hỏi cô Quế thì bàn tiếp gõ cho bài thi này:

*“Người thì ngọc mã với kim đàn,
Quên kẻ dạ dài nổi thâm mang.
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.”*

Ông Cư hỏi:

“Hỏi còn tại thế cô ở đâu?”

Cô Quế gõ bàn trả lời:

“Ở Chợ Lớn.”

Ông Cư hỏi:

“Học trường nào?”

Cô Quế trả lời:

“Học trường đâm.”

Câu chuyện xây bàn của mấy ông làm cho các giới văn nhân tài tử nghe đến đều thích thú. Từ bữa có bài thi của ông Cao Quỳnh Tuân và sự xuất hiện của cô Đoàn Ngọc Quế rất giỏi thi văn làm cho các ông rất phấn khởi và muốn tìm hiểu thêm những bí mật của thế giới vô hình.

Kể từ đó, ban ngày mấy ông đi làm, khi đêm về đều qui tụ nơi nhà ông Sang để tổ chức xây bàn với mục đích ban đầu chỉ là để tiêu khiển hay làm thỏa mãn tính hiếu kỳ đối với thế giới vô hình thôi.

Ông Cư nhận thấy đã xây bàn nơi nhà ông Sang nhiều đêm rồi, cũng làm phiên gia chủ không ít nên mời quý ông đêm sau qua nhà ông để tiếp tục xây bàn mời cô Quế về làm thi.

Qua đêm sau, theo lời mời của ông Cư thì đêm nay mấy ông tựu tập ở nhà ông Cư, số 134 đường Bourdais, Sài Gòn. Tại đây, ông Cư dùng chiếc bàn vuông 4 chân, chiều 1 chân cho cao hơn tý để lác qua lác lại dễ dàng chỉ cần gõ nhẹ lên gạch là phát ra tiếng. Ông Diêu bữa nay bận việc nên vắng mặt, chỉ có 3 ông Cư, Tắc, Sang mà thôi.

Cô Quế giảng bàn để lời chào mừng 3 ông, rồi đàm luận một hồi 3 ông xin kết làm anh em thi hữu với cô. Cô gõ bàn tỏ ý bằng lòng và nhận:

Ông Cư làm trưởng ca, Ông Tắc làm nhị ca, Ông Sang làm tam ca, Còn cô xưng là tứ muội.

Kết nghĩa anh em như vậy rồi 3 ông mới gạn hỏi:

“Tên thiệt của tứ muội là chi, mấy anh em qua muốn tứ muội đừng giấu giếm.”

Nài nỉ mãi cuối cùng cô gõ bàn cho 3 chữ cái:

“U T L”

Ba ông hỏi đến mồ mã của cô ở đâu? Cô cũng chỉ rõ cho 3 ông biết để hết điều ngờ vực, hiện ngôi mộ của cô ở khu vườn Bà Lớn. Bà Lớn là bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương.

Đến sáng hôm sau nhằm ngày Chủ Nhật, nên 3 ông Cư, Tắc, Sang được nghỉ làm, mới sắm sửa nhang đèn quả phẩm đi tìm viếng mộ của cô Quế trong vườn Bà Lớn, ở Ngã Bảy, gần Phú Thọ.

Quả nhiên đúng theo lời chỉ dẫn của cô, 3 ông tìm thấy ngôi mộ của cô xây gạch rất đẹp, nhà mồ có bia in hình cô hồi còn trẻ trung, dung nhan xinh đẹp, phía dưới đề tên “*Vương Thị Lễ*” đúng với 3 chữ cái mà cô cho. Ba ông vừa mừng vừa cảm động, mới bày biện nhang đèn quả phẩm ra rồi khấn vái vong hồn của cô, và mời về nhà nhập bàn trò chuyện. Ba ông cũng có ý thử xem ban ngày vong có dám về nhập bàn không?

Đây nói thêm vài nét về thân thế của cô Đoàn Ngọc Quế.

Cô Đoàn Ngọc Quế tên thật là Vương Thị Lễ, sinh ngày mùng 8 tháng 1 năm Canh Tý (1900) tại Chợ Lớn, mất ngày 25 tháng 10 năm Mậu Ngọ (1918). Thân phụ là Vương Quang Trân, anh ruột của ông Vương Quang Kỳ. Cô có nhiều kiếp sanh ở quả địa cầu này, mà 2 kiếp gần nhất là một kiếp cô sanh ở Trung Hoa, là một nàng công chúa. Trong triều lúc bấy giờ có một vị quan nhỏ để lòng mến mộ cô, nhưng vì tục lệ thời ấy khiến 2 người không kết duyên giai ngẫu được nên đành hẹn kiếp lai sinh.

Chẳng may cô vẫn số, mới vừa ở tuổi cập kê nhưng bị bệnh qua đời làm cho chàng viên quan nợ ôm chắc mối tình tuyệt vọng, dần dần bệnh và cũng qua đời. Hồn anh ta bay về cõi Thiêng liêng. Theo luật Thiên điều dù vô tình hay cố tình cô cũng có liên quan với oan hồn của người này nên cô

phải tái kiếp một lần nữa để trả mối oan tình. Đây cũng là căn duyên của kiếp sanh nầy của cô ở Việt Nam.

Kiếp sanh lần này cô sinh vào gia đình họ Vương danh gia vọng tộc, bỗng nhiên cô mắc phải bệnh ngặt nghèo, chạy đủ thuốc thang mà không hết. Thân mẫu cô mới truyền rao ai cứu được cô sẽ gả cho người ấy. Lúc đó có một bác sĩ Tây y học ở Hà Nội mới được bổ nhiệm về Sài Gòn rồi gia đình có rước đến chữa bệnh cho cô. Khi gặp anh bác sĩ nầy cô biết vị lương y nầy là chàng viên quan mà kiếp trước đã có duyên nợ với nhau, vì nợ ba sinh nên hai người cùng đầu kiếp để trả nghĩa vợ chồng. Sau đó người bác sĩ này chữa hết bệnh cho cô, thân sinh của cô đồng ý gả cô cho người bác sĩ nầy. Cuộc hôn nhân coi như đã được định. Chính vì vậy nên sau đó cô trở bệnh nặng rồi qua đời. Mối oan tình giờ đây đã giải xong dù chỉ một lời nói thôi cũng đủ.

Chơn linh của cô là Thất Nương Điều Trì Cung, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này nhiệm vụ của cô là độ dẫn linh hồn người tín đồ Cao Đài giữ đúng pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ lên từng trời Hạo Nhiên Thiên, như được nói trong bài Kinh Đệ Thất Cửu:

*“Nhẹ phơi phơi dôi dào không khí,
Hạo Nhiên Thiên đã chỉ môn quan.*

*Đẹp xinh cảnh vật đòi ngàn,
Hào quang chiếu diệu khai đàng thẳng Thiên.*

*Cung Chương Pháp xây quyền Tạo-Hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.*

*Dà Lạm dẫn nẻo Tây Lui,
Kìm chung mở lối kịp kỳ kỳ sen.*

*Động Phổ Hiền Thân Tiên hội hiệp,
Dở Kìm Cô đưa tiếp Lĩnh Quang.*

*Im lìm kìa côi Niết Bàn,
Lôi Âm trống thúc lên đàn thượng Thiên.”*

■ THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG.

Bên cạnh đó, cô còn giúp đỡ Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nữ hồn thất thế nơi côi Âm Quang như đã nói trong một đàn cơ như vậy:

“Thưa cùng mấy chị, em xin nhắc nhở điều này, ngày hội Ngọc Hư đặng lo phương tiếp pháp của Tây Phương Cực Lạc qua, em đã đặng nghe thấy những lời của Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: Ngài là Phật nên khó gấn gửi các hồn Nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê đồ. Bởi có nơi Âm Quang nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn Nam bội phần. Em lại nghe Người ước rằng, chó chi có một Đấng Nữ Tiên dám dẫm đường đến phổ tế mới mong tận độ chư vong của Phong Đô thoát kiếp, em mới để dạ lo lường cả lòng lân ái đến đó. Em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sâu thâm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hồn có bề dễ tránh khỏi cửa Âm Quang hãm tội.”

Thăm mộ của cô xong 3 ông trở về, tới nhà cũng vừa lúc 9 giờ, liền đem bàn ra để cầu cô Quế. Cô giáng bàn, xác nhận đó là ngôi mộ của cô và cảm ơn 3 ông về sự thăm viếng ấy. Mấy ông đều lấy làm cảm kích và phấn khởi trong việc xây bàn, thấy được cái bí mật vô hình mà ít ai được biết đến.

Tiếng đồn cô Vương Thị Lễ giáng cơ được loan truyền đi khắp nơi, khiến cho gia đình thân nhân của cô tìm đến tận nhà ông Cư để được dự đàn, làm mấy ông không thể từ chối. Trong buổi xây bàn bữa đó có 2 vị khách lạ tự xưng là người thân của cô Lễ. Khi cô giáng bàn thì ông Cư hỏi:

“Tứ muội có biết 2 ông khách lạ này là ai không?”

Cô mới gõ bàn trả lời:

“Đào Nguyên lạc lối buổi vong Hưng.”

Hai ông khách lạ này tên là Võ Văn Nguyên và Lâm Duy Hưng. Khi nghe đúng tên mình họ liền đốt nhang khẩn nguyện và đáp lại rằng:

“Đốt nén hương xin tỏ Lễ mừng.”

“Lễ” là tên thật của cô. Cô gõ bàn tiếp:

“Tri kỷ còn nhiều ngày gặp gỡ.”

Hai ông tiếp:

“Chạnh lòng nhớ đến buổi thanh xuân.”

Sau đó ít lâu, ông Vương Quang Trân là thân phụ của cô Quế cũng đến hầu đàn, xin mấy ông giúp cho được nói chuyện với con của mình.

Trong buổi xây bàn hôm đó, cô giáng bàn mừng cha và gõ bài thi như vậy:

“Xin mừng phụ thân, phụ thân đứng dậy.

Cúi lạy thân sinh thứ lỗi con,

Âm dương tuy cách hiếu tâm còn.

Hồn quê năm níu tình non nước,

Phách quế náo nương dạ sắc son.

Ác lạng Tây đoài, già nhớ trẻ,

Nguyệt tâm non Thái, dạ thon von.

Thấy nhau thêm tủi đường ly hiệp,

Đá nát xương tan nghĩa mặn nồng.

Thân hiếu đã cam lỗi phận con,

Tình thương non nước vững bền còn,

Sông Ngân buồn đượm màu xanh lẻo,

Biển Bắc thăm pha sắc lợt son.

Điều lạc một phương trời nhỏ lụy,

*Nhạn tâm nễ phẩm đất hao mòn.
Chân mây nhẩn tiếng sầu dài dẫn,
Thân phụ xin thương thứ lỗi con.”*

Bữa nọ khi mấy ông xây bàn thì có cô Quế giảng nói chuyện. Ông Sang mới hỏi là:

“Tứ muội còn chị em nào biết làm thi xin mời giùm vé để họa thi cho vui.”

Cô Quế gõ bàn trả lời:

“Có chị Hồn Liên Bạch làm thi hay lắm, vậy xin chờ em một chút.”

Lát sau bàn chuyển động, cô Quế giới thiệu cô Hồn Liên Bạch. Ông Sang có ý hồ nghi cô Quế nói gạt mình nên nói nửa đùa nửa thật:

“Xin để tôi ra đề cho cô bạn mới làm thơ.”

Ông Sang liền ra đề: *“Tiển Biệt Tình Lang”*.

Bàn liền uyển chuyển gõ mà không ngừng nghỉ gì cả, khi ráp lại thành chữ thì được một bài thi như thế này:

*“Chia gương căn dặn buổi trường đình,
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
Bước rẽ ngùi trông cơn Ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối Trăng thanh.
Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,
Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.
Mờ mặt non Vu ngơ ngẩn luống,
Dặm dâu cách bức nghĩa dâu khinh.”*

■ HỒN LIÊN BẠCH

Rồi sau đó cô Bạch xin đổi 2 câu chót là:

“Lần lựa cô phòng Xuân thỏn môn,

Xa xôi ai thấu nỗi đình ninh.”

Ông Sang xin cô làm tiếp một bài nữa lấy nhan đề là: “*Hoài Lang*”. Bàn liền gõ ra bài thi sau đây:

*“Động Đình nhớ buổi tạm chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
Trời thăm mây giăng muôn cụm ủ,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cờ thần chạnh lúc vầy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.
Mượn vận, lương nhân xin nhẩn nhủ,
Vườn xưa tiếng nhận luống kêu sương.”*

■ HỒN LIÊN BẠCH”

Trong một buổi xây bàn, mấy ông kiểm nhớ những bạn tác nào lúc còn sanh tiền biết làm thi mà mời về đặng thử nữa. Đoạn ông Cư mới nhớ đến ông Huỳnh Thiên Kiều đã mất cách đây khá lâu mà lúc còn sống ông làm việc tại sở Tuần Thành, bỏ vào dinh Đốc lý Sài Gòn, coi về sở Patentes. Ông Kiều là một nhà thơ nổi tiếng, hiệu là Quý Cao.

Ông Cư vái ông Quý Cao về xưởng họa thi văn. Lát sau, ông Quý Cao gõ bàn, xin họa bài thi “*Tiền biệt tình lang*” của cô Bạch như vậy:

*“Ình ình trống giục thăm trường đình,
Đau nỗi chia phôi một chữ tình.
Hồng nhận đưa tin trông vắng dạng,
Phụng lâu gác quyển đợi hòa bình.
Vừng Trăng xế nửa lưng tròn ngó,
Một mảnh gương treo biếng mắt nhìn.
Kẻ ở phương trời người góc biển,
Lòng thành nhắn gửi chữ khương ninh.”*

■ QUÍ CAO”

Sau đó ông Quý Cao gõ bàn tiếp:

*“Nhấn nhủ mấy anh một ít lời,
Làng mây hôn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nổi hiếu chưa rồi đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót xáy,
Buồn trông cảnh cũ dạ bời bời.
Ai về gởi lại tình sông núi,
Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.*

■ QUÍ CAO”

Một hôm ông Sang có tâm sự nên đề một bài thi tự thán có ý than thân trách phận như vậy:

*“Sầu dài ngày vẫn dễ chi vui,
Toan tính thâu đêm ruột rối nùi.
Ngược gió thuyền đầy cơn gió dập,
Xuôi dòng nước lớn giạt bèo trôi.
Bước đường danh lợi thêm gay trở,
Ngánh lối tang thương luống ngậm ngùi.
Lặn lưa Xuân Hè năm tháng lụn,
Thôi thôi đến thế, thế thì thôi.”*

Ông Sang đem bài thi này cho mấy ông trong nhóm xây bàn cùng coi rồi họa lại chơi. Sẵn dịp xây bàn cũng câu cô Quế họa nữa. Cô Quế giáng bàn họa vận lại:

*“Chung tình đoạn gánh khó làm vui,
Lặn gờ chưa xong chỉ rối nùi.
Lời hẹn xưa còn vắng Nguyệt chứng,
Hương thể nay thả giữa dòng trôi.
Kim rời cải rụng lòng ngao ngán,
Đá nát vàng phai dạ ngậm ngùi.*

*Một khối tuyến đài tình khó dứt,
Ráp gương kiếp khác quyết chờ thôi.”*

■ ĐOÀN NGỌC QUẾ

Sau đó có ông Cao Hoài Ân là thân phụ của ông Sang giảng bàn nói chuyện.

Ông Diêu có thưa như vậy:

“Săn dịp anh về đây nhằm lúc Sang làm một bài thi tự thán, cậy mấy anh em tôi họa. Vậy anh họa chơi luôn thể. Anh cứ việc đề thi dạy nó thế nào thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ Thứ mà lâu nay làng thi chịu phục là: voi, mò, còi, roi, thôi mà làm.”

Dứt lời thì mấy ông được ông Ân gõ bàn cho bài thi họa như sau:

*“Thuyền khơi gió ngược khá nường voi,
Vận thối hâu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rở,
Rừng tòng buổi trước một cây còi.
Hồng nường dậm gió chi sờn cánh,
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.
Nín nầm chờ qua cơn bĩ cực,
Thìn lòng chúng có lượng đôi thôi.”*

■ CAO HOÀI AN

Sau khi tiếp được bài thi mấy ông đều trầm trồ khen ngợi. Được biết, ông Cao Hoài Ân là chơn linh Xuyên Quan Tư Bộ giảng trần.

Vận thơ Từ Thứ là các vận “voi, mò, còi, roi, thôi” nằm trong bài thơ “*Từ Thứ Qui Tào*” của Tôn Thọ Tường đặt ra. Từ Thứ tự là Nguyễn Trực làm Quân Sư cho Lưu Bị trước khi Lưu Bị gặp Khổng Minh thời Tam Quốc, sau vì mắc kế của Trình Dục đành vì chữ hiếu mà đầu Tào Tháo rồi giới

thiệu Khổng Minh cho Lưu Bị. Sau này, vào ngày 18 tháng 10 năm Quý Dậu (1933), ông có giảng cơ như vậy:

**“TỪ THƯ
HUYỀN ĐẠO (CHƠN QUÂN)**

Chào chư vị Đại Thiên phong.

Bản tăng rất cảm tình trọng tiếp. Cười...

Hay dở của đời thường rằng do tài năng. Bản tăng thấy rõ trước sau cũng thế, ấy sự tự nhiên thế đạo hành tàng.

Bản tăng nhớ đến cảnh tình lúc hạ sanh gặp đời Tam Qu ốc, cả tài tình, cả trí thức, cả quảng kiếp, cả đa văn, đáng lẽ bản tăng đủ phương tế thế, chẳng phải không hiểu mà quên câu trung hiếu cho đồng, những cuộc trở cách oan gia, vì một ơn báo bỏ sanh thành, đành chôn lấp tấm hùng anh tạo thế.

Bản tăng thử hỏi, đã hơn mười kiếp tái sanh đoạt đến phẩm Chơn Quân mà cái dở ấy ngày nay còn để thẹn. Cũng chẳng vì Hôn mà phụ Tào, song tại thất thời không trở vận.

Thưa Hộ Pháp, cả Hội Thánh Đại Đạo của Chí Tôn ngày nay cũng vậy. Bản tăng tưởng gương trước để gián sau. Chẳng như đạo nhân biết dựng toàn nhưn sanh là trọng mà khinh thế cuộc vô thường, nói cho cùng, dầu phải phải sạch đạo nhưn luân, nạp thân vào cửa Thánh cũng đành, có đâu bước lùi bước sụt, lỡ dở Đạo đời thì mong chi xây thế cuộc.

Cười... Chín e ngày kia họ sẽ lưu hận y như bản tăng mà chớ.

Nếu Ngài để hết dạ thương, cảm ngon đức Thiêng liêng diu dẫn, thì xin quyết định buộc từng Đạo phở đời, thì là Ngài tạo Thiên đường cho họ đó.

Xin nghe thi:

Căn quả nhưn luân trả khó cùng,

Đừng vì hiếu nghĩa phở tâm trung.

*Ven mây đã thấy đường ngân hải,
Đưa truyện chớ quen núp bóng mừng.
Ngựa tứ rãnh chơn chơi cảnh trí,
Hạc đồng khỏ cánh hứng thanh phong.
Trường công quả ấy không thường gặp,
Cửa Võ Thiêng Liêng gắng vẫy vùng.*

Cười... xin Hộ Pháp và Tiếp Thế truyền lời ước vọng của bản tăng đây cho toàn chức sắc Thiên phong của Hội Thánh thì có lẽ bổ ích tâm tình đôi chút. Đa tạ! Đa tạ!

Xin chư hiền huynh và chư hiền tỷ ráng để ý triêm nghiệm bài Thánh Ngôn này, ngõ hầu giúp thêm tinh thần và chẳng còn sụt sè về mặt phổ tế nhưn sanh nữa.”

Vài ngày sau, ông Nguyễn Trung Hậu hiệu là Thuần Đức, nguyên trước là thi hữu với thi sĩ Quý Cao, nghe tin ông bạn giảng bàn làm thi nơi nhà ông Cử có ý không tin nên muốn đến tìm hiểu thực hư ra sao cho biết. Mấy ông thỉnh bàn ra, đốt nhang vái ông Quý Cao rồi ngồi đặt tay lên bàn. Tịnh tâm một chốc thì bàn bắt đầu chuyển động. Ông Quý Cao gõ bàn cho 4 câu thi này:

*“Ấm dương tuy cách cũng chung trời,
Sinh tịch đời người có bấy thôi.
Chén rượu đồng tâm nghiêng ngửa đổ,
Thương nhau nhả nhủ một đôi lời.*

■ *QUÍ CAO*”

Ông Hậu thoát đầu cũng còn bán tín bán nghi rồi nói:

“Tôi sẵn có 1 bài thi đem theo đây xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại cho vui.”

Ông Quý Cao gõ bàn trả lời tỏ ý ứng chịu. Bài thi của ông Hậu như vậy:

“*Mấy năm vùng vẫy cũng tay không,
Nào khác chiêm bao một giấc nông.
Cử nắng tuần mưa dày dạn mặt,
Môi danh bả lợi ngắn ngơ lòng.
Ngày qua thỏn mồn Xuân Thu đập,
Giương rạng phui pha cát bụi lồng.
Chừ gặp cố nhân lời ướm hỏi,
Hỏi ra cho biết nẻo cùng thông.”*

■ NGUYỄN TRUNG HẬU

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một mạch không ngừng nghỉ chút nào cả.

“*Một tiếng u minh gióng cửa không,
Phồn hoa giục tỉnh giấc đương nông.
Ngôi thuyền bát nhã qua tình biển,
Mượn nước hành dương rưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh lùng lẫn gió lọt,
Đường đời ngán ngấm bụi trần lồng.
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên đạo,
Oan trái phui rồi phép Phật thông.”*

■ QUÍ CAO

Sau đó ông Hậu mới tin và không nghi ngờ nữa.

Trong buổi xây bàn khác, ông Cư có nói với mấy ông Tắc, Sang và các bạn trong nhóm xây bàn rằng:

“*Bình sanh tôi lấy làm phục thi văn Lý Bạch, nay chúng ta xin cầu Ngài hỏi ý thi.”*

Sau đó mấy ông khẩn cầu Lý Bạch và được giảng bàn gõ cho bài thi này:

“*Đường trào hạ thế hưởng tam quan,
Chẳng quản công danh chỉ vị nhàn.*

*Ly rượu trăm thi lời vẫn nhắc,
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thơ văn đồ chứa chan.
Bông Đào còn mơ ngày bút múa,
Tả tình thế sự, vẽ giang san.*

■ *LÝ BẠCH*”

Sau đó mấy ông còn cầu thi hào Đỗ Phủ về trao đổi thi phú. Ông Đỗ Phủ giảng bàn gõ cho bài thi họa vận lại bài của Lý Bạch như vậy:

*“Chẳng nề công khanh bỏ ấn quan,
Bông-Lại riêng thú hưởng thanh nhàn.
Thi Thần vui vịnh ngoài rừng trước,
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.
Nắng Hạ trời thương dương gió quạt,
Nông Thu đất cảm đồ mưa chan.
Vân du thế giới vui màu đạo,
Sớm đạo Kỳ san, tối Cẩm san.*

■ *ĐỖ PHỦ*”

Lý Bạch là một nhà thơ danh tiếng nhất thời thịnh Đường, ông được tôn là Thi Tiên. Chơn linh của ông là Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này ông được Chí Tôn giao phó cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đại diện cho Tiên Giáo và sau nầy khi ông Ngô Văn Chiêu, vốn được chỉ định làm Giáo Tông, không vượt qua cơn khảo thì ông kiêm nhiệm thêm chức Giáo Tông.

Còn Đỗ Phủ là một nhà thơ nổi bật thời nhà Đường cũng cùng thời với ông Lý Bạch. Ông cùng với Lý Bạch được xem là 2 nhà thơ vĩ đại nhất lịch sử Trung Hoa.

HỒI THỨ TƯ:
XÂY BÀN GẶP ĐĂNG A.Ã.Ã. PHẠM CÔNG TẮC LẦN
ĐẦU PHỒ CƠ

HÀO ĐÊM RẼM THÁNG 7 NĂM ẤT SỬU (1925), NHÓM XÂY BÀN CỦA MẤY ÔNG CŨNG TỔ CHỨC XÂY BÀN như mọi khi thì có một người giáng bàn gõ 3 tiếng, hễ gõ 1 là A, gõ 2 là Ã, gõ 3 là Ầ. Người nầy chỉ gõ 3 tiếng rồi ngưng, mấy ông hỏi nữa thì không trả lời gì hết. Ông Cư mới nói:

“À chịu tên A-Ã-Ầ rồi!”

Xong rồi người đó có gõ bàn cho bài thi như vậy:

*“Ớt cay cay ớt gãm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lúi đi chơi nên tập lại,
Ấn bòn chẳng chịu tập theo ai.”*

Đoạn ông Tắc mới bảo với ông Cư rằng:

“Thôi đi anh, ai đâu mà nói tiếng gì khó nghe quá, sao lại không có tên xưng là A-Ã-Ầ.”

Ông Cư mới nói với ông Tắc:

“Ấy, em ngồi lại cho qua hỏi, vị nầy không phải tâm thường đâu em.”

Ông Cư hỏi người gõ bàn:

“Ủầy chớ ông bao nhiêu tuổi?”

Ông gõ bàn viết mãi, không biết bao nhiêu trăm, rồi ngàn, rồi muôn mà còn viết nữa. Ông Cư thấy vậy mới hỏi:

“Sao ông cả triệu tuổi vậy?”

Thật ra ông A-Ã-Ầ chính là Đức Chí Tôn. Chí Tôn đến

gỗ bàn 3 cái ý là muốn xưng danh là “Tam”, 3 cái tức là số 3, mà số 3 tức là Càn Khôn vũ trụ định thể, số thiêng liêng tạo vạn vật vậy.

Ông A-Ã-Ã gõ cho bài thi như vậy:

*“Đời hiệp lẫn nhau nữ chẳng thương,
Thương đời nên mới đến đem đường.
Đường dài vó ngựa tua bên sức,
Sức yếu lòng người khó để gương.
Gương đạo noi theo đường Thuấn Đế,
Đế dân vẹn giữ lối Văn Vương.
Vương hầu lê thứ ai là chí,
Chí quyết làm cho thế khác thường.”*

Mấy ông mới hỏi vậy chớ ông A-Ã-Ã ở đâu, thì ông A-Ã-Ã gõ bàn trả lời bằng bài thi này:

*“Trời trời mình không mới thiệt bản,
Một nhành sen trắng nấu nương thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ bước nhờ con hạc trắng ngần.
Bổ hóa người đời gậy mới Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nên nhân.
Chừng nào đất dẫy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.”*

Ông A-Ã-Ã còn nói:

“Muốn cho Bản đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bản đạo như sau đây:

- Một là đừng tìm hiểu và biết Bản đạo là ai.
- Hai là đừng hỏi quốc sự.
- Ba là đừng hỏi Thiên cơ.”

Từ đó, nhóm của mấy ông xem ông A-Ã-Ã như là một

thi hữu cùng nhau trao đổi phê bình văn học nghệ thuật. Hễ ai giáng gờ cho thi mà chỗ nào không hiểu thì mấy ông đều cầu ông A-Ã-Ã giải nghĩa dùm.

Trong một buổi xây bàn có ông Nguyễn Trung Hậu tham dự, ông A-Ã-Ã có gờ bàn cho ông bài thi như vậy:

*“Thuần văn chất đức rất tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh Tuấn Kiệt,
Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.”*

Cho đến giờ, trong buổi xây bàn hôm ấy chưa ai biết ông Hậu có hiệu là Thuần Đức, vậy mà ông A-Ã-Ã lại biết. Nên sau khi nhận được bài thi thì ông Hậu rất phục ông A-Ã-Ã. Nhưng do không hiểu ý nghĩa câu thơ cuối là gì nên mấy ông có cầu ông A-Ã-Ã giải nghĩa dùm. Ông giải nghĩa như vậy:

*“Cờ Mao, búa Việt là vật binh quyền của Hiền Viên
Huỳnh Đế ban cho Trấn chư hầu dựng quyền chinh phạt. Ngũ
Đế Thương Châu còn dùng:*

*‘Đáng phạt thì phát cờ Mao,
Đáng giết thì ban búa Việt.’*

*Cờ Mao thì màu hồng, trên lá cờ có đề 4 chữ ‘Mao
trừ loạn tặc’.*

Búa Việt trên lưỡi có khắc 4 chữ ‘Việt sát phản thần’.

Ông Hậu bạch với ông A-Ã-Ã rằng:

*“Tôi còn nhớ 2 câu đối thuở nay chưa ai đối được. Xin
đem ra cho Ngài đối chơi.”*

Ông A-Ã-Ã đáp:

*“Bản đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối không chứng quý vị
chớ cười và niệm tình Bản đạo mà chắn chính lại cho.”*

Ông Hậu ra đối:

“Ngồi yên ngựa đừng bò con nghé.”

Ông A-Ã-Ã đối lại:

“Cỡi lưng trâu chó khi thằng tẻ.”

Ông Hậu ra đối:

“Ngựa chạy mang lạc.”

Ông A-Ã-Ã đối:

“Cò bay le bè.”

Tất cả thi sĩ có mặt trong buổi xây bàn hôm đó đều hết sức hững hờ và phục tài thi phú của ông A-Ã-Ã, đối đáp tuyệt diệu. Ông Trương Hữu Đức và thi sĩ Bồng Dinh mới nói:

“Đây chỉ có Tiên nhân mới đáp nổi chứ chúng tôi thì chịu.”

Thi sĩ Bồng Dinh bạch với ông A-Ã-Ã rằng:

“Trong Kiều có câu:

‘Sửa sang niếp tử xe châu,

Ừì nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.’

Chẳng hay niếp tử xe châu là gì? Xin Ngài chỉ giáo.”

Ông A-Ã-Ã đáp rằng:

“Niếp tử là cái rương của thầy Khổng Tử. Xe châu là cái xe của Châu Ươ Vương ngồi đi phật Trụ. Cái rương của thầy Khổng Tử dùng đựng sách vở, tức là văn chương. Người văn sĩ thác rồi thì bao nhiêu học thức văn chương cũng theo xác thịt mà chôn vào quan cữu. Nên Nguyễn Du mới dùng 2 chữ ‘niếp tử’ để gọi cái quan tài của bậc văn chương tài tử là nàng Đạm Tiên.

Vua Châu Ươ Vương ngồi long xa đi phật Trụ tức là gồm thu giang sang nhà Trụ vào đấy. Con người ở đời làm

được bao nhiêu sự nghiệp, khi thác rồi cũng phải tay không thì chẳng khác nào bao nhiêu sự nghiệp tự mình gây dựng ra trong buổi sanh tiền sau khi nhắm mắt rồi, thấy đều thâu vào trong linh xa vậy. Cho nên, Nguyễn Du mới dùng cái xe Châu để gọi cái linh xa của bậc tài tình bạc mạng.”

Tất cả mọi người đều chịu phục luận ngữ văn học của ông A-Ã-Ã. Sau đó mấy ông mới hỏi về ý nghĩa câu thơ trong bài họa của Quý Cao hôm nọ là:

“Ngồi thuyền Bát nhã qua tình biển.”

Ông A-Ã-Ã giải nghĩa cho mấy ông như vậy:

“Bát nhã Ba la mật là Phật độ vong hồn qua khỏi biển khổ đặng đến Tây Phương, vì trước khi đến Tây Phương phải qua một cái biển khổ, biển tình là cái biển khổ. Tình là oan oan, oan oan là khổ, và tiếp theo chữ ‘**phồn hoa**’ trong thơ của Quý Cao như sau:

Phồn nghĩa là trong vòng,

Hoa là sắc dục.

Phồn hoa có nghĩa là trong vòng sắc dục. Do đó giấc phồn hoa tức là giấc phàm.”

Cách ít lâu nhóm xây bàn của mấy ông có gặp cô Hớn Liên Bạch, cô có dẫn đến giới thiệu với mấy ông một người xin ra mắt. Nhân dịp tiết thu nên mấy ông xin cô cho một bài thi. Cô giảng bàn gō cho bài thi tựa là “*Bi Thu*” như vậy:

“*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,*

Mờ mệt vườn đào điểm sắc Thu.

Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,

Sương lộng ướt đất liêu đeo châu.

Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,

Thỏ ngọc trau gương dậm về lầu.

*Nón nước điều hiu Xuân vắng Chứa,
Nhìn hoa cảnh ủa giục cơn sầu.*

■ LỤC NGƯƠng KINH HIẾN.”

Dứt bài, cô lại gõ bàn cho bài điệu động đình như sau:

*“Đầm ảm cảnh trời mai Ấc lỗ,
Thơ thời đưa thuyền khổ khách chèo,
Nhấp nhô lượn sóng khỏe lèo,
Luông Đông gió tạt cánh bèo ngưng sông.
Một chiếc quạnh bóng hồng nháng ngọn,
Mây doanh non tuyết đóng nhành thung,
Về Nam đổ cánh rừng tòng,
Ngút xem tủa áng cây đông khóa rèm.
Đường xúm xít chị em ruỗi bước,
Dắt dìu nhau kẻ trước người sau,
Tìm nơi hứng giọt mưa dâu,
Để cơn khao khát khoe màu phù dung.
Đờn nhả khách năm cung nhật trời,
Vệt mây đen gió thổi chiều hôm.
Quang Ấm ngày tháng dập dờn,
Ngừa khi trẻ bước hoàng hôn trở đường.
Đường muôn dặm khách đơn thân,
Mượn bóng Trăng lầu bước vẹn chân.
Khóa kín song thu trau hạnh đức,
Chờ khi đạo trọn đến non Thần.
Nón Thần tiếng hạc châu vang đánh,
Chờ rước người ngay chánh tìm đường,
Mơ màng chưa tỉnh huyền lương,*

Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.”

■ LỤC NƯƠNG

Nghe xong bài thi động đình này mấy ông khen tặng chẳng cùng. Sau đó mấy ông có câu ông A-Ã-Ã giải nghĩa dùm 2 câu thơ trong bài “*Bi thu*” của cô Lục Nương. Hai câu đó là:

*“Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương dậm về lầu.”*

Ông A-Ã-Ã giải nghĩa cho mấy ông như vậy:

“Trường quang ánh sáng mặt trời.

*Kim Mã, Ngọc Thố: Kim Mã: Ngựa vàng là mặt trời.
Ngọc Thố: Thỏ ngọc là mặt trăng.*

Thi văn lựa hai thú ấy mà chỉ mặt Trời và mặt Trăng, vì hai thú ấy chạy mau, con này rượt con kia, hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày, chỉ là ngày giờ qua mau rất lạ. Thi văn cũng dùng Kim Mã quá song, chỉ ngày giờ qua rất mau lạ.”

Đến lối thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), có cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn dạy mấy ông về Điều Trì Cung là trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có 9 vị Tiên Cô. Phần cô đứng về Thất Nương, cô Hớn Liên Bạch là Bát Nương và có cho mấy ông biết tên các vị còn lại nữa.

Khi ấy ông Sang mới nói:

“Cô là Tiên, chúng tôi là phàm, vì không biết nên mới nhận cô làm tứ muội, xin cô tha lỗi.”

Cô Quế mới trả lời là:

“Sau này khi ngộ Đạo, Thiên Phẩm của ba anh còn cao hơn em nhiều. Chừng đó sợ em không xứng đáng làm tứ muội của ba anh.”

Ông Cư bèn xin cô chiếu cố dạy cách nào cầu lĩnh Kim

Mẫu đến đặng. Khi ấy cô Quế mới nói với mấy ông:

“Ba anh muốn cầu thì phải ăn chay trước ba ngày và cầu vào đêm Trung Thu, phải có Ngọc Cơ cầu mới đặng.”

Mấy ông nghe nói đến Ngọc Cơ nhưng chẳng hiểu là cái chi, ông Cư mới xin cô chỉ dạy. Khi ấy cô Quế mới tả hình dáng Ngọc Cơ, dẫn giải rõ căn cội là lấy hình chùm sao Bắc Đẩu tạo thành, rồi còn dạy cho mấy ông cách phò Ngọc cơ, biểu mấy ông mỗi người làm sẵn một bài thi mừng trước nữa.

Đang trong lúc mấy ông còn phân vân không biết chạy tìm Ngọc Cơ nơi nào thì dịp may lúc bấy giờ có ông Phán Phan Văn Tý quê quán ở Thủ Dầu Một, làm việc ở sở Trường Tiên, là người theo đàn Minh Thiện Thủ Dầu Một vốn là bạn cũ của ông Cư và ở gần nhà ông Cư tại đường Bourdais, Sài Gòn. Ông Phán Tý qua lại chơi nhà ông Cư có thấy mấy ông Cư, Tắc, Sang xây bàn cầu Tiên được một bài văn thì lâu quá, nhưng ông chưa dám nói. Mãi đến khi ông Cư qua nhà nói có ý muốn cầu bằng Ngọc Cơ nhưng chưa có, ông Phán Tý liền cho biết ông đang có một cây Ngọc Cơ, để ông lấy cho mượn.

Ông Phán Tý liền đi đến ông Âu Kích, tức là Âu Kiệt Lâm pháp danh Âu Minh Chánh ở chùa Minh Lý, đường Douamont để đòi lại Ngọc Cơ mà ông đã cho ông Âu Kích mượn từ lâu để thỉnh kinh. Ông Kích nói:

“Hiện giờ tôi chấp bút được rồi, ít khi dùng đến Ngọc Cơ, xin gởi trả lại ông.”

Ông Phán Tý liền lấy Ngọc Cơ về cho ông Cư mượn.

Vốn dĩ nguồn gốc của cây Ngọc Cơ ông Phán Tý đang có là do ông thỉnh nơi chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một. Ông Trần Hiến Vinh tu ở chùa Hội Khánh thuộc chi Minh Thiện trong ngũ chi Minh Đạo có tạo ra 12 cây Ngọc Cơ.

Ông thân sinh của ông Vinh là một pháp sư rất sành việc cầu cơ thỉnh Tiên. Ông Phán Tý vốn tánh hiếu kỳ nên xin thỉnh 1 cây về nhà. Ấu cũng là cơ duyên để ngày nay có cho ông Cư mượn dùng.

Cây Ngọc Cơ này gồm có một cái giỏ đan bằng trúc, xuyên qua miệng giỏ là một cái cán dài, ở đầu cán có gắn một cọng mây xuyên qua cán làm như cái trục đờn gáo, dùng để cơ viết ra chữ bóng trên mặt bàn. Cái giỏ cơ được bọc vải vàng bên ngoài phủ kín các nang trúc. Ngọc Cơ phải được đặt nơi tinh khiết khô ráo, trước khi cầu cơ phải xông hương khử trừ.

Khi có Ngọc Cơ rồi thì ông Phán Tý mới tập cho ông Cư và Tắc làm đồng tử phò Ngọc Cơ dạng viết ra chữ bóng. Phải tập 2 ngày thì 2 ông mới phò Ngọc Cơ thuần thục.

Đến mấy ngày sau đó ông A-Ã-Ã cũng có giảng bàn dạy mấy ông vào ngày Rằm tới đây thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Tiên Nương. Ông dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi Đăng vô hình, đãi 10 người: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Phần hữu hình có 3 người: ông Cư, ông Tắc, ông Sang. Việc sắp tiệc ấy do bà Hiếu là bạn đời của ông Cư thực hiện. Trên là bàn thờ Phật Mẫu, ở dưới sắp 9 cái ghế cũng như có người ngồi vậy. Chén, đĩa, muống, đĩa, bất kỳ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy. Lúc ấy ông Tắc mới hỏi ông A-Ã-Ã rằng tiệc này là tiệc gì? Ông A-Ã-Ã mới trả lời là “*Hội Yến Diêu Trì*”. Mấy ông nghe vậy thì biết vậy chứ cũng chưa biết giá trị Hội Yến là gì cả.

Đúng ngày Rằm tháng 8, vào chập tối ông Cư đốt hương xông trầm, trang hoàng rất tinh khiết và không tiếp khách tối hôm đó. Ông Cư lên nhang đèn, cả thầy đều quì lạy, khăn vái xong 2 ông Cư, Tắc đem Ngọc Cơ ra cầu, đây cũng là

lần đầu tiên mấy ông chính thức sử dụng Ngọc Cơ để cầu các Đấng.

Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương, tức là Đức Phật Mẫu giáng trước và tiếp theo là Cửu vị Tiên Nương để lời chào mừng mấy ông. Thất Nương, chính là cô Quế hay giáng bàn gõ trò chuyện, mới kêu mấy ông đờn rồi ngâm bài thi mà mỗi người đã làm trước để hiến lễ Đức Phật Mẫu.

Chừng nhập tiệc Thất Nương mời 3 ông ngồi vào bàn cho vui nhưng e thất lễ nên mấy ông không dám, sau bị ép quá nên mới sắp ghế sau 9 cái ghế của các cô, xá rồi ngồi xuống. Bà Hiếu sắp đặt đồ chay sẵn, đi vòng quanh bàn dài gắp đồ ăn vào chén, rồi rót rượu, nước trà đãi giống như đãi người hữu hình vậy.

Cách nửa giờ sau như là mãn tiệc, ông Cư và ông Tác đem Ngọc Cơ ra tái cầu. Lịnh Nương Nương và Chín vị Tiên Cô giáng cơ để lời cảm tạ và nói từ đây có Ngọc Cơ thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy việc. Xong mỗi vị cho một bài thi làm kỷ niệm:

▪ Cửu Thiên Nương Nương

*Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên,
Thiên Thiên cửu phẩm đặc cao huyền.
Huyền hư tác thể Thần Tiên Nữ,
Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên.*

▪ Nhứt Nương

*Hoa Thu ủ như màu thẹn Nguyệt,
Giữa thu ba e tuyết Đông về.
Ngon sông trái cánh Tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.*

▪ Nhị Nương

Cẩm tú văn chương hà khách đạo?

*Thi Thần tửu Thánh vấn thùy nhân?
Tuy mang lấy tiếng hồng quân,
Cảnh Tiên còn mến, côi trần anh thư.*

▪ Tam Nương

*Tuyển đức năng thành đạo,
Quảng trí đặc cao huyền.
Biển mê lắc lẻo con thuyền,
Chở che khách tục, cứu tuyền ngăn sông.*

▪ Tứ Nương

*Gấm lót ngô chưa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa.
Đợi trông nho sĩ tài vừa,
Đường giao khởi phụng khó giữa Tiên thi.*

▪ Ngũ Nương

*Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngân khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.*

▪ Lục Nương

*Huệ ngào ngọt đưa hơi vò dịu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu diêu phát phước, côi tòng đưa Tiên.*

▪ Thất Nương

*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi,
Nhân từ tái thế tử vô ưu.
Ngày Xuân gọi thế hảo cừu,
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

▪ Bát Nương

*Hồ Hồn hoa sen trắng nở ngày,
Càng gần hơi đẹp lại càng say.
Trêu Trăng hằng thối dẫu mây,
Cợt mây tranh chúc Phật đài thêm hoa.*

■ Cửu Nương

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
Chín chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi đạo, Phật Trời cũng thương.*

Cũng trong đêm này, cô Lục Nương có mời mấy ông cùng làm thi liên ngâm.

Cô xướng 2 câu, còn lại thì 3 ông Cử, Tắc, Sang làm.

Lục Nương:

*Trót đã đa mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.*

Cao Quỳnh Cử:

*Oằn vai Thần đạo non sông vác,
Chịu kiếp trần ai gió bụi đời.*

Phạm Công Tắc:

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

Cao Hoài Sang:

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đôi năm dễ khó đời.*

Lục Nương:

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn,
Buồn vui hai lẽ lấy cho đong.*

Cao Quỳnh Cử:

*Cần đai tuế Nguyệt trên hôn bướm,
Tên tuổi phong ba lấm bụi hồng.*

Phạm Công Tắc:

*Chiếc bách đập dòn dòng bích thủy,
Phồn hoa mờ mịt giấc huyền lương.*

Cao Hoài Sang:

*Bờ dương chờ đặng phong trần rãnh,
Quỷ gánh thơ đồn đạo bốn phương.*

Đây nói thêm vài nét về tiểu sử của cô Lục Nương Điều Trì Cung.

Cô Lục Nương Điều Trì Cung từng có kiếp sanh ở nước Pháp, tên là Jeanne D'Arc (1412–1431) tự là Pucelle d'Orléans, một vị nữ anh thư thời bấy giờ. Cô được sanh ra trong một gia đình nông dân ở phía đông nước Pháp.

Năm 1428 cô được 13 tuổi, trong lúc đang chăn cừu ngoài đồng vắng thì có nghe tiếng nói Thiên liêng giục cô phải lo cứu hoàng tử Charles VII, đồng thời cứu nguy cho nước Pháp đang bị nước Anh xâm lăng. Sau đó vài năm cô trở thành một tướng võ trong hàng ngũ quân Pháp. Lúc bấy giờ quân Anh đang vây Orléans. Khi thành sắp mất, bỗng cô xuất hiện cùng với một đội quân tinh nhuệ dũng cảm và đánh bại quân Anh, nhờ đó quân dân Pháp có hy vọng vùng lên và giành độc lập cho Pháp. Sau đó cô rước vua Charles đệ VII về Reims để làm lễ tấn phong năm 1430. Do không chịu được thái độ tham quan ô lại của triều đình phong kiến, nên cô ly khai và tự đem quân giải vây thành Compiegne. Cô bị người Anh bắt giữ, bị giam mục theo phe nước Anh xét xử và bị kết tội là phù thủy. Cô bị hỏa thiêu khi chỉ vừa 19 tuổi. 24 năm sau, Giáo Hoàng cho tra xét lại vụ án và tuyên bố cô vô tội, rồi phong cô là một người tử vì đạo. Năm 1920 Giáo

Hoàng Biển Đức XV chính thức phong Thánh cho cô. Cô có công giải phóng nô lệ, phong kiến, áp bức, xứng danh là một bậc anh thư của Pháp cũng như là cả nhân loại.

Đến năm 1790, cô tái kiếp giáng sanh vào gia đình một vị khâm sai Đại Thần là Hồ Văn Vui tại tỉnh Biên Hòa, Việt Nam tên là Hồ Thị Huệ. Thời ấy vua Nguyễn Ánh và Quang Trung đang tranh giành quyền lực. Đến năm Bính Dần (1805), niên hiệu Gia Long thứ 5, cô được vua Gia Long và hoàng hậu chọn làm phối thất cho thái tử Minh Mạng, đến năm 1807 sanh được con là Triệu Thị, 13 ngày sau cô qua đời. Lúc đó cô được 17 tuổi.

Nơi cõi Thiêng liêng cô Lục Nương có nhiệm vụ cầm phước truy hồn, tiếp dẫn các chơn hồn của tín đồ Cao Đài giữ đúng pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ lên tầng trời Kim Thiên, rồi đưa chơn hồn vào cung Vạn Pháp để xem lại cựu nghiệp của mình, sau đó tiếp tục vào cung Lập Khuyết xem lại ngôi xưa vị cũ, rồi được chim Khổng Tước chở lên đài Huệ Hương khử trừ trước khí để vào cõi Niết Bàn, như được nói trong “*Kinh Độ Lục Cửu*”:

“Bách Y Quan mở đàng rước khách,

Cõi Kim Thiên nhẹ tách Tiên xa.

Vào cung Vạn Pháp xem qua,

Cho tường cựu nghiệp mấy tòa thiên nhiên.

Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự,

Lãnh Kim Sa đặng dự Như Lai.

Minh Vương Khổng Tước cao bay,

Đem Chơn Thân đến tận đài Huệ Hương.

Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể,

Trừ tiêu tà ô uế sinh quang.

Thiên thiếu trời tiếng nhật khoan,

Đưa linh thang đến Niết Bàn mới thôi.”

Trong bài kinh “*Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu*” cũng có câu:

*“Lục Nương phát phườn truy hôn,
Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.”*

Chừng Hội Yến Diêu Trì rồi, các Đăng Thiêng Liêng và các vị ra từ già, kể có ông A-Ã-Ã đến nhập cơ. Ông Cư và ông Tắc mới tọc mạch hỏi:

“Khi này Diêu Trì Cung đến có Ngài đến ở đó không?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Có chứ, Ta ở đây từ khi ban sơ đến giờ.”

Mấy ông hỏi:

“Ngài có thấy Diêu Trì Cung đến không?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Có chứ, chính mình Ta tiếp đãi.”

Ông Cư hỏi:

“Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Không ngó thấy.”

Ông Cư hỏi:

“Sao vậy?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Ta dùng phép ẩn thân.”

Ông Tắc tọc mạch hỏi tiếp:

“Như đứa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì có thể đạt đạo chăng?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Đạt đặng chớ.”

Ông Cư hỏi:

“Phải làm sao?”

Ông A-Ã-Ã trả lời:

“Phải tu, bằng không tu thì chẳng đạt đặng.”

Ông Tác hỏi:

“Tu chừng bao lâu mới đạt đặng?”

Cái đó ông A-Ã-Ã làm thinh không trả lời. Ông Tác hỏi tiếp:

“Một năm? Năm năm? Một ngàn năm? Mười ngàn năm? Một trăm ngàn năm?”

Ông A-Ã-Ã cũng làm thinh, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, mấy ông cũng không biết chừng nào mới đạt đặng, nghe vậy thì hay vậy.

Từ khi mấy ông cầu được các đấng bằng Ngọc Cơ rồi thì thường dùng Ngọc Cơ hơn là xây bàn. Vì phò Ngọc Cơ tiếp chuyện nhanh hơn nhiều so với xây bàn. Còn bên nhà ông Sang thì ông và ông Diêu vẫn cầu các đấng bằng xây bàn như trước giờ vẫn vậy.

HỒI THỨ NĂM: VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO

KỂ TỪ NGÀY RẪM TRUNG THU ĐẾN NAY LÀ ĐÃ CẢ TUẦN TRÔI QUA MÀ MẤY ÔNG KHÔNG CẦU ĐƯỢC ai để nói chuyện. Đến đêm nay mấy ông nhất quyết ngồi trì chí từ 8 giờ tối tới 12 giờ khuya. Rốt cuộc cũng có cô Thất Nương đến, mấy ông hỏi cơ sự vì sao thì được Thất Nương trả lời là vì do không được lệnh nên cả tuần nay không đến thăm được.

Vài bữa sau mấy ông có gặp ông A-Ấ-Ấ, mấy ông cũng hỏi sao lâu rồi không thấy ông đến, ông A-Ấ-Ấ mới trả lời:

“Tôi nói lộ Thiên cơ trên Ngọc Hư Cung bắt tội, xin tam vị đạo hữu cầu trên Ngọc Hư Cung tha tội cho tôi, nếu không lo cầu giùm thì tôi sẽ bị phạt.”

Nghe vậy mấy ông rất lấy làm lo lắng nên qua hôm sau vọng bàn hương án cầu Diêu Trì Cung, ông Cử còn đặt bài thi đọc trước bàn hương án thế này nữa:

*“Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn.
Vì nghĩa A-Ấ-Ấ mang trọng tội,
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.”*

Sau lễ cầu khẩn xin tội cho ông A-Ấ-Ấ, mấy ông đốt bài thi trình lên Thiên liêng. Đêm đó Bát Nương giáng cho biết ông A-Ấ-Ấ rất hài lòng về thiện chí và sự kính mến của mấy ông. Cô còn cho biết thêm chẳng ai dám bắt tội ông A-Ấ-Ấ đâu. Nghe chuyện lạ, mấy ông mới chắt vấn được Bát Nương trả lời rằng vấn đề này sau rồi sẽ rõ. Ý Đức Chí Tôn muốn thử 3 ông.

Đến hạ tuần tháng 10 năm Ất Sửu (1925), có Cửu Thiên Huyền Nữ giáng mách bảo mấy ông rằng:

“Mùng 1 này tam vị đạo hữu vọng Thiên cầu Đạo.”

Bà thăng rồi mấy ông mới họp nhau bàn giải, không hiểu câu Đạo là gì mà Bà dạy. Để cầu hỏi mấy em.

Ngày sau, mấy ông cầu Thất Nương hỏi:

“Thất Nương dạy giùm câu ‘Đạo là gì?’

Thất Nương trả lời:

“Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A-Ấ-Ấ.”

Qua bữa sau nữa có các Đấng giáng về, mấy ông cũng hỏi thì đều được trả lời rằng:

“Không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông A-Ấ-Ấ.”

Đến ngày 30 tháng 10 năm Ất Sửu (1925) có ông A-Ấ-Ấ giáng dạy là:

“Ngày mùng 1 tháng 11 này tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết ra quì giữa trời, cầm 9 cây nhang mà vái rằng: ‘Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đũ phúc lành cho 3 tôi cải tà qui chánh.’”

Đêm hôm sau mấy ông làm đúng như theo lời dạy, sắp một cái bàn vọng nhỏ ngoài sân, 3 ông cầm nhang quì giữa trời bên lễ đường. Lúc đó vào lối 9 giờ tối, Thiên hạ đi chơi về tấp nập thấy chuyện ngộ nghĩnh tấp lại coi cho biết. Bị dòm ngó, tuy mấy ông thấy có hơi nhột nhạt khó chịu cũng bởi vì tấn tuồng dị hợm nhưng vì sợ mạng linh đã được giao nên thi hành. Lúc ấy lại có ông thi sĩ nổi tiếng bậc nhất miền Nam thời ấy cũng đến rồi ngâm thi, ông này rất mê thi phú của Đức Chí Tôn, tới nổi thuộc hết và còn họa lại nữa, càng làm cho Thiên hạ thấy lạ mà bu coi nhiều hơn. Ông Tắc thấy

mắc cỡ nên định gát 2 tay lên bàn, vừa để lên thì bàn gõ nói chuyện. Đêm ấy các Đấng thiêng liêng đến không biết bao nhiêu, đến các vị Giáo Chủ cũng xuống giảng dạy và làm nhiều kiểu lạ lắm.

Đến khi nhang tàn hết rồi thì mấy ông mới vào nhà, đúng thời Tý mấy ông lấy Ngọc Cơ ra cầu Thượng Đế như đã được dạy trước. Đức Thượng Đế giảng nói như vậy:

**“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.**

Muốn được Ta truyền Đạo kể từ bây giờ phải gọi Ta bằng Thầy cho tiện bề đối đãi, và Ta gọi lại các con.

*Vọng niệm phân thù sự sự phi,
Cá lý Thiên tâm thường thể nhĩn.
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu,
Quân vấn Thiên tâm mạc tri tường.
Thiên đàng nhứt thể biến Lợi Âm,
Tận độ nhưn sanh thoát tục phàm.
Chánh Giáo phát khai thiên thể mỹ,
Thâu hồi hiệp nhứt Đạo kỳ tam.”*

Mấy ông không hiểu nên khi Đức Cao Đài thăng rồi mới thỉnh cái bàn ra cầu ông A-Ă-Â giải nghĩa, ông nói như vậy:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế là Trời, viết là dạy rằng, Cao Đài chỉ Nhỏ Giáo, Tiên Ông chỉ Đạo Giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Thích Giáo, giáo Đạo Nam Phương là dạy Đạo ở phương Nam. Đức Cao Đài Thượng Đế muốn nói tam vị chưa đủ đức tin về Ngài nên hỏi gạn lại tam vị phải nghĩ cho thấu.”

Ông A-Ã-Â cho mấy ông bài thi dạy đạo này:

*“Cứ ntu theo chân Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn cội tua xa lánh,
Vịn lấy cành dương hưởng đạo nhàn.”*

Cũng vì có nhiều vị chưa vững đức tin nên ngày mùng 8 tháng 11, cô Lục Nương có giảng giải đáp các thắc mắc cho mấy ông, là sở dĩ chỉ có Thất Nương, Lục Nương, và Bát Nương thường giảng đàn vì các Tiên Nương khác đều có nhiệm vụ riêng. Sau đó cũng có Huệ Mạng Trường Phan vốn là thầy tu trên núi Bà Đen giảng cho thi như vậy:

*“Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vậy,
Nào dè có đặng buổi hôm nay.
Gìn lòng tu niệm cho bền chí,
Bồng Đảo ngày mai đặng hiệp vậy.
Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn,
Chẳng quăn mùi trần thiết với hơn.
Trăm đặng ngàn cay đành một kiếp,
Công hầu vương bá dám đâu hơn.”*

*Xin chú vị gắng tu, thấp thôi như tôi nhờ trọn tin Trời
Phật còn được ân hưởng Huệ Mạng Kim Tiên, hưởng hồ
chơn linh cao trọng như quý vị nếu chịu tu ngày sau phẩm vị
nơi Thiên Đình còn đến mức nào.”*

Qua ngày mùng 9 tháng 11 năm Ất Sửu (1925), nhằm ngày lễ Noel là Chúa giảng sinh bên thái Tây, khi mấy ông phò cơ thì có Thất Nương giảng truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy mấy ông Cư, Tắc, Sang nữa mừng nữa sợ, lật đặt sấm hương đặng hoa trà tửu quả, chỉnh đàn có nghi tiết, rồi 2 ông Cư và Tắc ngồi chấp cơ. Đấng A-Ã-Â giảng nói:

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

viết

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
Giáo Đạo Nam Phương.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng Ấn-Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay phải vui mừng vì là ngày Ta đã xuống trần dạy đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này (nhà của ông Cư) sẽ đầy ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.

Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A-Ấ-Ấ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây các con phải ra giúp Thầy mà khai Đạo. Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dườn nào chưa?

Các con nên bắt chước Thầy trong mấy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức.”

Mấy ngày sau ông A-Ấ-Ấ giảng nói:

“Ba con thương Thầy lắm há?

Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ấ-Ấ như thế nào chưa? Con có thấy thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế nhút như vậy có thể hạ mình bằng A-Ấ-Ấ chẳng?

A-Ấ-Ấ là Thầy.

Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy không?”

Ông Cư mới bạch:

“Thầy nhưn sanh chưa rõ sự huyền diệu của Thầy, họ nói

phạm thượng, 3 con binh vực Thầy, 3 con cải vã với họ.”

“Thầy biết... cười...”

Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.

Sự cao kỳ của Lục Nương, con có bằng mấy mún gì chưa? Học sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Nhất Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học nhân đức của Nhất Nương.

Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.

Phải học tình thân ái, trung tín, cứu giúp của ba con có bằng Cửu Thiên Nương Nương chẳng? Phải học gương.

Sự kính nhường ba con có bằng Cửu Nương chẳng? Phải học.

Hạ ngục tận diệt, Thầy sai Thân, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đũa giỡn với các con để các con vui mà học đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh.”

Do mấy ông lúc bấy giờ chưa rõ mỗi đạo lớn là thế nào và giáo lý ra sao, nên ngày 18 tháng 11 năm Ất Sửu (1926) Đấng Cao Đài Thượng Đế có giảng dạy:

“Cư, Tắc hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dặn hai con một điều nhứt nhứt phải đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy ý tứ riêng mà phán đoán nghe.

Phận sự hai con, trách nhiệm hai con Thầy đã định trước, song ngày giờ chưa đến phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy đạo.”

Đây là mốc thời gian lịch sử trong cuộc đời của mấy ông cũng như đối với nền Đại Đạo, vì từ đây Đức Chí Tôn mới thật sự dạy đạo cho mấy ông. Nhưng hễ gặp điều gì khó khăn do quen với khoảng thời gian trước, mấy ông đều triệu hồi các Đấng Thiêng Liêng nên Đức Chí Tôn có giáng quở rằng:

“Thầy đã nói A-Ă-Â là Thầy, Diêu Trì Cung là cung Diêu Trì, các Thánh đều có quả đó là những Đấng Thầy lựa sai đến dạy dỗ mấy con, đừng triệu thường vì mỗi vị đều có phận sự riêng. Chư Tiên và chư Thánh đều có quả song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều gì học hỏi.”

Việc Đức Cao Đài Thượng Đế giáng cơ lập Đạo, qui Tam Giáo làm cho những bậc trí thức và giới tu sĩ bàn tán rất nhiều. Trong đó có cụ Yết Ma Luật quyết đến đàn cơ thử coi thực hư ra sao cho biết. Cụ viết sẵn một bài thơ bỏ trong túi áo và xin cơ bút họa lại, Đức Chí Tôn họa lại như vậy:

*“Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùn Tiên Phật giáng phạm gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,
Chính thật ta đây Đấng Ngọc Hoàng.”*

■ CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ.”

Nhận được bài thơ họa, ông Yết Ma Luật hết hồn, bái phục và xin theo Đạo rồi đưa bài thi mà ông đã viết cho mọi người coi. Bài thi đó như vậy:

*“Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giáng phạm gian.
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.”*

■ YẾT MA LUẬT

Tuy có dự trong đàn cầu cơ nhưng ông Phan Khắc Sửu vẫn không tin, ông làm một bài thơ rồi đốt mà không khấn

vái gì cả. Cơ đang dạy chư môn đệ thì bỗng ngưng lại rồi họa một bài thơ như vậy:

*“Cơ trời khó tỏ hỡi con ơi,
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.
Bồi luyện môi thơm cam cá chậu,
Ừ ganh tiếng gáy chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,
Đất dấy phong ba cứ vững lòng.
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.”*

■ CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Đến lúc này thì ông Phan Khắc Sửu mới tâm phục khẩu phục và chịu làm đệ tử. Ông cũng có đọc lại bài thi của ông cho mọi người nghe, bài thi của ông thế này:

*“Cao Đài Tiên Trưởng hỡi ông ơi,
Lịnh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điêu linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi môi diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt nã lòng.
Ách nước nạn dân như thế đấy,
Ngôi mà đạo đức có yên không?”*

■ PHAN KHẮC SỬU

Đức Thượng Đế còn cho thêm ông Sửu 4 câu thơ tỏ ý khuyên ông chớ nên chần chờ, hãy sớm giác ngộ lo tu hành như vậy:

*“Đường đạo tìm vào mới rõ cơ,
Cơ mầu giải khổ chớ chần chờ.
Chờ cho trễ bước xa thuyền bến,*

Bến tục thoát vòng hết ước mơ.”

■ CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Nhờ vậy mà ông Sửu hoàn toàn tin tưởng nơi Chí Tôn và sau đó nhập môn cầu Đạo, làm môn đệ của Đức Chí Tôn.

Sang đến ngày 25 tháng 11, Đấng Cao Đài Thượng Đế dạy mấy ông Cư, Tắc đến đường Quai Testard ở Chợ Lớn để độ rồi ông Lê Văn Trung, đương kim Thượng Nghị Viên, Hội Đồng Thượng Nghị Viện lúc bấy giờ. Do biết thân thế của ông Trung là một vị quan lớn trong thời mất nước nên ông Tắc có ý không bằng lòng. Nhưng vì Đức Chí Tôn bảo đâu là phải làm đó nên 2 ông mới ôm cái cơ đến nhà ông Trung.

Khi đến nhà, 2 ông nói với ông Trung là:

“Chúng tôi được linh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy đạo.”

Thật ra ông Trung đã biết rõ về Đức Chí Tôn rồi, là vì ông Trung cũng có hay đi hầu các đàn cơ cầu Tiên ở Chợ Gạo tại Phú Lâm Chợ Lớn. Chính nơi đàn cơ này Đức Lý Thái Bạch vâng lệnh Chí Tôn dạy cho ông Trung giác ngộ.

Ông Trung lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi phò loan rồi bắt ông nhập môn. Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạnh, còn nhỏ độ 12 tuổi. Hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, mới vái rồi cầu cơ. Khi phò loan thẳng nhỏ ngủ, ông thì thức, cơ thì chạy hoai. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có 2 người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin có Chí Tôn.

Trong đàn cơ hôm đó Chí Tôn đã dùng huyền diệu cho ông Trung thấy được Cục Lạc Niết Bàn nơi Thiên Cung để thâm phục ông vào Đạo.

Qua ngày 29 tháng 11 năm Ất Sửu cô Thất Nương có

giảng cho thi:

“Thất Nương

*Người vô tình kẻ bạc tình,
Ba anh chẳng nghĩ nghĩa đồng thanh.
Đặng chim trách kẻ toan quên ná,
Buồn bực cho đây vẫn một mình.”*

Mấy ông mới trách Thất Nương như vậy:

“Anh trách em sao không nói thật A-Ă-Ả là ông Trời, em thấy ba anh cũng như mù em cứ gạt hoài.”

Thất Nương mới nói:

“Trời là Trời, em là em. Em rõ biết nhưng không dám lậu, nay ba anh đặng vậy em mừng.

*Thử lòng tri kỷ đó mà thôi,
Tương ngộ có hơn bảy thág trời.
Yêu mến một lòng đây rõ biết,
Thử chung đâu để hổ cùng lời.”*

Sau đó Lục Nương cũng có giảng cho thi mừng 3 ông hiểu đạo:

“Lục Nương

*Mừng nay đường Đạo đã êm chơn,
Vàng ngọc công khanh chẳng dám hơn.
Rượu cúc Bàn Đào chờ hội ẩm,
Thuốc Tiên lò tào giữ sanh tồn.
Bông Lại vắng mặt Tiên buồn nhỏ,
Dinh Đảo nghiêng vai Thánh khảy đòn.
Trước chẳng giữ ngôi, ngôi mới mất,
Cân phân thế tục phẩm chi sồn.”*

Rồi đến ngày mùng 3 tháng Chạp năm Ất Sửu cũng có ông Quý Cao về nói với mấy ông như vậy:

“Đã từ lâu không dám nói vì em còn phải tu như 2 anh vậy. Không dám nói vì 2 anh còn có Thầy, em không dám lộng quyền.

*Tu như cỏ úa gặp mù sương,
Đạo vốn cây che mát mẽ đường.
Một kiếp muối dưa, muôn kiếp hưởng,
Đôi năm mệt nhọc, vạn năm bường.
Có Thần nuôi nấng Thần càng mạnh,
Luyện khí thông thương Khí mới tường.
Nhập thể lòng trong gìn tịnh mẫn,
Nguồn Tiên ngọn Phật mới nhằm phương.”*

Nói thì nói vậy nhưng tuy là đã theo học đạo với ông Thầy Trời mà tấm lòng thương dân yêu nước, lo âu cái sự đời của mấy ông vẫn chưa nguôi. Nên khi chính quyền Pháp đàn áp các phần tử ái quốc lại làm cho dòng máu cách mạng của mấy ông lại bùng sôi. Đến đời Thất Nương phải giáng để lời khuyên nhủ:

“Em xin quý anh coi lại đời là thế nào? Bông phù dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con người. Vì nó sống ngắn ngủi nhưng ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc, chứ đời người sanh ra chỉ để khổ mà thôi, dù sống trăm tuổi chưa một điều đặc chí, rồi chết. Cái đời đúng là một khổ hải.

Em xin quý anh coi sự trường sanh của mình làm trọng, người không có phải kiếm cho có, mình có sẵn nở bỏ đi. Em tiếc dùm đó thôi. Đã vào đường chánh cứ dò theo đó bước tới hoài thì trở về cựu vị đặng.”

Ông Trung mới hỏi:

“*Có duyên luyện đạo cùng chăng? Xin em mách dùm.*”

Cô Thất Nương mới trả lời:

“*Đã gặp Đạo đức tức có duyên phần. Rạn tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đọa. Liệu lấy răn mình.*”

Rồi Chí Tôn cũng có giảng cho bài thi dạy mấy ông thêm:

“*Một ngày thôn môn một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa.
Luyện đặng tính thông muôn tuổi thọ,
Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.
Cương tỏa dương thời đã giải vây,
Đừng mơ oan nghiệt một đời này.
Hữu duyên độ thấu nguồn chơn đạo,
Tu niệm khuyên bên chí chớ lay.*”

Từ lúc ngưng việc xây bàn chuyển qua phò cơ thì đều do ông Tắc và ông Cư làm đồng tử, vì vậy ông Sang thấy mình hơi thừa rồi lần lần ít chịu đi hầu đàn. Mấy ông có xin Chí Tôn để lời dạy bảo thì Chí Tôn nói là:

“*Nó thật thà vả lại nó còn mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn các con chỉ cho Thầy coi?*”

Sau đó Chí Tôn dạy mấy ông là:

“*Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con.*”

Ông Chiêu tên thật là Ngô Văn Chiêu, mấy năm trước hồi ông còn làm ở quận Phú Quốc được Đức Chí Tôn dùng huyền diệu thâm phục và giáo hóa suốt trong khoảng thời gian đó, nên cũng được xem là môn đệ đầu tiên của Chí Tôn trong thời kỳ tiền khai Đạo. Sau đó đến năm Giáp Tý (1924) ông được đổi về Sài Gòn làm, âu cũng là cơ khiến để ông và nhóm của mấy ông Cư, Tắc, Sang hiệp cùng nhau.

Ông Chiêu là chiết ngôn linh của Tào Quốc Cự trong hàng Bát Tiên.

Mấy ông vâng lệnh Chí Tôn đến nhà ông Chiêu ở số 110 đường Bonnard để học cách thờ tự. Ông Chiêu thờ Thầy rất kỹ, họa hình một con mắt y theo Chí Tôn đã dạy bảo, để tận trên cao và ngay chính giữa nhà thật kín đáo gọi đó là Thiên Nhân. Có ai đến nhà chơi khó mà biết được vì ông là người dè dặt, không phải bạn tu thì không bao giờ chỉ dẫn. Rồi sau đó Chí Tôn có giảng dạy về việc thờ tự này như sau:

“Thập Nhị Khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn Khôn thế giới, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy.”

Chúa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng con mắt mà thờ Thầy. Song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

*Nhãn thị chủ Tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày đạo bị bế. Lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nầy duy Thầy cho Thần hiệp Tinh, Khi đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.”

Đến ngày Rằm tháng Chạp năm Ất Sửu (1926) ở nhà ông Lê Văn Trung có tổ chức thượng Thánh Tượng Thiên Nhân để thờ, có mời mấy ông trong nhóm xây bàn là ông Tắc, Sang, rồi cũng có mời ông Chiêu, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quang Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Lê Thế Vĩnh,... nhân dịp đó Chí Tôn có giảng cơ nói:

“Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trọng. Trung! Thầy khen con đó.”

Sau đó Chí Tôn dạy Đức Ngài Phạm Công Tắc như vậy:

“THẦY

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên Thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên.*

Tắc, có tuân mạng lệnh Thầy chăng? Thầy có cấm con đừng dục việc hội đàm chăng? Con sắp đặt hoàn thành rồi thôi chúc.”

Ông tuân theo lệnh của Chí Tôn làm đơn xin tạm nghỉ việc 6 tháng.

Ngày 30 tháng Chạp năm Ất Sửu (1926) Đức Chí Tôn dạy mấy ông Cư, Tắc, Chiêu ôm cây cơ đến nhà của mỗi vị để mừng Xuân. Đến nhà ai thì cặp cơ Cư-Tắc phò loan, trước hết là nhà ông phán Võ Văn Sang, sau cùng là nhà ông Lê Văn Trung. Mỗi người đều được một bài thơ tứ tuyệt, của ai cũng hay ho đẹp đẽ riêng của ông

Tắc như vậy:

*“Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.*

Nghe con!”

HỒI THỨ SÁU: GIẢNG LINH HỘ PHÁP DI ĐÀ

KHUYA MỪNG 1 TẾT BÌNH DÂN (1926), CHÍ TÔN
GIẢNG DẠY MẤY ÔNG:

*“Hôm nay là ngày trọng đại, Thầy chính thức khai
Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt 92 ức Nguyên Nhân
đang bị đọa trầm luân:*

*Phụng gáy non Nam Đạo trở mời,
Trở mời nhân vật bốn phương trời.
Trời Âu, biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.”*

Qua ngày mừng 9 là ngày vía của Đức Chí Tôn, ông Quan Phủ Vương Quang Kỳ có thiết đàn tại nhà riêng số 80 đường Lagrandiere. Đêm ấy có mời chư nhu và các vị đạo hữu hầu đàn. Chí Tôn về giảng cơ dạy mấy ông:

*“Bầu tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rần vun nền đạo đức,
Bên lòng son sắc đến cùng ta.*

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ,
sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng
nhau hoài, ấy là lẽ hiển cho Thầy rất trân trọng. Phải chung
lo cho danh Đạo Thầy.*

*Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm
cho nhau đừng thế lực đừng ganh gổ nghe. Các con giữ phận
làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy.”*

Khi ấy ông Quan Phủ Chiêu mới xin Chí Tôn lấy tên

mấy người đệ tử mà cho một bài thi làm kỷ niệm. Đức Chí Tôn cho bài thi này:

*“CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC (Ư thiên địa cảnh,
Hườn Minh Mân đảo thủ đài danh.*

Hườn, Minh, Mân sau sẽ rõ...”

Những vị môn đệ có tên trong bài thi đó là:

1. Ngô Văn Chiêu
2. Vương Quang Kỳ
3. Lê Văn Trung
4. Nguyễn Văn Hoài
5. Đoàn Văn Bản
6. Cao Hoài Sang
7. Lý Trọng Quý
8. Lê Văn Giảng
9. Nguyễn Trung Hậu
10. Trương Hữu Đức
11. Phạm Công Tắc
12. Cao Quỳnh Cư

Thật ra là Chí Tôn có đến 13 vị môn đệ đầu tiên, vì 2 ông Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang cùng tên nên Chí Tôn điểm chung 1 tên. Nếu phân tích theo Kinh Dịch thì 12 là đạo đã thành, chính cái chưa xong số 13 đó mới biến thiên đạo truyền tới thất ức niên, tức là 700.000 năm, giống như quẻ 63 là Kỳ Tế nghĩa là đã xong, nhưng qua đến quẻ cuối cùng 64 là Vị Tế nghĩa là chưa xong.

Đại khái ý nghĩa của bài thi đó là Đạo đã được Đức Chí Tôn lập ra để cứu vớt đời, mấy ông Hườn, Minh, Mân

là 3 vị theo hầu đàn thôi, mấy ông chưa vào Đạo, nhưng Chí Tôn tiên tri trước là “*đáo thủ đài danh*”, tức là sẽ theo Đạo.

Đến ngày Rằm tháng 3, mấy ông thiết đàn tại nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn Chí Tôn dạy như sau:

“Cư nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ quần áo Tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón...”

Cười...

“Đáng lẽ nó phải sấm khời, giáp như hát bội mà mặc nó nghèo Thầy không biểu. Bắt nó lên đứng trên ngó mặt ngay vô ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch, con viết một lá phù Giáng Ma Xử đưa cho nó cầm.

...

Cả thầy môn đệ phân làm ba ban đều quì xuống, biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang đến bàn Ngũ Lợi dâng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc dâng Thầy trực xuất Chơn Thần nó ra, nhờ biểu Đức, Hậu xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ.

Hai con mặc đồ thường, chừng nào Thầy triệu Ngũ Lợi và Hộ Pháp về rồi Thầy biểu mặc Thiên phục thể mới dâng.”

Nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, không lời nguyện mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để chơn linh Di Đà Hộ Pháp giảng ngữ nơi thân thể ông Tắc như trong bài “*Kinh Đại Tường*” có nói:

*“Giảng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trực tinh.”*

Từ đây ông Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp trong nền Đại Đạo. Ngài được Chí Tôn giao trọng trách đứng

đầu Hiệp Thiên Đài, thông công với các Đấng Thiêng Liêng. Cũng trong thời gian này có mấy ông được thọ phong là:

- Ông Cao Quỳnh Cư thọ phong Thượng Phẩm
- Ông Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt
- Ông Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt
- Ông Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh

Mấy ông sau đây được phong vị để phò cơ là:

- Đức, Hậu thọ phong Tiên Đạo phò cơ Đạo Sĩ
- Cư thọ phong Tá cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ
- Tắc thọ phong Hộ Giá Tiên đồng Tá cơ Đạo Sĩ

Đức Chí Tôn nhờ cậy chủ yếu vào cặp cơ do ông Cư và Tắc phò loan như từ buổi ban sơ, 2 ông còn được gọi là cặp cơ phong Thánh để truyền giáo, thành lập nền móng cho Đại Đạo. Ngoài cặp cơ Cư-Tắc còn có các cặp cơ khác như Sang- Diêu, Hậu-Đức, Nghĩa-Tràng, Tươi-Chương, Kim-Đãi, Mai-Nguyên, Mạnh-Phước, Thâu-Vĩnh.

Sở dĩ phò loan câu cơ phải theo cặp như vậy đó là vì trong mỗi người đều có điển âm và điển dương, nếu hai luồng điển đó được điều hòa thì cơ viết dễ và người tiếp điển thiêng liêng dễ thông công với cảnh vô hình. Hai người lúc như điển xuất ra, hễ bên này âm thì bên kia dương, bên này dương thì bên kia âm, hai luồng điển ấy xô đẩy hút kéo nhau mà cây cơ được vận chuyển. Lúc điển vô hình chưa giáng thì 2 luồng điển ấy không ăn với nhau, vì có mà cây cơ không chuyển động. Chừng lúc nào người tiếp điển đã xuất Chơn-Thần tiếp rước điển Thiêng liêng, thì điển vô hình làm cho 2 luồng như điển đụng chạm nhau mà xây chuyển cây cơ. Còn cây cơ có chuyển mà viết không được, vì một

phần do 2 luồng nhọn điển không điều hòa cùng nhau, nó chạm nhau mà không làm 1 âm, hay 1 dương, vì đó mà cây cơ không chỉ theo chỗ, hay không chuyển động được, hoặc do thần không tịnh, hoặc do thần của người tiếp điển lộn xộn bất định, nên điển thiêng liêng bị đứt, Chơn-Thần của kẻ phò loan làm cho loạn điển. Điển vô hình là thứ điển thuần dương mà thôi, do đó mà khi điển thiêng liêng giáng hiệp với 2 luồng điển của cặp phò loan mà thành luồng điển 3 dây. Sự huy động của cây cơ là do luồng điển hợp thành ấy.

Điển của việc phò loan là do đó, còn điển của việc chấp bút cũng do luồng điển 3 dây hợp thành mà làm chuyển động bàn tay chấp bút, nhưng cái khó là người chấp bút một lần phải xuất ra 2 thứ điển âm và dương đặng vận chuyển cây bút. Nhưng cây bút phải là cây bút chì đặng điển thiêng liêng chạy vòng trong cây bút mà không đụng đến tay người chấp bút thì mới viết dễ dàng được.

Cũng chính vì vậy mà người ta có thể nghi ngờ các Thánh Ngôn là do người phàm phò loan chấp bút viết ra. Thế nên cơ bút có thiệt mà cũng có giả, chỉ có người trong cuộc mới hiểu rõ mà thôi.

Về sau nhằm ngăn chặn sự lợi dụng cơ bút, một hiến pháp gọi là “*Hiến Pháp cơ bút*” được ra đời, qui định chỉ chấp nhận và thừa nhận cầu cơ nơi Cung Đạo tại Tòa Thánh mà thôi. Khi cơ Đạo biến chuyển, Đức Hộ Pháp lên nắm quyền nhậm hình đài cũng có ra Thánh Lệnh nói về việc cơ bút như vậy:

“Cơ bút vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phàm của con người phối hợp vào đó đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo đạo đặng, thì nó cũng đủ quyền diệt đạo đặng. Vì có mà Đức Chí Tôn đã cấm cơ Phổ Độ.”

Trong thời gian đó, đất nước đang bị đô hộ dưới quyền Pháp, việc tập trung nhiều người mà không có giấy phép hội họp cũng là một nỗi lo lớn của mấy ông. Các đàn cơ đầu thế nào tránh khỏi sự theo dõi của bọn mật thám Pháp. Nhứt là ông quan phủ Ngô Văn Chiêu, Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang biết rõ luật pháp chính quyền đô hộ hơn ai hết. Thậm chí bọn chúng còn cho mật thám trà trộn theo dõi nơi đáng nghi ngờ, mà điển hình là chúng cho ông thông dịch viên Nguyễn Văn Tường, cảnh sát Trần Văn Tạ, quản Báo,... trà trộn để theo dõi Đạo, nhưng rốt cuộc mấy ông nầy lại theo Đạo và thọ Thiên phong.

Nhìn thấy trước được những khó khăn đó mấy ông rất lấy làm lo lắng, nhứt là ông Lê Văn Trung, nên ngày 16 tháng 8 năm Bính Dần, Chí Tôn giảng có dạy:

“Các con xin Chánh Phủ Lạng Sa đặng khai Đạo thì cực chẳng bằng Thầy đã ép lòng mà chịu vậy cho từng nơi Thiên cơ. Thầy rất đau lòng mà phải chịu vậy chớ biết sao? Con phó lời cho cả chư môn đệ Thầy thấu thập vào phái Thái, rồi cho chúng nó hiểu.”

Chí Tôn còn dạy 2 ông Đầu Sư Thượng Trung Nhứt và Ngọc Lịch Nguyệt phải nhóm họp các môn đệ mà lo khai Đạo.

Gần một tuần sau đó Chí Tôn dạy mấy ông như vậy:

“Trung, con biết Thầy thương yêu nhân loại là dường nào chưa? Những điều ngăn trở đều do nơi tiền khiên của chúng sanh. Đã vào trọn một thân mình nơi ô trược thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước mà đặng trong sạch. Nhơn loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên 10 ngàn năm, thì thế nào gọi Thánh đức trong một lúc chẳng tới một năm cho trọn lành đặng.

Rất đôi Thầy là bực Chí Tôn đây mà còn bị chúng nó

mưu lén cho qua Thánh ý Thầy thay, một đảng trì, một đảng kéo, thăm thay các con chịu ở giữa.

Thầy dạy các con một điều là biết tranh đấu cùng Thầy, hễ nó tấn thì mình chống, cân sức cho bằng hay là trối hơn mới đắc thắng. Các con chịu nổi thì Đạo thành, còn các con ngã thì đạo suy. Liệu lấy.

Cầm cả quyền hành vô lượng nơi tay. Thầy ngó một cái cũng đủ tiêu diệt nó đặng, nhưng mà phép công bình thiêng liêng chẳng phải nên vậy, ấy cũng là cơ mầu nhiệm cho các con có thể lập công quả.

Trung, Lịch hai con phải hội chư Thánh mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét sửa trước nghe!”

Ngày hôm sau các vị môn đệ họp tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ở đường Gallieni. Buổi chiều hôm đó trời đột nhiên đổ mưa rất lớn, kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ làm ngập đường xá, giao thông bị bế tắc. Nhờ vậy mà buổi họp không bị lính mật thám quấy rầy, và cũng đồng thời khiến cho những người hiếu kỳ chỉ muốn đến xem cho vui không đến được.

Buổi họp được bắt đầu khoảng 7 giờ 30 tối dưới sự hướng dẫn của ông Trung, Lịch, Cư. Văn bản dự kiến của Tờ Khai Đạo được đọc lên cho toàn thể môn đồ có mặt được nghe và góp ý. Sau khi tất cả đã thống nhất nội dung, ông Trung chịu trách nhiệm soạn ra văn bản bằng tiếng Pháp để gửi cho chánh quyền Pháp.

Đại hội kết thúc vào khoảng 9 giờ tối, lúc đó trời cũng bắt đầu tạnh mưa. Đồng Đạo lần lượt ra về bình an. Trong buổi họp hôm đó hiện diện đếm được 247 vị, nhưng ký tên vào danh sách chỉ thấy có 244 vị, vì có một vị ghi lộn số thứ tự và còn 2 vị chưa kịp ký tên.

Sau khi ông Trung viết xong Tờ Khai Đạo bằng tiếng Pháp thì mấy ông lập đàn tại nhà ông Cư để dâng lên cho Chí Tôn xét qua. Chí Tôn giảng cơ bảo ông Diêu đọc tên từng người trong danh sách, khi cơ gõ tên người nào thì đưa tên người ấy vào Tờ Khai Đạo. Tổng cộng Chí Tôn điểm 28 vị được đưa vào Tờ Khai Đạo. Xong Chí Tôn dạy:

“Thầy dặn con, Trung, nội thứ năm tuần tới phải đem đến Lễ Fol mà khai cho kịp nghe.”

Sau đó ông Trung vâng lệnh Thầy chờ đến thứ năm tuần sau, là ngày mùng 1 tháng 9 năm Bính Dần (1926), đích thân ông Trung lên dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho ông Thống Đốc Le Fol. Nguyên văn tờ khai viết bằng tiếng Lang Sa xin được trích ra như sau:

“Saigon, le 7 Octobre 1926

Monsieur le Gouverneur,

Les Soussignés, ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaitre ce qui suit:

Il existait en Indochine trois Religions (Bouddhisme, Taoisme et Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureusement en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions. On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (gia vô bẻ hộ, lộ bất thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales).

Hélas! Ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se deviser, tandis que le but de toutes les religions est le même: Faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps. Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", qui signifie la troisième Annistie Générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de Ngọc Hoàng Thượng Đế dit Cao Đài ou "Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiaire de médiums écrivains, Ngọc Hoàng Thượng Đế transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius;

2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissention et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des "Saintes Paroles" de Ngọc Hoàng Thượng Đế, paroles estimées plus précieuses que

tout ce qui existe ici-bas.

2. La tradition de quelques passages du livre de prières que Ngọc Hoàng Thượng Đế nous a enseignées. Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire. Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et don't la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'il vous propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance que cette Nouvelle Religion apportera à nous tous la Paix et la Concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués" (PIERRE BERNARDINI, Le Caodaisme au Cambodge, Université de Paris VII, trang 282–284).

Ont signé:

– Mme LÂM NGỌC Thanh,...

– Mr Lê Văn Trung,...

–...”

Nguyễn Văn Tờ Khai Đạo được Hiền Tài Nguyễn Kim Anh, Giáo Sư Pháp Văn Trung Học Tây Ninh tạm dịch ra như sau:

“Sài Gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926

Kính ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây, hân hạnh kính báo đến ông biết những điều sau: Từ trước ở Đông Dương đã có ba Tôn Giáo (Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo). Tổ Tiên chúng

tôi đã tu theo giáo lý Tam Giáo và sống hạnh phúc nhờ thuận tòng nghiêm khắc những lời dạy tốt đẹp của các vị Chương Giáo của các Tôn Giáo ấy. Vào thời xưa, người ta sống vô tư đến độ có thể ngủ mà không cần đóng cửa và ra đường chẳng thèm lượm của rơi (gia vô bế hộ, lộ bất thập di là câu nói đã được sử sách ghi lại).

Buồn thay! Thời kỳ tốt đẹp đó không còn vì những lý do sau đây:

1. Tín hữu của các Tôn Giáo ấy tìm cách chia rẽ nhau, trong khi mục đích của tất cả các Tôn Giáo đều như nhau: Làm lành lánh dữ, lòng thành thờ kính Đấng Tạo Hóa.

2. Họ làm lệch lạc hoàn toàn ý nghĩa của các giáo lý thánh thiện và quý giá đó.

3. Sự chạy theo vinh hoa phú quý, tính tham vọng của con người là những nguyên nhân chính của các bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam hôm nay đã từ bỏ hoàn toàn những mỹ tục và truyền thống cổ xưa.

Đau lòng trước tình huống này, một nhóm người Việt Nam nhiệt tâm với truyền thống và đạo hạnh đã nghiên cứu canh tân tất cả các Tôn Giáo này mà hợp nhứt lại với tên gọi là đạo **Cao Đài** hay Đại Đạo.

Danh hiệu **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** có nghĩa là đại ân xá kỳ ba đã do Đức Chí Tôn ban bố. Ngài đã giảng trần với danh hiệu **Ngọc Hoàng Thượng Đế** tức **Đức Cao Đài** hay là “**Đấng Tối Cao, Thượng Đế toàn năng**”.

Qua trung gian đồng tử, Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cho những người ký tên dưới đây Thánh Giáo có mục đích tập trung giảng dạy những lời giáo huấn tốt lành của Tam Giáo cổ xưa.

Nền tâm giáo lý sẽ dạy nhân sanh:

- 1. Luân lý cao siêu của Đức Khổng Phu Tử,*
- 2. Những đức hạnh được dạy trong Phật Giáo và Lão Giáo. Những đức hạnh này bao gồm việc làm lành lánh dữ, yêu thương nhân loại, sống hòa hợp, tránh mọi sự chia rẽ và chiến tranh.*

Những người ký tên dưới đây hân hạnh gửi đến ông:

- 1. Một vài đoạn trích lục trong những “Thánh Ngôn” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời dạy quý báu hơn tất cả mọi cái hiện hữu trên đời này.*
- 2. Một vài đoạn trong quyển Kinh cầu nguyện mà Đức Thượng Đế đã dạy chúng tôi.*

Mục đích của những người ký tên dưới đây theo đuổi là nhằm đưa nhân sanh trở lại thời cổ xưa hòa bình và hòa hợp. Được vậy, con người sẽ hướng về một kỷ nguyên mới hạnh phúc khôn tả.

Nhân danh rất nhiều người Việt Nam đã đồng ý hoàn toàn những điều nghiên cứu này và đính kèm danh sách dưới đây, những người ký tên hân hạnh tuyên cáo cho ông biết là chúng tôi sẽ truyền bá cho toàn thể loài người nền giáo lý Thánh thiện này.

Tin rằng nền tâm Tôn Giáo này sẽ đem đến cho tất cả chúng ta sự hòa bình và hòa hợp, những người ký tên thỉnh cầu ông chính thức tiếp nhận tuyên ngôn của chúng tôi.

Kính Thống Đốc, những người ký tên dưới đây xin ông nhận những tình cảm trân trọng và thành kính của chúng tôi.

Ký Tên:

- 1. Bà Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp Chủ, Vũng Liêm.*
- 2. Ông Lê Văn Trung, cựu Thượng Nghị Viên, Ngũ đẳng*

- Bắc Đẩu bội tinh, Chợ Lớn.
3. Ông Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
 4. Ông Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định.
 5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
 6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp Chủ, Sài Gòn.
 7. Ông Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
 8. Ông Vương Quang Kỳ, Tri Phủ, Sở thuế thân, Sài Gòn.
 9. Ông Nguyễn Văn Kính, thầy tu Bình Lý thôn, Gia Định.
 10. Ông Ngô Tường Vân, Thông Phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn.
 11. Ông Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp Chủ, Sài Gòn.
 12. Ông Ngô Văn Kim, Điền Chủ, Đại Hương Cả, Cần Giuộc.
 13. Ông Đoàn Văn Bản, Đốc học trường Cầu Kho, Sài Gòn.
 14. Ông Lê Văn Giảng, Thơ Ký Kế Toán hãng Ippolito, Sài Gòn.
 15. Ông Huỳnh Văn Giới, Thông Phán sở Tân Đáo, Sài Gòn.
 16. Ông Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn sở Tuần Cảnh, Sài Gòn.
 17. Ông Cao Quỳnh Cư, Thơ Ký sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
 18. Ông Phạm Công Tấn, Thơ Ký sở Thương Chánh, Sài Gòn.
 19. Ông Cao Hoài Sang, Thơ Ký sở Thương Chánh, Sài Gòn.
 20. Ông Nguyễn Trung Hậu, Đốc học trường Tư Thục Đakao, Sài Gòn.
 21. Ông Trương Hữu Đức, Thơ Ký sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
 22. Ông Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp Chủ, Chợ Đũi, Sài Gòn.
 23. Ông Nguyễn Văn Chúc, Cai Tổng, Chợ Lớn.
 24. Ông Lại Văn Hành, Hương Cả, Chợ Lớn.
 25. Ông Nguyễn Văn Trò, Giáo Viên, Sài Gòn.

26. Ông Nguyễn Văn Hương, Giáo Viên, Đakao.

27. Ông Võ Văn Kinh, Giáo Tập, Cần Giuộc.

28. Ông Phạm Văn Tỷ, Giáo Tập, Cần Giuộc.”

Nội dung Tờ Khai Đạo như thông báo chính thức cho chính quyền Pháp biết rằng mấy ông sẽ tuân theo lệnh của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chớ không phải là một tờ xin phép được khai Đạo. Thế nên, mấy ông không cần chờ phúc văn của Pháp mà bắt đầu công cuộc truyền giáo phổ độ luôn, vả lại cũng không có bản văn kiện nào trả lời hoặc cho phép về Tờ Khai Tịch Đạo này cả. Chính Thống Đốc Nam Kỳ, Le Fol một viên chức dày dặn kinh nghiệm cũng không thể ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động, vì đó chỉ là một Tờ Khai Tịch Đạo quá khôn khéo của Ngài Hộ Pháp và ông Đầu Sư Thượng Trung Nhứt cùng với các môn đồ của Chí Tôn viết nên, chớ chẳng có ai xin phép cả. Đây là bằng chứng hùng hồn để trả lời cho những ai hô hào bảo rằng Pháp là người đã ký giấy cho phép Đạo Cao Đài hoạt động.

Ngay sau khi Tờ Khai Đạo được ông Thống Đốc Nam Kỳ tiếp nhận, ông Trung giao cho ông Cư biên soạn bản “*Phổ Cáo Chúng Sanh*” để ban hành trong giới chức sắc, tín đồ, và nhơn sanh khắp nơi, thông báo cho biết rằng Đạo Cao Đài đã được công khai trên mặt pháp lý để các tín đồ yên tâm thờ phượng và hành đạo, đồng thời gián tiếp thông báo cho các chính quyền địa phương biết Đạo Cao Đài đã được Thống Đốc Nam Kỳ hoan nghinh. Nguyên văn nội dung bản “*Phổ Cáo Chúng Sanh*” đó như vậy:

“*Thuở hỗn độn sơ khai, nhứt khí Hư Vô sanh duy có một Đấng Tạo Hóa, người phương Đông gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, người Âu Tây gọi là DIEU, Đức Chúa Trời,*

người An Nam gọi là Ông Trời, là Đấng dựng nên Trời Đất và muôn vật.

Có Thánh Ngôn, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ ngày 13 tháng 6 năm Bính Dần, rằng:

‘...Bạc chơn tu, tỷ như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng thêm tăng số, vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa Chơn-Thần, Chơn-Thần lại biến hóa hằng muôn, thêm tăng lên hoài. Ấy là Đạo.

Bởi vậy, một Chơn-Thần mà sanh hóa chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhưn loại trong Càn khôn Thế giới, nên chi, các con là Thầy, Thầy là các con.

Như kẻ bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chương giáo, Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.

Người gọi Quan Âm là Nữ Phật tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân, Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần, đời nhà Thương.

Người gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Lão Tử là Tiên Tổ giáo thì Lão Tử cũng sanh đời nhà Châu.

Người gọi Jésus là Thánh đạo Chương giáo, thì Jésus cũng sanh nhằm đời nhà Châu.

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy? Ấy là Đạo, các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn khôn Thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không

có Thầy.'

Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mỗi khi giáng cơ đều xưng là Đạo hữu với các chư môn đệ Nam phái Nữ phái của Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn chính mình Ngài lại xưng là Thầy của chúng ta và hằng dạy rằng: Sự khiêm từ nhịn nhục hạ mình là hạnh yếu dấu của Ngài.

Khi chư Thiên nam Tín nữ vừa nghe trong môn đệ gọi Ngọc Hoàng Thượng Đế là Thầy thì ái ngại điều phạm thượng, song đã có Thánh Ngôn chính mình Ngài dạy vậy, xin hãy an lòng.

Có hai Đạo hữu: Tương, Kính, vẫn trước khi nhập môn thì đã thọ nghĩa thầy trò cùng vị Lão thành pháp danh là Đạo Quang nơi chùa Minh Đường (Hạnh Thông Tây).

Nhằm ngày 21 tháng 8 năm Bính Dần, Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ tại chùa ấy dạy việc, luôn dịp Ngài có để lời rằng:

'Tương, Kính, hai con phải lay Đạo Quang trước mặt Thầy, rồi từ đây gọi là Anh mà thôi, còn Thầy duy có một Thầy.'

Thánh Ngôn ngày mồng 5 tháng 9 năm Bính Dần có dạy rằng:

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giáo đạo Nam phương.

Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình dặng độ rồi như sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên và Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm vị tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ.

Hạnh khiêm nhượng là hạnh của mỗi đứa con phải noi gương Thầy mới độ rỗi thiên hạ đặng...'

Thánh Ngôn dạy tại Vĩnh Nguyên Tự, chùa Minh Đường, Cần Giuộc:

'Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,

Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,

Thái Thượng Ngươn Thi thị Ngã,

Gia Tô Giáo Chủ thị Ngã,

Kim viết Cao Đài Bồ Tát Ma Ha Tát.'

Thánh Ngôn ngày 25 tháng 2 lang sa năm 1926:

'Trọng Ni (Khổng Phu Tử) là Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng Thầy làm Chương giáo Nhơn Đạo, lo xong phận sự thì Thầy đến độ hồi cựu vị.'

Trong mấy lần giảng thể hóa thân truyền Đạo, Ngọc Hoàng Thượng Đế đều có để lời tiên tri rằng:

'Ngày kia sẽ có một nước nhỏ nhen trong vạn quốc mà đặng làm chủ nền Chơn Đạo Ta.'

Trong Sám truyền và Phật Tông Nguyên Lý đều có ghi lời tiên tri ấy.

Chúng ta nên nghĩ, tiếc cho Phật đạo và Tiên đạo đã khai từ thuở mới tạo Thiên lập Địa, nay càng ngày càng xem tựa hồ như nền Chơn đạo đã biến dời, lần lần xa nguồn Chánh giáo. Ngoái lại coi Thánh Đạo gọi Gia Tô mới lập trong hai ngàn năm nay mà Thánh quyền cao thượng là dường nào.

Song, mọi việc chi cũng hữu chung hữu tử, có tạo Thế tức là có Tận Thế. Cái tận tức là cuối cùng, mà hễ cuối cùng chẳng dứt thì phải qui nguyên lại trước nên gọi là Tuần hườn.

Ngày nay là buổi tuần hườn Đại Đạo, Thiên Địa hoằng

khai, Ngọc Hoàng Thượng Đế tuy chẳng giảng sanh như mấy kỳ trước, song giảng thế bằng huyền diệu Tiên bút, khai Đạo tại Nam phương, hầu chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn.

Có Thánh Ngôn ngày 13 tháng 3 Bính Dần rằng:

‘Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là:

- *Nhơn đạo*
- *Thần đạo*
- *Thánh đạo*
- *Tiên đạo*
- *Phật đạo*

Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây Chánh giáo, vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tứ phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh giáo mà làm ra Phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhơn loại phải bị sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chón A Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Thánh giáo cho tay phàm nữa.’

‘...Chẳng một ai dưới thế này còn dặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn loại...’

Tuy vậy, mỗi lần giảng thế truyền Đạo thì đổi Thánh danh khác nhau, chớ kỳ trung cũng một Chơn linh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Còn nay giảng thế bằng huyền diệu dặng chuyển Phật giáo, chuyển Phật pháp, chuyển Phật tăng, lại lập Đại Đạo

Tam Kỳ Phổ Độ (Troisième Amnistie générale) (Đại Ân Xá lần thứ ba) thì Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giáo Đạo Nam phương.

Thánh Ngôn ngày 7 tháng 7 năm Bính Dần:

‘Vốn từ ngày Đại Đạo bế lại, chánh quyền đều vào một tay Chúa Quí. Khi Ngọc Hư Cung và Lợi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Chúa Quí biết cơ mầu nhiệm ấy và hiểu rõ rằng Tà quyền đã dứt, nên trước khi Thầy chưa đến thì nó đã hiểu rõ rằng: ‘Bề nào Thầy cũng phải chiếu y Thánh ý Tam giáo qui nhứt mà dùng danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, nên đã dùng danh Cao Đài trước Thầy mà lập Tả đạo Bàng môn.

Thầy hỏi các con: ‘Vậy chớ Tà quái nhận tên ấy là chủ ý gì?’

...Lại làm cho ra rẻ rúng danh ấy để cho các con nghi ngờ mà lánh xa Chánh giáo, như đàn Cái Khế vậy, nhưng có một điều là nó không dám ngự nơi ngai Thầy, tiện dùng làm một vị Tiên Ông mà thôi.

‘Vậy các con khi nghe nói Cao Đài nơi này, Cao Đài nơi kia, đừng vội tin mà lầm mưu Tà mị.’

Nội trong Thánh danh: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, chúng ta đủ hiểu rõ Thánh ý gồm Tam giáo (Nhọ Thích Đạo) và Ngũ Chi Đại Đạo cũng qui nguyên phục nhứt.

Cao Đài: Nhọ gọi là Đấng Chí Tôn. Tiên Ông: là về Tiên đạo. Đại Bồ Tát Ma Ha Tát: là về Thích giáo.

Có bài thơ giảng cơ tại Biên Hòa rằng:

*‘Chín Trời mười Phật cũng là Ta,
Truyền đạo chia ra nhánh nhóc ba.*

**Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh, Tiên, Phật đạo vốn như nhà.'**

Ngài đã dạy rõ rằng: Tam Kỳ Phổ Độ tuy khai năm Dân (Nhơn sanh ư Dân) chớ kỳ trung Thiên cơ tiên định đã lâu rồi: Thánh Ngôn rằng:

'Vốn từ trước, trong Thiên thư Tam Kỳ Phổ Độ này, nên Chánh giáo phải có: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ.

Chường quản thân Tam giáo hiệp nhứt.

Nơi Bạch Ngọc Kinh, hơn sáu chục năm trước, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nộ của Thầy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời, Thầy coi lại bọn ấy lại làm tội lỗi hơn kẻ phạm xa lắm. Vậy vì cố chi, các con biết chăng?

Bị hàng phẩm Nhơn tước phải phù hợp với hàng phẩm Thiên tước. Đáng lẽ Thầy cũng nên cho các con phải chịu số phận bản hàn, mà bởi không nỡ, nên ngày nay mới có kẻ như vậy. Thầy nói thiệt cho các con biết: Dầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phạm này mà không tu cũng khó trở lại địa vị đấng.'

Ngài hằng dạy rằng: Đạo phổ thông trẽ một ngày là một ngày hại nhơn sanh. Vậy thì trong kỳ Phổ độ này là lần thứ ba, lại là lần chót, xin chư Hòa Thượng, chư Lão thành, chư sơn cùng chư Chức sắc cả Tam giáo, và chư Thiện nam Tín nữ ráng hiệp sức, cộng trí vừa giúp chung lo chấn hưng Chơn Đạo cho hoàn toàn, hầu cứu vớt chúng sanh thoát khỏi trầm luân khổ hải.

Có Thánh Ngôn giảng cơ ngày 27 tháng 6 năm Bính Dần rằng:

'Thầy hằng nói cùng các con rằng: Thầy đến độ rồi

các con là đến lập tại thế này một Trường thi Công quả. Các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi trường này mà đoạt thủ địa vị mình, chớ chẳng đi nơi nào khác mà đặng đắc đạo bao giờ. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng: Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức như sanh còn phải bị trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rồi.

Nay tuy các con chẳng thấy đặng hành vi mâu nhiệm mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi Thầy mà cho rằng lời dạy của Thầy là chơn thật. Nếu các con đợi đến buổi chung qui, hôn ra khỏi xác, mới thấy cơ mâu nhiệm đặng, thì chừng ấy đã muộn rồi.'

Chúng ta lưu ý rằng: Ngũ Chi: Minh Đường, Minh Sư, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân cũng đều do nơi Phật pháp mà ra, chớ nên lầm tưởng vì chia phái mà riêng Đạo. Hễ cùng nhau một Đạo tức là con một CHA, phải thương yêu nhau, vừa giúp nhau như tình đồng cốt nhục vậy.

Từ buổi bế Đạo, tu nhiều thành ít, gẫm lại coi, từ trước nơi cõi Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên, Phật. Chúng ta duy biết có một mình Huệ Mạng Kim Tiên mà thôi.

Thánh Ngôn của Ngọc Đế giảng cơ tại chùa Minh Đường Vĩnh Nguyên Tứ ngày 14 tháng 7 năm Bính Dần rằng:

'Đời Mạt kiếp này dữ nhiều lành ít, nếu Thầy không chuyển pháp lại thì chưa một ai tu đặng trọn Đạo.'

Ngài có giảng cơ tại Chùa Minh Đường ở Hạnh Thông Tây ngày mồng 2 tháng 9 năm Bính Dần, cho bài Tứ Tuyệt này:

'Huộ địa bất tri Thánh chí tân,

*Minh Thiên nhật khí tản phong trần.
Huyền vi thế sự vô nhơn thức,
Hiệp khí bất năng hiệp diệu thân.'*

Theo tứ bài thi trên đây thì xét dương kim ít ai quen thuộc đường đi nước bước mà găm ghé chơn vào nguồn Tiên ngọn Phật. Duy thành đạo cùng chẳng thành đều do nơi Thiên ý, công bình chánh trực, đại từ đại bi của Ngọc Đế ban ơn cho chúng ta, tùy theo công quả âm chất và công phu của chúng ta khổ hạnh hành đạo.

Thánh Ngôn hằng dạy rằng: **Người đời muốn dặng giàu có thì phải làm ra của, ấy là về phần phàm, xác thịt; còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn đắc đạo phải có công quả.**

Nếu lầm tưởng rằng bấy nhiêu Đạo lý trong Cổ pháp Cựu luật thế tình mà đủ chiếm máy Thiên cơ huyền vi mầu nhiệm của Đấng Tạo Hóa và dặng phản nguyên ư nhứt Khí Hư Vô, hay là tưởng rằng người thông thuộc kinh sách, hằng bữa tụng câu, lâu ngày chảy thánng mà thành Tiên hóa Phật, thì từ cổ cập kim, quê hương chúng ta, Tiên, Phật An Nam biết kể sao cho xiết.

Vậy thì đâu đến đôi Thượng Đế phải giáng trần mà chuyển Pháp, và e khi cũng khởi lập Tam Kỳ Phổ Độ mà cứu vớt nhơn sanh.

Có Thánh Ngôn Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài giáng cơ tại Hội Trường Sanh Tự (Cần Giuộc) ngày 19 tháng 4 năm Bính Dần, dạy chư chúng sanh rằng:

'Từ trước, Ta giáng sanh lập Phật giáo gần sáu ngàn năm thì Phật đạo Chánh truyền gần thay đổi. Ta hằng nghe chúng sanh nói: Phật giả vô ngôn. Nay nhứt định lấy huyền diệu mà giáo hóa chớ không giáng sanh nữa, dặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn. Đường này,

từ đây chư chúng sanh chẳng tu, bị đọa A Tỳ thì hết lời nói rằng: Phật tông vô giáo, mà chối tội nữa.

Ta nói thiệt cho chúng sanh biết rằng: Gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rồi.'

Thánh Ngôn của Thích Ca Như Lai kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát, giảng tại Hội Phước Tự ngày 26 tháng 4 năm Bính Dần, rằng:

Chư sơn nghe dạy:

Uốn từ Lục Tổ thì Phật giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành. Chánh pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh giáo, lập riêng pháp luật, buộc mối Đạo Thiên.

Ta vì luật lệnh Thiên mạng đã ra, cho nên cam để vậy, làm cho Phật tông thất chánh có trên 3 ngàn năm nay.

Vì Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Địa hoằng khai, nơi Tây phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh.

Trong Phật Tông Nguyên Lý đã có cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi, tại tăng đồ không kiếm chơn lý mà hiểu. Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành đạo.

Ôi! Thương thay, công có công mà thường chưa hề có thưởng, vì vậy mà Ta rất đau lòng.

Ta đến chẳng phải cứu một mình chư tăng mà thôi, vì trong thế, hiểm bậc Thân, Thánh, Tiên, Phật phải đọa hồng trần, Ta đương lo cứu vớt.

Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp đặng gặp kỳ Phổ độ này là lần chót, phải ráng sức tu hành, đừng mơ tưởng hoài trông giả luật...

Ta đến với huyền diệu này thì từ nay Ta cho chư tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi, ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền.

Chư tăng từ đây chẳng dặng còn nói: 'Phật giả vô ngôn, nữa.'

Trần thế bị những sự vinh hoa phú quý hằng làm chìm đắm biết bao nhiêu người có tiền căn cứu phẩm, vì ham luyện hông trần mà lạc bước vào đường tội lỗi. Vậy thì, nay trông Lôi Âm đã giục, chung Bạch Ngọc đã rung, xin chư Thiện Nam Tín Nữ hồi tâm tỉnh ngộ, lo tu tâm dưỡng tánh mà chen bước vào đường đạo đức cho kịp thời Tam Kỳ Phổ Độ này. Gẫm xét cho cùng tội rồi, chẳng vinh diệu nào cho bằng chịu khổ hạnh nâu sông, lập âm chất công quả hầu siêu rồi cho tiền bối nơi Chín Suối, chuông đức lưu truyền lại cháu con, ráng công phổ độ, cứu vớt hơn sanh khỏi nơi trầm luân khổ hải, và chính mình dặng cái tà qui chánh, thoát kiếp luân hồi, ấy là sở hành cao thượng vô cùng.

Có bài thi giáng cơ rằng:

*'Tu như cỏ úa gặp mù sương,
Đạo vốn cây che mát mẻ đường.
Một kiếp muối dưa muôn kiếp hiển,
Đôi năm mệt nhọc vạn năm bường.
Có Thần nuôi nấng Thần càng mạnh,
Luyện Khí thông thương Khí mới tường.
Nhập thể lòng trong gìn tịnh mẫn,
Nguồn Tiên ngọn Phật mới nhằm phương.'*

Trong nước có nhiều Đạo mà chẳng một Đạo chi đáng chơn chánh dặng làm gương soi cho quốc dân, cho nên nước phải thấp, dân phải hèn, thấp hèn cũng vì dân một nước như con một nhà mà xem tựa hồ như phân chia ra nhiều phe nhiều

phái, kẻ đạo này người đạo khác, rồi kích bác lẫn nhau.

Trời không hai mặt, Đất chẳng hai vua. Đất có hai vua là đất giặc. Trời già hai mặt, thế ra tro.

Phải trông mong ngày sanh linh đạo đức, an cư lạc nghiệp, cộng hưởng thái bình, trong nhà không đóng cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi.

Nay Cao Đài Thượng Đế hạ trần, dùng huyền diệu Tiên bút, lập nên Chơn Đạo tại Nam phương, nhập Tam Giáo lại làm một, chủ ý qui tụ chúng sanh lại một nhà, Ngài làm CHA chủồng quản, sẽ hội Tam Giáo nơi Thánh Thất là nhà chung (tại Tây Ninh ngày rằm tháng 10 tới đây) xem xét kiểm duyệt kinh điển mà tạo thành Tân Luật, sự thờ phượng chế sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nơi ấy mà xuất hiện; nhìn Quốc âm, tiếng An Nam làm Chánh tự mà lập Đạo.

Từ đây, nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo của Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài lập ra gọi là QUỐC ĐẠO.

Có bài thi giảng cơ rằng:

**Hào Nam bang! Hào Nam bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn.
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hào hùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi ân tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.
Chí bửu hơn sanh vô giá định,
Năng tri giác thế sắc cao ban.'**

THÁNH TƯỢNG CON MẮT

Có Thánh Ngôn dạy rằng:

Chưa phải hỏi các con rõ tại sao phải vẽ Thánh Tượng Con Mắt mà thờ Thầy, song Thầy cắt nghĩa cho hiểu chút đỉnh:

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thân,
Thần thị Thiên,
Thiên giả Ngã dã.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mâu nhiệm từ ngày Đạo bị bẻ. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh, Khí đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mâu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.'

SỰ THỜ PHƯỢNG CHẾ SỬA THEO TAM KỲ PHỔ ĐỘ NƠI THÁNH THẤT TÂY NINH

Thánh Ngôn ngày 12 tháng 8 năm Bính Dần dạy rằng:

Các con lo một trái Càn Khôn, hình tròn quay như trái đất, sơn màu xanh da trời, bề kính tâm 3 thước 3 tấc, lớn quá, mà phải vậy mới đặng vì là cơ mâu nhiệm Tạo Hóa trong ấy.

Cung Bắc Đẩu và Tinh tú phải vẽ lên trái Càn Khôn ấy. Thầy kể Tam thập lục Thiên và Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải Tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là Tinh tú, tính lại là ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con dỡ sách Thiên văn Tây ra coi mà bắt chước.

Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng, trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ Con Mắt Thầy.

Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đút trong một ngon đèn cho nó thường sáng, ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại trong Càn Khôn Thế giới đó, nhưng mà làm chẳng kịp thì con tùy tiện làm thế nào cho kịp Đại hội.

Khi đem trái Càn Khôn ấy về, con làm một cái cốt xây, để trái ấy lên Đại Điện, nhớ dạy Con Mắt ra ngoài, rồi con lại lên tượng Phật Thích Ca, Lão Tử, và Khổng Tử mà để dựa dưới; kế ba vị ấy là Quan Thế Âm, Lý Thái Bạch, Quan Thánh Đế; kế nữa ngay dưới Lý Thái Bạch là Jé-sus de Nazareth; kế dưới Jé-sus là Khương Thượng Tử Nha; còn chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đã lên cốt thì để dài theo dưới.'

Ấy là sắp đặt sự thờ phượng tại Thánh Thất Tây Ninh, còn các nơi Tiểu đàn, lập trang thờ tại nhà riêng thì như vậy:

TIỂU ĐÀN: Trên thì Thánh Tượng Con Mắt, hàng dưới thì lập đủ Ba Trấn chứng đàn trong Tam Kỳ Phổ Độ và qui Tam Giáo này:

- Phật thì có Quan Âm (bên mặt, ở trong ngó ra)
- Tiên, Lý Thái Bạch (ở giữa, dưới tượng Thầy)
- Nho, Quan Thánh Đế Quân (bên trái)

Mồng 2 tháng 7 năm Bính Dần:

Lý Thái Bạch giảng cơ:

*'Thái Thượng vô ngôn hữu Đạo thành,
Bạch Vân hữu nhĩ kiến nhơn sanh.
Kim quang đặc kiếp tu tâm thiện,
Tinh dầu nan tri Ngã độ thành.'*

Quan Âm Bồ Tát giảng cơ:

*'Quang minh Nạm Hải trấn Thiên môn,
Âm cảnh năng du độ dân hôn.'*

*Bồ đoàn mạc hám liên huê thất,
Tác thế tâm ưu khởi đạo tông.'*

Quan Thánh Đế Quân giáng cơ:

*Quan thành tái kiếp Hồn triều phong,
Thánh đức mạc vong hám thế trần,
Đế thất nhứt tâm trung khí đồng,
Thanh y xích diện hảo vinh phong.'*

TỊCH ĐẠO THI

*Thanh Đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như địa quyển thanh hòa Thiên.
Vô hư qui phục nhưn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.'*

KHAI ĐẠO NƠI CHÁNH PHỦ

Ngày 7 Octobre 1926, nhằm mồng 1 tháng 9 năm Bính Dần, có môn đệ Thiên phong của Đức Cao Đài là cựu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhứt, vưng lệnh Thánh Ngôn đến Khai Đạo nơi Chánh phủ.

Trong Tờ Khai Đạo ấy có ký tên 247 chư môn đệ, phần nhiều đều là Chức sắc Viên quan và có Nữ phái nhiều người danh dự.

Quan Nguyên soái Nam Kỳ hoan nghinh và khen rằng vì chữ thiện mà khuyến dân, ấy là chủ nghĩa cao thượng.

Chúng tôi xin phô đôi lời thành thật thô sơ, chư Hòa Thượng, chư Lão thành, chư sơn, chư Chức sắc trong Tam Giáo và chư Thiện nam Tín nữ xin lưu ý.

Chầy kíp đây, chúng tôi sẽ có dịp hiệp mặt mà luận Đạo kỹ thêm nữa.

TÂN TẢ BẠCH NGỌC KINH

(Giảng cơ mông 1 Tết năm Bính Dần)
*Một tòa Thiên các ngọc lầu lầu,
Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc đẩu,
Thiên trùng nhiếp khảm hiệp Nam tào.
Chư Thần chóa mắt màu thường đối,
Liệt Thánh kinh tâm pháp vẫn cao.
Đời đời chớp giăng đoanh đỡ nổi,
Vững bền vạn kiếp chẳng hề xao.”*

Bản “*Phổ Cáo Chúng Sanh*” này của mấy ông viết cũng đã được Chí Tôn chỉnh sửa lại trong đàn cơ ngày mùng 7 tháng 9 năm Bính Dần như vậy:

“**THẤY** Các con,

Mấy đứa nhỏ bỏ thói kiêu ngạo nghe!

*Vĩnh! Đọc Phổ Cáo Chúng Sanh, đợi Thầy sửa nghe.
Hễ Thầy hạ cơ thì ngừng đọc.*

...

Các con nghe,

*Thầy chẳng buổi nào mà đành lòng cho các con hạ
mình trước mặt ai hết, song ngày nay buộc phải vậy. Các
con tức cấp lo phổ độ.*

*Kể từ ngày mông 10 tháng này, mấy đứa phò loan
phải xin phép nghỉ 29 ngày hết nghe. Thầy dặn các con
phải phân nhau mà đi cho khắp.*

*Đạo Quang, ngày thứ bảy, Thầy sẽ phân việc. Thầy
trông cho mau lập Tân Luật.*

*Con Trung, con phải nói với Lệ Fol cho con giấy chứng
Khai Đạo. Mai con lên nó, có Thầy.*

Con phải nhớ viết một cái thơ cho em con là Lâm thị, nó đương sầu thảm, giờ này nó đương ngồi nơi phòng mà khóc. Con phải khuyên lớn nó, nhắc nó nhớ lời Thầy dạy.

Trang, con nếu biết thương em con, con cũng nên đi Ứng Liêm, con đi mới hữu ích nghe. Thầy nói ít con hiểu nhiều.

Từ đây, hai con lại để ý gìn giữ hai đứa nó kéo nó ngã lòng mà tổn bớt công quả của chúng nó, tội nghiệp. Thầy giao cho hai con chăm nom cả em út các con, nghe à!

Thầy còn dạy nhiều việc, nhưng hai đứa nhỏ đã mệt. Thầy dạy các con đừng dùng tiếng “đồng” mà kêu mấy đứa nhỏ, nó giận không muốn phò loan là tại vậy.

Thơ, biểu nó viết chữ tựa lớn lớn một chút, còn Tờ Phổ Cáo Chúng Sanh và Tờ Khai Đạo con cứ làm, Thầy cho phép. Có vậy mới nhẹ bớt công phổ độ. Còn tờ Nhứt trình, thỉnh thoảng sẽ tính.

Thầy ban ơn cho các con.

Đặng nhiều càng tốt. Chữ quốc âm mà thôi.

Thăng.”

Về việc Chí Tôn buộc môn đệ của Người gọi Người là Thầy, Đức Ngài có một lần vấn nạn Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn như thế này:

“Hể làm cha thì làm cha, còn làm thầy thì làm thầy. Có sao Đại Tử Phụ lại xưng Thầy rất ư khó hiểu?”

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đáp:

*“Người cũng vốn Cha Thầy luôn một,
Cả Chơn Linh hài cốt nơi Người.
Nuôi mình dùng vật xanh tươi,
Tạo hồn lấy phép tốt rồi Chí Linh.”*

*Nơi Người vốn quang minh cách trí,
Tấn hóa hôn phép quý không ngưng,
Uật hèn trước mắt thành trân,
Hòn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.
Luật thương yêu quyền là công chánh,
Gần thiện căn xa lánh phạm tâm.
Làm Cha nuôi sống âm thầm,
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên.”*

■ NGUYỆT TAM CHƠN NHƠN

Sau đó mấy ông chia nhau ra thành 3 nhóm để đi phổ độ lục tỉnh. Ngài Hộ Pháp ở trong nhóm thứ nhất cùng với ông Lê Văn Trung, Trần Đạo Quang, Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Hương Thanh, Lê Văn Giảng,... đi phổ độ trong các tỉnh:

- Vĩnh Long - Long Xuyên
- Trà Vinh - Châu Đốc
- Cần Thơ - Hà Tiên
- Sóc Trăng - Rạch Giá
- Bạc Liêu

Phò loan là do ông Cư, Tắc thực hiện.

Nhóm thứ hai gồm có ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, Lê Văn Hóa,... lo truyền đạo trong các tỉnh Tiền Giang như:

- Chợ Lớn - Mỹ Tho
- Gò Công - Bến Tre
- Tân An

Phò loan là ông Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức thực hiện.

Nhóm thứ ba gồm có ông Lê Bá Trang, Vương Quang Kỳ, Yết Ma Nhung, Trần Văn Liêng,... lo phổ độ các tỉnh

miền Đông như:

- Tây Ninh – Biên Hòa
- Thủ Dầu Một – Bà Rịa
- Gia Định – Sa Đéc

Phò loan là ông Sang, Diêu thực hiện.

Hỗ trợ cho 3 nhóm trên còn có một bộ phận giảng đạo do ông Nguyễn Văn Tương và ông Nguyễn Văn Kinh là những vị rõ thông đạo lý từ Minh Sư quy nhập Cao Đài. Kết quả cuộc phổ độ này rất khả quan, tính đến ngày Đại Hội khai Đạo thì số người nhập có lên đến 20 ngàn người.

Trong số những người nhập môn ở giai đoạn này có nhiều nhân sĩ trí thức tiếng tăm như là:

- Ông Bà Tổng Đốc Phạm Văn TƯƠI
- Ông Bà Tổng Đốc Huỳnh Thái THÔNG
- Ông Bà Luật Sư Dương Văn GIÁO
- Ông Đốc Phủ Nguyễn Văn CA (Thanh Ngư của Đức Lão Tử)
- Ông Tri Huyện Nguyễn Dư HOÀI
- Ông Cai Tổng Trương Vinh QUI
- Ông Nghị Viên Nguyễn Phan LONG
- Ông Nghị Viên Cao Triều PHÁT
- Bác sĩ Lê Văn HOẠCH
- Bác sĩ Nguyễn Thế VINH
- Giáo Sư Trần Văn QUẾ
- Nhà thầu khoán Lê Kim TỶ
- Ông Nguyễn Văn Phùng ở sở Hỏa Xa
- Ông Latapie ở sở Thương Chánh
- ...

Ngoài ra Chí Tôn còn thân nhận thêm được 4 vị phò loan đó là: ông Lê Thiện Phước, Lê Thế Vĩnh, Nguyễn Văn Mạnh, và Thái Văn Thâu. Về sau Chí Tôn phong cho 4 vị này vào hàng phẩm Thời Quân thuộc Chi Thế của Hiệp Thiên Đài.

Qua ngày mùng 1 tháng 10 năm Bính Dần (1926), tất cả chức sắc được lệnh tạm ngưng việc truyền giáo trở về Thánh Thất Từ Lâm, hay còn gọi là Gò Kén, để chuẩn bị khai minh Đại Đạo. Chấp hành lệnh của Chí Tôn, đồng Đạo các nơi lũ lượt kéo về Tây Ninh. Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con. Hiểu à!”

Thầy qui Tam Giáo, lập Tân Luật trong rằm tháng 10, có đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ cũng do nơi ấy mà xuất hiện ra. Rõ à!

Thầy nhập 3 chi lại làm một, là có ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà. Thầy là Cha chương quân. Hiểu à!

Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ phân phe chia phái là đại tội trước mặt Thầy. Nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo ‘Đại Hội.’”

Đêm ngày 14 rạng ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần chính thức khai Đạo Cao Đài tại chùa Gò Kén và làm lễ khánh thành Thánh Thất Từ Lâm đầu tiên của nền Đại Đạo.

Đêm hôm ấy, vì quá đông người nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu cơ Chí Tôn giảng ký tên Khai Đạo, để ít lời quở trách rồi thặng. Thừa dịp đó tà quái nhập vào

ông Lê Thế Vĩnh xưng là Tề Thiên Đại Thánh, và nhập vào bà Vương Thanh Chi, con gái của ông Vương Quang Kỳ, xưng là Quan Âm Bồ Tát. Lúc đầu bốn Đạo tưởng thật, sau 2 người nói năng lung tung, lại nắm tay nhảy múa gây náo loạn khiến mọi người đều nghi ngờ là tà quái. Cuộc biến thiên xảy ra trong lễ tấn phong chức sắc Cửu Trùng Đài chớ không phải trong một đàn cơ, cũng bởi vì lòng tham vọng của một số người mà tâm sanh ra cuồng vọng.

Sở dĩ có chuyện tà quái lộng hành hôm đó một phần là do ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt làm phép trấn thần không đúng như Chí Tôn đã dạy trước đó mấy ngày, ngày 12 tháng 10 Chí Tôn có giảng dạy sắp đặt cuộc Đại Hội rất chi tiết như vậy:

“Lập lễ Thánh Thất:

Phải làm một Nghi án trước điện day mặt vô 7 Ngai, hình vuông đóng bốn mặt, trên như nóc chùa, kết hàng cho đẹp, nơi ấy phải kín, 4 phía ra vô có màn. Thầy giảng cơ tại án ấy, nghe à!

Lễ Thánh Thất chia ra làm: Lễ, Khách, Xuất, Thâu. Vậy Thầy nói về Lễ trước.

Về Lễ:

Thầy giao Chánh sự cho Trang, Phó sự cho Nhung, Phụ sự có Ý, nghe à. Như Ý không chịu thì Lịch phải thế. Vậy thì Chánh sự là Trang làm đầu. Thầy lại thêm 3 vị nữa cho các con rộng dùng: Mùi, Vân, Đạt.

Thầy lại hỏi thêm 12 đứa nữa, ai tình nguyện?

Lễ Văn Sanh, Dương Văn Hoài, Nghĩa, Nguyễn Xuân Quang, Sơn, Lê Thế Vĩnh, Hườn, Trần Văn Bản, Nguyễn Văn Mùi.

Về Khách:

Khách thì Tương là Chánh sự, Luật là Phó sự, Thầy muốn đem Hoài vô đặng không Lịch? Voi là Phụ sự, Lại, Sơn, Thành là giúp Thầy.

Hỏi 12 đứa tình nguyện:

Giỏi, Bản, Tuất, Tiếp, Trò, Giảng, Học, Kỳ, Tường, Hơn, Kính, Đơn.

Về Thâu:

Thì Thơ, Như Nhãn, Đạo Quang. Thầy hỏi 2 đứa ký lục: Châu, Tuấn.

Việc Xuất:

Xuất thì Lịch, Xài, Hóa. Thầy hỏi 2 đứa ký lục: Kiên, Vĩnh.

Nghe hành lễ, con Trang:

Chường Pháp, Đầu Sư: Thầy định 3 ngôi Chường Pháp, 3 ngôi Đầu Sư đều có vị.

Phối Sư: Còn Phối Sư thì là Trang, Tương, Thơ là Chánh, còn 33 vị nữa thì tùy theo ngày phong sau trước đừng nối theo đó.

Giáo Sư: Rồi tới 72 Giáo Sư, cũng tùy theo ngày thọ sắc mà phân sau trước.

Giáo Hữu: Kế nữa là 3000 Giáo Hữu, cũng tùy Thiên Phong mà đừng theo hàng ngũ phái Thượng, phái Thái, phái Ngọc vậy.

Phò loan: Tiếp nối theo sau, ngay chính giữa, nơi bàn Hộ Pháp thì: Đức, Hậu, Tràng, Nghĩa.

Bên mặt thì: Mạnh, Phước, Mai, Nguyên. Bên trái thì: Đãi, Kim, Tươi, Chương.

Hộ Pháp: Con lại để dựa bên bàn Hộ Pháp 2 cái ghế, rồi làm 2 cây phướn đề: Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

Thượng Phẩm: Bên mặt Hộ Pháp là Thượng Phẩm.

Thượng Sanh: Bên trái Hộ Pháp là Thượng Sanh.

Đưa cây Phướn Thượng Phẩm cho Mùi, cây Phướn Thượng Sanh cho Vĩnh cầm, đứng hầu 2 bên.

Trấn cờ Ngũ phương: Tại Đông phương, Tây phương, Nam phương, Bắc phương lựa 12 đũa đồng nhi cầm cờ, còn ở giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.

Lịch hiệu à! Kỵ hành Đại lễ cho Thầy rồi thì Lễ Sanh xướng: “Thiên phong quán tẩy”, cả thầy đều ra rửa mặt mày cho tinh sạch. Chừng xướng: “Chỉnh túc y quan”, thì cả thầy phải thay Thiên phục.

Lễ sanh xướng: “Lập vị” thì đứng theo hàng ngũ cũ như trước. Hành lễ y như tại chùa Vĩnh Nguyên Tự nghe Lịch.

Còn Nữ phái thì đều mặc đồ trắng trước khi hành lễ.

Thiên phong Nữ phái: Thi Cự, Tắc phải vào nghi án phò loan cho Thầy phong Nữ phái trước và lập Tịch Đạo luôn nữa nghe.

Trấn Thân: Chừng mặc Thiên phục rồi thì Cự, con chấp bút nhang cho Thầy trấn Thân mỗi người và nơi mình của chư Thiên phong rồi mới hành lễ.

Nhớ biểu Nam phái đứng chẳng hết ở giữa thì qua bên tả của Thầy, song phải phân hàng ngũ đẳng cấp chúng nó cho tử tế, chớ không đặng lộn xộn.

Hành lễ: Còn bao nhiêu môn đệ thì đứng tiếp theo sau. Thầy dặn: Hành lễ rồi thì phải biểu Lễ sanh xướng: “Thiên phong phò loan” đặng Thầy lập Phật Truyền Chánh Pháp.

Cư, Tắc phải để Thiên phục vậy mà phò cơ nghe.

Thầy sẽ giao Nhạc cho Mỹ Ngọc và Lễ cho Nhơn.”

Lúc chuẩn bị cho Đại Hội ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt chỉ trấn Thần ở giữa đàn nội mà thôi, chớ không trấn các góc của Thánh Thất theo lời dạy của Chí Tôn. Thêm nữa, trong buổi lễ hôm đó đến lúc Đức Thượng Phẩm đang chấp bút bằng nhang để Chí Tôn trấn Thần cho các vị chức sắc thì Ngài Hộ Pháp lúc ấy đang ngự trên ngai ngó vào chánh điện, từ xa thấy cứ tưởng đâu là Thượng Phẩm ngoắc ngoắc kêu mình lại nói gì đó nên Ngài bước xuống ngai đi lại Thượng Phẩm. Vừa đi được 3 bước thì tình trạng tà quái xung nhập xảy ra lộn xộn như kể trên. Từ đó mới thấy được tầm quan trọng của việc làm phép trấn và sự hiện diện của Hộ Pháp ngự trên ngai khi thiết đàn.

Thấy việc như vậy, ông Monet, là một thành viên trong hội Thần Linh học khuyển giải trong bốn đạo như vậy:

“Công việc các ông làm đây là rất phải. Các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình, vì bên Pháp trong mấy đàn thỉnh Tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có một lời khuyên các ông là từ đây trở đi, hễ có cầu cơ thì chớ họp nhau đông đảo, vì cần phải thanh tịnh. Mà hễ đông người thì một là mất bề thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được thì không linh nghiệm.”

Khi tất cả đã ra về, mấy ông mới thiết đàn cầu hỏi về việc tà quái lộn hành như vừa qua thì có Chí Tôn giáng cơ quở trách, Đại úy Monet thấy cơ chuyển liền làm phép cắt điển theo phương pháp Thần Linh học để coi phải đúng điển của Tiên Phật hay không, mà không cắt được. Chí Tôn nói như vậy:

“Cả chư môn đệ ngu, ngu, ngu.

Thầy lập phép để làm chi? Thầy dạy sắp đặt lễ... làm không trúng.

Cả chư môn đệ nam nữ hầu Thầy đăng phân hàng ngũ cho nghiêm trang. Thái Đầu Sư? Tương đâu?”

Tiếp theo:

“Các con nghe,

Tuy vân Thầy dùng phép thử Thánh mặc dầu, chẳng lẽ một vị Thiên Tước mà rẻ rúng đăng vậy, nhưng các con lại chẳng hiểu rõ tà quái quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi.

Thầy lấy làm tức cười mà lại đau thảm cho những kẻ vô phúc bị ngã vì bần thử thất nên vậy.”

▶ Tái câu:

“Khi Trang, Tương, Minh đến nghe à! Nếu các con còn vậy nữa Thầy sẽ phạt một cách nặng nề. Kỳ đem một chén nước lạnh vào đây.”

▶ Tái câu:

“Các con, cười...”

Thầy chẳng biết đến chừng nào Thầy dạy cho các con hiểu Thánh ý Thầy dạy... cười...

Thầy dạy... Lịch nghe dạy.

Phải trấn đàn từ phía góc Thánh Thất chớ chẳng phải nội ở giữa mà thôi, rồi làm Đại Lễ như buổi ở tại chùa Vĩnh Nghiêm.

Nhớ đừng phát cờ lộn nữa nghe à. Bởi tại con nên ra đến đối, hiểu à.

Thầy dặn con một điều này nữa, từ đây khá làm theo lời Thầy dạy, đừng biến cải nghe à.

Thiên phong lập vị.

Chương Pháp tọa vị, Đầu Sư tọa vị... khá hành lễ.

Chư môn đệ nhập nội cho có nghiêm trang. Mỹ Ngọc, con phải biểu nhạc đờn đủ 7 bài.

Thầy buộc tái cầu đặng Thiên Phong nghe. Thầy ngự."

Qua mấy ngày hôm sau Chí Tôn giảng cơ có dạy về việc tà quái vừa qua. Chí Tôn nói:

"Các con, Thầy nghĩ lại việc hôm nọ tại Thánh Thất biến ra một trường tà quái mà Thầy bắt đầu lòng đó các con. Các con thiết nghĩ ra lẽ nào?"

Mỹ Ngọc, tức là ông Cao Quỳnh Diêu mới bạch:

"Bạch Thầy tại vài ông Thiên Phong làm chuyện lời thôi nên mới có qui yêu xung nhập."

Thầy nói tiếp:

"Phải, bởi cái lếu của chúng nó mà sanh việc ngày hôm nay."

Mỹ Ngọc:

"Bạch Thầy trong môn đệ có nhiều người ngã lòng."

Thầy nói:

"Bất bình lắm hả?"

Mỹ Ngọc:

"Nhưng trong Thiên phong có vài ông mà thôi."

Thầy mới nói tiếp:

"Cũng có nhiều chỗ sao con nói ít vậy con? Đó là bước đạo, đó là Thiên cơ, các con hiểu sao được, nhưng Thầy buồn vì nổi có nhiều đứa sàm biện về việc ấy. Thầy cũng

muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương đó chút. Môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ Đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế. Bởi bước Đạo gặp ghình khó tới nên mới ra có đôi. Bởi còn vương bụi trần, ham mỗi phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán Đạo.

Các con hiểu Thầy buồn, nhưng ấy là máy Trời đã định chạy sao cho khỏi? Thầy biết bao lần vì các con mà chịu nhục nhằn.

Từ khai Thiên lập Địa Thầy cũng vì yêu mến các con mà trải bao những điều khổ hạnh, mấy lần lao lý, mấy lúc vang mây nuôi nấng các con hầu lập nên nền Đạo, cũng tưởng các con lấy đó mà làm đuốc soi mình đặng bỏ tà qui chánh. Mấy lần vun đắp nên Đạo Thầy đều cũng bị bậy mà hư giềng Đạo cả.

Thầy buồn đó các con.

Thầy ban ơn cho các con, Thầy thặng.”

► **Tái câu:**

“Các con nghe Thầy:

Sự biến xảy ra đến nay đã thành một trường ngôn luận, có khi cũng náo nhiệt đến nền Đạo. Kẻ gọi tà, người nói chánh. Nơi Thiên thơ đã có dấu ràng ràng. Các con có đi tranh luận cũng nhọc công vô ích. Kẻ hữu phần, người vô phước, tin tin, không không cũng chẳng sửa cơ Trời đặng.

Đường còn dài, bước càng nhọc, thì nền Đạo càng cao, công trình càng rõ. Ôi! Thầy đã lắm nhục nhằn vì bậy con đại, muốn ra tay tế độ vớt trọn cả chúng sanh thoát vòng khổ hải, nhưng chúng nó nhiễm luyến đã đầy mùi trần thế, tâm chí chẳng vững bền, thấy khó đã ngã lòng,

mới đập chông toan trở bước. Thấy cũng phải đau lòng mà nắm máy huyền vi để cơ Trời xoay đổi. Các con liệu lấy.”

Cuộc biến ấy thành ra một trường công kích rất nên kịch liệt. Kẽ nghịch Đạo hơn đó mà hô lớn lên rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là tà giáo, là quái giáo lăng xăng. Tuy nhiên cũng có một ít người bốn Đạo vì đó mà ngã, chớ còn kẻ có chút quan tâm về tôn giáo càng nghe lời công kích chùng nào càng để ý quan sát về Đại Đạo chùng nấy, thành ra trường công kích lại trở thành phương tiện giới thiệu cho nền Đại Đạo mà tự người đứng ra công kích cũng phải nhìn nhận là như vậy.

Trong bối cảnh rối ren như vậy, Đức Chí Tôn vẫn dùng huyền diệu cơ bút mà lập thành Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, thành lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Tiếp theo sau chuyện rối ren tà quái lộng hành đó, là ông Hòa Thượng Như Nhãn đòi chùa Từ Lâm lại không hiến cho Đạo Cao Đài nữa. Vốn ngôi chùa này là trong lúc trụ trì tại chùa Giác Hải ở Chợ Lớn, ông Thích Từ Phong tức là ông Như Nhãn, có quyền tiền trong bốn đạo để lập một cảnh chùa tại Gò Kén, Tây Ninh lấy tên là Từ Lâm Tự. Trong số quyền góp đó thì ông bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đóng góp nhiều hơn cả. Sau khi được Chí Tôn thân làm môn đệ, ông bà này mới thuyết phục ông Như Nhãn vào Đạo. Ông Như Nhãn cũng được Chí Tôn thân làm môn đệ, và sau đó đặc phong Chưởng Pháp phái Thái. Rồi sau đó ông Như Nhãn tự nguyện hiến chùa Từ Lâm cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất để tổ chức Lễ Khai Đạo.

Lúc đó chùa này chưa xây cất xong hoàn toàn, chỉ vồn vẹn có ngôi chánh điện, chưa có các cơ sở phụ thuộc như

Đông Lang, Tây Lang, nhà Tăng, nhà khách. Đường sá vào chùa cũng chưa hoàn tất. Ông Trung mới làm đơn xin phép với chánh quyền Pháp. Ngô nghinh thay, giấy phép được cấp ngày 7-11-1926, cách ngày nộp Tờ Khai Đạo đúng 1 tháng, 7-10-1926. Xong rồi Ông bà Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Hương Thanh gấp rút tiến hành công việc xây chùa cho xong. Ông bà cho sơn phết, phát quang chung quanh, đổ đá làm đường cho rộng rãi từ quốc lộ vào tới sân chùa để xe hơi chạy vô được tới sân chùa, cắt thêm các dãy nhà xung quanh để có chỗ làm việc, nơi tiếp khách, phòng trừ, nhà nghỉ,... Công việc rất nhiều, phải mượn thêm thợ từ Sài Gòn đem lên mới có thể hoàn tất đúng thời hạn. Các phí tổn cho công việc này rất lớn, ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đều chịu phần công quả.

Thế vậy mà vì cuộc biến nọ, trường công kích kia mà ông Hòa Thượng nảy lại lộng ngôn trở tráo đòi chùa lại. Hội chuẩn bị khai Đạo, Chí Tôn đã tin tưởng ông ta mà giao cho trọng trách là hội chư hòa thượng để thành lập Tân Luật. Chí Tôn nói là:

“Như Nhãn hiền đồ! Thầy không muốn nói với con bằng tiếng Hồn ngôn, vì tiếng An Nạm từ đây Thầy cho là Chánh tự đặng lập Đạo của Thầy, nên buộc phải nói rõ ràng với con.

Thời kỳ giấu giếm Thiên cơ đã qua rồi, Thầy phong cho con là: Quân Pháp Thiên Sư Thích Đạo Chuyển Luật Lĩnh Diêu Đạo Sĩ, con vừa lòng chăng?

Con đã giúp Thầy gìn giữ Thích đạo nguyên luật từ thử, nay mới còn đặng như vậy, không thì đã ra bàng môn tả đạo rồi.

Con phải biết Thầy ngày nay trông công con mà lập

thành Tân Luật Thích giáo. Con phải đại tịnh kể từ tháng 9 cho tới rằm tháng 10, Thầy không muốn cho con lo lắng điều gì khác hơn là xét xem kinh điển lại.

Con biết Ngũ chi: Minh Đường, Minh Sư, Minh Tân, Minh Lý, Minh Thiện cũng đều do nơi Phật pháp mà ra, duy giáo lý của các chi ấy thì có Tiểu Học, Đại Học, Trung Dung, và Tứ Thư là kinh điển mà thôi. Còn phái Lão duy có Đạo Đức Kinh và Huỳnh Đình Kinh là căn bản. Con phải xem xét hết lại mà lập Tân Luật.

Thầy nhứt định giao Thánh Thất này lại cho Thơ lo lắng thế cho con, song sự thờ phượng phải có thay đổi chút ít, sau Thầy sẽ dạy chư đạo hữu con định liệu.

Rằm tháng 10 này, Thầy xin con hội cả chư hòa thượng tại Thánh Thất đây chung lo lập Tân Luật. Ngày ấy Thầy sẽ dạy cho hai vị hòa thượng phò loan, đặng có điều chi bợ ngỡ thì cầu Thầy mà thôi.

Thầy phú thác một trách nhiệm nặng nề cho con, nhưng mà con đừng ái ngại. Danh giá con, Thánh đạo Thầy trong ấy, con khá hết lòng.

Con phải hiểu rằng, hội chư hòa thượng trọn đời ba tháng thì là hao tổn, song chẳng hề chi, để Thầy định liệu. Tuy vậy, Thầy biết sức một mình con cũng đủ lập Tân Luật, nhưng mà Thầy muốn có hòa thượng đặng cho khỏi thành tròn, lại còn làm tay chơn Thầy để thâu phục Thích đạo.

Thầy cậy con một điều là đời Minh, vì nó là môn đệ của con, đặng giao chức Thái Đầu Sư cho nó đi phổ độ nhưn sanh. Cái trách nhiệm ấy đáng lẽ về phần con, song con tuổi đã cao rồi, khó bề cựa nhọc, nghe à!

Thầy để con trọn quyền mà Thầy xin con an lòng, Thầy lo chung cùng con, Thầy trông cậy nơi con lắm đó!”

Một phần vì bị bọn Pháp đe dọa, một phần vì những người lúc trước đã quyên tiền xây chùa cũng buộc ông đòi chùa lại. Tiếc thay, ông ta lại sợ ma quyền hơn là Thánh Giáo. Ông ta kỳ hạn cho Đạo Cao Đài trong vòng 3 tháng phải trả chùa lại.

Sau đó với sự chỉ dẫn của Đức Lý, Hội Thánh tìm mua được miếng đất ở khu rừng cấm trên Bàu Cà Na, xã Long Thành, Tây Ninh. Lúc ấy, ông Cao Thượng Phẩm mới đứng ra huy động số công thợ, công quả tình nguyện chung tâm hiệp trí để cất chòi, đốn cây, bứng gốc khu rừng cấm ngày đêm không nghỉ. Với 2 bàn tay trắng, không một cơ giới, chỉ một quyết tâm cùng nhiệt tình vồn vện trong vòng 3 tháng người tín hữu Cao Đài đã san bằng và xây lên được ngôi Tòa Thánh tạm bằng gỗ, tranh lá đủ lầu chuông, lầu trống, Bát Quái Đài. Đó là do công lao phần lớn của ông Cao Thượng Phẩm và các công thợ, công quả nhiệt tình ngày đêm dầm sương trải nắng để hoàn thành. Cũng bởi tại vì đã quá kỳ hạn 3 tháng trả chùa mà vẫn chưa có nơi nào để đi, mà ông Hòa Thượng đó lại cứ theo đòi chùa lại miết. Khi đã hoàn thành Tòa Thánh tạm xong, Hội Thánh trả chùa lại cho ông Hòa Thượng, thỉnh Thánh Tượng, dời chư Phật, Tiên về đất mới.

HỒI THỨ BẢY: THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

SAU KHI CHÍ TÔN RA LỊNH TỔ CHỨC LỄ KHAI ĐẠO VÀO NGÀY RẼM THÁNG 10 NĂM BÍNH DẦN (1926), Đức Hộ Pháp vâng lệnh Chí Tôn xin nghỉ việc 6 tháng để lo việc Khai Đạo tại Thánh Thất Gò Kén. Nay thời hạn 6 tháng đã hết, Ngài mới cầu cơ hỏi Chí Tôn:

“Con nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay trở lại làm việc nơi sở Thương Chánh của chánh quyền Pháp?”

Chí Tôn mới trả lời:

“Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay.”

Ngài trở lại sở Thương Chánh trình diện, xin tái phục vụ thì chánh quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Ông Trung mới bạch với Chí Tôn xem việc đó có phải là Thánh ý chăng. Chí Tôn cười và bảo:

“Chẳng nét nào không nơi Thầy dựng, nó cũng nên an lòng. Sau sẽ thấy máy huyền vi...”

Đức Hộ Pháp đi Nam Vang, hay còn được gọi là Kim Biên vào đầu tháng 4 năm Đinh Mão (1927).

Sang Cao Miên Ngài ở tại nhà ông Cao Đức Trọng là anh của ông Cao Thượng Sanh. Nhà của ông Trọng trong dãy phố 8 căn gọi là phố Lang Cô. Cách đó là nhà của ông Trần Quang Vinh, Đặng Trung Chử. Và Ngài cũng thường lui tới nhà ông Huỳnh Hữu Lợi. Phần đa người ngụ trong dãy phố này đều là người Việt Nam.

Trong lúc đó anh em thân thuộc ở gần toàn là công tư

chức, hằng đêm tụ họp trước sân nhà ông Cao Đức Trọng chuyện trò và nhơn dịp ấy tiếp xúc với Ngài Hộ Pháp là người bạn mới ở Sài Gòn đổi lên. Trong những câu chuyện thường, Ngài hằng đàm luận về thi phú văn chương, như là nhắc nhở các bài thi học hỏi nơi Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, tường thuật bao nhiêu huyền diệu trong việc xây bàn và cầu cơ lúc ở Sài Gòn, lập đi lập lại những thi văn hướng dẫn về con đường đạo đức. Những câu chuyện rất hấp dẫn, thâm phục được các bạn trí thức, rồi dẫn đến việc xây bàn thử để xem các Đấng ấy dạy thế nào.

Lúc mới khởi việc xây bàn thì chỉ có Ngài Hộ Pháp với ông Trọng để tay lên bàn tròn 3 chơn, cơ lên nhưng bàn nhip hơi yếu, thêm một người ngoài để tay vào thì bàn nhip mạnh, cách đếm ráp chữ cũng giống y như hồi Đức Hộ Pháp hiệp với các bạn ở Sài Gòn vậy.

Trong những bạn bè đến chơi, có người xin hỏi về gia đạo, về tương lai,... thì tức khắc được trả lời cho một bài thi, hoặc tứ cú hoặc bát cú để thỏa mãn lòng hiếu kỳ. Những vị được bài thi đọc đi đọc lại, tự biết chuyện của mình, khen cơ nói trúng phóc nên khen lấy khen để, gọi là linh thiêng, tỏ vẻ kính trọng hơn trước. Tiếng đồn ngày càng lan rộng, nhiều người khác đến mỗi đêm.

Càng ngày mọi người kéo tới càng đông, xây bàn thì chậm chạp, mỗi đêm chỉ được năm ba bài thi, nên Đức Hộ Pháp nảy ra 2 ý kiến hay ho là: tạo ra một tiểu Ngọc Cơ, hình thức như Ngọc Cơ tại Tòa Thánh: cũng có căn cơ, mỏ cơ và một cái giỏ đương bằng mây phất giấy vàng, ngang miệng giỏ có một cây ngang, đẹp, giữa cây có xoi một lỗ cho vừa đút xuống cái cốt bàn cơ. Bàn cơ thì hình vuông như bàn cờ tướng, trên mặt có vẽ tất cả các chữ trong bảng chữ cái từ A tới Z theo hình rẽ quạt. Khi đúc Ngọc Cơ vào cốt, hai

vị phò loan 2 tay nắm miệng giỏ, mỗi người một bên, khi điểm quang vào tay thì Ngọc Cơ chuyển động, quay qua quay lại trên trụ cốt xây vòng theo chữ vẽ hình rẽ quạt. Khi đến chữ mà cơ ngừng thì có người hầu kể bên đọc, một người khác viết lại. Cách này tuy chậm hơn Ngọc Cơ ở Tòa Thánh nhưng mau hơn cách xây bàn.

Cái nữa là, buộc ai muốn cầu cạnh điều chi thì phải dâng sớ, phải viết một tờ sớ kể lẽ việc mình cầu khẩn đội trên đầu khi hầu đàn, cơ giáng thì tuần tự kêu tên người. Huyền diệu thay! Mỗi khi có một hai chục người dâng sớ, 2 vị phò loan là Hộ Pháp và ông Trọng làm sao biết hết tên họ, mà trong mỗi bài thi tặng cho mỗi người đều mang tên người ấy ở đầu bài thi. Trong lá sớ của mỗi người dâng lên là họ hỏi việc riêng của họ, mà trong bài cơ tiếp được thì trả lời trúng theo sở cầu của họ, làm cho họ hết sức bái phục.

Có đêm nọ trong đàn cơ có một bà góa phụ tên Trần Kim Phụng, là một người đàn bà sang trọng có tên tuổi, lại là một bậc thi sĩ ở Nam Vang mà ai ai cũng đều kính nể đến hầu đàn mà có tư ý là muốn thử cho biết thiệt hư. Bà cũng vào quì hầu đàn như mọi người, dâng sớ xin thi. Trong đàn thi đồng đảo, mỗi người đội một lá sớ, lòng thành khẩn. Lúc mới vào đàn, còn đương lộn xộn, kẻ đứng người quì, bỗng có một bạn quen tên Huỳnh Đình Thới cố ý đến thử sự linh thiêng của đàn cơ, ông lên tráo lá sớ của bà nầy rồi để lá sớ của mình vào mà không ai hay biết. Khi cơ giáng ban một bài thi cho bà Phụng, mà lá sớ bà ta đang đội là của ông Thới lúc nầy, nhưng chữ đầu của bài thơ vẫn là “PHỤNG”, trọn ý bài thơ đều nói về việc của bà nầy. Rồi đến lượt ông Thới mà lá sớ ông ta đang đội là của bà Phụng, khi cơ giáng cho thi, chữ đầu cũng là tên ông nầy “THỚI”, và bài thi đều nói về việc của ông nầy. Đến hồi bãi đàn đem thi ra đọc lại, ông

Thới mới thú thật là ông đã tráo lá số của bà Phụng để thử xem cơ thực hư ra sao cho biết, chừng ấy ông mới bãi phục sự linh hiển của quyền năng thiêng liêng.

Lại nữa, ông Vinh có độ dẫn được một người bạn nhập môn theo đạo là ông Võ Văn Sự chủ tiệm thuốc bắc, tánh nết hay khoe khoang tự xưng là thi sĩ, thi phú văn Nho cũng khá, được đời khen tặng. Tuy đã theo Đạo nhưng đức tin chưa vững, đôi khi ông lộng ngôn vô ý là đến đàn để làm thi chơi với các Đấng. Vì đó mà một đêm nọ có Bát Nương giáng cơ phiên trách như vậy:

“Anh Sự, anh nói anh giỏi lắm hả? Nội cái hiệu của anh đó thì đủ thấy cái dốt của anh rồi. Minh Tâm có câu:

NHÂN trung kiểm điểm Bình Sanh Sự,

TỊNH lý tư lương nhứt sở vi.

Phải dùng hiệu NHÂN TỊNH hay là TỊNH NHÂN mới trúng văn? Hiệu gì mà dùng có một câu là Bình Sanh Sự vậy!

Em thương mà dặn anh từ đây không nên xúc phạm đến các Đấng nữa nghe!”

Bát Nương thương người chưa trọn hiểu Đạo nên tuy quở rầy mà dạy dỗ, bởi lắm khi ông Sự cũng có phạm thượng đến các Đấng.

Trong một đàn cơ mà ông Sự vắng mặt, Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng đàn có cho một bài thi bát cú chữ Nho, toàn là những vị thuốc bắc mà nhị vị phò loan không hiểu nghĩa lý chi hết, được bảo là trao lại cho Sự. Bài thi như vậy:

*“Mộc tặc phòng phong tuyết bạch đầu,
Trấu bì thực địa ám minh châu.*

*Đào căn chỉ thiệt hồng hoa kiến,
Nhãn nhục xuyên tâm quả lựu sâu.
Quân tử mạch môn cam thảo thuận,
Kỳ châu viễn chí khổ qua mâu.
Hổ giao lộc giác y căn thủ,
Trạch tã càng cương thiếu khách hầu.”*

■ *CHƯỜNG ĐẠO NGUYỆT TÂM (CHƠN NHƠN*

Đức Chưởng Đạo còn nhấn là bảo ông Sự xem và tìm hiểu bài thi này thì biết trọn đời của ông.

Bữa nọ Ngài Hộ Pháp muốn đi dạo vòng chơi cho khuây khỏa, đang đi trên đường tình cờ có một tốp lính bám theo làm cho Ngài sợ bị chúng nó bắt nên nhắm rạp ciné chun vào mua vé. Chúng thấy Ngài vào mua vé xem phim rồi nên không theo nữa. Chờ một lát tốp lính bỏ đi Ngài ra ngoài cho vé lại ai muốn đi coi mà chưa mua. Đoạn Ngài thả bộ đến chợ mà lại tự nhiên muốn trở về nhà ông Trọng. Ngài về đúng lúc ông Trọng đang phò loan, một tay cầm cờ, một tay viết. Ông Trọng thấy Ngài về mới mừng nói:

“Có Đức Nhân Âm đến.”

Ngài không tin mới nói: *“Làm gì có!”*

Ông Trọng nói:

“Đây này.”

Đức Nhàm Âm mới viết:

*“Cởi ngon gương linh xuống cõi trần,
Không cần bạch hạc với thanh vân.
Nghe Tây Sơn Đạo nương Tần Quốc,
Mới đến thăm nhau mới một lần.”*

■ *NHÀN-ÂM ĐẠO-TRƯỜNG*

Tây Sơn Đạo chính là bút danh của Đức Hộ Pháp khi

còn viết báo làm cách mạng. Đến đây Ngài mới cười và nói:

“Hèn chi tôi đi mà Ngài không cho lại khiến tôi quay về đây. Ngài kéo tôi về đây gặp Ngài đó mà!”

Xa quê nhà hèn lâu, Ngài nhiều phen cũng nhớ và muốn quay trở về làm đạo, có mấy lần Ngài cầu cơ các Đấng thiêng liêng hiểu được nên Đức Nhân Âm cũng có cho Ngài bài thi này:

*“Ác xế nâng cao bóng hải đường,
Xa tên nhờ bởi nặng cung thương.
Lòn tròn Hàn Tín nên cơ nghiệp,
Dâng dếp Trương Lượng mở miếu đường.
Khương Thượng đi cầu ra trí chúa,
Văn Vương ngồi ngục mới đồ vương.
Trượng phu phải mặt không nao chí,
Xung đột quyết hơn chốn chiến trường.”*

■ NHÂN-ÂM ĐẠO-TRƯỜNG

Bát Nương cũng có cho Ngài một bài:

*“Đường đời thanh loan đến Hôn đài,
Tửu Tiên chưa phỉ tỉnh cùng say.
Nghe danh ông Tắc, Y lia ruộng,
Mến đức ông Nghiêu, Thuận bỏ cày.
Ái vật Thành Thang quên dờ ná,
Yêu dân Hạ Võ mặc hài gai.
Trông mưa đã đợi ba Xuân mãn,
Cứu chúng hờn ai chẳng trở tài.”*

■ BÁT NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG

Trong những đàn cơ mà Ngài cùng ông Trọng tổ chức cũng có rất nhiều Đấng thiêng liêng về nói chuyện dạy nhiều điều mới lạ, như Victor Hugo, La Fontaine, Tôn Trung Sơn,

Lêon Tolstoi, Shakespeare, Aristide Briand,...

Như đàn cơ Ngài được vãn cảnh Đế Thiên để mở rộng tầm nhìn sau này xây dựng Tòa Thánh. Ngài vừa đặt cơ xuống thì có một vị cổ Vương giáng cho thi:

*“Mưa chảy gió lụn cảnh riêng gìn,
Tạc để nền Tiên rạng trước Minh.
Trời hỡi gương soi gương viễn đại,
Đất còn chặt giữ dấu anh linh.
Rừng tòng hạc lánh muôn năm khuất,
Chùa đá đời lưu một thuở nhìn.
Dâu bể tan tành non nước cũ,
Đóng chuông cảnh tỉnh vẽ nên tranh”.*

■ BAKHANAYOUK

Về sau khi Thượng Phẩm dâng Tiên rồi có về cơ khi Đức Hộ Pháp phò cơ ở đây, Thượng Phẩm cũng có giáng cơ cho Ngài biết nơi này họ thấy cầu cơ lạ quá, nên họ xúm nhau cười và cố ý xem cho biết. Vì lòng cảm mến nên mỗi lần có cầu cơ là họ làm lễ đón rước. Nên Đức Thượng Phẩm dặn Ngài là:

“Em phải đốt nhang và xá bốn hướng để chào cảm tạ họ mỗi khi cầu cơ.”

Họ ở đây mà Đức Thượng Phẩm nói không phải là người hữu hình, mà là những vị vô hình.

Đến trung tuần tháng 4 năm Đinh Mão (1927) dưới sự diu dắt của Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là đại văn hào Pháp Victor Hugo và với sự bảo trợ hữu hình của Ngài, Hội Thánh Ngoại Giáo được hình thành.

Trong đàn cơ đêm ngày 29 tháng 6 Đinh Mão (1927) do Đức Hộ Pháp và ông Cao Đức Trọng phò loan, Chí Tôn ân

phong các vị sau đây:

Về Cửu Trùng Đài thì có:

- Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh (Lê Văn Bảy)
- Giáo Hữu Ngọc Sự Thanh (Võ Văn Sự)
- Giáo Hữu Thượng Lắm Thanh (Nguyễn Văn Lắm)
- Giáo Hữu Hương Phụng (Bà Batria Trần Kim Phụng)
- Giáo Hữu Hương Huê (Bạn đời của ông Bảy)
- Giáo Hữu Hương Hạt (Thân mẫu của ông Chử)
- Lễ Sanh Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử)
- Lễ Sanh Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh)
- Lễ Sanh Thái Cửa Thanh (Phạm Kim Cửa)
- Lễ Sanh Hương Trọng (Bạn đời của ông Chử)

Hiệp Thiên Đài thì có:

- Tiếp Đạo Cao Đức Trọng

Về Cửu Trùng Đài thì Chí Tôn giáng cơ phong phẩm rôi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ chấm pháis.

Quý vị chức sắc nam nữ trên đây là những chức sắc đầu tiên của Đạo Cao Đài tại Nam Vang. Nhờ số chức sắc này mà Đức Hộ Pháp lập thành Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, thường được gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo trụ sở đặt tại Nam Vang, có nhiệm vụ truyền bá Đạo Cao Đài nơi ngoại quốc, đặc biệt là độ nhơn sanh ở Nam Vang gồm có: Việt Kiều, Hoa Kiều, và người Cao Miên. Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển vô vi của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là Victor Hugo với chức vụ Chương Đạo do Chí Tôn phong. Về Sau ông Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo về hữu hình.

Sau đó sở Tuần Cảnh Pháp báo cáo với nhà đương quyền

Miên là có khoảng 5000 người Cao Miên đến lễ bái trước Chánh Điện Tòa Thánh Tây Ninh và lễ bái trước Đức Phật Thích Ca ở sân Đại Đồng Xã. Khi số người tăng lên khoảng 30 ngàn thì chánh tham biện Tây Ninh sợ biến nên báo cáo với chánh quyền Pháp. Bộ trưởng Tôn Giáo của Miên ra thông tri như sau:

“Sau khi nghiên cứu tận nơi ta phải nhận định rằng giáo phái này đã dựng lên trong mục đích bất chánh, đáng trách vì họ lấy tôn giáo làm phương tiện lường gạt lợi dụng lòng tin ngưỡng của dân chúng thật thà để đem quyền lợi về cho nhóm họ. Nay giáo lý đạo Phật mà dân Miên đã thấm nhuần đang dẫn ta đến Chân Thiện và Liêm khiết. Ngoài ra không một tôn giáo nào khác đến choán chỗ trên các địa phương của ta.”

Các sư sãi Cao Miên được chỉ thị rõ ràng là họ có bốn phận đẩy lùi giáo lý Cao Đài và định hình phạt đối với người Cao Miên nào nhập môn theo Đạo Cao Đài. Vì thế người Miên bớt theo đạo và vắng bóng họ trên đường về Tòa Thánh. Ngài bèn chú trọng vào Việt Kiều và Hoa Kiều, do đó việc truyền Đạo vẫn được tiếp tục.

Một hôm khi đi làm về, Ngài nói với ông Huỳnh Hữu Lợi:

“Ngày mai qua về Sài Gòn.”

Làm ông Lợi hết sức ngạc nhiên, vì Ngài đang làm công chức mà muốn về Sài Gòn ngang sao được. Quả nhiên hôm sau Ngài được lệnh đổi về Sài Gòn vì họ không chịu được các hoạt động truyền giáo của Ngài ở đây mà họ cho là phá rối trị an.

Tuy chỉ trong thời gian 7 tháng ngắn ngủi, Ngài đã kiện toàn cơ chế tổ chức Hội Thánh Ngoại Giáo đặt tại đường Lalande Calan. Từ đó bổ chức sắc đi truyền giáo ở Trung

Hoa, Pháp, Nhật, Thái Lan,... qua cơ bút do chính Ngài phò loan, Hội Thánh Ngoại Giáo về vô vi còn có:

1. **Jean De La Fontaine (1621–1695)**: là một thi sĩ người Pháp, sinh ở Château-Thierry, Champagene, Pháp. Ông phụ trách phổ độ dân chúng Châu Âu với sự trợ lực của bà Jeanne d’Arc, là một kiếp sanh của cô Lục Nương Diêu Trì Cung.
2. **Tôn Trung Sơn (1866–1925)**: tên thật là Tôn Văn tự Dật Tiên, là người Quảng Đông, cũng là một trong 3 vị Thánh Bạch Vân Động trong bức tranh Tam Thánh Ký bản Thiên Nhân Hòa Ước. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Á với sự trợ lực của cô Bát Nương.
3. **William Shakespeare (1564–1616)**: là nhà đại thi hào Anh quốc, sinh tại Straford-sur-Avon. Ông được dân chúng thế giới hoan nghinh thi tài kiệt liệt. Ông phụ trách phổ độ dân chúng Anh và các nước trong Liên Hiệp Anh.
4. **Léon Tolstoi (1828–1910)**: là tiểu thuyết gia người Nga, sinh ở Iasnaia-Poliana nổi danh về 2 quyển “*Chiến Tranh và Hòa Bình*”, và “*Anna Karénia*”. Ông phụ trách phổ độ dân Âu-Á.
5. **Aristide Briand (1862–1932)**: một nhà chính trị Pháp, sinh ở Nantes, từng làm Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Pháp. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Phi.

Vì những hoạt động truyền giáo mà chính quyền Pháp đổi Ngài về Việt Nam rồi định đởi ra miền Trung nữa. Nhưng khi hay tin đó, Ngài liền đệ đơn nghỉ việc rồi không cần đợi phép cho nghỉ, Ngài bỏ việc về Tây Ninh hành đạo từ đó luôn. Trong thời gian này Ngài viết truyện Thiên Thai Kiến Diện gồm 77 bài thơ Đường, rồi quyển “*Phương Tu*

Đại Đạo” bao gồm văn xuôi, biên ngẫu lẫn thơ thất ngôn tràng thiên, có các tiết mục như: luật đời, phận anh, phận chị, phận em trai, phận em gái, phận chồng, phận rế, phận vợ (làm dâu), làm cha.

Đức Ngài kể:

“Trong Thiên Thai kiến diện, qua được Chí Tôn cho thấy ngôi vị Giáo Tông lần lượt từ người một của nền tôn giáo Cao Đài qua nhiều thời kỳ. Từ một tới thất ức niên. Đức Quyền Giáo Tông là ông Giáo Tông đầu tiên và nghèo nhất. Lạ lùng một điều là đến ông Giáo Tông cuối cùng sao mà nhỏ quá, tuổi độ chừng 17-18 tuổi, một lứa tuổi quá trẻ.”

Đức Ngài thâm nghĩ trong bụng:

“Sao mà nhỏ quá vậy, công đức gì đâu mà làm Giáo Tông?”

Đột nhiên vị ấy tỏa rực sáng hào quang để cho Đức Ngài biết căn kiếp của vị ấy. Đức Ngài mới khỏi hoài nghi.

Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh năm Mậu Thìn (1928).

HỒI THỨ TÁM: ĐẠO XÂY RA BIẾN, HỘ PHÁP GIẢI ẾM LONG TUYỀN KIỂM

SAU KHI MUA ĐƯỢC ĐẤT XÂY CHÙA MỚI, KHI PHÁ RỪNG NÀY THÌ NGƯỜI CAM BỐT XUỐNG CẢ NGÀN người để phá rừng, làm cho ông Chánh Tham Biện người Pháp nghi ngờ, mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Tòa BỐ. Ông ta hỏi Thượng Phẩm chớ làm cái gì mà đông đảo như vậy. Đức Thượng Phẩm mới trả lời rằng:

“Tôi mua miếng đất đó dựng trồng cao su.”

Ông tham biện hỏi trồng mấy mẫu? Thượng Phẩm trả lời: *“Tôi trồng hết số đất tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó.”* Nên sau này trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Thượng Phẩm bị người Pháp cật vấn đủ điều cho đến đổi tới giờ cúng cũng không vô Chánh Điện cúng được, buộc phải rào song ly ngăn lại. Trong Chánh Điện chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi, còn ở ngoài thì vài ba ông thợ mộc quì trên dăm bào lạy vô Bửu Điện. Vì lúc này chánh phủ Pháp nghi ngờ, bắt Đạo và bó buộc không cho tụ họp đông.

Hồi mà mới trả chùa, dời tượng Phật Tổ về đất mới, cốt Phật vì nặng quá, bởi con ngựa Kiến Trắc của Đức Phật Tổ cỡi lớn và dài nên Thượng Phẩm phải kết 2 chiếc xe bò lại để thỉnh cốt Phật lên. Trong lúc sửa soạn thỉnh cốt Phật thì ông chánh tham biện người Pháp cho một toán lính mặc đồ thâm núp dưới đường mương ngoài chong súng lên đặng bắn Thượng Phẩm. Tới chừng thấy rõ là thỉnh cốt Phật mới rút lui. Hội Thánh từ từ di cốt Phật về đất mới mua.

Đức Thượng Phẩm đứng trên xe bò vịn cốt Phật thấy nghiêng bên nào thì hô lên để sửa ngay lại, đi từ 6 giờ chiều tới 2 giờ khuya mới đến Thánh Địa bây giờ. Trước cửa Hòa Viện có cây vên vên, đến đây di cốt Phật vào không được vì bị một cái đường mương lớn quá, Thượng Phẩm phải lập kế kiếm ván đặng lót xe vô mới được. Khi xe qua đường mương rồi thì tạm để cốt Phật nơi đây, vì Thượng Phẩm mệt đuối, nhào xuống đống lá khô trong rừng nằm nghỉ, tất cả chức sắc cũng nằm xuống đó nghỉ theo, vì khi đó mới mua được đất chứ chưa cất được cái nhà nào hết, chỉ có cái nhà bò của ông Aspar, là chủ đất cũ để lại, cũng nhờ đó mà tạm dùng làm phòng trú cho công quả có chỗ để ăn mà phá rừng, nên khi Thượng Phẩm thỉnh cốt Phật về đến đây mệt lả thì bà Hương Hiếu đã chuẩn bị nấu cháo sẵn rồi.

Lúc bấy giờ Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh, nhưng người chủ trương việc Đạo nhứt là ông Thượng Phẩm, đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong và chống trả với phản động lực bên ngoài. Thượng Phẩm vâng lệnh Chí Tôn phá rừng, xây cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, trường học, trú phòng, tất cả đều bằng tranh, rồi đào giếng, cái giếng nầy đến nay vẫn còn gần Đền Thánh đó.

Thảm thay, trời đương thanh, biển đương lặng, gió đương êm. Bỗng đâu đất bằng sóng dậy, nước lả khuấy nên hồ đem đến gieo ác cảm cho Thượng Phẩm.

Ông Tư Mắt, chữ Hán là Mục, tên giấy tờ là Nguyễn Phát Trước, là người côn đồ được Pháp dùng quyền để mua chuộc làm sếp lính kín ở miền Nam Việt Nam hồi Chí Tôn mới dùng huyền diệu cơ bút khai Đạo, ông ta biết đến Đạo Cao Đài và xin nhập môn.

Ngày 25 tháng Giêng năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn có giảng dạy ông ta như vậy:

“THẤY

Mắt! Nghe dạy:

*Trước vốn Hỏa Thần ở Ngọc Cung,
Giúp Nam không đặng phận tôi cùng.
Nước đời lăm nổi chua cay bấy,
Còn đợi chi mong thế vầy vùng.*

Người muốn biết đặng cha người thế nào, hỏi nơi người. Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ. Người là hiếu hạnh, chẳng lẽ để cha mẹ chịu đọa A-Tỳ. Nghe mà ăn năn sám hối.

Thăng.”

► Tái câu:

“CAO ĐÀI

Mắt! Người muốn hiểu cha người thế nào, ấy là hiếu hạnh. Ta khen đó. Người làm tội chó cha người là trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, mà bị tội giáo tử bất nghiêm, để đến đời hại sanh linh đã lắm lúc nên bị tội liên can đó mà thôi, phải ở tại ngục Ngươn Tiêu mà đợi người đến.

Người phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó và ngày sau đặng qui vị mà khỏi đọa luân hồi.

Nghe và tuân lệnh dạy.

Tâm thành của người mới đặng mà thôi.

Người muốn vậy, làm lành lánh dữ. Ngày nào đặng vậy, Ta sẽ cho cha người về nói lại cho người biết.”

Ông ta lúc nào cũng muốn làm lớn trong cửa Đạo để được ngang bằng với cái chức sếp lính kín của mình. Sau khi nhập môn tự nhiên ông ta oán ghét Thượng Phẩm. Rồi sau đó ông ta tố cáo Thượng Phẩm ăn cắp cửa, ăn cắp thuốc, ăn cắp ky đem bán. Còn nói cho bà Tư là bạn đời của Thượng Phẩm nào là ăn cắp từ bó rau, hủ chao về bán.

Năm Mậu Thìn (1928) ông Tư Mắt cùng nhóm Câu Kho Sài Gòn kéo về Tòa Thánh gây áp lực đánh đổ Hộ Pháp và Thượng Phẩm, đòi dẹp Hiệp Thiên Đài vì cho rằng Hộ Pháp và Thượng Phẩm thâm lạm do tú sát bị lũng đày. Họ vận động tín đồ nói rằng Cửu Trùng Đài đã đủ cơ cấu hành đạo để cứu chúng sanh, còn Hộ Pháp có công buổi đầu giờ đây đã mỗi mệt nên nghỉ việc đi. Vì cố nên mới có sự bàn cãi giữa hai bên: một bên là phe ông Tư Mắt, một bên là tín đồ trung kiên với Hộ Pháp và Thượng Phẩm.

Cuối cùng sự việc dẫn tới sự biểu quyết bằng cách bỏ thăm để định vận mạng của quý Ngài. Thăm có 2 loại: “*Còn nữa*” và “*Không thôi*” để trả lời cho câu hỏi Hiệp Thiên Đài còn nữa hay không. Kết quả là 15 phiếu “*Còn nữa*”, 27 phiếu “*Không thôi*”, và 3 phiếu trắng. Như vậy Hiệp Thiên Đài phải nghỉ vì chỉ có 15 phiếu.

Thượng Phẩm mới nói:

“Vai trò của tôi còn thì Hiệp Thiên Đài còn, vì cả một khu rừng già độc địa lúc trước nay tôi san bằng, phát hoang, rồi tạo ngôi Đền tạm này đây. Công việc còn nhiều lắm biết bao số kẻ, tôi đâu có nghỉ được, đâu có làm lơ được.”

Mà rồi thì quý Ngài cũng phải chịu phép không cãi lại được với sự giao ước. Bọn chúng gây áp lực đuổi quý Ngài đi trong vòng 24 tiếng đồng hồ không là bị cột vào rừng thiên nhiên bản. Tất cả chức sắc không ai dám nói gì, đành im

lặng để cho kẻ bạo tàn thắng thế, người cô thế phải thua, nhứt thời chịu nhục. Thượng Phẩm thì về đất nhà ở ngoài gần Đình Hiệp Ninh, là đất của bà tư Hương Hiếu để cho người ngoài nổi buồn thảm. Đức Hộ Pháp có an ủi ông rằng:

“Số 15 là số của Hiệp Thiên Đài, 12 vị Thời Quân và 3 vị làm đầu 3 Chi là 15 người. Chiết ra cộng lại 1+5 là 6. Số 27 là số của Cửu Trùng Đài, chiết ra 2+7 là 9. Còn lại 3 phiếu trắng nếu có thêm vào bên nào thì nguy cho bên đó (loạn pháp bên đó). Nhận thấy bao nhiêu đó cũng đáng mừng, quyền Chí Tôn khiến Hiệp Thiên Đài vẫn còn Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài vẫn còn Cửu Trùng Đài, không có bên nào mất cả.”

Cũng chính nơi đây các Đấng thường hay giáng cơ an ủi, cô Thất Nương có giáng cơ đặt tên cho nơi đó là “*Thảo Xá Hiền Cung*” và cho đôi liễn:

**“THẢO XÁ tùy nhưn ngu muội bản cùng nghinh nhập thất.
HIỀN CUNG trạch khách thông minh phú quý cấm lai môn.”**

Hồi Đức Hộ Pháp vâng lệnh Chí Tôn qua Kim Biên mở Đạo, Đức Thượng Phẩm ở nhà được lệnh của Chí Tôn cùng với Đầu Sư Thượng Trung Nhứt xuống làng Phú Mỹ ở Mỹ Tho lập Minh Thiện Đàn dạy đặng một đoàn môn đệ.

Trước tiên là lập Thánh Thất Phú Mỹ rồi giao cho ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh coi sóc. Đức Lý cũng thường giáng đàn nơi này để dạy đạo. Về sau anh em được chiêu mộ về Tòa Thánh làm công quả.

Khi Hộ Pháp từ Nam Vang trở về ngay lúc Đạo gặp cơn nguy biến, nên Đạo bị chinh nghiêng, trong bị quyền Đạo khảo đảo, ngoài bị Pháp buổi nọ áp bức làm cho mấy anh lớn cầm quyền Đạo chia rẽ nghịch lẫn nhau, thiên hạ lại giục thêm cho nghịch, cho loạn. Tình trạng nguy ngập không thể tưởng tượng. Chúng bắt buộc bất cứ ai trong

Đền Thánh buổi nọ ra hành đạo đều bị bắt đi giam cầm. Pháp định diệt Đạo buổi phôi thai, bó buộc đến nỗi không có cơm ăn. Bên ngoài chúng mượn tay sai bắt giam cầm làm nhục một cách không thể tưởng tượng được. Bên trong thì phân phe chia phái, một đoàn người theo ông Trung, một số theo ông Tương, và cũng có một số theo Thượng Phẩm. Minh Thiện Đoàn cũng không còn được trông nom tới, có vẻ suy tàn.

Lúc ấy, sau khi Thượng Phẩm lui về Thảo Xá để tạm lánh, Đức Hộ Pháp cùng đoàn môn đệ Phạm Môn cũng bị đuổi ra khỏi Đền Thánh, thầy trò dắt nhau đi tìm mua đất tạo dựng lại cơ ngơi gọi là Phạm Nghiệp tại xóm Trường Đua xã Hiệp Ninh, tỉnh Tây Ninh ráng làm cho Đạo sống lại.

Ngôi nhà đầu tiên dựng trên phần đất Ngài mua được, giao khoán cho ông Lê Sanh Thượng Ngươn Thanh lãnh làm xong kéo đến dựng, cột cây kê táng, lợp tranh. Trong thời gian kiến tạo đó, có một số người đạo tâm tình nguyện đến xin làm giúp cho Ngài, cũng với ý định muốn được gần gũi Ngài để học đạo. Sau đó số người dần tăng lên đông đúc. Năm Canh Ngọ (1930) Ngài mới nói với số người đạo tâm là:

“Chỗ này không phải chỗ làm công quả, nếu ai muốn làm công quả thì về trong Tòa Thánh mà làm. Còn như em nào muốn theo Qua thì phải làm tờ hiến thân trọn đời vào Phạm Môn và phải có cha mẹ với vợ bằng lòng ký tên cho hiến thân mới đặng, đồng thời tờ hiến thân phải có Đâu Hộ Đạo vi chúng.”

Những anh em này họp nhau bàn tính, kết cuộc anh em đồng ý làm tờ hiến thân. Khi làm xong đệ lên Ngài xem rồi đệ qua cho Đâu Sư Thượng Trung Nhựt.

Từ ngày anh em làm tờ hiến thân rồi, Ngài buộc làm

công mỗi tháng phải đủ 27 ngày, nghỉ 3 ngày là mùng 10, 20 và 30, nếu tháng thiếu nghỉ ngày 29. Khi số người tăng lên đông đúc, phần ăn uống có mòi thiếu thốn, mấy người lớn tuổi mới bàn tính định phân ra một số đi cửa cây làm cửa để trang trí ngôi nhà, một số lo kiếm ruộng làm. Khi bàn tính xong trình lên Đức Ngài hay, Ngài chấp thuận rồi hỏi mượn sở ruộng của bà Hương Thanh ở Bến Sỏi để mọi người có đất trồng lúa.

Khi ngôi nhà được trang trí kín đáo, xây 2 trụ cửa ngõ xong Đức Hộ Pháp mới dạy làm tấm bảng đề 2 chữ “*Phạm Nghiệp*” và đăng lên đôi liễn:

**“PHẠM Nghiệp thừa nhàn lợi lộc công danh vô sở dụng,
MÔN Quan tích Đạo tinh thần Pháp bữu hữu cơ cầu.”**

Sau đó Đức Hộ Pháp được lệnh của Chí Tôn sai đi xuống Thủ Đức do nơi ấy đang có bệnh dịch hoành hành. Lúc đó ông Thái Thơ Thanh mới bảo:

“Thầy Tám có một mình thôi thầy xuống tôi, xuống Thủ Đức sống.”

Thầy cũng được nên Đức Ngài gọi 2 người Thổ là ông Inh và ông Chia thu dọn đồ đạc vào rương rồi 3 thầy trò rời Tây Ninh xuống Thủ Đức. Năm đó Thiên hạ bị bệnh chướng, khi không khởi phù mình rồi chết, nhứt là ở tại Thủ Đức lắm bệnh hơn quá chừng, nên Chí Tôn sai Ngài xuống đặng chữa bệnh.

Mới đầu Ngài trị bệnh như bác sĩ, mua thuốc tiêm chích, cho uống thuốc nước hoặc viên như thường, bệnh nào cũng mau hết. Rồi sau đó trị tà, mắc đằng dưới, quỉ ma nhập, kết quả rất linh diệu. Ông Giáo Hữu Minh thấy Ngài trị bệnh hay quá mới về Phú Mỹ chở người cháu kêu ông Minh bằng chú, bị đau tê bại trong 2 năm đi không được lên Thủ Đức

cho Ngài trị. Ngài truyền điển trị xong bịnh nhân tự nhiên cử động đi tới đi lui được, rồi lần hồi đi bình thường. Đó là ông Đinh Công Trứ sau này làm Giám Đốc Trường Qui Thiện.

Được 7 tháng, cái nhóm người của Cửu Trùng Đài ở Thủ Đức ngày càng tỏ vẻ có ý khinh rẻ xem thường Đức Ngài. Thấy vậy Ngài lại một phen ngán ngấm cho cái sự đời. Bữa nọ Ngài đến nhà ông Thơ chơi, ông Thơ biết ý họ muốn đui đởm Ngài nên mới ngỏ ý với Ngài là:

“Hay là vậy, tôi còn dám cao su, thôi thầy về đó làm người cạo mủ bán để kiếm sống.”

Nghe vậy Ngài càng thêm buồn thảm, chẳng lẽ mạng lệnh Hộ Pháp lại đi làm mướn kiếm sống hay sao? Ngài thấy không ổn nên mới quyết định ra đi, vì thấy nơi này không xứng đáng để Ngài ở nữa. Trước khi đi, Đức Ngài có để lại một bài thơ dán tại văn phòng Thánh Thất ấy như vậy:

*“Thắng khổ người tu vẫn để lòng,
Vui thua Thủ Đức phải đành đồng.
Buồn vì chưa đứng đặng trên đầu rắn,
Vui đã phân minh chí khí rồng.
Nào để vịt gà chê tiếng phụng,
Chỉ phiền hồng hộc ghét đuôi công.
Mở kho cứu đói đây trẻ miệng,
Ta quây hồng ân rải giáp vòng.”*

Sau đó 3 thầy trò chuẩn bị đồ đạc vào rương rồi ra đi rời Thủ Đức. Ý định của Ngài là qua nhà ông Hội Đồng Quản ở Gò Công, bạn của Ngài và cũng là bà con cô cậu với ông Khai Pháp. Ngài có định sai 2 ông Miên đến nhà ông Quản hỏi trước rồi Ngài sẽ đến sau. Trời xuôi đất khiến, ông Giáo Hữu Minh từ Phú Mỹ đáp xe về Sài Gòn thì gặp Ngài đang

định đi về Gò Công. Ông trình bày ý kiến của mình là muốn rước Ngài về Phú Mỹ. Lúc này Ngài mới định thần xét xem nên phải đi đâu và sau đó Ngài quyết định về Phú Mỹ ở Mỹ Tho, đi cùng Ngài là ông Inh và ông Chia nữa.

Về Thánh Thất Phú Mỹ, Ngài vào bái lễ Chí Tôn mới thấy Đức Lão Tử đi ngang qua, Ngài mới nói rằng:

“Thánh Thất Phú Mỹ này do Đức Thái Thượng Lão Quân làm chủ quản.”

Ngày hôm đó từ ngoài đầu đường dẫn vào Thánh Thất bao gồm bốn Đạo có, người ngoại đạo có, họ chen lấn nhau mong được thấy mặt và nghe Ngài nói chuyện. Tiếng đồn có Hộ Pháp xuống lan nhanh, mọi người ùn ùn tới Thánh Thất Phú Mỹ, đoàn người kéo dài hàng trăm mét. Cái cảnh đầu tiên đón rước Ngài như thể làm Ngài nhận thấy cả một khối tinh thần quý trọng, tôn kính trọn tin nơi Ngài. Ngài nói với mọi người rằng:

“Thử Đức không biết xài ngọc nên Qua đem ngọc đi. Còn Phú Mỹ biết xài ngọc nên Qua đem ngọc ban cho.”

Ngài bắt đầu giảng đạo, thuyết pháp, hành pháp, cầu cơ, chữa bệnh và dạy dỗ như sanh.

Có lần Đức Ngài hành pháp giải bệnh cho một người đàn ông bị bệnh đã lâu, thuốc thang không hết. Người đàn ông ấy như ngây như dại, lơ khờ.

Khi được người nhà đưa đến trước mặt Ngài, Đức Ngài nhìn thấy trong vô hình một cái bị 9 quai hiện trước mặt người bệnh. Đức Ngài mới hỏi:

“Ông bà người này trước làm nghề gì? Có phải ‘phường’ không?”

Gia đình nghe Ngài hỏi vậy cả sợ, nhưng niềm tin nơi

Đức Hộ Pháp lại thêm mãnh liệt. Họ nói:

“Đạ phải.”

Rồi mẹ ông ấy kể gốc gác diễn tiến nhiều đời của nhà họ. Đức Hộ Pháp nói:

“Qua hành pháp trị bệnh xong rồi. Nện về cúng và cầu nguyện Đức Chí Tôn ân tứ cho ông bà tổ phụ, lại nữa cũng cầu xin ông bà phù hộ cho con cháu trên bước đường tu, lập công bồi đức, tạo âm chất phần nào ngõ hầu nâng đỡ Cửu Huyền Thất Tổ được siêu thăng.”

Đức Hộ Pháp dạy như vậy là vì chữ “*phường*” là người đi ăn xin. Cúng ông bà là phải đồ đi xin ông bà mới chứng, còn không xin thì không chứng. Xin đây có nghĩa là dù cuộc sống có khá, giàu có, nhưng khi mua đồ thì mua mà cũng phải xin thêm một chút, góp nhiều món xin lại làm đồ món mới cúng, đó là bí mật gia đình người ấy không thổ lộ với ai. Trong nhà có người biết mới chứng thật được vậy.

Lúc ấy ông Giáo Sư Cựu hay có tính bắt chước làm phép vì ông rất thích việc ấy. Có lần Đức Ngài hành Pháp giải bịnh điên cho một người, và hành pháp đoạn căn cho một người, sợ ông Giáo Sư Cựu bắt chước nên Ngài nói:

“Nè, anh đừng có thấy tôi làm mà bắt chước nghe. Chỉ có tôi mới hành pháp này mà thôi. Tôi tắm đây là tắm cho cái chơn hồn đó, chớ không phải tắm cho cái xác. Tôi có lệnh của Đức Chí Tôn truyền pháp. Chừng nào có được dịp tôi truyền cho anh thì anh mới làm được.”

Có lần sau khi giảng đạo xong, để cho không khí có phần vui tươi thoải mái, ngoài ra cũng có một số đồng các cụ thầy Nho. Đức Ngài muốn thử tài xem trình độ tiến hóa tâm linh của mọi người như thế nào, Ngài nói:

“*Hôm nay Qua ra câu đố, ai trả lời được sẽ có thưởng.*”

Rồi Ngài đọc:

“*Ở nơi Tam Bộ Châu Đầu đội mào thành y*

Thân mặc áo Tam diệp Tay tả cầm cây sức triệu

Tay hữu nắm nhánh dương liễu

Vai mang gói tôn trang

Trong gói ấy là tứ linh báu vật”

(Xuất nhơn)

Mọi người nhắm tới nhắm lui.

Trời càng về khuya, mỗi người một ý không ai giống ai. Tất cả những câu trả lời đều không đúng. Đức Ngài cho hẹn về suy nghĩ đêm sau trả lời.

Đêm sau cũng không ai trả lời đúng. Bấy giờ Đức Ngài nói:

“*Đễ ợt mà đoán không ra. Bản đạo nói cho. Hễ thực nhơn tài thì phải cứu nhơn tai, xưa nay vẫn vậy. Nếu mấy em nói ra không được, thì đây qua tả một người ăn xin và cách sinh hoạt của người ấy.*

Ở nơi Tam Bộ Châu: Ở mọi nơi, đi khắp đó đây.

Đầu đội mào thành y: Áo vá nhiều chỗ như áo bà nạp.

Tay tả cầm cây sức triệu: Cây gậy để đánh chó.

Tay hữu nắm nhánh dương liễu: Cầm cái cây đầu tua như cây chổi nhỏ để quơ đuổi ruồi đậu.

Vai mang gói tôn trang: Vai mang cái bị vải thòng dài xuống lưng.

Tứ linh báu vật: Đồ ăn thức uống xin được, đó là báu vật thiêng liêng ban cho thế gian đó.”

Hiểu ra được, mọi người đồng cười sảng khoái.

Sau đó Đức Hộ Pháp hợp nhứt 2 nhóm cầu cơ là Hồng Đăng và Bạch Đăng để phục hưng Minh Thiện Đàn do Đức Ngài làm Chủởng Quân đồng thời cũng lập Phạm Môn ở đây luôn. Khi ấy Chí Tôn mới giảng cơ cho bài thi nói về Phạm Môn là:

Chí Tôn có dạy:

***“Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn
Khuyến tu hậu nhứt độ sinh hôn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng
Tĩnh thể kỳ thân đắc chánh tôn.”***

“Như Lai là cảnh Phật chứ không phải danh Phật, nên trong kinh có câu ‘Bốn giác vị kim giác Như Lai’. Bồ Đề là nơi chỗ Phật ngự, Phạm Môn là cửa Phật, Bỉ ngạn là đất Phật.”

Khi xây cất Thánh Thất Phú Mỹ xong, Ngài sai ông Giáo Hữu Minh xuống ông Ca ở Mỹ Tho để xin phép lập đàn ở Phú Mỹ làm lễ khánh thành, vì ông Ca là cựu Đốc Phủ nên cậy ông xin phép sẽ dễ dàng hơn. Ông Ca không nhận bảo rằng:

“Mỹ Tho là Thánh Thất lớn, Phú Mỹ là Thánh Thất nhỏ, Đức Hộ Pháp đến Mỹ Tho sao không xuống Thánh Thất Mỹ Tho, bộ Mỹ Tho không có chỗ cho Ngài thuyết pháp hay sao mà lại đến Phú Mỹ rồi nhờ đi xin phép?”

Ông Minh về trình lại với Ngài, Ngài buồn nhưng chẳng biết nói sao. Trong lúc bối rối Đức Ngài thấy Thái Thượng Lão Quân đến mà không có cỡi Thanh Ngưu. Ngài hỏi lý do vì sao thì Đức Thái Thượng nói:

“Ta đến dẫn Thanh Ngưu về, để nó phá hiện hữu không

thi hành Thiên mạng được.”

Đức Ngài hiểu ý, năn nỉ Đức Lão Tử cứ để y như vậy, Thanh Ngưu không hại Ngài dạng đầu. Vì lòng bác ái mà Ngài không nỡ để ông Ca tuyệt mạng, chẳng thà Ngài chịu khổ. Bởi vì, nguyên căn của ông Ca chính là Thanh Ngưu của Đức Thái Thượng Lão Quân giáng trần. Trong một đàn cơ cô Bát Nương Diêu Trì Cung trêu Đức Quyền Giáo Tông như thế này:

“Kìm Ngưu lần sút mũi hỡi còn, làm sao mà anh móc dây dẫn về Bạch Ngọc Kinh cho được.”

Chuyện là Đức Quyền Giáo Tông chính là chiết ngươn linh của Lý Thiết Quả, khi xưa nơi cõi thiêng liêng Đức Lý Thiết Quả sang viếng thăm Đức Lão Tử, là Thái Thượng Lão Quân, lại ngay hôm Lão Tử không có nhà, còn Từ Giáp, là người đệ tử coi con trâu cõi của Lão Tử thì đang ngủ. Thấy Thanh Ngưu đang đứng, Lý Thiết Quả đến gần mở dây để cõi. Thanh Ngưu thấy người lạ hoảng sợ giựt đứt dây, sút mũi chạy mất. Trong buổi khai Đại Đạo, ông đọc phủ Ca là gốc Thanh Ngưu đầu kiếp nên môi của ông có lần vá do bị nứt rách nơi ấy. Vì vậy mà cô Bát Nương trêu Quyền Giáo Tông để nhắc lại tích xưa cho biết sự tương quan giữa ông và ông Ca.

Đêm hôm đó Ngài trần trọc không ngủ được. Trong lúc mơ màng nửa tỉnh nửa mê, Ngài thấy Phật Mẫu cho 3 chữ Nho, còn nghe tiếng nói:

“Khố Hiến Trang.”

Ngài giật mình dậy lấy giấy viết lại liền 3 chữ Nho ấy. Sáng ngày Ngài đem 3 chữ nho ấy hỏi mấy vị thầy Nho thì đúng là Khố Hiến Trang. Ngài thuật lại chuyện đêm hôm qua và nói 3 chữ Nho đó là do Phật Mẫu ban cho. Sau đó

Ngài cho viết 3 chữ đó vào một tấm bảng lớn rồi treo ngay trước cổng Thánh Thất để cho mọi người biết Thánh Thất Phú Mỹ giờ đây có tên là “*Khố Hiền Trang*”, là cái lều của người chịu khổ. Ngài mới nói:

“Trên Thiên Liêng có Động Khố Hiền là nơi Đức Thái Thượng ngự, nên nơi Khố Hiền Trang Ngài hằng viếng thăm. Máy em hãy giữ gìn Khố Hiền Trang cho sạch sẽ, thanh khiết để khỏi lỗi cùng Đức Thái Thượng.”

Đức Ngài còn nói:

“Nơi đây, nơi Thánh Thất Khố Hiền Trang này, chỉ cho một chữ thôi cũng đủ làm giàu, khỏi lo đói: truyền thần chữ KHÍ để chữa bệnh.”

Đức Lý Giáo Tông cũng có giáng cho bài thi như sau:

*“Khố thà cam chịu chớ dưng than,
Hiền ngộ cùng nhau mới vẹn toàn.
Trang điểm ngọc lành cho đáng giá,
Đôi mài Chí Thiện, Thượng Minh Thanh.”*

Sau đó, cô Bát Nương Diêu Trì Cung giáng đàn báo tin cho Ngài biết là vào năm 1914 trạng Trung Hoa có lén đưa thầy địa lý là người Tiểu Châu đột nhập vào lãnh thổ Việt Nam mang theo cây Long Tuyền Kiếm bí mật lần dò đến địa điểm ngọn Chàm Sập, Láng Cát có ngọn Núi Lan mới vừa hình thành ở làng Phú Mỹ, cách Khố Hiền Trang khoảng 10 cây số để trấn ếm với ý đồ thâm hiểm là nhờ lưỡi kiếm báu vớt đứt hết nhân tài không cho Trạng, Tướng của đất Việt xuất hiện được. Ngài có hỏi cách giải ếm đều được Bát Nương chỉ phép, nhưng chưa thực hiện được thì Ngài hay tin Thượng Phẩm lâm trọng bệnh. Sau đó Ngài trở về Tòa Thánh ngay.

Thượng Phẩm từ ngày về Thảo Xá thì lâm bệnh nặng,

thân thể hao mòn, sắc diện âu sầu buồn bã. Ngài bị tâm bệnh vì thất chí, lương y khó phương điều trị cho lành mạnh. Chí Tôn có dạy Hội Thánh cất Tịnh Thất trong Nội Ô để rước Thượng Phẩm nhập tịnh. Nhập tịnh được một thời gian mà bệnh tình cũng không thuyên giảm, hằng ngày kém ăn mất ngủ, thân thể xem gầy còm.

Đến ngày 26 tháng Chạp năm Mậu Thìn (1928), Đức Thượng Phẩm mới nói với bà Hương Hiếu lo sắp đặt 6 giờ chiều trở về Thảo Xá mà không cho chúc sắc hay trước.

11 giờ trưa ngày mùng 1 tháng 3 năm Kỷ Tỵ (1929), Đức Thượng Phẩm kêu Hộ Pháp, Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, bà Hương Hiếu, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, Giáo Hữu Thượng Kỳ Thanh, Lễ Sanh Thượng Ngươn Thanh. Thượng Phẩm nhìn Đức Hộ Pháp trời rằng:

“Nay qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với chúc sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dẫu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn.”

Nói rồi tuôn 2 hàng nước mắt. Kế day qua nói với bà Hương Hiếu căn dặn để trọn tâm lo tròn phận sự. Dứt lời Đức Thượng Phẩm xuất hồn đi nhẹ nhàng, ai nấy có mặt đều cảm động ngậm ngùi. Mọi người đỡ kim thân Thượng Phẩm ngồi dậy, thúc xác ngồi kiết già, trước mặt lập bàn hương án có chưng hoa quả rượu trà. Đức Hộ Pháp ra kiêu cho thợ đóng liên đài hình bát quái. Thời Tý đại liệm, rồi thành phục phát tang theo nghi tiết. Hội Thánh thông tri cho toàn Đạo xa gần được hay.

Đức Hộ Pháp có làm một bài điệu như vậy:

*“Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!
Chưa xong trách nhiệm đã về Trời.
Bốn năm công quả vun nền Đạo,*

*Mấy đoạn chông gai chịu nước đời.
Ngọn bút Thần cơ Trời nỡ đoạn,
Nằm xương Thánh chất lấp chôn vùi.
Mực hòa huyết lệ để câu điếu,
Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!”*

Liên đài quán tại Thảo Xá 3 ngày, chúc sắc và đạo hữu đến tế rất đông. Chúc sắc Hiệp Thiên Đài cầu cơ Thượng Phẩm có về giáng tỏ vẻ vui mừng được về bái mạng Chí Tôn và Phật Mẫu nơi Bạch Ngọc Kinh và Diêu Trì Cung. Ngài có cho bài thi:

*“CAO thanh miệng thế mặc chê khen,
THƯỢNG trí màng chi tiếng thấp hèn.
PHẨM cũ ngôi xưa dầu rõ giá,
Từ bi tập tánh được thường quen.”*

Cao Thượng Phẩm là chiết ngươn linh của Hớn Chung Ly giáng trần. Hớn Chung Ly, tức là Chung Ly Quyền thời nhà Hớn, là một vị Đại Tiên trong Bát Tiên đứng dưới Lý Thiết Quả, lãnh lĩnh Chí Tôn giáng trần làm tướng soái cho Chí Tôn khai Đạo. Đức Chí Tôn có giáng cơ nói về việc Thượng Phẩm đấng Tiên như sau:

“Thầy đã nói rõ rằng Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng mà hại thay vì biếng nhác, các con không đọc Thánh ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.

T...! Con có nhớ lời Thầy nói với các con rằng Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiêng Liêng chi vị thì ai đem các chơn hồn vào cửa Thiên giùm cho các con. Lại nữa, các con vốn là kẻ dẫn đường cho cả chúng sanh, thay mặt Thầy nơi thế này về phần đời, còn phần Đạo cũng phải có đôi đũa mới đặt cho, cười...!”

Sau khi lo đám tang của Đức Thượng Phẩm xong, Ngài

quay trở về Thánh Thất Khổ Hiền Trang, chấp bút thì được chỉ dẫn nơi ếm Long Tuyền Kiếm. Ông Lê Văn Trung, sau này làm Chương Quản Phước Thiện có kể là hồi ông còn đi học, ông thấy có một cái đám xác đi chôn nơi Láng Cát, làng Phú Mỹ, ông vô tình ngồi trong một quán nước và nghe một ông lão chuyên môn đào huyệt muốn nói chuyện với mọi người, lão ấy căn nhắc rằng, phải đào đi rồi bỏ, đào lại rồi bỏ, bốn lần đào mới được cái huyệt mà người nhà ưng ý để chôn bà già đó.

Lúc đó có một người Trung Hoa ngồi gần bên nghe nói mới đến bên ông đào huyệt hỏi:

“Sao mà tới 4 lần, chôn ở đâu? Chôn ở xa hay gần?”

Ông đào huyệt nói:

“Chôn ở Láng Cát, đào cứ trúng đá hoai, lần chót ra bìa gần kinh mới đào được. Chôn cũng không sâu lắm vì cũng có đá mà hơi mềm hơn.”

Ông Trung Hoa này đến đây đã 2 năm rồi, nói là đi tìm bà con nhưng không gặp. Ông ta nói chuyện với lão đào huyệt, sau đó 2 ông này chèo xuống vào Láng Cát. Ông lão đào huyệt nói là ông Tàu bảo ông ngồi chơi, rồi không biết ông Tàu làm gì chỉ thấy ông cầm một bọc gói kín, một cái hộp cải bắp thảo, đi quanh đi quất tìm kiếm cái gì không biết. Một lúc lâu sau ông Tàu trở ra và cùng ông đào huyệt đi về.

Thời gian trôi qua 14–15 năm gì rồi, ông Tàu thì đi đâu mất, ông lão đào huyệt thì đã mất. Cho đến khi lúc Hộ Pháp lãnh lệnh khai quật Long Tuyền Kiếm thì ông Trung mới giật mình, bao nhiêu điều mắt thấy tai nghe buổi nọ lần lượt quay lại trong đầu. Ông đem kể lại hết cho Đức Hộ Pháp nghe từng chi tiết một.

Đây nói thêm về lai lịch của Long Tuyền Kiếm từ đâu

mà có.

Ngày xưa ở nước Ngô nọ có hai vợ chồng là Can Tương và Mạc Da là người nước Ngô có biệt tài rèn các thanh kiếm báu mà không một ai có thể rèn được. Hai người có ý định thực hiện cho kỳ được thanh kiếm quý để dâng cho Ngô Vương để đền đáp công ơn ngọn rau tấc đất. Mà muốn hoàn thành gươm báu phải hòa hợp đứng trình chính của Hào Lục quẻ Khôn chỉ về Đất, và phải đủ khí kiên cường của Hào Cửu quẻ Càn chỉ về Trời do huyền vi mâu nhiệm khéo léo của Tạo Hóa làm ra và nhờ chất tinh của âm dương phối hợp mới rèn được thanh kiếm quý, nên hai vợ chồng ngày đêm đem hết tài trí quyết tâm rèn cho kỳ được song kiếm báu. Lòng hy sinh cao cả tuyệt đối phi thường của một người phụ nữ như Mạc Da là rất hiếm có, Mạc Da can đảm cắt hết tóc, cắt hết móng tay rồi nhảy vào bể lò rèn hy sinh cả thể xác làm cho thép chảy ra giúp chồng hoàn thành được song kiếm quý dâng vua. Sau đó Can Tương đã thành công rèn được lưỡi kiếm sáng chói như mặt nước hồ thu, mũi kiếm sáng hoắc tựa như băng giá. Ngày đeo gươm mặt trời mờ ánh, đêm cất thì vàng trắng lóe vàng. Sao chổi cũng vì nó mà phải lùi xa, yêu ma cũng vì nó mà phải ẩn náo. Lưỡi kiếm vô cùng sắc bén, chém sắt tợ bùn non.

Khi Can Tương dâng kiếm báu lên Ngô Vương, Ngô Vương vô cùng xúc động khi biết lòng hy sinh của Mạc Da, liền truyền lệnh khắc chữ “*Long Tuyền*” lên kiếm Dương, khắc chữ “*Thái Ấm*” lên kiếm Âm. Tương truyền song kiếm quý được vang danh nổi tiếng suốt thời đại Ngô Vương.

Đến đời Tấn Huệ Đế có Quãng Vũ Hầu là Trương Hoa, một đêm nhìn lên trời thấy giữa sao Ngưu và sao Đẩu có xung quanh khí màu tím chói sáng cả một góc trời mà dân chúng cả vùng đều nhìn thấy. Trương Hoa xuống lệnh

cho quần thần đi mời Lôi Hoán, là một nhà thiên văn nổi tiếng thời ấy ở tại Dư Chương để chất vấn coi là hiện tượng gì cho biết. Lôi Hoán cho biết rằng ở vùng huyện Phong Thành có cát giấu tinh kiếm nên xảy ra hiện tượng mà mọi người đều thấy. Sau đó Trương Hoa tấn phong Lôi Hoán làm Huyện Phong Thành, thuộc tỉnh Chiết Giang với trọng trách trấn nhậm Phong Thành để tìm được kiếm quý. Sau đó Lôi Hoán tìm được cặp song kiếm được chôn bên dưới nền chân thêm nhà ngục, được bỏ trong một cái hòm bằng đá rất kiên cố. Hắn ta động lòng tham nên chỉ dâng lên cho Quãng Vũ Hầu Trương Hoa thanh Long Tuyền Kiếm mà thôi, còn bản thân giữ lại thanh Thái A Kiếm. Kể từ đó chẳng ai biết Thái A Kiếm được cất giấu ở đâu, cho đến khi Lôi Hoán chết, con của Lôi Hoán mang một thanh kiếm quý đi qua sông Diên Bình Tân, khi thuyền vừa ra khỏi bến bị một cơn gió mạnh thổi đến làm thuyền lật lủ, cây kiếm bị rơi xuống nước, dòng sông tức thì có sóng to gió lớn nổi lên, liền khi ấy có 2 con rồng nổi lên mặt nước cuộn sóng âm âm và thanh kiếm bị cuốn trôi đi mất.

Đức Hộ Pháp mở một buổi họp để thành lập một phái đoàn đi tìm Long Tuyền Kiếm. Buổi họp thành công tốt đẹp trong tinh thần tình nguyện, có 36 vị tham gia do 12 vị chịu trách nhiệm đôn đốc hướng dẫn đi trên 12 chiếc xuống chèo. Danh sách 12 vị chịu trách nhiệm như sau:

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 1. Hàm Sung | 7. Đỗ Văn Pho |
| 2. Nguyễn Văn Chương | 8. Lê Văn Trung |
| 3. Huỳnh Văn Phương | 9. Nguyễn Văn Chánh |
| 4. Lê Văn Tiết | 10. Phạm Văn Dương |
| 5. Trần Thanh Mậu | 11. Cao Văn Phúc |
| 6. Triệu Văn Kỳ | 12. Lê Văn Phước |

Mọc thời ngày mùng 7 tháng Tư năm Kỷ Tỵ (1929), Ngài cùng phái đoàn châu lễ và cầu nguyện Chí Tôn tại Khổ Hiền Trang, sau đó dùng bữa sáng tại hậu điện rồi lên đường lúc 8 giờ, trực chỉ đi dọc theo con sông, thẳng đến chợ Tây Yên, rồi đi thẳng vào Láng Cát độ 5 cây số thì dừng lại tại con rạch nhỏ, hai bên bờ đồng bào ở rất thưa thớt. Người dân nơi đây chỉ sống với nghề đan đệm, thỉnh thoảng có một cái lò gốm sản xuất chén tô, đĩa lu, chậu,... cảnh sống lác đác, cây cối thì khô cằn bởi nước phèn không trồng gì được ngoài cây bàng và cây năng sậy mọc xanh um.

Sau đó phái đoàn phải lên bờ đi bộ thẳng vào một cánh đồng hoang, toàn cây sậy, bàng, năng mọc cao khỏi đầu người. Người chịu trách nhiệm hướng dẫn đi trước phải cầm một sợi dây luộc thắt dài cho người đi sau, vì người đi sau không nhìn thấy người đi trước, rất dễ bị lạc.

Đi độ khoảng 700 mét trong hơn 1 tiếng đồng hồ, phái đoàn nghỉ chân trên một gò đất cao ráo như một ngọn núi mới hình thành. Ngài bảo lấy cái bàn nhỏ đặt Ngài chấp bút. Đoạn Ngài định thần chấp bút thì có Lỗ Ban Tôn Sư giáng, tường thuật lại gốc tích, giai đoạn và chỉ cách giải quyết tháo gỡ. Đó là một thầy địa lý người Tiểu Châu đã bí mật len lỏi đến đây dùng phép trừ ếম không cho ngọn núi này mọc lên cao vì lo sợ sẽ có nhiều nhân tài Việt Nam xuất hiện. Đức Hộ Pháp hỏi:

“Hộ ếম nơi nào? Nhờ Lỗ Ban Tôn Sư điểm chỉ.”

Ông Lỗ Ban mới trả lời:

“Lấy bàn làm trung tâm, đi về hướng mặt trời lặn 30 bước, đào xuống sẽ gặp.”

Đức Ngài chọn một người cao và một người thấp nhất trong đoàn, bước một lượt 30 bước rồi dừng lại, lấy trung

bình rồi sắp xếp người đào nơi Ngài chỉ. Ngài ra lệnh cho anh em đứng theo hàng ngang san sát, mỗi người một cái cuốc và cuốc một lượt. Cuốc mỗi lúc một xuống sâu mà không thấy gì cả. Đường cuốc thành một đường rãnh dài, sâu mà chưa thấy dấu hiệu gì, mọi người thì mệt nhoài rồi. Nên Ngài cho dừng tay rồi nghỉ. Trong lúc đó có một người mới nói:

“Còn cái bụi cỏ chát trước mặt sao không tém cho sạch luôn để làm gì?”

Vừa nói vừa lấy cuốc đào tém bụi cỏ lật ngang. Liên thấy có một chỗ trũng. Thấy hiện tượng lạ, liền trình với Đức Hộ Pháp, Ngài bảo theo đó mà đào xuống tiếp. Vừa đào được 3 cuốc thì thấy đất chỗ ấy không cứng mà hình như có vật gì đó trong đất, vì đất có màu sét. Ngài bảo không đào nữa, lấy tay moi. Khi moi lên thì lấy được một cái đao lớn dài, gãy cán, gỉ đầy sét, một cái hũ bịt kín, trút hũ ra bên trong có một cái hộp gà đen thui, 6 con cờ tướng bằng ngà, 6 đồng tiền kẽm đời Minh Mạng. Cả phái đoàn mừng rỡ cố gắng đào sâu xuống nữa thì đụng phải cái hộp bao chì dài 9 tấc. Mọi người reo mừng, Ngài dạy phải thận trọng đem bao chì lên cho nguyên vẹn và chỉ dẫn lau sạch sẽ. Ngài nói Long Tuyển Kiếm ở trong đó. Hộp bao chì được cẩn thận gói lại bằng một khúc vải đỏ và được lệnh đem về Tòa Thánh. Ngài còn dạy thêm:

“Nay là ngày kỷ niệm nước Việt Nam dòng giống Lạc Hồng được hữu phước nhờ Đạo Trời khai mở gỡ nạn ách cho nhân loại, và từ đó gỡ ách nô lệ, dòng dõi Tổ Phụ ta sẽ phục nghiệp, dân tộc ta sẽ xuất hiện nhân tài phá tan xiềng xích chẳng còn bị lệ thuộc nữa. Nếu chậm trễ là do dân tộc Việt Nam không lo tôn thờ chủ nghĩa của Đức Chí Tôn, không đủ sức thương yêu nhau cứ tranh giành quyền lợi. Lại nữa Tổ Phụ ta đã vay nợ máu Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn còn

dính dòng máu ấy phải trả dứt rồi mới vãn hồi hòa bình độc lập thực sự được.”

Sau này Đức Hộ Pháp có giảng về giai đoạn lịch sử vay nợ máu đó như sau:

“Theo lịch sử thời kỳ Lê Trưng Hưng từ 1502 tới 1789, đã biến sanh ra nạn nước Nam Bắc phân tranh, hoàng đò chia rẽ, đế vị nhà Vua Lê cầm vận mạng nước nhà. Còn hoàng đò chia phân ra từ miền Trung, tức nhiên từ miền Nam nẩy từ núi Hoành Sơn đò vô thuộc Chúa Nguyễn, từ Hoành Sơn đò ra thuộc về Chúa Trịnh. Nước đã ly loạn, trong Nam có đảng tranh vì Chúa Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã dấy loạn, theo lịch sử thì cả toàn quốc không có một người nào là không hiểu, Bản đạo chẳng cần nhắc lại đây mà làm gì.

Đến năm 1778, Nguyễn Nhạc đã xưng Vương tức vị và định chiếm đoạt luôn Bắc Việt, tức nhiên tạo loạn cả toàn quốc. Trong thời kỳ ấy đất Tây Sơn có người đã làm cho nước nhà nổi danh đối với Trung Hoa, tức nhiên đối với nước Tàu, là Nguyễn Huệ. Khi dặng lệnh của Nguyễn Nhạc ra trận, Ngài phân binh đuổi quân Tàu ra khỏi Bắc, tức nhiên ra khỏi Thăng Long Thành của mình. Nguyễn Nhạc tạm phong cho Nguyễn Huệ Bắc Bình Vương.

Tuy vậy, Tây Sơn lấy thuyết hồi Lê diệt Trịnh, gọi là phò Lê diệt Trịnh, song kỳ trung Tây Sơn đã mong chiếm đoạt hoàng đò thì trong khi ấy từ Nam chí Bắc đều thuộc về Tây Sơn.

...

Giết người không phải tuyệt sanh mạng của loài người, như đốn cây chẳng là giết chết cây, mà là làm cho nó sanh chồi nẩy tược, kẻ làm ác nó tưởng giết là hết, không thể như thế được, chúng ta sẽ còn thấy tấn tuồng như quả. Nước Việt Nam ta đã từng chịu luật như quả trả vay, cựu trào đã tàn

sát Ngu Khôi. Mã Ngụy hiện còn di tích tại Trường Đua bây giờ, đã giết họ đặng đưa họ lên làm chúa, 80 năm nô lệ do đó mà ra.”

Đức Ngài chỉ nơi có lán cát xung quanh toàn là đồng ngập nước mênh mông, vì là nơi cùng giữa của Đồng Tháp là một chỗ đất trũng, lán cát ấy là một chỗ đang nổi gò. Đức Ngài nói:

“Ai ở dài theo đây sau này sẽ làm giàu, vì đây là cái núi chưa nổi. Ngày giờ đến họ đi ghe vào đây mua gạch. Nó như miếng chai vậy, trong và lấp lánh, chỉ cần cào lớp mặt phớt qua bỏ đi rồi cạy sẵn từng miếng, từng miếng có lớp, hết lớp này rồi kể lớp khác, chặt cho có góc cạnh như viên gạch bán lấy tiền. Bởi vì đây là một loại đất thành đá còn mềm, loại đá này rất đẹp mà những nơi khác không có. Nên nó có giá trị và quý lắm.”

Ngài chỉ tay về phía trước nói:

“Còn mạn trên đó nếu mình không ở sau này tụi nó vào, nó giành chỗ đó để khai thác thì thật là ướng lăm đó.”

Ý Ngài nói ở đây là ám chỉ tụi nước ngoài.

Sau này vào một hôm có đồng đảo anh em Phạm Môn, Đức Hộ Pháp vẽ hình cây Long Tuyên Kiếm mà Tàu trấn ếm và chỉ cho anh em biết như vậy:

“Cán nó là núi Bà, Nội Ô Tòa Thánh là cái ẩn đường. Còn lưỡi của nó là mạch đi sâu 300 mét dưới lòng đất, mũi nhọn nhô lên ngay lán cát ở Phú Mỹ. Tàu nó ếm tại mũi, vì mũi ấy là chỗ địa huyết linh, ếm ngay làng Phú Mỹ, nó có tác dụng làng ấy nếu có xuất tướng đều chết yếu. Nơi mũi ấy sau này là một ngọn núi, núi ấy được cấu trúc bởi loại đá quý.”

Nói về bên dưới Thánh địa Nội Ô Tòa Thánh, hồi Đức

Lý dạy các vị chức sắc đi tìm mua đất để xây Tòa Thánh mới vì ông Như Nhân đòi chùa thì mấy vị tìm được khu đất Nội Ô ngày nay. Đến tối hôm đó trở về phò loan thì Đức Lý giảng cơ nói:

“Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa không, tưởng chư hiền hữu không thấy nữa.

Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa. Sâu hơn 300 thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn làm như con rồng doanh nhau, nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó đặng ba đầu, một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.”

Sau đó Ngài dạy ông Trung đào một con kênh bắt đầu từ ngọn Chàm Sập băng ngang qua chót mũi kiếm cho bứt để hóa giải phép ếm của thầy địa lý, có ý là chặt đứt đoạn mũi kiếm ấy đi. Ông Trung vâng lệnh làm.

Rủi sao ông Tòng, là con lớn của ông Trung chết. Khi hay tin Đức Hộ Pháp hỏi ông Trung một cách lớn tiếng:

“Tao bảo mày chặt mũi, bộ mày chặt không đứt sao mà còn như vậy?”

Ông Trung tái mặt bước đến sát bàn Đức Hộ Pháp nói nhỏ với Ngài. Nghe xong Đức Hộ Pháp lắc đầu nói tiếp:

“Nhạc Vân bao giờ cũng chết yếu.”

Nhạc Vân là con trai của Nhạc Phi. Nhạc Phi là nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, danh tướng chống quân Kim thời Nam Tống từng thắng Kim 126 trận. Nhưng về sau nhà Tống lại sợ hãi và có chủ ý muốn hòa với Kim, còn Nhạc Phi thì không chịu nên ông và con trai là Nhạc Vân bị Tần Cối, vốn được sử sách coi là một tên gian

thân nhu nhược đứng đầu chủ ý đầu hàng hạ độc giết chết tại đình Phong Ba thuộc đại lý tự Lâm An.

Đêm hôm đó Phật Mẫu giáng cơ tại Khổ Hiền Trang lập Thảo Đường có cho bài thi này:

*“Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,
Lục ức dư niên vũ trụ hòa.
Cộng hưởng trần gian an lạc nghiệp,
Thế đẳng đồng Đạo thịnh âu ca.”*

Đức Hộ Pháp căn dặn anh em cố lo lập sở Thảo Đường, cất nơi dựa chơn chỗ hòn núi Lan đó tạm thời chờ sau này cất Đền thờ Phật Mẫu.

Đức Ngài còn tổ chức cân Thần lập thế cho các vị để chọn vào Phạm Môn. Các lần tổ chức đó như sau:

- Hồi còn ở Thủ Đức, Ngài có tổ chức lập thế lần thứ nhất vào ngày 12 tháng 5, Canh Ngọ (1930) cho 23 người; ngày 28 tháng 9, Tân Mùi (1931) cho 344 người.
- Nay ở Khổ Hiền Trang Ngài tổ chức lập thế kỳ thứ nhì vào ngày mùng 2 tháng 3, Nhâm Thân (1932) cho 72 người.
- Kỳ thứ ba tại Trường Hòa vào ngày 18 tháng 8, Ất Hợi (1935) cho 77 người.
- Kỳ thứ tư ngày 18 tháng 8, Ất Hợi (1935) cho 52 nam, 26 nữ, trong kỳ này có:
 - Khai Pháp Trần Duy Nghĩa
 - Tiếp Lễ Nhạc Quân Trần Quang Thế
 - Phối Sư Thượng Trí Thanh
 - Giáo Hữu Thái Gấm Thanh
 - Tả Phan Quân Trang Văn Giáo

Đức Ngài tổ chức làm lễ cân Thần các vị. Mỗi người vào

trước Thiên bàn quì xuống. Đức Hộ Pháp đến trước mặt, 2 tay Ngài úp xuống phía trên đầu của người đang quì. Ngài bảo nhắm mắt lại, không hiểu Ngài hành pháp gì xong rồi Đức Ngài đọc theo thứ tự:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. Hạnh...điểm | 5. Tinh...điểm |
| 2. Đức...điểm | 6. Thân...điểm |
| 3. Trí...điểm | 7. Tâm...điểm |
| 4. Lực...điểm | 8. Tình...điểm |

Tất cả cộng lại chia ra lấy trung bình. Người nào được trung bình đổ lên thì đậu, còn ai dưới thì lập công đức thêm sẽ xét lại sau này.

Người chịu trách nhiệm ghi là ông Lê Văn Trung, người Phạm Môn.

Thí dụ: Ông quì trước Thiên bàn là Nguyễn văn A. Thì sau khi Ngài hành pháp, Ngài đọc:

1. Hạnh 5 điểm.
2. Đức 6 điểm.
3. Trí 7 điểm.
4. Lực 8 điểm.
5. ...

Cứ như vậy hết người này đến người khác tuần tự mà ghi, riêng biệt từng người.

Xong hết Đức Ngài cộng lại, lấy số trung bình, chọn chính thức là người Phạm Môn. Những ai còn thiếu chưa đạt trung bình hoặc yếu kém điểm nhất thì Đức Ngài không nhận và phải cố gắng tu tập thêm.

Lần nọ có 2 người đã ghi hết điểm số vào danh sách mà quên ghi tên, nên ông Trung đem số vào trình với Đức

Ngài và nhờ Ngài định coi điểm số nào là của ai, của ai. Đức Hộ Pháp xem số rồi nhìn 2 người ấy, Ngài chỉ cái trên của người nầy, cái dưới của người kia. Ông Trung hỏi tên 2 vị ấy rồi ghi vào theo Ngài chỉ.

Lần đó có ông Phạm Duy Hoai, về sau đắc phong Chơn Nhơn có kể lại trường hợp của ông là lúc nhắm mắt ông cũng có tính hiếu kỳ, nên lén hí hí để xem Đức Ngài làm gì. Ngài biết nên bảo:

“Con nhắm mắt lại mà phải thật sát nữa mới được.”

Ông hoảng hồn nhắm lại mà còn ngẫm nghĩ:

“Sao mình hí hí mà ông lại biết!”

Đến lúc vị nào đã được chọn vào Phạm Môn mà được Đức Ngài bỏ đi hành đạo, Ngài còn biểu đến trình diện để xét thêm mạng căn số kiếp cho thích hợp rồi mới có giấy bỏ đi. Ngài có nói:

“Hồi xuống thế Phật Mẫu cho 8 thứ ấy mỗi thứ là 10 điểm, xuống đây nhiệm trần rồi bỏ hết.”

Cho nên Đức Ngài đi tìm lại ai còn được 5 điểm là Ngài đem trả lại cho Phật Mẫu. Đó là số điểm mỗi thứ phải là trung bình. Nếu phần nào thiếu thì phải tu tập thêm cho đủ trung bình mới được.

Sau nầy về Tòa Thánh mấy anh em Phạm Môn ở đây cũng xin Đức Hộ Pháp cân Thần như ở Khổ Hiền Trang. Đức Ngài mới nói:

“Phạm Môn mấy em ở đây hơn mấy đứa Khổ Hiền Trang, vì mấy em hữu phước được gần qua hơn, cái gì qua cũng để ý chỉ dạy nhiều vì gặp mặt trò chuyện hằng ngày. Còn ở Phú Mỹ xa qua, nên qua phải trực Thần, cân Thần để chọn lựa đứa nào có căn có duyên mới được.”

Cách lập thệ là dùng rượu đổ đổ vào một cái thao lớn, mỗi người nhúng ngón tay giữa của bàn tay mặt vào rượu và nói rằng:

“Đây là huyết thệ của tôi.”

Rồi mỗi người uống 1 hớp. Ba mẹ vợ con của người chánh danh cũng phải uống mỗi người 1 hớp. Người lập thệ quì trước Thiên Bàn nguyện như vậy:

“Tôi là... ,...tuổi, thệ rằng từ nay tôi coi anh em Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoãn có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em tôi. Nếu ngày sau tôi thất nguyện, Quyền Thiêng Liêng hành pháp tận đọa tam đồ bất năng thoát tục và Thầy tôi không nhìn đến tôi nữa.”

Đức Hộ Pháp nói:

“Đáng lẽ mỗi người phải cắt tay mình lấy máu đựng chung rồi mỗi người uống 1 hớp, nhưng mấy em làm người Đạo, mỗi người đều giữ trường trai, không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chát đổ để thay thế.”

Lễ hồng thệ còn được gọi là “Đào viên pháp”. Khi được thọ pháp rồi mới được coi chánh thức là người của Phạm Môn.

Đức Hộ Pháp có tiên tri:

“Đất Khổ Hiền Trang là cái mũi thuyền Bát Nhã, còn cái lái là Tòa Thánh, đất này phải xuất Thánh mới được.”

Tòa Thánh lần lần yên tịnh, Đức Quyền Giáo Tông mới xuống Khổ Hiền Trang rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Tùy tùng theo Quyền Giáo Tông có ông Giáo Hữu Thượng Latapie Thanh là người Pháp, cuộc tiếp rước Quyền Giáo Tông rất long trọng, nhờ ông Latapie quen với tỉnh trưởng Pháp nên ông Ca không phá gì được. Khổ Hiền Trang là nơi

tạo được lắm nhân tài, lắm chức sắc rường cột của Phước Thiện sau này, là nơi xuất Thánh nhiều nhất ở Miền Nam.

Khi về Tòa Thánh, Đức Ngài dạy anh em Phạm Môn tạo sở Khách Đình kế lộ Phước Đức Cù, sau hậu nhà sở Khách Đình sát với rừng cấm hướng Nam Tòa Thánh. Nhà sở này do ông Nguyễn Văn Lư làm chủ sở.

Trong lúc tạo sở này cơm gạo rất thiếu thốn, mỗi bữa ăn đều là khoai mì với lá đậu rông, lá cây búng chấm nước muối. Lúc đó ông Phạm Văn Út là người nhỏ tuổi hơn hết, khoảng 20 tuổi, tới bữa ăn vô thấy toàn là khoai mì với nước muối liền khóc rông, vì đã kéo dài đến cả tháng mà chưa được bữa cơm nào. Lại một điều là trong số anh em này khi có ai về thăm nhà, cha mẹ hoặc vợ con hỏi thăm lên chùa làm công quả là làm gì thì đều trả lời là làm nhà, học kinh, học đạo, và trồng tría chớ không ai cho biết những sự khổ hạnh đói khát vì sợ cha mẹ vợ con buồn rồi không cho đi nữa. Sau này có dịp hỏi lại với nhau thì mới biết ai ai cũng đều trả lời với gia đình giống nhau như vậy.

Hồi làm cây tạo dựng nhà sở Khách Đình, đã gần đến ngày dựng mà còn thiếu cây đôn dong, anh em mới bạo gan vô rừng cấm đốn cây dầu nước rồi mượn mấy anh em người Miền phụ khiêng đem về cửa ra đặt làm cây đôn dong. Khi vừa cửa xong chưa kịp dọn dẹp, kế đó có ông đội ngự là đội kiểm lâm vô tới thấy cây mới cửa nên đi vòng theo mé rừng thấy dấu đường khiêng cây về, liền trở vô bắt và lập biên bản. Anh em liền trình lên Đức Hộ Pháp, Đức Ngài mới nói:

“Nó muốn kiếm tiền đó, mấy em về năn nỉ cho nó tiền là xong.”

Anh em liền trở về năn nỉ và cho 5\$. Ông đội ngự nói:

“Thôi, tôi vui lòng tha cho nhưng từ nay đừng ăn cắp cây

của nhà nước nữa.”

Nói rồi xé hủy biên bản ra về.

Bữa nọ đang nghỉ trưa, Đức Ngài ngồi trên võng 2 anh em Phạm Duy Hoai đến chỗ Ngài ngồi lay 2 lay rồi thưa:

“Bạch Thầy con ở Khố Hiền Trang xin Thầy cho 2 anh em con vào Phạm Môn với anh em.”

Đức Ngài ngồi lặng thình hồi lâu, ngó quanh rồi nói:

“Cái Phạm Môn của Đức Chí Tôn thì qua không biết định cho ai, chớ Phạm Môn của Qua lập ở đây hay mấy con ở Khố Hiền Trang cũng vậy mà thôi. Cái Phạm Môn của Đức Chí Tôn là 500 vị Lạc Hán lãnh linh ở Cực Lạc Quốc theo Ngài, trợ giúp Ngài trong việc lập Đạo.”

Sau đó Đức Ngài cho anh em xuống mở sở Phạm Môn tại Tâm Lạc thuộc xã Trường Hòa (Tây Ninh), do ông Lê Văn Lưu làm chủ sở sắp đặt việc nhà cửa và canh tác ruộng rẫy. Năm đó là năm Canh Ngọ (1930), ông Phạm Văn Màng nhiệm vụ coi anh em người Miên làm hằng ngày. Vì sở này có lối 40 người Miên Nam Nữ, còn người Việt lối 20 người. Ông Lại Văn Sắc lo về lương thực và ngoại giao.

Khi mới đến tạm ở nơi nhà ông Út Giáp (Phạm Văn Giáp) vì nhà của ông gần chỗ tạo nhà sở, phần lớn trong nội vụ kiến tạo nhà sở này đều nhờ sự giúp đỡ của anh em ông Giáp. Nguyên bởi ông Phạm Văn Giáp lúc này đang ở giúp việc cho Đức Ngài tại Hộ Pháp Đường. Khi khởi sự khai mở ruộng rẫy lúc đem trâu ra máng cày vô rồi chính Đức Hộ Pháp cầm cày anh em dắt trâu, cày đủ 3 vòng Đức Ngài trao lại cho anh em ở sở cày.

Ngài còn dạy cả anh em Phạm Môn phải học *“Thập Điều Giới Răn”*. Phải học cho thuộc lòng đặng khi Ngài biểu

đọc là phải đọc cho thuộc. Các điều đó là:

1. Phải tuân y luật pháp chơn truyền của Chí Tôn.
2. Phải trọn hiếu với tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha.
3. Phải trọn giữ trai giới.
4. Phải xa lánh các đảng phái.
5. Phải thật hành phước thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
6. Không đặng thù của chúng sanh.
7. Coi anh em đồng đạo như ruột thịt.
8. Không đặng bội sự phản bạn.
9. Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.
10. Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh, vừa theo tánh chất của Chí Tôn là Chúa sự sống.

Đức Ngài còn dạy ông Trịnh Phong Cương ra tạo sở Giang Tân kế mé sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Trường Hòa, sát ranh với xã Long Thành; sở Nam Công Nghệ gần ngã ba đi Suối Đá và đi Chà Là tại góc đường đi vô Thái Bình Thánh Địa do ông Võ Văn Đợi tự là Đại làm chủ sở; sở Nữ Công Nghệ ở gần ngã tư Ao Hồ do ông Đinh Văn Tiết làm chủ sở; sở Dưỡng Lão Đường cũng gần đó, về sau được xây thành Điện Thờ Phật Mẫu Đệ Tam, do ông Võ Văn Chi làm chủ sở.

Liên quan đến chuyện mua đất cất nhà Phạm Môn, ngày xưa nơi vùng đất Cẩm Giang có một khu đất không ai dám vào, dù chỉ đi ngang cũng còn sợ. Nếu có việc cần chi hoặc bẻ một nhánh củi cũng phải van vái mới được. Người ta còn đồn đãi thấy nhiều hiện tượng kỳ quái khác làm cho người

dân nơi đây rất sợ, đến đổi bán cũng chẳng hề ai dám mua.

Thấy vậy các anh em Phạm Môn hỏi Đức Hộ Pháp. Đức Ngài nói:

“Kệ, coi người ta để nơi thì mình mua để làm nhà họ Phạm.”

Đất là đất khó nên người bán cần bán cho được nên chẳng đòi cao, việc mua bán rất mau lẹ dễ dàng. Xong đâu đấy, Đức Ngài mới xuống xem đất, đồng thời chỉ vẽ mô hình để xây dựng. Đức Ngài và anh em Phạm Môn thấy trong khu đất có 3 cái gò hơi giống gò mối. Đất lâu ngày không ai bén mảng nên coi hoang vắng lắm, cây cỏ um tùm. Đức Ngài dạy anh em Phạm Môn phát hoang xung quanh, còn 3 cái gò đó đừng phá vội, coi chừng là mộ chôn người ta chớ không phải là gò mối.

Đến trưa, Đức Hộ Pháp nằm nghỉ trên võng. Lúc mơ màng Ngài thấy mình xách cặp táp, ăn mặc lịch sự, bước vào một tòa nhà cao lớn như một dinh cơ của quan lớn vậy. Người gác cửa là một vị tướng vạm vỡ oai nghi, tay cầm đại đao giống như Châu Xương.

Ngài vào bên trong, để cặp táp lên bàn, ngồi vào ghế, xong đâu đấy Ngài nói:

“Tướng quân cho vào.”

Liền đó có một người từ ngoài bước vào. Đến trước mặt Ngài, vị ấy xá chào. Thấy người này đẹp đẽ, phong thái tư cách oai nghi, đúng bực là một viên quan chức sắc. Đức Hộ Pháp nói:

“Mời quan lớn ngồi.”

Ngài vừa nói vừa chỉ cái ghế trước bàn.

“Tôi cho phép quan lớn chung chiêu.”

Đức Hộ Pháp nói xong, vị quan bắt đầu trình bày sự việc:

“Nguyên tôi tên là Cẩm, đỗ bằng Tú Tài nên người dân quen gọi là Tú Cẩm hay là Cẩm Tú. Tôi có 3 người vợ, người vợ cả không có con, 2 người vợ thứ đều có con. Nhưng tôi thì thường sống chung với vợ cả, mọi sự chăm sóc cho tôi đều do một tay của bà đảm nhận hết.

Vì không có con nên có lần về quê nhà đám giỗ, bà có xin dẫn về một đứa cháu gái của bà trạc 11-12 tuổi để làm con nuôi và làm nguồn an ủi cho sự cô quạnh của một người đàn bà đứng tuổi. Thấy vậy tôi cũng chấp nhận với bà, và xem đứa cháu gái như là con ruột của hai vợ chồng vậy.

Thế rồi từ đó cháu nó một ngày một lớn, nét đẹp trở mĩ trông rất xinh lịch, lại là con quan nên rất thông thái, hơn nữa việc dạy dỗ của hai vợ chồng tôi cũng đầy đủ nên cháu nó ngoan hạnh như gương của bà nhà tôi vậy. Việc gì của bà nhà tôi làm thì cháu nó cũng để ý làm theo, tánh nết thuần hậu ấy làm hai vợ chồng tôi thương mến và đối với bà thì càng thân thiết tâm đầu ý hợp lắm.

Rồi chẳng may vợ tôi mất sớm. Sau khi chôn cất, trong nhà còn lại 2 người. Cháu gái ấy thay vợ tôi làm những việc mà bà vẫn làm lúc sanh tiền, và chăm sóc tôi như thế nào thì cháu cũng làm y như vậy. Chẳng hạn như phụ mặc áo cho tôi, hoặc khi tháo khăn, tháo nón, dọn dẹp giùm, khi bưng nước rửa mặt, hay giặt giũ cất xếp ngăn nắp. Tôi xem nó như con, nó xem tôi như cha.

Có một lần nọ sau khi dỡ mả ra, tôi thấy mến thương vì từ khi mất người thân cháu nó trở nên cực nhọc nhiều, nên kéo sát lại hôn lên má như an ủi và chỉ duy nhứt có một lần.

Ngày lại qua ngày, 2 bà vợ lẻ vì ghen tương, hơn nữa thấy cháu cũng đã lớn rồi nên bàn cùng tôi nên gã cháu ấy để nó yên

bê gia thất. Hai bà vợ lẽ đã có ý tốt là nên gả cho con trai mình, vì tiện là nó ở đây đã lâu và nó thông thái, ngoan hiền. Xét thấy cháu nó không có quan hệ dòng họ, mà có nghĩa nặng tình sâu với gia đình này, cùng sống và đã hiểu biết ý nhau, không còn điều gì ngăn ngại nữa. Thật là may mắn vậy. Riêng về phần cháu gái lòng dạ nó thật tốt, nó chung thủy trung kiên, thật thà chơn chất. Bao nhiêu chớ mối mai mà nó đều từ chối. Vì trong suy nghĩ của nó là làm vợ làm như bà dì nó vậy thôi, chớ có gì đâu. Thôi thì làm vợ ở đâu cũng vậy thì làm vợ cho đượng tốt hơn hết vậy. Chớ biết đâu về làm vợ cho người khác, chớ ở lạ lòng mình mắc cỡ. Nó chỉ nghĩ là nấu cơm, giặt giũ, quét dọn, sắp xếp giữ nhà, tiếp khách chớ đâu hiểu là làm vợ là phải sanh con, nó hoàn toàn vô tư trong sạch. Nói gả cho con trai mình nó cũng không chịu, vì nó sợ không ai chăm sóc cho tôi. Vì đã làm vợ con mình thì phải chăm sóc cho con mình, thì thời gian đâu mà lo cho tôi nữa, nó hôn nhiên như vậy.

Đứng trước tình cảnh ấy, áp lực ấy, tôi giải thích điều hơn lẽ thiệt, khuyên nó đi lấy chồng, ở hoài vậy người đời đàm tiếu. Con nghe lời đượng rồi con là vợ của con đượng tức là con dâu của đượng, nào có lấy chồng xa, ở nhà lạ đâu mà ngại.

Nó ngoan ngoãn nghe lời, vì nó thương tôi lắm. Đám hỏi, đám cưới từng tự tiến hành một lượt. Hôm ấy trong tiệc cưới còn đang nhộn nhịp vui vẻ, mọi người tửu lượng đã nhiều, trong lúc rượu thịt chèn say sưa có người cười nói:

‘Vừa là đây tớ, vừa là cháu, vừa là con, vừa là con dâu, vừa là bà chủ nhà.’

Rồi bọn họ cười ồ. Nó mãi suy nghĩ về câu nói ấy. Nó nhay bén và tự ái, nó thấy bọn này có ý biếm nhẽ nó, nó hiểu rằng người đời đang để lời trêu chọc nó. Nó buồn, nó then, nó tức tối, nó xấu hổ. Tan tiệc, trời đã về đêm. Nó tự vận trong

đêm tân hôn đó.

Hãy tin nó chết tôi hết sức kinh hoàng, tôi chỉ nghĩ là tôi ép nó lấy chồng nên nó tự vận chó đâu có biết tại bọn nhậu kia. Vậy là tại vì tôi mà nó chết, tôi đã gây ra cái chết này, tôi cảm thấy tội lỗi quá, sống làm chi đây. Nếu mình sống lương tâm sẽ giày vò hành phạt không yên, thôi chết cho rồi, chết để tạ lỗi. Trong đêm thứ hai lúc lo tang lễ cho nó thì thêm một cái chết nữa đó là tôi.

Đứa con trai thấy cảnh vợ nó chết, cha nó chết, nó như điếng hồn. Nó nghĩ chắc là nó có lỗi gì nặng lắm, trầm trọng lắm do vậy mà vợ chưa nắm được tay thì đã chết, còn cha thì chưa được trao quà đã thác, thôi mình đáng chết lắm, còn gì luyến tiếc. Thế là nó cũng tự tử.

Đám cưới chưa động phòng thì 3 mạng người chết liên tục.”

Nói đến đây ông Tú động lòng sụt sùi nức nở. Đức Hộ Pháp nói:

“Gọi cho người con gái vào.”

Cô gái bước vào xá chào Đức Ngài kính lễ. Ngài thấy cô đoan trang, thùy mị, đẹp xinh, người sáng sủa, thanh thoát, khoan thai, có học, ra bề gia giáo nhưng mặt cứ cúi xuống, chỉ ngược lên lúc xá Ngài mà thôi. Đôi tay lúc nào cũng mân mê tà áo. Hỏi đến thì cô đáp lại, còn không hỏi thì đứng lặng thinh, buồn dào dào.

Đức Ngài bảo:

“Hãy trình bày tự sự đi.”

Cô gái nhìn Ngài rồi kể:

“Tôi chỉ biết thật một điều là làm những công việc ấy thường ngày như di tôi đã làm cho dương để thay thế cho di vì người đã mất đi. Tôi thương dương một mình, bận bịu việc

quan, không người chu tất việc nhà nên làm giúp để đáp đền công nuôi dưỡng dạy dỗ nên người.

Lúc ấy tôi không biết việc làm chồng vợ của dì và dượng là cái gì khác nữa ngoài việc lo lắng như trên. Tôi chỉ thấy dì làm vậy là tôi làm vậy. Cho nên khi dượng khuyên lấy con dượng làm chồng thì tôi nghĩ cũng lo cho người đàn ông ấy bao nhiêu việc ấy thôi. Thế nên nghe lời dượng chấp nhận cho dượng vui lòng.

Bữa tiệc cưới tôi nghe họ nói nhìn họ để mắt dòm tôi, cười ồ, tôi biết là họ nhắm vào tôi, tò mò, cay nghiệt giễu cợt chế nhạo tôi:

“Ừa là đây tớ, là con, là cháu, là con dâu lại là bà chủ nhà.”

Tôi suy nghĩ và chợt hiểu ra, tôi xấu hổ vô cùng và vì không muốn ai đàm tiếu nên tôi quyết định chết đi mà thôi. Chết để không nghe không thấy nữa.”

Xong người con gái cúi mặt xuống. Đức Hộ Pháp gọi cho người con trai vào.

Người con trai xá chào Ngài kính lễ. Ngài mới nói:

“Hãy nói đi!”

Người con trai liền thưa:

“Thưa, riêng tôi, tôi không hiểu điều gì hết, lại thắc mắc một điều là vì sao vợ mình chưa thành thân, chưa gần tợng mặt lại tự vận chết. Tôi nghĩ chắc là có uẩn khúc chi đây, hoặc là do gia đình tôi, hay do tôi có lỗi với nàng ấy. Tiếp theo cha tôi lại chết, cái chết của cha làm cho tôi hết sức bàng hoàng và càng thêm nghi vấn. Cha và vợ mình có giận mình không, tôi thiết nghĩ là lỗi do mình, nên chung tình vẹn nghĩa thì hay hơn, và tôi quyết định chết theo luôn.”

Lúc bấy giờ Ngài đã rõ chi tiết tự sự vấn đề câu chuyện.

Ngài xin được thấy hình ảnh thật. Sau đó Ngài được Chí Tôn dùng huyền diệu thiêng liêng cho Ngài thấy hình ảnh thật diễn biến, sinh hoạt, âm thanh, tiếng nói, tiếng cười, người và cảnh y như lời kể.

Đến đoạn tiệc cưới, Ngài nghe mà lại không thấy. Vì Đức Chí Tôn chỉ cho Ngài nghe mà không cho thấy. Ngài nghe tiếng nói trong đám ăn nhậu phát biểu câu nói giễu mà đã gây ra cái chết của người con gái, rồi 2 mạng tiếp theo. Ngài phán lỗi là do đám người này. Bọn họ là ai? Ngài không thấy được, như vậy làm sao xử được. Chí Tôn biết trước nên không cho thấy, nếu Đức Chí Tôn cho Ngài thấy thì dứt khoát Ngài đã xử bọn họ rồi còn gì.

Không xử mấy người kia, Ngài liền tính việc xử 3 oan hồn này. Ngài phán:

“Ông là một vị quan liêm chánh, đáng khen, nếu ông có ý ham sắc, có ý tà dâm là đã ở với cô gái ấy sau khi vợ mất. Ông đứng đắn, đàng hoàng. Do đó được cô gái ấy coi trọng và kính như cha vậy. Ông vô tội, cho đi đầu kiếp.”

“Cô kia, cô thật thà chơn chất, ngây thơ vô tư trong sạch, lại biết hổ người khi bị thị nhục, tự vận để bảo toàn danh tiếng cũng đáng khen. Cho đi đầu kiếp.”

“Cậu kia, cậu chẳng biết gì, lại chẳng liên can gì. Lại vì một tình vợ, một nghĩa với cha mà quyền sinh tử tưởng khi tiết, cũng đáng khen. Cho đi đầu kiếp.”

Đức Ngài hành pháp giải oan nghiệt và cho đi tái kiếp trở lại. Bản án kết thúc. Kể từ đó, khu đất ấy được anh em Phạm Môn dọn dẹp, dọn luôn 3 cái gò, tạo dựng nhà thờ Phạm phủ đầu tiên. Sự quấy phá không còn, và vùng đất đó về sau này được gọi là Cẩm Giang. Cái tên có nguồn gốc từ đây.

Ngày 16 tháng 10, Quý Dậu (1933), anh em dựng nhà lớn

tại sở Trường Hòa để làm nhà thờ. Vụ này có thân quyến của anh em Phạm Môn rất đông, lối khoảng 500 người. Lúc thợ mộc đang chỉnh đốn kèo cột để đóng đòn tay thì bỗng đâu có ông Phủ Sứ chủ Quận Châu Thành Tây Ninh đi với 5 người lính và Hương Thân, ở Hương Chà Là vô tới. Anh em rất lo sợ, Đức Ngài ra bắt tay Quận Sứ chào hỏi, ông Sứ chào lại và quở:

“Làm gì đông dữ vậy?”

Đức Hộ Pháp trả lời:

“Dựng nhà.”

Ông ta hỏi:

“Có xin phép không? Vì theo lệnh quan lớn chánh thì cuộc hội họp quá 10 người phải xin phép. Còn bây giờ 4-5 trăm người mà không có phép nên tôi phải lập biên bản.”

Đoạn Quận Sứ kêu Đức Ngài vô làm biên bản liền. Lúc ông quận nói chuyện với Đức Ngài, anh em rút vô đám rừng phía sau chỗ dựng nhà và trong 2 đám mía lau bên hông cao khỏi đầu nữa. Khi lính kêu biên tên từng người thì chỉ còn lối 30 người. Ông ta nổi giận hét lớn:

“Cho mấy người giỏi trốn, rồi đây sẽ biết.”

Kể bắt Đức Ngài ký tên vào biên bản rồi ra xe về liền.

Gần tết Quý Dậu (1933) ông trưởng Tâm, sếp lính Tây Ninh đi với 5 người nữa tới Hộ Pháp Đường trình giấy Chánh Thanh Biện Tây Ninh cho lính xét nhà.

Họ tịch thu:

- Hồ sơ hiến thân của cả Phạm Môn.
- Văn thơ của Đạo.
- Văn thơ của đời, gồm cả mật thơ của Kỳ Ngoại Hầu

Cường Để ở Nhật, của Nguyễn Hải Thần ở Tàu, cùng các tài liệu chính trị khác.

Hai tháng sau có lệnh đóng cửa các cơ sở Phạm Môn, mỗi nhà sở đều dựng một tấm bảng:

“Niêm cửa lại vì lập hội không xin phép trước.”

Trát tòa đòi Đức Ngài và các chủ sở Phạm Môn. Đức Quyền Giáo Tông cũng theo ủng hộ tinh thần.

Tòa kêu Đức Ngài ra trước buộc tội lập hội riêng mà không xin phép. Đức Quyền Giáo Tông xác nhận các sở này là của chung của Đạo Cao Đài chứ không phải của riêng. Tòa phạt mỗi vị chủ sở 18 quan tiền Pháp, lối 20 đồng, còn đạo sở mỗi người 10 quan.

Đức Ngài dạy anh em ký tên chống án lên Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Tòa này cũng xử y án Tòa Tây Ninh. Luật Sư Trương Văn Giáo (thọ phong Bảo Cơ Quân) của đạo biểu anh em chống án qua Pháp. Tòa Tối Cao Pháp xử trắng án.

Tuy vậy, các cơ sở Phạm Môn không được hoạt động công khai, kể như bị đóng cửa vĩnh viễn.

HỒI THỨ CHÍN: PHẠM NGHIỆP GÁNH VÁC NỀN ĐẠO

LÚC BẢY GIỜ TRONG NỀN ĐẠO XẢY RA NHIỀU BIẾN CỐ, PHÂN CHIA CHI PHÁI MÀ KHỞI NGUỒN TỪ VIỆC ông Ngô Văn Chiêu tách riêng thành lập phái Chiếu Minh. Cũng bởi vì buổi Thầy vừa định giao cho ông Chiêu làm Giáo Tông thì Quí Vương mới kêu nài Chí Tôn xin khảo. Chí Tôn có kể lại là:

“Uốn từ trước trong Thiên thơ Tam Kỳ Phổ Độ này nền Chánh giáo phải có: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên Đồ Đệ chương quản thâu Tam Giáo hiệp nhứt.

Chiêu, thiệt là Nhứt Phật đó.

Uầy, trước ngày định lập Thiên phong dặng tôn chức Giáo Tông cho nó thì Chúa Quí sai Tam thập lục Động Địa giải kêu nài với Ta rằng: Cựu phẩm nó chẳng xứng ngôi ấy, và kiện rằng: Nó chẳng nhứt tâm thờ phượng Ta.

Ta có cải lẽ, Quan Thánh Đế và Quan Âm giúp lời, Ta nhứt định phong chức Giáo Tông cho nó.

Chúa Quí xin lệnh Ta mà khảo nó, mà phải để cho Tam thập lục Động hành xác nó. Ta không nỡ nên cho khảo mà không cho hành xác.

Rủi thay! Đau đôn thay! Buổi khảo nó phải bị tà quái áp chế nên phải mất ngôi, song Ta cũng còn thương yêu chẳng nỡ, nhưng mà có mặt chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thì khó bề bào chữa dặng.

Đại lụy! Ta phải dùng quyền Chí Tôn mà tha thứ,

song buộc nó phải tịnh thất. Ta vừa muốn tha nó, lại bị Tam thập lục Động khảo nữa thì mới liệu sao?”

Ông Chiêu vốn là chiết ngôn linh của Tào Quốc Cự, trong hàng Bát Tiên. Thật ra nguyên do phân chi lập phái cũng bởi là khi mới mở Đạo thì mấy ông lớn đều do nơi trường quan lại của Pháp, trong hàng Phủ và Đốc Phủ mà họ đương cầm quyền Chủ Quận hay Phó Chủ Tỉnh. Vì cơ mà Pháp đã ra lệnh cho mấy ông ấy phải từ khước, không đảng hiệp tác cùng ông Trung, là tay nghịch hãn cùng Pháp đã rõ ràng bằng cố. Pháp lại hứa cùng mấy ông ấy rằng họ muốn tu theo Đạo Cao Đài thì họ tự lập chi phái, rồi họ sẽ được sự bảo vệ đặc biệt của Pháp, còn theo ông Trung thì sẽ bị họ khủng bố, không cho làm quan lại của Pháp nữa. Điều ấy mấy ông lớn cũng không đủ sợ, vì công danh quyền lợi mình mà nhảy ra thành lập chi phái, nhưng tới khi Pháp hăm rằng sẽ khủng bố đến con cái của họ đương du học tại Pháp, tiền cấp học bổng bị thu lại và không cho cha mẹ có phương thế gửi tiền sang cho nữa đảng tiếp tục việc học hành. Điều này làm cho họ kinh khủng hơn hết. Thật ra thì cả con cái mấy ông đương du học tại Pháp và tương lai của chúng rất nên sáng lạng, sẽ bị bỏ dở vì cuộc trả thù của Pháp.

Ông Chiêu cũng bị Quỷ Vương sử dụng ma quyền sẵn có đó là chính quyền Pháp bố ráp ông, chúng đe dọa đến sự an nguy cá nhân cũng như con của ông đang du học ở Pháp, làm cho ông Chiêu lo sợ mà tách riêng ra với lý do ông ta nói là “*Ngô thân bất độ, hà thân độ*”, nghĩa là bản thân ông ta còn chưa độ được thì độ ai. Rồi sau đó tự thành lập chi phái Chiêu Minh.

Ngay sau đó cũng có nhiều chức sắc Thiên phong nổi gót theo ông Chiêu tách riêng tự thành lập chi phái như:

- Ông Giáo sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quang Kỳ) lập phái Cầu Kho tại Thánh Thất Cầu Kho, Sài Gòn.
- Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (Nguyễn Văn Ca) lập phái Minh Chơn Lý ở Mỹ Tho.
- Ông Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (Nguyễn Văn Chính) lập phái Tiên Thiên ở Cai Lậy.
- Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Đốc Phủ Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Đốc Phủ Lê Bá Trang) lập phái Ban Chỉnh Đạo ở Bến Tre.

Ông Trang vốn đương là Ngọc Chánh Phối Sư, cùng với ông Tương đương là Thượng Chánh Phối Sư. Rồi khi ông Chiêu bị khảo thất Đức Chí Tôn mới giao chức Giáo Tông cho Đức Lý Đại Tiên kiêm nhiệm về vô vi, còn về hữu hình thì Đức Lý giao cho ông Lê Văn Trung. Khi ông Trung lên nắm Quyền Giáo Tông thì ông Tương đặc phong lên phẩm Thượng Đầu Sư. Buổi sáng ngày đăng điện chánh vị cho ông Tương xong, kế đó nghe Đức Hộ Pháp đọc Pháp Chánh Truyền chú giải, ông Tương thấy Đầu Sư không có quyền bằng Chánh Phối Sư nên ông rủ ông Trang chiêu đó liền từ nhiệm Đầu Sư mà chỉ giữ chức Chánh Phối Sư như cũ, không lên Đầu Sư nữa. Đức Hộ Pháp biết trước việc này nên ngay sau khi làm lễ xong, Ngài chỉ định 3 vị Thời Quân của Hiệp Thiên Đài qua Cửu Trùng Đài nắm giữ vị trí Chánh Phối Sư rồi.

Thế là chứng hững. Đầu Sư thì đã được Đức Hộ Pháp chấp thuận từ nhiệm, mà Chánh Phối Sư thì đã có người. Ông Tương, Trang mới tính kế tách rời Tòa Thánh để lập chi phái Ban Chỉnh Đạo ở Bến Tre. Khi đó ông Tương còn mang hết giấy tờ đất đai của Tòa Thánh theo đi luôn.

Lúc đó Đức Hộ Pháp chỉ định cho thầy giáo Văn xuống

Bến Tre gia nhập với Ban Chính Đạo. Không hiểu vì sao ông hai giáo Văn được ông Tương cử làm Hộ Pháp, có lẽ ông ấy được Đức Hộ Pháp truyền Thần nhập thể hay cho huyền diệu gì đó nên sau một thời gian gia nhập Ban Chính Đạo, ông Tương thấy ông Văn có khả năng như Hộ Pháp thật, nên cho nắm chức Hộ Pháp và hành quyền nơi chi phái.

Thời gian sau, “*Hộ Pháp*” Văn mới khởi sự tạo điều kiện cho ông Tương nhập tịnh. Ông tìm đủ lý lẽ đốc thúc ông Tương thiên định. Ông Tương nghe theo, trước khi nhập tịnh ông Tương tuyên bố cùng bốn đạo giao trọn quyền cho “*Hộ Pháp*” Văn đảm nhiệm việc đạo trong thời gian ông không có mặt. Ông Tương cũng nghe lời ông Văn gom tất cả giấy tờ của đạo cho ông nắm giữ. Vì ông Văn nói trong thời gian ông Tương nhập tịnh lỡ có chính phủ đòi, hoặc trình bày điều gì thì khỏi phải làm phiền để ông xử lý ngoại giao với chính phủ cho mau lẹ.

Sau đó ông Văn lựa hết tất cả giấy tờ thuộc về Tòa Thánh gói lại, trước khi đi ông còn sắp xếp lại gọn gàng để hồ sơ của ông Tương vào vị trí cũ. Ông Văn về Tòa Thánh dâng lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chứng nhận công nghiệp cho ông, và cho phép ông được nghỉ ở nhà chơi. Mà về sau ông Văn có lúc tỉnh lúc ngây. Tương truyền có thể ông giả bộ để tránh sự trả thù của ông Tương, hoặc là lúc nhận lệnh đi thi hành nhiệm vụ Đức Hộ Pháp đã trực Thần của ông mà chiết Thần làm Hộ Pháp nhập thể vì thế ông Tương mới tin tưởng. Khi về Hộ Pháp Đường Đức Ngài thâu lại, Thần ông đi ra rồi đi vào thể xác nên bị yếu. Sau này ông mất được Đức Hộ Pháp phong phẩm Sĩ Tải và được hành lễ tại Báo Ân Từ vì công nghiệp phi thường và gọi là Sĩ Tải thiêng liêng vị.

Sau khi ông Chiêu không vượt qua được khảo đảo và tách riêng, Chí Tôn giao chức Giáo Tông cho Đức Lý Nhứt

Trần Oai Nghiêm kiêm nhiệm. Rồi đến giai đoạn này nhiều chức sắc Thiên phong cũng muốn tách khỏi Tòa Thánh lập chi phái riêng, bỏ ngoài tai những lời Thánh Giáo của Chí Tôn cùng các Đấng thiêng liêng nên Đức Lý muốn dùng quyền hành của mình để hành phạt những vị phân chia ấy. Nhưng Chí Tôn cản không cho, cũng bởi vì lòng từ bi vô tận của Chí Tôn. Lắm phen Đức Lý cầm bút toan bôi xóa tên của những vị ấy trong cửa Đạo đều bị Chí Tôn nài nỉ để Đức Chí Tôn giáo hóa, kêu gọi bọn họ hồi tâm trở lại. Đến đổi Đức Lý không thể điều hành nên Đạo được nên xin từ chức Giáo Tông. Rồi sau đó đến lượt Đức Ngài cũng xin từ chức Hộ Pháp nữa.

Rốt cuộc thì họ đã phụ lòng thương của Đức Từ Bi, Thánh Giáo không nghe, lời vàng như nước đổ lá. Do đó mà Chí Tôn đành triệu Đức Lý trở lại cầm quyền để xử trị các chức sắc ấy.

Hồi mà Đức Lý mới xin từ chức, Đức Ngài có thấy hình ảnh Đức Chí Tôn bị cụt đi một chân, muốn đi thì nhảy lò cò mà đi. Khi đến Đức Ngài xin từ chức thì Ngài thấy Đức Chí Tôn chỉ ngồi một chỗ, muốn đi đâu thì phải lết thật là thảm nảo vì đã cụt mất 2 chân.

Thấy vậy Đức Ngài cảm thương Chí Tôn quá đổi mà không dám từ chức nữa.

Ngài còn xin Đức Lý tái thủ quyền hành kéo tội nghiệp Chí Tôn lắm.

Đức Lý tái thủ quyền hành Giáo Tông vào ngày mùng 4 tháng 11 năm Canh Ngọ (24-12-1930).

Sau đó, để chấn chỉnh nên Đạo, Đức Lý hiệp cùng Hộ Pháp đưa ra 6 Đạo Nghị Định quan trọng để qui định rõ ràng phẩm trật, ngôi vị và quyền hạn riêng của mỗi cấp bậc

trong nền chánh trị đạo. Xin được trích tóm lược nội dung đàn cơ đó ra như sau:

“TRẦN VĂN XƯƠNG

Chào chư vị Thiên phong. Có Quan Thánh Đế Quân giáng.

QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Chào chư vị Thiên phong Hiệp Thiện Đài và Hương Lự hiền muội. Chư vị cứ thiết đàn có ta trấn thủ.”

► **Tái cầu:**

**“ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
LÝ GIÁO TÔNG**

Chào chư hiền hữu, chư hiền muội. Có Chí-Tôn ngự, chư hiền hữu, chư hiền muội khá mừng Người!

Lão cảm ơn Thượng Đâu Sư làm vẹn phận sự giúp Lão.”

Thượng Đâu Sư bạch:

“Đệ tử cùng cả chức sắc đều hết lòng lo lắng, cúi xin Đức Giáo Tông từ bi tái nhậm quyền hành hầu chỉnh đốn nền Đạo.”

Đức Lý Giáo Tông:

“Á há! Thì cũng bởi Chí Tôn nài xin nhiều phen rằng chư hiền hữu, chư hiền muội chưa đủ tư cách giáo dân, Lão cũng rộng nghe theo. Đã trót 5 năm để đủ cơ đời dạy ngoan chư hiền hữu, chư hiền muội, ngày nay Lão định trừ diệt qui quyền, không cho rối loạn nền Đạo thử thách Thiên phong nữa.

Chư hiền hữu, chư hiền muội đã đủ tài đức, đạo đức mà hành chánh rồi, thì Lão cũng nhứt định giữ nghiêm luật pháp, vậy thì Lão hành chánh cứ lấy công bình vô tư làm mực thước, Lão chẳng vì thương riêng mà che chở,

Lão chẳng vì ghét riêng mà hành phạt. Lão nói thiệt rằng, Đạo vốn của toàn cả chúng sanh. Lão chẳng lẽ lấy tư mà làm công cho đặng. Lão phải chấp chánh quyền hành, công thưởng, tội trừng cho đáng lý, chẳng phải bởi ngữa nghiêng cơ Đạo mà buộc đặng Lão phải tòng đời. Lão lấy quyền vô vi Càn Khôn làm biểu hiệu, Lão chỉ vì tình nhau, mà cho chư hiền hữu, chư hiền muội biết trước rằng, đừng ý công mà cả lòng khi lịnh. Lão nhứt định chẳng hề tha thứ bao giờ, nên thi đế, hư thi trừ, chư hiền hữu, chư hiền muội đừng trách Lão quá ư nghiêm khắc nghe!

Hộ Pháp! Lão dùng văn chương thường dụng của nhà Nam đặng làm mấy Đạo Nghị Định này. Hiền hữu gắng để hết ý vào, xem xét coi như chánh đáng thì ký tên cùng Lão, đặng ban hành phòng có điều chi trở ngại cho Lão hiểu đặng toan sửa cải nghe!

Sĩ Tài ráng chép y như văn Lão.”

❖ NGHỊ ĐỊNH THỨ NHỨT:

- “ĐIỀU THỨ NHỨT: Cả chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải tuân y Pháp Chánh Truyền và Tân Luật mà hành đạo theo trách nhiệm của mỗi người. Lớn chẳng đặng giành quyền nhỏ, nhỏ chẳng đặng lấn quyền lớn.
- ĐIỀU THỨ NHÌ: Chư chức sắc Thiên phong phải tuân theo trật tự lớn nhỏ phải phân minh, chẳng đặng phạm thượng làm nhơ danh của Đạo.
- ĐIỀU THỨ BA: Cả chức sắc Thiên phong Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải ban hành Nghị Định này, kể từ ngày Rằm tháng 10, ai phạm tội, giải ra Tòa Tam Giáo.”

❖ **NGHỊ ĐỊNH THỨ NHÌ:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** Ban quyền hành cho Thượng Đẩu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần Thiêng Liêng có Lão.
- **ĐIỀU THỨ NHÌ:** Chức sắc Cửu Trùng Đài, duy bậc Chánh Phối Sư phải tòng quyền mà hành chánh về phần chánh trị của Đạo, song đừng thế mặt cho Đẩu Sư, đương buổi Người cầm quyền Giáo Tông của Lão.
- **ĐIỀU THỨ BA:** Mọi việc chi thuộc về quyền chánh trị, đều giao cho Chánh Phối Sư.
- **ĐIỀU THỨ TƯ:** Chánh Phối Sư đừng trọn quyền thông công cùng chánh phủ và nhơn sanh; nhưng buộc phải có Hội Viên Nhơn Sanh và Hội Thánh chăm nom cơ hành động.
- **ĐIỀU THỨ NĂM:** Nghị Định này sẽ ban hành ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.”

❖ **NGHỊ ĐỊNH THỨ BA:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** Chánh Phối Sư Nạm Phái hành chánh riêng Nạm; Chánh Phối Sư Nữ Phái hành chánh riêng về Nữ, Nạm Nữ phân quyền.
- **ĐIỀU THỨ HAI:** Chức sắc hành chánh các nơi, chia quyền theo đẳng cấp như vậy:
 - Phối Sư phải ở tại Tòa Thánh.
 - Giáo Sư làm đầu một tỉnh.
 - Giáo Hữu làm đầu một họ.
 - Lễ Sanh làm đầu một quận.
 - Chánh Trị Sự làm đầu một làng.
 - Phó Trị Sự làm đầu một xóm cùng Thông Sư.
- **ĐIỀU THỨ BA:** Cả chức sắc có địa phận đặc biệt, chẳng

đặng qua khỏi ranh đất trách nhiệm của mình mà gây điều ganh lẫn.

- **ĐIỀU THỨ TƯ:** *Cả chức sắc phải tùng lệnh Hội Thánh, chẳng đặng tư chuyên mà cải sửa Chơn Truyền của Đạo.*
- **ĐIỀU THỨ NĂM:** *Những chức sắc phạm tội về Nghị Định này phải bị giải ra Tòa Tam Giáo.*
- **ĐIỀU THỨ SÁU:** *Nghị Định này sẽ ban hành từ ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.”*

❖ **NGHỊ ĐỊNH THỨ TƯ:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** *Thượng Chánh Phối Sư có quyền xem xét các nơi, chăm nom đạo hữu.*
- **ĐIỀU THỨ NHÌ:** *Ngọc Chánh Phối Sư đặng quyền trị chức sắc phần Đạo và phần Đời, coi Chơn Truyền Hội Thánh, buộc chức sắc làm y phận sự.*
- **ĐIỀU THỨ BA:** *Thái Chánh Phối Sư đặng quyền điều đình sự phổ độ, tài liệu của Đạo đều nơi người chủ, định lương hưởng cho chức sắc Thiên phong, lo về tài chánh.*
- **ĐIỀU THỨ TƯ:** *Thượng Chánh Phối Sư đặng quyền thay mặt cho toàn Đạo mà giao thông cùng chánh phủ và cả tín đồ, quyền giáo dục nhơn sanh do nơi tay người nắm, làm Chủ Tọa Hội Nhơn Sanh.*
- **ĐIỀU THỨ NĂM:** *Ngọc Chánh Phối Sư cầm quyền sửa trị cả chức sắc, tín đồ, thì quyền tạp tụng cũng nơi người nắm chặt.*
- **ĐIỀU THỨ SÁU:** *Thái Chánh Phối Sư đặng quyền cầu xin chức sắc hành đạo tha phương, song tại nơi người điều độ, làm Chủ Tọa Hội Thánh.*
- **ĐIỀU THỨ BẢY:** *Cả quyền hành đã phân định trong*

Cửu Viện đều y như trước.

- **ĐIỀU THỨ TÁM:** *Nghị Định này sẽ ban hành kể từ ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.”*

❖ **NGHỊ ĐỊNH THỨ NĂM:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** *Buộc cả chức sắc đã thọ phong phải phé đời hành đạo.*
- **ĐIỀU THỨ NHÌ:** *Những chức sắc trọn hiến thân cho Đạo mới đăng kể vào Hội Thánh, còn những kẻ ngoài vòng thì chẳng dự vào chánh trị của Đạo.*
- **ĐIỀU THỨ BA:** *Vì công khai Đạo của nhiều người, nên cho những kẻ nào đăng Hội Thánh nhìn rằng: Hữu công cùng Đạo, vào hàng chức sắc Hàm Phong.*
- **ĐIỀU THỨ TƯ:** *Nghị Định này ban hành kể từ ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.”*

❖ **NGHỊ ĐỊNH THỨ SÁU:**

- *“Hai vị Thiên phong Giáo Tông và Hộ Pháp phải điều đình Hiến Pháp, sửa trị Đài mình cho hiệp Pháp Chánh Truyền, nên đồng ký tờ này mà ước hẹn.”*

Từ khi ban hành các Đạo Nghị Định này thì việc phân nhiệm vùng mới rõ rệt và chức sắc được tuyên bố đi khắp nơi để hành đạo.

Ba phẩm Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, và Thông Sự gọi chung là Bàn Trị Sự vốn buổi ban đầu trong Pháp Chánh Truyền không có, chỉ định đến phẩm Lễ Sanh mà thôi. Về sau nền Đạo mỗi ngày một thêm phổ thông, người theo Đạo mỗi ngày một nhiều, Đức Lý mới đặt thêm 2 phẩm chức việc là Chánh và Phó Trị Sự, rồi khuyên Đức Hộ Pháp cũng nên đặt ra một phẩm nữa đó là Thông Sự. Họ là người trông coi trực tiếp các đạo hữu, là người sở tại, là cơ cấu hạ

tăng kiên trì và hiệu năng nhất của Đạo, cũng thường được gọi là Hội Thánh Em.

Sau khi Đâu Sư Thượng Trung Nhựt lên nắm Quyền Giáo Tông theo Đạo Nghị Định Thứ Hai của Đức Lý và Hộ Pháp ban hành, thì ngày Rằm tháng 11 năm Tân Mùi (1931), tại Thảo Xá Hiền Cung Chí Tôn giảng cơ ban quyền hành Chí Tôn tại thế cho Hộ Pháp và Quyền Giáo Tông. Chí Tôn nói:

“THẤY Các con,

Thầy lấy làm vui đặng gặp các con đủ mặt ngày nay mà hầu Thầy. Các con nghe lời Thầy dặn cần yếu này mà nhớ rằng: Toàn Thế Giới Càn Khôn chính có hai quyền, trên là quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền hành của chúng sanh. Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy, nghĩa là Hội Thánh của Đại Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy đặng đủ phương tận độ chúng sanh, còn các con thấy đều đứng vào hàng sanh chúng, dưới quyền hành chuyển của đời, nghĩa là toàn như loại đồng quyền cùng Thầy, mà Tạo Hóa Vạn Linh vốn là con cái của Thầy, vậy thì Vạn Linh cũng có thể đoạt vị vào hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng.

Trong quyền hành ấy có nhiều đẳng cấp, nên khỏi phải chịu phẩm người; ấy vậy người là chủ quyền của Vạn Linh. Thầy nói rõ: Quyền Chí Tôn là Thầy, Quyền Vạn Linh là sanh chúng, ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp một cùng Vạn Linh thì đạo mới ra thiết tướng. Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông và Hộ Pháp, vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ

Pháp hiệp một. Còn cả nhơn loại thì Quyền Vạn Linh; quyền hành Chí Tôn của Thầy duy có quyền Vạn Linh đối phó mà thôi.

Thái Bạch hằng giận các con rằng: Mọi điều chi nó đã hiệp đồng cùng Hộ Pháp mà ban hành, thì các con lại còn khi lệnh xem rẻ rúng. Vậy thì từ đây hễ có mạng linh chi đã đủ hai đũa nó hạ truyền thì các con phải hội đủ Nhơn Sanh, Hội Thánh, và Thượng Hội mà xét nét cho cặn kẽ phân minh đặng thi hành phận sự.”

Nền Đạo lúc bấy giờ bên trong thì phân chi lập phái, bên ngoài thì chính quyền Pháp lo sợ Đạo bành trướng mạnh mẽ, một mai trở thành một phong trào ái quốc sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách ly gián, giục loạn. Nào gây mâu thuẫn, dùng quyền tước để dụ dỗ Thiên phong bày trò chia rẽ.

Mối nội loạn xảy ra do ông Quyền Ngọc Đầu Sư Lê Bá Trang với ông Nguyễn Ngọc Tương đầu cáo với chánh quyền Pháp, bảo là Đức Quyền Giáo Tông có hành động không còn xứng đáng làm anh cả. Không những một vị Đầu Sư mà còn có 3 vị Quyền Chứng Pháp cùng đứng theo phe tiên cáo, và một số chức sắc cao cấp khác đứng sau thúc đẩy.

Đến ngày 19 tháng 5 năm Quý Dậu (1933), Nguyễn Phan Long qui tụ các chi phái Hậu Giang hiệp với số người phản Thầy phản Đạo kéo nhau về Tòa Thánh trích điểm Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, mục đích muốn chiếm Tòa Thánh được thực dân Pháp hậu thuẫn với sự nội gián của ông Ngọc Trang Thanh–Lê Bá Trang. Họ lập cái gọi là “*Hội Vạn Linh*” không nằm trong luật pháp Đại Đạo tại ngay trong nội điện Tòa Thánh. Vì chỉ có “*Ba Hội Lập Quyền Vạn Linh*” chớ nào có cái gọi là “*Hội Vạn Linh*” bao

giờ. Cũng bởi vì bọn họ hiểu mập mờ là lấy Quyền Vạn Linh mới đánh đổ đạo quyền Chí Linh của Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp. Đáng tiếc thay, trong cái hội sai luật này lại có rất nhiều chức sắc thuộc vào hàng phẩm Đại Thiên phong của cả Cửu Trùng Đài lẫn Hiệp Thiên Đài tham dự như:

- Quyền Chưởng Pháp Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu
- Bảo Thế Lê Thiện Phước
- Hiến Đạo Phạm Văn Tươi
- Quyền Ngọc Đầu Sư Lê Bá Trang
- Giáo Sư Ngọc Kinh Thanh
- Giáo Sư Thượng Lai Thanh
- Giáo Sư Thượng Thành Thanh
- Giáo Sư Thái Minh Thanh, và 16 vị Giáo Sư khác

Có người làm bài thi về sự kiện này như sau:

*“Ánh vàng Trung Nhật tỏa hào quang,
Đại Đạo phổ truyền khắp thế gian.
Trang Bá mọc moi trời tối sẫm,
Phan Long trơ tráo đất phai tàn.
Nhơn sanh ngỡ ngác tan đôi nẻo,
Chức sắc âu lo sợ lạc đàng.
Hội Vạn Linh này sai luật pháp,
Tranh quyền bia miệng đến ngàn năm.”*

Bởi vậy, có lần Đức Hộ Pháp tỏ nổi ưu tư nghiệp Đạo, kể làm thì ít mà người trích điểm thì nhiều, Ngài nói như vậy:

“Trước khi Đức Chí Tôn đến gieo truyền mối Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập nhị Khai Thiên dựng đem cơ cứu khổ để tại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả cứu nhị ức Nguyên Nhân con cái của Ngài, Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài, mà trong chức sắc Hiệp Thiên Đài chỉ có 15

vị: Thập nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh, và Bản Đạo. Trong 15 vị thì chỉ có 4 đến 5 vị lãnh lĩnh mà thôi... mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lĩnh có 4, 5 vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được.”

Chưa hết, ông Tương còn tìm đủ mọi cách cố tình làm mất uy tín của Đức Quyền Giáo Tông, nói sai lệch mọi sở hành của Đức Quyền Giáo Tông, bêu xấu nói hành nói tội, làm đủ mưu kế nhằm cho Đức Quyền Giáo Tông mất hết lòng tin của chức sắc, giục loạn để tiếm vị. Ông Tương còn xúi giục ông Biện Lịch, tức là Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt lúc đó ở tại Nội Ô Tòa Thánh, chửi bới, bêu xấu, đặt điều định án tội tình cho Đức Quyền Giáo Tông, rêu rao khắp mọi nơi nhằm làm Đức Quyền Giáo Tông tự ái, buồn chán, nản lòng, ngày này qua ngày khác cố ý để cho Đức Quyền Giáo Tông thoái vị.

Trước tình hình đó, Đức Hộ Pháp bất bình về mỗi việc hèn tiện của ông Tương làm, lại thương cho cái nhẹn nhục của Đức Quyền Giáo Tông. Đức Ngài cho gọi ông Châu, đạo hiệu Hiệp Phố đến để dạy việc. Ngài dạy ông Châu chọn 11 người và ông nữa là 12, rồi thành lập nhóm gọi là Bảo Thế. Đức Ngài bảo đủ rồi trình diện.

Ông Châu về âm thầm chọn 11 người, ngày hôm sau đến trình diện không dám chậm trễ. Đức Hộ Pháp dạy:

“Làm nhân viên Bảo Thế thì phải biết võ nghệ cho khá mới được. Qua kỳ hẹn 1 tháng phải rèn luyện võ thêm cho thuần thật là thuần.”

Đúng một tháng rèn luyện âm thầm, không để cho người ta để ý, ông Châu dẫn 11 người đến nhận việc. Đức Ngài nói:

“Qua giao Biện Lịch cho Bảo Thế, làm sao phải đuổi Lịch đi cho được càng sớm càng tốt.”

Nhận lệnh rồi ông Châu cùng 11 người anh em về bàn kế hoạch.

Khoảng 8 giờ tối ngày mùng 8 tháng Chạp, cả nhóm vào nơi nghỉ của ông Lịch. Mọi người mặt tha lợ quần quèo, bịt kín mặt, đổi giọng nói, tay cầm gậy, ăn bận kiêu oái oăm, có người còn mang râu sòm sòm. Đến nơi kêu cửa, ông Lịch ra mở cửa thì các ông vào nhà xưng là người của Thập Điện Diêm Cung đến bắt phạm nhân về châu. Ông Lịch thường ngày hay xưng Phật Tổ nên các ông lớn tiếng hỏi:

“Có Phật Tổ ở đây không?”

Ông Lịch chưa kịp nói thì đoàn người bao quanh ông, bất ngờ một trận đòn giáng xuống, không kịp xây trở, ông Lịch cứ một lời là xin tha thứ. Lúc đó ông Châu làm trưởng mới nói:

“Ông không muốn bị đòn nữa, muốn tha thứ thì hãy cung khai hết tội tình chính miệng mình nói đi, ai xúi biếu, mọi âm mưu, kế độc của ông Tương sắp đặt phải nói rõ ràng.”

Ông Lịch vừa run sợ vừa kể hết mọi chi tiết không bỏ sót. Ông Châu nói:

“Vậy thì chúng cứ rõ ràng để giám cho vì lời chân thật, tôi không bắt hôn về, nhưng ông dọn đi để tôi trả lời là không gặp ông. Nếu ông ở đây thì buộc tôi phải dẫn hôn về.”

Ông Lịch:

“Dạ, dạ, đi liền.”

Lúc ấy con ông Lịch ở nhà dưới nghe um xùm chạy lên. Mấy ông định dong nhưng nó kéo tay ông Châu lại nói:

“Thôi bác ba ơi cho con xin, cho con xin!”

Vì nó nhận ra giọng của ông Châu. Ông Châu giựt tay rồi rút đi.

Sáng hôm sau nghe tin, ông Tương đến thăm. Chuyện xảy ra được ông Lịch kể rõ đầu đuôi. Ông Tương giận lắm, mới tính kế để dàn xếp trả thù. Sau đó ông Tương đưa ông Lịch về Long Khánh, Xuân Lộc là nơi ông làm Huyện thuở trước. Rồi ông Tương lấy bộ đồ ông Lịch mặc hồi tối, dùng màu làm lóm lem, thăm chỗ này chỗ kia để giữa nhà. Xong tự mình ra trình với chính quyền Pháp và dùng lời lẽ gán tội cho rằng đây là việc ân oán thù hận nên giết người. Ông tố rằng ông Lịch bị hành hung và mất tích để lại bộ đồ thấm máu ở nhà.

Chính quyền Pháp cho người vào ăn kết điều tra sự vụ.

Ông Châu mới trình lên Đức Ngài. Ngài dẫn 12 người Bảo Thể ra trình diện với Pháp và nói rõ việc làm của ông Tương và Lịch mới dẫn đến việc xảy ra lúc ban hôm, và kể rõ từng chi tiết. Còn ông Lịch mấy ông không có giết, chắc là trốn rồi.

Sau đó 1 tháng, ông Lịch được đưa về Tây Ninh vì có người biết chỗ của ông ở Long Khánh. Vậy là mấy ông Bảo Thể được trắng án, 12 vị về trình diện Đức Ngài. Ngài khen mấy anh em và cho về.

Đến tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934) sau khi cúng đàn Rằm tháng Giêng vừa xong thì được tin rằng đến ngày 20 tháng này là có chi phái về Tòa Thánh đăng điện, tức là lên ngôi Giáo Tông và sẽ đuổi Đức Quyền Giáo Tông ra khỏi Tòa Thánh.

Đức Quyền Giáo Tông lấy làm lo lắng, Đức Hộ Pháp mới nói:

“Xin anh cả yên tâm, để mặc em lo liệu.”

Đức Hộ Pháp cho thủ bốn Phạm Môn là ông Nguyễn Văn Gia khẩn cấp kêu hết anh em chủ sở nơi các sở Phạm

Môn phải có mặt tại Tòa Thánh trước 5 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), mỗi sở chỉ chừa lại một người giữ nhà thôi.

Đúng hẹn, anh em đến đủ mặt tại Hiệp Thiên Đài. Đức Ngài giao cho ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh trách nhiệm điều động thống nhất, ông liền phân ra giữ các cửa ra vào Nội Ô Tòa Thánh.

Đến 7 giờ sáng, nhóm người chi phái kéo về vừa đến Cửa Hòa Viện thì ngừng lại, chia ra nhiều nhóm. Nhóm thì xông vào cửa Hòa Viện, nhóm thì xông vào cửa số 2 nhưng đều bị người giữ cửa ngăn lại và nói rằng:

“Các hiền huynh nán đợi chúng tôi báo cáo với Đức Quyền Giáo Tông chừng nào có lệnh Anh Cả cho phép vào thì chớ hiền huynh vô cũng không muốn.”

Nhưng họ không chịu chờ đợi, ngang nhiên xông đại vào. Bên trong thì cố cản lại, khiến kẻ lẫn vào người xô ra. Cuộc ồn ào như thế khá lâu đến lúc dùng vũ lực để tranh phần thắng cho đến 9 giờ sáng mới kết thúc. Bọn người chi phái thất bại bỏ về.

Sau cuộc biến này, Đức Quyền Giáo Tông mời anh em Phạm Môn dự buổi tiệc. Ông nói:

“Lúc trước Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn có một phần chức sắc lớn trong Hội Thánh đánh đổ, chớ ít ai nhìn nhận là đúng, vì ai nói sao qua nghe vậy chớ thật ra qua cũng không biết Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn có ích lợi gì. Đến hôm nay qua mới biết, nhờ có mấy em dám hy sinh để bảo tồn nghiệp Đạo. Vậy sau này qua có chết em cũng cho mấy em nó xem qua như em vậy.”

Đức Quyền Giáo Tông nói vậy là vì anh em Phạm Môn là người của Hiệp Thiên Đài. Quyền Giáo Tông ngỡ

ý với Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài mượn người Phạm Môn để bổ đi các tỉnh hầu trấn an tinh thần bốn đạo vì vụ việc một số chức sắc chia phe phân phái. Đức Hộ Pháp đồng ý.

Qua cơn biến đó, chi phái mượn tay chánh quyền Pháp để trả thù trận thất bại. Chúng bắt nhiều anh em Phạm Môn giam tại khám đường Tây Ninh, buộc tội đủ thứ. Mục đích là xúi các anh em khai Đức Quyền Giáo Tông chủ mưu đánh đuổi người chi phái không cho vô Tòa Thánh bái lễ. Nhưng anh em Phạm Môn đã không chịu khai nên bị tra tấn rất tàn nhẫn, lối 30 ngày sau thì được thả về, có người thậm chí không thể đi được nữa. Vì anh em thà chịu chết chứ không khai.

Trong một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, ngày 29 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934) ông Hương Bảo Toàn, hồi còn sống làm công quả nơi Phạm Môn, là anh em bạn rẽ với ông Phạm Văn Màng, thường gọi là anh Ba. Khi qui liễu ông Toàn đắc Thần vị vì công quả ít, còn ông Màng đắc Thánh vị hay còn được gọi là “*Phối Thánh Màng*”. Ông Toàn về giảng cơ nói như vậy:

“Con chào mấy Đại Sư. Lạy...”

Mấy hôm nay con biết dựng nhiều việc Thiên thơ tiền định, cho nên danh thể Phạm Môn.

Em chào mấy anh. Em cam thất lễ, em đã có đến tại ngục đường thăm viếng mấy anh nhiều phen. Đau lòng quá đỗi, song em xin mấy anh nhớ rằng Nhận Hồi chết tại ngục thất mới đắc Thánh vị; Chúa Jêsus chết treo nơi Thập Tự mới lập đạo Trời. Cõi thế vẫn khác cõi Thiên, đời chê mới nên về Đạo. Em xin mấy anh tự hỏi lấy mình rằng, chịu khổ hạnh cùng Đức Chí Tôn thì phước hay tội?

Em cũng tiếc cho em khi còn xác phàm, em không hữu hạn làm đạo gặp may duyên như mấy anh vậy. Chớ chi em đặng hồng ân như mấy anh ngày nay thì chắc em còn cao hơn phẩm Thần vị này. Thật là khối ngọc của mấy anh chưa dùng, còn em thì thêm quá đỗi.

Xin đọc lại cho mấy anh nghe rồi con sẽ tiếp. Kiểu lỗi cùng Đức Quyền Giáo Tông. Cười...

Sứ phụ hằng nhắc mà cười rằng, em làm đạo ít oi hơn hết, chớ chi đặng bằng anh ba thì ngày nay đâu có ngồi dưới thấp thôi, ngó cao sang Thánh vị của người mà phải thẹn hơn.

Hôm mấy anh mới bị nạn thì Đức Trần Văn Xương đến địa giới Linh Thần, cầm nơi tay một tờ ý chỉ nói cùng các Trần Tôn Thần rằng có Thánh lệnh dạy phải chăm nom gìn giữ mấy anh cho toàn tánh mạng. Em coi lại là lệnh của anh ba, thẹn thương quá đỗi, vì các Trần biết em là bạn của người mà ngày nay tổ thầy khác bậc.

Xin đọc lại...

May rủi một kiếp sanh mà muôn năm không thể đổi là vậy.

Thưa Sứ Phụ, anh dặn con nói lại giùm rằng người đương lo cùng Tam Trấn đặng kiện với Ngọc Hư đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi Đạo. Xin Sứ Phụ ẩn nhẫn, muôn sự có Chí Tôn, xin đừng sầu muộn nữa, hao mòn thân thể. Anh ba thấy Sứ Phụ râu thì người khóc lóc cùng con nhiều lúc.”

Sau đó, ngày Rằm tháng 7 năm Giáp Tuất (1934), Đức Hộ Pháp cùng với Đức Lý Giáo Tông ký tên ban hành 2 Đạo Nghị Định nữa đó là Đạo Nghị Định Thứ Bảy và Đạo Nghị Định Thứ Tám, cùng với 6 Nghị Định trước là 8 nên thường được biết đến với tên gọi là “Bát Đạo Nghị Định”.

❖ **NỘI DUNG ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ BẢY NHƯ SAU:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** *Cả chức sắc Nạm Nữ Cửu Trùng Đài đã trọn hiến thân cho Đạo buổi sơ khai đẳng đẳng đồng thăng nhứt cấp, trừ ra:*
 - *Một là người nào hiến thân cho Đạo sau ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.*
 - *Hai là người không trọn tuân luật pháp, không trọn giữ phận sự của mình.*
 - *Ba là người cầm quyền hành chánh chẳng toàn công.*
 - *Bốn là người nghịch Chơn truyền Chánh giáo, gây tả đạo bàng môn.*
 - *Năm là mới thọ ân phong thưởng.*
- **ĐIỀU THỨ HAI:** *Cả chức sắc Thiên phong Hội Thánh Ngoại Giao từng quyền Chương Đạo Nguyệt Tâm đã đủ ân phong công nghiệp, chẳng dặng thăng cấp.*
- **ĐIỀU THỨ BA:** *Những người đã có công nhưng đắc tội cùng Hội Thánh, thì phải giao nạp cho Hiệp Thiên Đài. Chừng nào Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên cho trắng án, thì dặng thăng cấp như chức sắc Thiên phong hữu công cùng Đạo.*
- **ĐIỀU THỨ TƯ:** *Quyền Giáo Tông và cả chức sắc Thiên phong Hội Thánh Nhị Hữu Hình Đài phải thi hành Đạo Nghị Định này.*
- **ĐIỀU THỨ NĂM:** *Bất cả sơ câu phong thưởng.”*

❖ **NỘI DUNG ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ TÁM NHƯ SAU:**

- **“ĐIỀU THỨ NHỨT:** *Những chi phái nào do bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm gốc lập thành mà không*

do nơi mang lệnh Hội Thánh, thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là bàng môn tả đạo.

- **ĐIỀU THỨ TÁM:** *Các tôn giáo xin nhập môn vào mỗi Chơn truyền phải có đủ Quyền Vạn Linh và Quyền Chí Tôn công nhận.”*

Liên quan đến Đạo Nghị Định Thứ Tám này có câu chuyện như sau. Câu chuyện về ông Đa đậu Cử Nhân nên người đời gọi là Cử Đa quê ở Mỹ Tho. Ông kháng chiến chống Pháp tại quê nhà. Vì thất bại bị Pháp truy bắt, mới bôn tẩu về trụ ngụ trên núi Thất Sơn, nơi đây rừng cây bao phủ, núi hang hiểm hóc xa thành thị, nên dễ ẩn thân.

Thời gian trôi qua, ông Cử thấy cảnh trí hữu hình tâm hồn chán tình đời dâu bể, nổi đam mê về đạo lại đến lúc này ông thọ giáo tu Tiên. Trên núi có một cái chùa bỏ hoang, ông tu chỉnh quét dọn sửa sang trang hoàng rồi làm nơi tu học. Ông thường hay câu thỉnh Tiên học đạo, vẽ bùa, cho thuốc để trị bệnh cho bá tánh, tiếng đồn về tài trị bệnh của ông ngày một vang xa, nên người đến mỗi lúc một đông hơn.

Rồi ông Cử Đa qua đời, người đệ tử của ông là Bảy Do tiếp tục thay thế ông ở chùa làm việc từ thiện như ông và thờ phượng ông tại chùa luôn.

Lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Ca đương làm Đốc Phủ, lãnh lệnh dẫn lính lùng bắt bọn cướp ở quận Sà Tán, đầu đảng bọn cướp ấy tên là Do. Bữa nọ, ông Ca dẫn lính lên chùa, vì người dân trị bệnh đông người kêu tên ông Do nên Đốc Phủ Ca sinh nghi nên đến để điều tra xét hỏi. Sau khi điều tra xét hỏi xong, Đốc Phủ Ca cho là ông Bảy Do chính là tên chúa đảng đội lốt nhà tu để qua mặt chính quyền sau khi làm nhiều điều phạm pháp mà chính quyền có lệnh truy

bắt, ông Ca quả quyết:

“Tên Do cướp và tên Do tu là một.”

Nên ra lệnh bắt giam ông Bảy Do. Ông Bảy Do cố giải thích, kêu nài và minh bạch mình và ông Do cướp là 2 người khác biệt chứ không phải một nhưng không lay chuyển được ý quyết của ông Ca. Ông Bảy Do tử thẹn, và để bảo vệ khí tiết của một người tu chân chính, ông cắn lưỡi chết tại nhà tù. Còn chùa của ông, ông Ca cho lính đập phá tiêu tan. Cảnh đổ nát hoang tàn đã xóa một thời ngôi chùa linh hiển nầy đón bao khách thập phương lễ bái và đã cứu chữa bao người bệnh tật.

Trước sự việc ấy, ông Cử Đa mới đến kiện ông Ca nơi Ngọc Hư Cung. Ngọc Hư Cung phán:

“Cho phép ông Cử Đa khảo ông Đốc Phủ Ca với điều kiện: Hình thức xưng danh hiệu gì cũng được, nhưng không được phong chức sắc.”

Lúc nầy ông Ca đã nhập vào Đạo Cao Đài và thọ phong phẩm Phối Sư nên ông Cử Đa mới kiện nơi Ngọc Hư Cung và Ngọc Hư Cung phán không cho phong chức sắc là vậy.

Sau đó ông Cử Đa báo thù vượt qua hạn định là phong chức cho 3 ông Đầu Sư giả: Thái Ca Nhựt, Thượng Thới Tinh, Ngọc Thiệu Nguyệt và một số đông người nữa. Vì sau khi Ngọc Hư Cung phán, ông Cử Đa nhận thấy giả danh thì được mà phong chức thì không được làm sao khảo ông Ca. Nên vì vậy để thỏa ý mình, ông Cử Đa đã liều vượt qua qui định. Từ đó ông Ca tách mình ra lập chi phái Cầu Vĩ Mỹ Tho. Rõ ràng ông Cử Đa đã dùng huyền diệu giáng cơ mà làm cho ông Ca tin rồi tôn làm thầy rồi lập phái riêng.

Một hôm nọ Đức Hộ Pháp ra Phạm Nghiệp có lập một đàn cơ, có Phối Thánh Màng về báo với Ngài rằng:

“Đệ tử chào Sư Phụ và chư vị Sư Thúc.

Đức Quyền Giáo Tông khi nãy khi chư Sư vừa đi khỏi Tòa Thánh, người mắc lật đật đi với Thiên Thân Cử Đa đến Trung Huê đặng độ dân kèm thúc dân Việt kiều cư đương toan phương dấy động, phục quốc sái mạng Ngọc Hử, hại nỗi thảm thương cho Cử Đa, vì phạm Thiên điều nên thất vị Tam phẩm, lại có lệnh sai gìn giữ đấng phái ấy, nhưng khó nỗi thi thố một mình nên cậy Đức Quyền Giáo Tông giúp sức, thì cũng vì sự bất ngờ của Ngài mà hại ông Cử lớn quá... Cười...

Đệ tử có lệnh dạy nói lại rằng Người đi nội trong 3 giờ thì trở lại hội diện với chư Sư, xin cảm phiền nán đợi.”

Chính vì sự việc của Cử Đa nên Đức Hộ Pháp được lệnh xuất giá đến Thất Sơn ăn kết vụ ông Cử Đa khi xưa. Khi xong, Ngài có làm một bài thi như vậy:

“Bồ Tát chưa nghe tiếng phá chùa,
Bảy Do sau ví kiện hơn thua.
Điều Trì tượng Phật kia làm chứng,
Núi Cấm Chư Tiên bởi vẽ bùa,
Khỏi lạnh đau lòng người phạm Tích.
Hương tàn sót dạ Cử Đa xưa.
Cửa quyền sấm nổ tiêu vôi cát,
Mà chất thiêng liêng găm đặng chưa.”

Một đàn cơ tiếp theo ông Cử Đa đã tiết trình với Đức Hộ Pháp như vậy:

“Kỳ đó ý của bản tăng là đem chúng ra khỏi đặng trong này lập luật, lập luật xong, Đạo Nghị Định thứ 8 Đức Lý lại không cho Nguyên Nhân tái thế, mà Hộ Pháp có quyền ấn xá lại ký tên vào đó, thì chúng nó nương nơi đâu mà được rồi. Nếu Ngài không tin tôi, bảo chúng nó chết, thì nó chết cho Ngài coi.

“Bởi vì làm thầy dạy nên thì học trò nên, dạy hư thì học trò hư. Bây giờ làm thầy chẳng lẽ đem học trò ra pháp trường xử tử, hay là đem trấn nước...”

Năm Ất Hợi (1935) Đức Ngài đưa anh em Phạm Môn ra cầu phong. Đức Lý giảng phong cho ông Trịnh Phong Cương làm Giáo Hữu, cùng 27 vị Lễ Sanh Phái Thượng, 14 vị đặc “*Lễ Sanh Giáo Thiện*”. Đức Lý còn cho bài thi:

*“Một trường vinh hiển buổi sau đây,
Danh thế khá tua trả nghĩa Thầy.
Nằm giữ mỗi giếng nền Đạo cả,
Lão đương lừa lọc trận rồng mây.”*

Sau khi Phạm Môn bị chánh quyền Pháp đóng cửa, Đức Ngài biến nó ra thành “*Cơ Quan Phước Thiện*”. Ngài tuyên bố mỗi vị lãnh trách nhiệm đi làm đầu họ Phước Thiện cầm quyền 1 tỉnh. Ngài cho bốc thăm chọn 20 vị đi 20 tỉnh Miền Nam, lại tặng mỗi người 1 đạo hiệu nữa. Danh sách các vị ấy là:

STT	Họ Tên	Đạo Hiệu	Đặc Phẩm	Trấn Nhậm
1	Đình Văn Tiết	Chí Khiết	Lễ Sanh Giáo Thiện	Gia Định
2	Nguyễn Tự Thế	Xế Thiển	Lễ Sanh Giáo Thiện	Châu Đốc
3	Lại Văn Sắc	Trường Đức	Lễ Sanh Giáo Thiện	Hà Tiên
4	Vô Văn Đợi (tự Đại)	Linh Đoán	Lễ Sanh Giáo Thiện	Rạch Giá
5	Vô Văn Léo	Tri Hoán	Lễ Sanh Giáo Thiện	Trà Vinh
6	Vô Văn Dân	Hậu Hối	Lễ Sanh Giáo Thiện	Sa Đéc
7	Nguyễn Văn Linh	Huyền Sinh	Lễ Sanh Giáo Thiện	Bến Tre
8	Trần Văn Như	Tín Thành	Lễ Sanh Giáo Thiện	Long Xuyên
9	Bùi Văn Nguyệt	Nhật Diệu	Lễ Sanh Giáo Thiện	Tân An
10	Đỗ Văn Viện	Điển Quân	Lễ Sanh Giáo Thiện	Sóc Trăng
11	Nguyễn Văn Ráng	Hiệp Phố	Lễ Sanh Giáo Thiện	Thủ Dầu Một

12	Trịnh Văn Phận	Nhơn Ái	Lễ Sanh Giáo Thiện	Tây Ninh
13	Nguyễn Văn Sĩ (tự Đại)	Trạch Thiện	Lễ Sanh Giáo Thiện	Biên Hòa
14	Lê Văn Tri	Triết Hóa	Lễ Sanh Giáo Thiện	Mỹ Tho
15	Phan Văn Đức	Thượng Chiếu	Lễ Sanh Giáo Thiện	Bà Rịa
16	Phạm Công Đăng	Thượng Đạt	Lễ Sanh Giáo Thiện	Chợ Lớn
17	Trần Văn Lợi	Chuyên Đại	Lễ Sanh Giáo Thiện	Vĩnh Long
18	Phạm Văn Lê	Thừa Hậu	Lễ Sanh Giáo Thiện	Gò Công
19	Nguyễn Văn Thông	—	Lễ Sanh Giáo Thiện	Cần Thơ
20	Nguyễn Văn Yên	Hương Nhàn	Lễ Sanh Giáo Thiện	Bạc Liêu
21	Trịnh Phong Cương	Trọng Phương	Thượng Giáo Hữu	Đầu Họ Hành Chánh Bạc Liêu
22	Lê Văn Gấm	Diệu Âm	Lễ Sanh Giáo Thiện	Sau thế ông Dẫn ở Sa Đéc
23	Nguyễn Văn Lư	Quản Lự	Lễ Sanh Giáo Thiện	CQMTT Tòa Thánh
24	Phạm Văn Út	Lưu Thiện	—	Tài xế cho Đức Ngài
25	Trần Văn Nhung	Tường Thị	—	Sau khi cầu phong thi bệnh nặng
26	Vô Văn Chở	Trường Tài	Đốc Nhạc	Chương Quân Bộ Nhạc
27	Đặng Văn Cận	Viễn Kiến	Lễ Sanh Giáo Thiện	—

Về Đầu Họ Phước Thiện Nữ phái thì có:

STT	Họ Tên	Đặc Phẩm	Trách Nhiệm
1	Trịnh Thị Bến	Lễ Sanh Giáo Thiện	Bạc Liêu
2	Lê Thị Rồi	Lễ Sanh Giáo Thiện	Chợ Lớn
3	Vô Thị Bông	Lễ Sanh Giáo Thiện	Rạch Giá
4	Vô Thị Hoàn	Lễ Sanh Giáo Thiện	Mỹ Tho
5	Đình Thị Kiên	Lễ Sanh Giáo Thiện	Tân An
6	Lưu Thị Sen	Lễ Sanh Giáo Thiện	Tây Ninh
7	Trần Thị Ôn	Lễ Sanh Giáo Thiện	Vĩnh Long
8	Đình Thị Tiết	Lễ Sanh Giáo Thiện	Sa Đéc
9	Nguyễn Thị Gạo	Lễ Sanh Giáo Thiện	Gia Định

Về phần Nữ phái cũng có nhiều vị được Đức Ngài cho đạo hiệu như sau:

1. Từ Thị Kế – Thừa Thiện
2. Lê Thị Lơi – Hồng Huệ
3. Đinh Thị Chén – Hàm Đức
4. Phạm Thị Hoàn – Giáo Thành
5. Lê Thị Chín – Thiên Tín
6. Trần Thị Ôn – Quang Ái
7. Lưu Thị Sen – Duy Từ
8. Lâm Thị Nghiệp – Ngọc Căn

Trước khi đi địa phương, Đức Ngài bắt tất cả phải học cách thức hành chánh đạo, nghi lễ ngoại giao, đi lễ. Nhứt là phải thuộc lòng Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo cùng giọng kinh cho rập ràng. Mỗi đêm đều tề tựu tại Hộ Pháp Đường để học từ 6 giờ chiều đến 10 giờ khuya, đích thân Ngài chỉ dạy.

Có điều khổ cho chức sắc phần đông dốt nát, không biết đọc biết viết, nghe người ta đọc mà đọc theo lâu thuộc, bị rầy lên rầy xuống.

Đi lễ Đức Ngài cũng tập lối Lương Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, ai cũng phải đi cho trúng Ngài mới chịu. Ngài còn dạy tư cách đến quan viên, nhân sĩ các tôn giáo bạn, nhà thờ chùa, miếu phải như thế nào. Cách lạy theo mỗi tôn giáo, lạy ông bà theo cổ lệ Việt Nam. Ngài nói:

“Qua biết mấy em từ bấy giờ lo về ruộng rẫy, nay học những việc này nên phải lúng khúng, nhưng mấy em lãnh trọng trách trong cơ cứu khổ là đi khai mở cơ quan Phước Thiện, làm đàn anh của nhơn sanh, dìu dẫn họ trên đường lập công, lập vị nơi cảnh Thiêng liêng, nên không học không được, dầu có

khó khăn bao nhiêu cũng phải ráng học.”

Về ngoại giao thì ông Quyền Chánh Phối Sư Thượng Thành Thanh chỉ dẫn. Văn kiện thì ông Khai Pháp, Chưởng Quản Phước Thiện lập thành 24 mẫu công văn rồi in cho mỗi vị đầu họ mỗi người 1 bản. Áo mào mấy vị cũng phải tự sắm 1 bộ đại phục, 1 bộ tiểu phục. Hễ ra khỏi nhà phải mặc tiểu phục. Tiễn xe đi cũng phải tự túc, vì Hội Thánh chưa có ngân quỹ, nên phải đi làm mướn hay buôn bán có sanh lợi mới đi hành đạo.

Ngày 12 tháng 9, Ất Hợi (1935) Đức Hộ Pháp tiễn đưa chư vị chức sắc Phước Thiện lên đường. Ngài dặn lần chót:

“Đi tới địa phương gặp chùa Phật, nhà thờ, đình Thần mấy em xin phép vào làm lễ ra mắt các Đấng ấy. Còn khi có chức sắc đến địa phương mình thì phải rước có chuông trống tùy theo phẩm tước, nhưng mấy em bên Phước Thiện nên khước từ điều ấy.”

Thầy trò bịnh rịnh chia tay.

Hành đạo được thời gian, đến ngày 27 tháng Chạp, Khai Pháp gửi điện tín cho phép mỗi người về thăm gia đình và đến mừng 8 Tết phải có mặt tại Tòa Thánh để cúng vía Chí Tôn và đái lịnh Hội Thánh.

Ngày mừng 9, Đức Hộ Pháp ban cho mỗi vị 4 phép bí tích:

- Phép giải oan
- Phép tắm thánh
- Phép đoạn căn (phép xác)
- Phép hôn phối

Ngài trực Thần, khai khiếu truyền dạy cách hành pháp cho từng người, lại ban cho mỗi người 1 cây bạch đăng (đèn

cây trắng) và dặn:

“Khi gặp việc khó khăn không giải quyết được thì đợi lúc 12 giờ khuya, đốt cây đèn này và thành tâm cầu nguyện thì Thầy sẽ giúp cho.”

Từ ngày có chức sắc bỏ đi các tỉnh, cơ sở lương điền mọc như nấm ở các làng, quận, tỉnh. Lúa thóc, khoai, bí tiếp tế về Tòa Thánh dồi dào nên sau này sự tạo tác Tòa Thánh nhờ đó mà thuận lợi. Tài chánh cũng khả quan, có tiền mua vật liệu mà xây cất. Nhứt là nhân lực, người Đạo sở lần lượt về gánh hồ, đào đất, rửa sạn, nấu cơm, thợ mộc, thợ cửa,... phần đông do người Phạm Môn đảm trách.

Trong đợt chừa chức sắc Phước Thiện được bỏ đi, có vị Giáo Thiện dưới cấp ông Trứ hiện đang nắm quyền Đâu Hộ Long Xuyên lúc bấy giờ.

Khi ông Giáo Thiện lãnh lệnh đến địa phương, ông làm việc hết sức khẩn trương. Ông sắp xếp tất cả hệ thống về mặt chức việc, về mặt hành chánh giấy tờ, về mặt chủ sở, ban, các ngành, người lớn, kẻ nhỏ, người làm đầu, người phụ trách, phân nhiệm phân quyền, lập sổ.

Tất cả đã xong. Vi bằng được thành lập, sổ sách được công khai đủ mặt ký tên. Ông cũng không quên ủy nhiệm cho người làm phó thay thế khi ông vắng mặt.

Chẳng may sau đó vài tháng thì ông bị bệnh. Căn bệnh ghê lở cứ tăng dần, đủ thuốc thang, đủ thầy chạy chữa mà không thuyên giảm, lại lan khắp mình mẩy. Thân thể ông hôi hám, đau đớn vô cùng.

Thế là mọi việc ông giao cho người thay thế theo vi bằng đã lập. Bốn đạo ở đây có kẻ tốt người xấu, có người lòng dạ hẹp hòi ích kỷ nhỏ nhen lại là phần nhiều đánh đổ, dị nghị, nói ra nói vô những lời cay đắng. Họ nói bộ hết chức sắc rồi

sao mà bố ông cùi lở đến đây làm, chẳng ích lợi gì mà còn báo ở đây lãnh nuôi như lãnh nợ.

Khi hay tin đó, ông Trứ quyền Châu Đạo Long Xuyên phúc về Hội Thánh. Đức Hộ Pháp triệu hồi vị Giáo Thiện ấy về Tây Ninh để trị. Rồi được Đức Ngài kêu các danh y cứu chữa, nhưng cuối cùng phải bỏ xác vì hết số căn sau mấy năm thâm khổ vì bệnh tình và chịu lời nhiếc quở chê bai. Hôm ông bỏ xác trần nhẹ nhàng đi về Thiên liêng. Đám tang được cử hành tại Khách Đình theo phẩm Giáo Thiện.

Sau ngày an táng, Đức Hộ Pháp nói với anh em Phạm Môn rằng:

“Qua thấy trong bẹ sen của Đức Phật Tổ có chơn linh của nó trên đó đó bây.”

Đức Ngài còn tiếp:

“Đã Qua biết chỗ dành để cho những người dưới Chợ Mới lập công với nó, thế mà họ lại không biết, thật là uổng quá.”

**HỒI THỨ MƯỜI:
“CỬU TRÙNG KHÔNG KẾ AN THIÊN HẠ, PHẢI ĐỂ
HIỆP THIÊN ĐỨNG TRỊ VÌ.”**

DẾN NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM GIÁP TUẤT (1934), ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG ĐĂNG TIÊN, ĐỂ MỘT MÌNH ĐỨC Hộ Pháp lèo lái thuyền Đạo lướt qua biết bao cơn thử thách nhọc nhằn. Trong ngày an táng xác Đức Quyền Giáo Tông, Ngài có làm bài điệu như sau:

“Giữa thế kỷ 20 này toàn địa cầu như sanh đều xu hướng về đường vật chất, đua tranh náo nhiệt, mạnh đặng yếu thua, khôn còn đại thì thác, làm cho cá nhân và cả xã hội sanh hoạt khó khăn mà quên cả tinh thần vi chủ...”

Đời chẳng khác nào chiếc thuyền chịu sóng gió ba đào lênh dênh khở hải. Những khách giang hồ của Tạo Công ai lại chẳng phập phồng rơi châu đổ ngọc. Trong cơn khổ não tâm hồn ấy, ngẫu nhiên gặp cứu tinh giải nạn là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Thượng Đế chấn hưng tôn giáo.

Ngài đến đặng nhìn nhận các đạo là phương giáo hóa của Ngài và dung hợp các triết lý của đời dưới khuôn phép lương tâm làm chủ.

Từ năm Bình Dân (1926) là năm Đạo mở tại Nam Kỳ đến nay, Anh Cả chúng tôi Lê Văn Trung, Đạo tịch Thượng Trung Nhứt đảm nhiệm vai tuồng rất lớn lao là phổ độ diu dắt nhưn sanh vào đường chánh giáo.

Một mối Đạo rất cao thâm mầu nhiệm mà chính Đức Thượng Đế gieo truyền trong nước nhỏ Việt Nam, thiết tưởng sự khó khăn mà Anh Cả chúng tôi trọn chịu 9 năm, chẳng quản nhọc nhằn một tay chống vững thuyền Đạo, bền chí

lướt qua mọi khổ hải.

Đạo mở vào buổi nhơn sanh đương khuynh hướng về đường vật chất thì cái tôn chỉ Đạo phải có thực lực gì cực kỳ mãnh liệt mới dung hòa nổi hai thuyết duy tâm và duy vật, phải hợp thời thì nhơn sanh mới chịu hoan nghênh mà bước vào cửa Đạo. Nếu Đạo không có cái tôn chỉ duy tâm cải cách theo trình độ tiến hóa của nhơn sanh thì Đức Thượng Đế chẳng cần nhọc công tái lập vì Đạo đã có sẵn từ Tạo Thiên Lập Địa rồi.

Trong các tôn giáo: Phật Giáo, Lão Giáo, Nho Giáo, Cơ Đốc Giáo cũng có nhiều triết lý cao siêu theo đó mà hành đạo cũng tiến hóa. Mỗi tôn giáo ấy đều có một tôn chỉ đặc thù phù hợp với phong hóa tùy mỗi thời đại chứ không hợp thời buổi bây giờ. Đạo có những điều tối ưu như thế, tất phải có người tài đức làm hướng đạo mà truyền bá cho nhơn sanh, khỏi lầm đường lạc lối và cũng phải có đại hùng, đại lực mới gánh vác nổi trách nhiệm lớn lao của Đại Đạo.

Anh Cả chúng tôi trước khi vào Đạo vẫn là người duy vật như mọi người ngoài đời, về đường danh lợi Người chẳng nhượng cho ai, kịp khi Đạo mở Đức Thượng Đế kêu đích danh Người mà phó thác Đạo Trời.

Phong trào duy vật đang sôi nổi, Người đương thời phấn đấu mà Người cũng vui lòng phứt hết việc đời để hiến thân cho Đạo. Buổi ban sơ chỉ có vài ba anh em theo Đạo, cũng có kẻ trắng người đen, không đồng tâm chí, nghịch lẫn nhau. Nhưng vì lòng háo đức của Người sẵn có, Ngài không chút ngại ngùng bạo gan chí sĩ mà hiến mình trọn vẹn lập Đạo mới thành, công ấy thường này làm Anh Cả chúng sanh cũng đáng.

Vào Đạo rồi, khi thì lập đàn thương giáo cùng các Đấng Thiêng Liêng, khi đi phổ độ khắp Nam Kỳ. Không nói ra ai

cũng rõ, những nỗi khó khăn về hiệp hội ở xứ mình. Cho nên lúc khai Đạo gặp nhiều nỗi tân khổ, lại còn nhiều nỗi cam go với Đạo hữu các nơi. Khi Đạo có mùi hoằng hóa, sau đó Hội Thánh Ngoại Giáo thành lập ở Kim Biên, tuy gặp lắm nỗi truân chuyên mà Người cũng cứ nhứt tâm nhứt đức theo đường thẳng tiến hành không bao giờ nản lòng thối chí.

Vì sao Đức Thượng Đế không chọn người nào khác mà đem mối Đạo lớn trao cho Người lúc ban sơ? Có ai dám nói Đức Chí Tôn dùng lầm!

Vậy thì tôn chỉ của Đại Đạo đã biểu lộ rõ ràng, bí quyết đạt Đạo chẳng phải do một mặt yếm thế để tịnh dưỡng tinh thần, mà phải lịch lãm về nhân sự và phải xuất chúng, rồi lấy Đạo đức mà cứu nhơn quần.

Xã hội phải tùy sở nguyện của chúng sanh mà lập phương phổ hóa, thì cái công tu luyện kia mới bổ ích. Vì vậy Anh Cả chúng tôi mới đặc dụng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Anh Cả chúng tôi có nhiều điều kiện hợp lý với tân thời mà cũng không nghịch với phong hóa cũ.

Vậy nên Đức Chí Tôn mới dùng Người để làm mô phạm cho cả anh em Đạo hữu và cho đời thấy rõ một phần chơn lý trong tôn chỉ Đại Đạo.

Theo thời đại khoa học đang nỗ lực phát dương này, nếu đem cái thuyết duy tâm cực đoan mà phổ hóa chúng sanh không khỏi bị hậu, còn nếu chuyên một mặt duy vật mà tiến hành thì xã hội có ngày ắt bị tiêu diệt về nạn cạnh tranh. Vậy phải chiết trung hai thuyết mà dung hòa thì đời mới đặng vừa tấn hóa theo văn minh khoa học, vừa duy trì đặng tâm hồn Đạo đức. Nhờ hiểu ý nghĩa cao thâm như vậy mà Anh Cả chúng tôi không vì hoàn cảnh mà quá ưu thiên lệch về một mặt nào.

Chúng tôi còn nhớ rất rõ lời tuyên bố của Anh Cả chúng

tôi như vậy: ‘Ngày nào như sanh còn khốn khổ thì chưa phải ngày anh tọa hưởng an nhàn, dầu anh đắc quả mà qui Tiên, anh cũng nguyện tái kiếp để độ tận chúng sanh.’

Bác ái thay lời tuyên bố ấy, không cần khoe khoan bằng văn chương, với những lời chất phác trên kia cũng tả đặng tâm tình của một trang đại đức.

Theo thể thường, người đi tu nào cũng hy vọng thành Tiên, chứ ít ai ở lẫn lộn trong chốn hồng trần. Vậy mà Anh Cả chúng tôi chẳng hề nao núng, thậm chí có người lo sợ khuyên Người giải quyền nhập tịnh cho yên. Người nói rằng dầu phải tử vì Đạo Người cũng vui lòng, chớ Người không sợ chết mà bỏ quên phận sự. Xem đó đủ thấy cái đại chí của Người vì Người thấu mục đích tối cao của Đạo. Tôn chỉ của Đạo không dữ mà hùng, hòa mà không nhuợc.

Cái ý nghĩa đó, Anh Cả chúng tôi hiểu và đã thực hành, nên Đạo mới đứng vững đến ngày nay.

Anh Cả chúng tôi còn hiểu rộng nghĩa chữ Từ Bi Bác Ái nên gặp phải nhiều phản động lực của những người thiên kiến... Anh Cả chúng tôi không vì sự thương thấp thỏi của thường tình mà bỏ cái thương đại đồng thế giới cho nên phải gặp nhiều nổi tân toan...

Ngày nay Anh Cả chúng tôi đã vào cõi hư vô, thiết tưởng những phản động lực kia cũng lần lần giảm bớt... Cái khó nhứt là phải có đủ đức kiên nhẫn để chống lại các phản động lực trong Đạo và ngoài đời. Nhiều lý thuyết tương phản nhau vì trí độ của con người không thể đồng đều nhau: kẻ thì ưa thuyết duy tâm, cứ chuyên chú một mặt tiêu cực; còn người thích duy vật thì chuyên chú một mặt tích cực. Mỗi phía đều cực đoan, tránh sao khỏi xung đột. Hai phía xung đột nhau mà bắt Đạo ở trung gian là nơi chiến địa thì kẻ cầm quyền

trong Đạo tránh sao khỏi những nỗi khó khăn. Vì vậy Anh Cả chúng tôi chịu nhiều đau đớn.

Ôi! Một đấng anh hùng như thế, một tay kiện tướng của Đạo nay đã ra người thiên cổ. Dẫu gan sắt dạ đồng cũng phải rơi châu mà thương tiếc.

Anh Cả ơi!"

Đức Quyền Giáo Tông quay về Thiêng liêng để lại trong Đạo một khoảng trống rất lớn.

Hồi trước khi Quyền Giáo Tông mới lên nắm quyền thì phẩm Đầu Sư khuyết nên 3 vị Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh mới được cử lên nắm. Còn 3 phẩm Chánh Phối Sư thì Đức Ngài đưa 3 vị Thời Quân qua cầm quyền mà lập thành Hội Thánh:

- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi cầm quyền Thái Chánh Phối Sư
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư
- Khai Thế Thái Văn Thâu cầm quyền Thượng Chánh Phối Sư

Cơ Đạo lúc bấy giờ chia rẽ rất nặng nề. Thánh Thất này đôi trăm người lập ra một phái, Thánh Thất kia vài trăm người lập ra một phái không phụ thuộc ai. Chung cuộc vẫn thờ Đấng Cha chung là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Lập chi không biết?

Đến ngày 13 tháng 10 năm Ất Hợi (1935), chức sắc Cửu Trùng và Hiệp Thiên quyết nghị triệu tập Hội Nhơn Sanh vào ngày lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông để giải quyết tình hình bức thiết của nền Đạo. Hội Nhơn Sanh là trí tuệ tập thể, là ý dân cao nhất trong nền Đạo với quan

niệm “*Thiên Nhân hợp nhất*”, “*Ý dân là ý Trời*”. Chí Tôn cũng đã từng nói:

“Việc gì hợp với lòng chư môn đệ là hiệp với ý Thầy.”

Toàn Đại Hội đã đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị. Tờ của Hội Nhơn Sanh đã biểu quyết như vậy:

“Nghị viên nam nữ Hội Nhơn Sanh nhóm Đại Hội thường niên tại Tòa Thánh ngày 17-10-Ất Hợi, đồng lòng bỏ thăm tín nhiệm chánh sách độc tài của Đức Hộ Pháp và xin đem hết tâm trí giúp Ngài đạt thành sở vọng, đưa cả chúng sanh đi tận trên con đường Thánh Đức của Đức Chí Tôn.

Thắng như phải dụng hết khổ tâm để làm màu cho thiên thơ thì chúng tôi cũng đều vui lòng hiến thân cho nền chánh giáo, đặng Hội Thánh cầm giữ quyền hành và nhắc giữ pháp luật.”

Và tờ của Hội Thánh như vậy:

“Nghị viên nam nữ Hội Thánh nhóm Đại Hội bất thường tại Tòa Thánh ngày 18 tháng 10 năm Ất Hợi, sau khi Đức Hộ Pháp giải bày về tình hình hiện thời của Đạo, đồng thời bỏ thăm tín nhiệm chánh sách độc tài của Ngài, hầu vừa giúp Ngài có đủ quyền hành giữ nghiêm pháp luật Đạo.”

Việc đưa Đức Hộ Pháp lên nắm Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài đó là ý muốn của nhơn sanh lúc bấy giờ, và được sự đồng tình của Hội Thánh. Quyết định ấy cũng có tính cách giai đoạn đoản kỳ để cứu lấy nền Đạo một khi khống khuyết chức sắc bên Cửu Trùng Đài.

Kể từ đó Đức Hộ Pháp nắm quyền hợp nhất để lo xây dựng và bảo tồn Chơn truyền, diu dắt con cái Chí Tôn trên đường Thánh Đức. Đức Lý giảng cho Đức Ngài bài thi như vậy:

*“Hộ giá Chí Tôn trước tới giờ,
Pháp luân thường chuyển máy Thiên Cơ.
Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản xuất Càn Khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên Thờ.
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cậy nhờ.”*

Trước đó vào ngày 29 tháng Chạp năm Quý Dậu (1934), Lục Nương cũng đã có cho biết trước về sự việc này như vậy:

“Em chào mấy anh. Em đương ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đương ngưỡng nghĩa nên vội vã đến hầu.

Khi mới này em dặng tin lành: Ngọc Hư lo chuyển Pháp. Cả Thiên Thờ hủy phá, sửa cải Pháp Chơn Truyền.

Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết. Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái mừng ấy mà làm cho Người đổ lụy ngâm bài than này:

*“Ú Mạ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.
Quyền cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh tâm trần tục khảo,
Về tươi bợn thế nét dò đon.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng Mẹ ngại ngừng, con hỡi con!”*

Nhị ca ôi! Bài thi làm cho cả Cung Diêu Trì đổ lụy. Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm, thì bước vinh diệu Thiêng Liêng không lạc nẻo.”

Mãi về sau này trong bài Thánh Giáo của Đức Lý ngày mừng 1 tháng Chạp năm Quý Tỵ (1954) mới nói rõ nguyên do Đức Lý giao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Ngài năm là:

“Hiền hữu có nghi vì tại sao Lão phải dâng quyền Giáo Tông cho hiền hữu đặng có trọn quyền Chí Tôn hữu hình tại thế chăng?”

Hộ Pháp:

“Xin Ngài dạy rõ.”

Đức Lý Giáo Tông:

“Cười... thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ, Người sợ oai của Lão khi cầm quyền Thiêng liêng mới Đạo quá chấp nê phạm tánh, không dung thứ tội tình cho con cái của Người, nên giao cho hiền hữu là bạn đồng sanh, biết đau đớn, biết khổ cực với mảnh thi phạm mà rộng dung cho họ. Cười...”

Quyền Chí Tôn trong tay hiền hữu thì cứ tư dụng đặng định vị cho Thánh Thế của Người. Lão chẳng can thiệp vào đó.”

Trong một đàn cơ, Chí Tôn giảng nói với Đức Ngài như vậy:

“Tắc! Con nghe Thầy dặn, con ngày nay đã cầm sanh mạng của Đạo nơi tay, con lại đủ quyền năng đạo đức với nghị lực tinh thần, con phải có dạ yêu thương những người vô duyên bạc phước. Con cầm một cây phước chiêu hồn đi đâu Thánh Thế của Thầy thì con phải nhớ đường trường sơn hải, nguy hiểm khó khăn của bước thiêng liêng là đường nào, rồi chậm chậm dừng chơn đợi đoàn con dại của Thầy nghe. Con ráng lấy chút dạ từ bi chớ che đũa bịnh, ấy là con làm ơn riêng cho Thầy đó.”

Nhờ tập trung quyền hành trong tay mà Đức Ngài đã lái con thuyền Đạo khỏi bao cơn phong ba bão tố. Không những chính phủ Pháp làm khó dễ, mà chính triều đình Huế cũng cấm truyền Đạo. Trong khoảng thời gian này nền Đạo gặp nhiều khó khăn, bên trong thì chia rẽ chi phái, tuyên truyền xuyên tạc bôi bấn các chức sắc, Hội Thánh. Bên ngoài thì người Pháp hạn chế việc truyền giáo, bí mật lồng người vào Đạo để theo dõi tìm tài liệu phóng đại gửi về Pháp báo cáo để diệt Đạo. Điển hình nhất là tên Toàn Quyền Đông Dương Pasquier.

Pierre Pasquier làm Toàn Quyền Đông Dương từ năm 1928 đến năm 1934. Ông ta quyết tâm tiêu diệt Đạo Cao Đài nên làm giả tạo nhiều hồ sơ để đem về Pháp chứng minh với chính phủ Pháp là Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị dưới lốt tôn giáo chống lại nước Pháp. Trên đường quay về Pháp, khi máy bay bay ngang qua bầu trời thánh phố Marseille, bỗng nhiên phi cơ phát cháy, nổ tung. Hẳn cùng với gia đình và toàn bộ hồ sơ ngụy tạo đều bị đốt cháy ra tro. Do ông ta đã phạm Thiên Điều nên bị chư Thần diệt thác đày linh hồn vào chốn Phong Đô.

Ngày 28 tháng 6 năm Giáp Tuất (1934), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ có nói về việc này bằng tiếng Pháp, được Hội Thánh dịch ra như sau:

“Những kẻ nào dám vi phạm vào Thiêng liêng, dù xa dù gần, đều phải bị trừng phạt. Hãy xem tên Toàn Quyền Pasquier và nhiều kẻ khác bị giết bởi phán quyết Thiêng liêng. Không một ai có thể tránh thoát những cơn thịnh nộ của Trời nếu chống lại Đấng Thượng Đế. Hãy nghe theo và tin tưởng sự công bằng của Thượng Đế.”

Hai năm sau, hẳn ta được Thiêng liêng cho phép giáng

cơ thú tội với Hội Thánh ngày mùng 2 tháng 7, Bính Tý (1936) như sau:

“Tôi nói tiếng An Nam.

Tôi đã cầm đăng một cuốn sách Nho, học thông đạo lý. Cái tư tưởng của tôi buổi nọ nó thiên về bên Khổng giáo chứ không phải hướng qua bên Phật đạo. Tôi càng suy xét thì lại lấy làm lạ vì cơ nào tôi lại dùng Nhà Thiên toan phá Đạo Cao Đài buổi nọ. Quái dị thay!

Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ Nho phong, kinh truyện, văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót, chẳng hiểu đăng rằng Nho giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu tân thế. Sự lạc lầm ấy do đâu mà có?

Ôi quan trường! Ôi nha lại! Vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn. Thiên Điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trừ mạng linh hồn mà chó. Gớm thay! Ghê thay!

THI

*Vương bá bữu ngôi thị ngục hình,
Thiên lao như thử tặc công khanh.
Đồ thân phát phối cầm dân mạng,
Y phục đai cân thị tử thành.*

Thăng.”

Về sự việc này cũng có nêu trong “Sấm Kỳ” của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm từ câu thứ 55 như sau:

*“Tiền ma bạc quý trao tay,
Đồ, Môn, Nghệ, Thái dầy dầy can qua.
Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây.”*

“Tám gà” đó là do phiên âm tiếng Việt tên của ông ta,

Pasquier đọc ra thành “*bát kê*”, bát là tám, kê là gà, thành ra là “*tám gà*”.

“*Hai bảy mười ba*” đó là năm nhuận 2 tháng 7, thành ra 13 tháng.

Chưa hết, còn vụ của ông Paul Doumer nữa.

Paul Doumer là nhà chánh trị và hành chánh Pháp, sanh tại Aurillac làm Toàn Quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902, sau đó làm Chủ Tịch Thượng Nghị Viện năm 1927, rồi làm Tổng Thống Cộng Hòa Pháp năm 1931. Ông bị ám sát chết năm 1932. Hai năm sau đó, ngày mùng 3 tháng 8 năm Giáp Tuất (1934), ông được phép giảng cơ thú tội với Hội Thánh như sau:

“Tôi đã thiếu một bốn phần mật thiết trước khi chết, đó là không chấp thuận đúng lúc sự tự do tín ngưỡng của quý Ngài. Nhưng quý vị có biết chăng, thật là khó khăn cho việc thay đổi lòng dạ con người. Họ có chịu nghe tôi nói không?”

Sự thiếu sót bốn phần Thiêng liêng ấy đối với Đấng Thượng Đế làm tôi trả giá 12 năm của đời sống của tôi. (Tuổi thọ giảm 12 năm) Tôi đến chỉ để nói với quý Ngài như thế.

Xin cáo biệt.”

Bên cạnh đó, các chức sắc cao cấp bị mật thám theo dõi. Hầu hết thập nhị Thời Quân rời Tòa Thánh về quê. Không thể để bộ phận pháp chánh bị trống vắng, nên Đức Ngài cầu xin các Đấng cho thành lập các chức sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới Thời Quân. Nên ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (1935) đàn cơ tại Tòa Thánh Đức Chương Đạo dạy như sau:

“Thưa Hộ Pháp, Bản Đạo để lời chia vui cùng Ngài, hôm qua nhờ có Thánh Chỉ Chí Tôn nên mới đặng rộng đường xuất Thánh... Bản Đạo có để lời trân trọng cầu

thường cho Học Tu nên mới dựng cao phong phẩm giá.

Cười... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia 3 Pháp-Đạo-Thế thì sự hiểu biết của Bản Đạo như vậy:

Sĩ Tài là Secrétaire Archiviste.

Lên phẩm Truyền Trạng là Greffier.

Rồi lên phẩm Thừa Sứ là Commissaire de la Justice.

Lên phẩm Cải Trạng là Avocat.

Lên phẩm Chương Ấn là Chancelier.

Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên địa vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng Chương Ấn phải lên địa vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mà đặc phong phổ thông đăng một nước rồi mới vào chánh vị.”

Từ ngày 23 tháng 7 đến mùng 4 tháng 8-Ất Hợi (1935) các Đấng giáng cho Tân Kinh. Phần kinh Thiên Đạo do Đức Ngài và Tiếp Đạo Cao Đức Trọng phò loan, trong đó có Di Lạc Chơn Kinh do Đức Thích Ca giáng cho đặc sắc nhất. Phần kinh Thế Đạo thì do Đức Ngài và Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh phò loan. Sau đó Ngài đi Kiềm Biên rồi được ban Phật Mẫu Chơn Kinh. Ngài có kể lại như vậy:

“Kinh Phật Mẫu cho tại Kiềm Biên Tông Đạo (Cao Miên Quốc), nơi Báo Ấn Đường của Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi. Lúc chưa có Kinh này, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu giáng cơ tại Hiệp Thiên Đài, khai Đạo Cao Đài. Nhờ thi phú văn từ của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do Đạo khai.

Tại Kiềm Biên chư chức sắc, Hội Thánh Ngoại Giáo cầu xin kinh Phật Mẫu khiến khi đó Bản Đạo đến nhằm lúc cúng vía, Bát Nương đến cầm cơ viết, chính mình Bản Đạo phò loan nơi Đại Điện.

Trong lúc giáng cơ, có nhiều đạo hữu và một người chưa

biết Đạo là gì, tức là ông Hiếu kêu Bản Đạo bằng chú, ngồi trước sân chơi, thấy trước Báo Ân Đường đều có hào quang giáng hạ.

Tôi chùng cho trọn vẹn bài kinh rồi, trong nhà mới hay có huyền diệu Thiêng liêng thì bốn kinh này thiệt là Kinh Đức Diêu Trì Kim Mẫu.”

Khi ban hành Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo (còn gọi là Kinh Lễ, bản in ở Paris 1952) Hội Thánh có đề tựa như vậy:

“Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giáng cơ truyền cho Phật Giáo: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song kinh tận độ vong linh chưa hề giáng cơ cho nơi nào tất cả.”

Bản kinh đầu tiên in năm 1928 tại Chợ Lớn có nhan đề là “*Tứ Thời Nhật Tụng Kinh*” do nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt phụng soạn ban hành chỉ có kinh chính như: Kinh Ngọc Hoàng, Kinh Tam Giáo mà thôi. Bài tựa viết tiếp:

“Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp trót mười năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo đã nhiều phen dâng sớ lên Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng dâng xin Kinh Tận Độ nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn chúng sanh.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (1935) mới giáng cho Tân Kinh.”

Vậy Kinh Lễ gồm 2 phần: Kinh Thiên Đạo (tức Tứ Thời Nhật Tụng Kinh) và Kinh Thế Đạo (tức Kinh Tận Độ). Đó là cuốn Kinh căn bản nhất của Đạo Cao Đài. Để trọn nghĩa câu “*Tận độ chúng sanh*”, Đức Ngài ra lệnh cho Thập Nhị Thời Quân làm thuyền Bát Nhã do Đức Di Lạc là vị chủ thuyền kêu gọi 92 ức Nguyên Nhân thức tỉnh theo

Đạo Cao Đài để sớm được thuyền đưa về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Hồi ban hành Tân Kinh, 3 vị Chánh Phối Sư đến Hiệp Thiên Đài để thỉnh gặp Đức Hộ Pháp. Đức Ngài để cây Giáng Ma Xử trên quyển Kinh rồi nói:

“*Đây là Kinh của Đại Đạo, không ai được bớt ra hay thêm vào. Nếu vi phạm thì sẽ bị cây Giáng Ma Xử này.*”

Rồi sau đó 3 vị Chánh Phối Sư lạy xong đưa 6 bản tay nhận quyển kinh đem về Cửu Trùng Đài phổ biến cho đến ngày nay.

Ngày 23 tháng 5 năm Bính Tý (1936) Đức Ngài ban hành sắc lệnh số 34/SL lập thêm phẩm Luật Sự dưới cấp Sĩ Tải. Phẩm này do khoa mục tuyển chọn. Ngoài các thí sinh có bằng cấp ra các chức việc được Đức Ngài nêu sau đây cũng được dự thi:

“Bản Đạo mở khoa mục, tuyển chọn hàng Luật Sự trong chức việc nam nữ kể ra sau đây:

- 1. CHÁNH TRỊ SỰ nam nữ đăng dự thi, khi đã hành đạo trên 3 năm.*
- 2. THÔNG SỰ nam nữ đăng dự thi, khi đã hành đạo trên 5 năm.*
- 3. TÍN ĐỒ nam nữ giữ luật pháp và trọn trung, trọn nghĩa cùng Đạo từ buổi ban sơ.*

Chức Luật Sự Hiệp Thiên Đài trấn nhậm một họ Đạo, làm đầu Chánh Trị Sự và Thông Sự về mặt luật pháp nhưng tòng quyền Sĩ Tải và không được xử đoán.”

Theo quyển Nền Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa soạn dưới sự chỉ đạo của Đức Ngài nơi trang 61 có đoạn như vậy:

“Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ngoài Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập nhị Thời Quân, còn có:

Chức sắc HÀN LÂM VIỆN, dưới quyền trực tiếp của GIÁO TÔNG và HỘ PHÁP, mỗi vị chức sắc này có sở thích, sở năng chuyên môn của họ. Những chức sắc đó gọi là Thập Nhị Bảo Quân là:

1. Bảo Huyền Linh Quân
2. Bảo Thiên Văn Quân
3. Bảo Địa Lý Quân
4. Bảo Sanh Quân
5. Bảo Học Quân
6. Bảo Cô Quân
7. Bảo Y Quân
8. Bảo Văn Pháp Quân
9. Bảo Sĩ Quân
10. Bảo Nông Quân
11. Bảo Công Quân
12. Bảo Thương Quân”

Ngày 30 tháng 5, có tin cho hay ông Lê Bá Trang đã qua đời tại chi phái Bến Tre. Ông Tương cho liệm trong liên đài rồi tổ chức bốn đạo ở chi phái Bến Tre đưa liên đài về Tòa Thánh.

Lúc đoàn người đến cửa Hòa Viện, Thánh Vệ và Bảo Thể vào trình với Đức Hộ Pháp. Ngài ra lệnh đóng cửa, giữ cho thật nghiêm nhặt, và phán cho vị thủ lãnh Bảo Thể truyền lời Ngài lại rằng:

“Nếu đưa đám thì ông Tương phải cởi bộ đồ Giáo Tông của ông đang mặc rồi đi sau liên đài làm người đưa đám thì mới cho vào.”

Là vì lúc đó ông ta đang mặc đồ Giáo Tông tự may, ngồi trên kiệu đi trước dẫn đầu.

Cuộc cãi vả tranh chấp giữa Bảo Thế, Thánh Vệ và đoàn người đưa đám ông Trang bắt đầu. Trời đổ mưa lớn, tang chủ và một số đông người đi theo đám ướt lạnh. Con ông Trang khóc lóc cầu xin ông Tương chịu phép cho qua êm. Không thể kéo dài tình trạng nầy được, ông Tương đành chịu theo cho êm xuôi công việc. Đoàn người được vào cửa, Đức Hộ Pháp dành riêng phía Đông lang đón rước đoàn người của ông Tương vào nghỉ, ở để dự lễ cúng tế. Sau đó ông Tương ôm Đức Hộ Pháp khóc sụt mướt, Ngài cũng khóc theo. Có lẽ đã biết sai, nhưng hồi đầu đã muộn.

Ông Trang vốn là 1 chiết chơn linh của Quan Vân Trường. Trong một đàn cơ Đức Quan Thánh Đế Quân giảng dạy ông như sau:

“Chào Linh tử,

Tiên phụ vẫn biết cầm quyền luật trị đời vốn không phải dễ. Tiên phụ đã cho Linh tử vào trường hoạn lộ đã trót một đời, gian thấy, tà thấy, mị thấy, nịnh thấy. Cuốn sách thế tình Linh tử đã thông suốt, chẳng khác nào tiên phụ đọc Xuân Thu buổi nọ. Tại sao Linh tử cầm huệ kiếm chẳng đủ hay, để đến đời gây tội tình vậy hử?”

Ông Trang bạch:

“Ừa chẳng hồi nào tới giờ đệ tử không được gần Ngài để học hỏi...”

Đức Quan Thánh dạy ông Trang:

“Tiên phụ cấm Linh tử 3 điều:

- 1. Nghiêm quyền lệnh (nạt nộ đàn em cấp dưới).*
- 2. Xa kẻ nịnh (gần gũi ông Tương).*

3. *Lánh phụ nơn (gần bà An, vợ ông)."*

Lúc an táng ông Trang, phần mộ của ông Đức Hộ Pháp cho công thợ làm, còn vật liệu thì nghĩ có bên của ông Tương, hoặc gia đình ông Trang đã chuẩn bị sẵn đem theo. Nhưng công thợ thì không có vật liệu, mà liên đài đã bốc mùi hôi, công nơn báo cáo Đức Ngài, lúc đó Ngài mới vỡ lẽ rằng gia đình quá nghèo, còn chi phái ông Tương sau khi về Bến Tre không liên lạc nữa. Đức Hộ Pháp liền ra lệnh cho Công Viện và Hộ Viện tiếp với Ngài mà lo cho chu tất.

Sang ngày 11 tháng 6, Đức Quyền Giáo Tông có giảng cơ nói về trường hợp của ông Trang như vậy:

“THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em.

Thượng Phẩm nói với qua rằng mấy em đợi.

Ôi! Qua nghĩ lại quá sức tức mình, mấy em nghĩ coi một kiếp sanh đâu có mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy xem như nháy mắt mà ảnh hưởng sâu sắc biết bao. Nào là danh, nào là vị, nào là tước, nào là quyền, nào là vinh, nào là trọng, rồi sự thì cũng không còn mấy mún giá trị chút gì nơi cõi Hư Linh hằng sống, bất quá như cơn vui dự đặng một tiệc ngon ngọt của khách phong trần say sưa một lát mà đòi phen chịu thảm cả đời.

Qua đến viếng Trang nơi Lạc Hồn Trì, thấy nó nằm mê man sáng sốt, đau lòng hết sức, như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng, thì dầu qua có đến gần nó lúc này cũng không bổ ích chút nào cả. Phải đợi cho nó từ từ định tỉnh may ra có tay Thất Nương giải mộng thì thỉnh thoảng định tỉnh tâm thần. Nếu qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với một người điên, chọc

thêm loạn trí.

Tám! Em nên thường phò loan đặng qua truyền tin Trang cho em hiểu. Ấy là một điều mấy em nên học hiểu. Khi nãy qua thấy em có khách nhiều thì phải. Thôi qua đi.

Vĩnh! Em ráng lo chinh đốn lần lần việc làm, kéo để Đạo bành trưởng đồ xòa ra làm không kịp, em nghe.

Thăng.”

Đức Quyền Giáo Tông kêu thân mật với Hộ Pháp là “Tám”, vì Ngài thứ tám. Rồi đến ngày mùng 10 tháng 9, Đức Quyền Giáo Tông còn cho biết thêm:

“Ê, Hộ Pháp! Em hỏi qua việc chú Trang, qua lại nhắc em điều nầy: Khi nọ em có nguyện với Chí Tôn rằng: Ngày nào có bệnh tà quái cầu tạng mặt em thì em hành pháp lại như trước...”

Đức Hộ Pháp bạch:

“Thôi em nhớ lại rồi.”

Đức Quyền Giáo Tông tiếp:

“Nhớ há! Còn vụ Trang, hôm đầu tháng 8, va vữa tỉnh giấc mê hôn, vụt chạy trốn đi đâu không biết. Qua và Thất Nương đương kiếm. Hồi trưa nầy đến Hộ Pháp Đường xin vào cho thấy mặt em đặng cầu ân xá mà mở miệng ú ớ bị em đập, chạy nữa, bây giờ không biết chạy đi đâu. Qua thấy thê thảm quá! Nếu qua và Thất Nương kiếm không đặng đem về, sợ lưu linh bậy bạ rồi chú Thần bắt cột tại Phước Trúc Cung giam như tù tội. Em Hộ Pháp khi gặp bắt nhốt giùm qua, rồi kêu qua đến đặng dìu dẫn kéo tội nghiệp. Ôi! Cậu Tương cũng sẽ như vậy nữa mà chớ! Qua xin lĩnh Ngọc Hư tha thứ nhưng không đặng vì chưa có lời em, nên qua lo sợ quá sức! Mấy em khá gắng giữ mình, đừng thất thế với Chí

Tôn. Khó lắm! Khó lắm!”

“Ưa” là đại từ xưng hô mà Đức Quyền Giáo Tông kêu ông Trang. Đức Quyền Giáo Tông kể đó là ông Trang có nhập vào xác một đứa con trai trạc 12–13 tuổi rồi chạy từ Cục Lạc xông thẳng vào Hộ Pháp Đường định cầu xin Đức Ngài ân xá. Nhưng do chưa được khai khẩu nên không nói được, cứ ú ớ rồi bị Đức Ngài tát cho một cái đau điếng bỏ chạy về hướng Cục Lạc.

Đến ngày 17 tháng 10, Đức Quyền Giáo Tông có giảng cơ nói về vụ ông Trang như vậy nữa:

“Ê, Trang khóc quá bây ơi! Vừa hiểu hiểu, chớ còn khi tỉnh khi say, nhưng qua theo bên mình bảo hộ không sao phòng ngại. Em Tám làm ơn nói với con Hai cho nó biết kẻo lo rầu tội nghiệp.”

Đức Ngài nói:

“Biết nó có nghe không?”

Đức Quyền Giáo Tông:

“Em cứ nói giùm. Cha chả! Ưa oán em đánh va hôm nọ lắm. Qua an ủi, mà hễ tỉnh thì cần rần hoài. Em nên viết cho va một cái thơ an ủi, cậy qua đưa giùm đặng qua thừa dịp thức tánh va một chút. Em làm ơn giùm.”

Đức Hộ Pháp:

“Thôi, kệ ảnh! Anh bỏ đi!”

Đức Quyền Giáo Tông:

“Ồi! Thây kệ, đừng giận làm gì nữa, nếu em thấy va lúc này thế nào em cũng tội nghiệp. Em làm phước làm giùm cái tháp va, hễ tỉnh thì hỏi có bấy nhiêu đó hơn hết. Ôi! Tương là cục nợ báo đời của Trang, do căn kiếp phải vậy, dẫu khi chết cũng còn theo báo hại. Em biết Tương là ai chăng? Đứa nào

nói trúng qua thường cho một củ mì.

Ê qua nói nhỏ, là Ngô Tôn Quờn đó, biết không?”

Tôn Quờn, hay Tôn Hoàn tên tự là Thúc Vũ người Thọ Xuân, Ngô Quận là tông thất và tướng lĩnh nhà Đông Ngô thời Tam Quốc. Tôn Hoàn là con trai thứ ba của Tôn Hà, dáng vẻ đoan chánh, bụng dạ sáng láng, học rộng nhớ dai có thể nghị luận ứng đối, theo đại quan đi đánh Quan Vũ ở Hoa Dung dụ hàng tàn quân Thục được 5000 người, bò, ngựa, khí giới rất nhiều. Năm 25 tuổi ông được phong làm An Đông Trung Lang Tướng. Ông cùng Lục Tốn chống lại Lưu Bị trong trận Di Lăng. Quân Thục thua chạy, ông hăng hái chiến đấu cắt đứt đường về khiến Lưu Bị phải treo núi mới thoát. Lưu Bị phẫn uất than rằng:

“Ta năm xưa đến Kinh Thành [tức là thành Kinh Khẩu], Hoàn còn là đứa trẻ mà nay bức trăm đến thế này đây!”

Ông nhờ công được bái làm Kiến Vũ Tướng Quân, phong Đan Đồ Hầu, đi Giang Hạ làm Đốc Ngưu cảnh xây dựng Hoàn Giang Ổ về sau mất khi đang tại nhiệm không rõ ngày nào.

Tháng 6 năm Bính Tý (1936) Đức Ngài nhân danh Hội Thánh Tây Ninh xin phép khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng. Chỉ còn 3 ngày tới lễ mới được lệnh Thống Đốc Nam Kỳ là Pagès ra lệnh cấm khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng. Đức Ngài cử ban đại diện xuống Sài gòn gặp Thống Đốc Pagès, đồng thời cho người hỏi ý kiến luật sư Trịnh Đình Thảo, là người có cảm tình và từng biện hộ binh vực cho Đạo Cao Đài, ông đồng ý đánh điện cho Georges Mandel, Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa biết thì được trả lời:

“Tôi đã ra lệnh để cho Đạo Cao Đài được tự do khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng và được tự do tín ngưỡng.”

Nếu có xảy ra việc gì xin ông lập tức báo tin cho tôi hay.”

Trước khi đánh điện cho Trịnh Đình Thảo, ông Mandel chỉ thị cho Toàn Quyền Đông Dương Robin để ngăn chặn sự tấn công bất thường của Thống Đốc Nam Kỳ. Ông Pagès cảm tức ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tăng cường binh lính vây quanh Thánh Thất Trảng Bàng. Hội Thánh không dám khánh thành. Luật sư Trịnh Đình Thảo phải viết một lá đơn chịu hết trách nhiệm. Nhà cầm quyền mới cho làm lễ. Khoảng 30 vạn tín đồ khắp nơi đổ về Thánh Thất Trảng Bàng. Lễ khánh thành kết quả tốt đẹp đem lại uy tín lớn cho Hội Thánh nhất là Đức Ngài.

Thống Đốc Pagès quyết hạ uy tín của Đức Ngài bằng cách mời Ngài xuống dinh Thống Đốc hội kiến. Đức Ngài và 3 chức sắc Cửu Trùng Đài đều mặc đạo phục.

Phái đoàn đến lúc 9 giờ sáng mà đến 12 giờ trưa Pagès mới chịu tiếp kiến. Pagès bắt lỗi Đức Ngài sao ăn mặc dị kỳ đến hầu ông. Đức Ngài trả lời:

“Chúng tôi mặc sắc phục theo Đạo chúng tôi.”

Pagès nổi nóng la lớn:

“Tôi không muốn các ông ăn mặc như hát bội.” Tay đập bàn nói tiếp: *“Tôi có thể bỏ tù các ông, hiểu không?”*

Đức Ngài đáp:

“Thưa Thống Đốc, nếu phải bị giam Bản Đạo sẵn sàng vào tù. Lịch sử từng có nhiều người tu hành bị ngược đãi là sự thường. Bản Đạo sẽ là một nạn nhân chứ không sao.”

Pagès giận quá đuổi Đức Ngài và 3 vị chức sắc ra ngoài. Trong lòng Pagès quyết bỏ tù công dân Phạm Công Tắc mà không bị mang tiếng là đàn áp Đạo Cao Đài nên phải chờ dịp.

Ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (1936), Đức Hộ Pháp

ra lệnh khởi công xây cất Tòa Thánh. Đây là lần thứ tư tái khởi công xây dựng trước sự vui mừng của chư chức sắc và toàn Đạo. Điều đáng nói là việc kiến thiết Tòa Thánh không có sơ đồ thiết kế trước mà do Đức Lý giảng bút hướng dẫn cho Đức Ngài từng phần. Sau đó Đức Ngài chỉ vẽ lại cho công thợ. Không có bài cơ nào để lại nói về kiến trúc Tòa Thánh ngoài bài cơ nói về kích thước tổng quát.

Đây nói thêm về 3 lần khởi công xây dựng Tòa Thánh lúc trước nhưng bị trì trệ rồi cũng dẫn đến việc tạm ngưng.

Sau khi làm Lễ Khai Đạo tại chùa Từ Lâm (Gò Kén) ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926), chủ chùa Từ Lâm Hòa Thượng Như Nhân (Giác Hải) do không vượt qua được cơn khảo đảo nên bị mất đức tin, phần bị nhà cầm quyền Pháp xúi giục, hăm dọa nên không theo Đạo Cao Đài nữa và đòi chùa lại. Hội Thánh hứa trong 3 tháng sẽ tìm đất để dọn đi, nhưng khi đã quá kỳ hạn mà Hội Thánh chưa trả chùa lại được vì chưa kiếm được đất để mua. Còn ông hòa thượng cứ theo đòi chùa lại hoài.

Vì cơ nên ngày 19 tháng Giêng năm Đinh Mão (1927) Đức Lý giảng dạy như vậy:

“Ngày nay Lão nhứt định chùa này trả lại. Xong trước khi trả phải cất Thánh Thất cho xong y như lời dạy. Chư đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, chi chi cũng ở Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh Địa, và lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí Tôn không chịu. Thượng Trung Nhứt! Phải làm thế nào chữa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là cả trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh Địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, cầu khẩn Chí Tôn nghe!”

Với sự chỉ dẫn của Đức Lý nên đến ngày 22 tháng Giêng năm Đinh Mão (1927) Hội Thánh đã tìm được khu đất rừng cấm của ông kiểm lâm người Pháp tên ASPAR nằm kế khu đất của ông Cao Văn Điện, là bạn của Đức Thượng Phẩm. Đêm đó Đức Lý có giảng dạy như vậy:

“Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa không, tưởng chú hiền hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa:

Sâu hơn 300 thước như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là ‘Lục long phò ấn’. Ngay miếng đất đó dựng 3 đầu: 1 đầu ra giếng mạch ao hồ, 2 đầu nữa bên cụm rừng bên kia.

Người Lạng Sa chỉ đòi 20 ngàn, nói rồi trả đúng có 15 ngàn, Lão dặn thì thành trả 17 ngàn, 18 ngàn thì đừng vậy.

Còn xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mới trọn. Đất nay còn rẻ, miếng đất chung quanh Thánh địa ngày sau hóa vàng. Chú hiền hữu biết lo lập, ngày sau rất quý báu.”

Sau khi mua được đất, Hội Thánh khai khẩn để cất Tòa Thánh tạm bằng tranh, vách ván để có ngay nơi thờ cúng Đức Chí Tôn và gấp rút dời Thánh Thất từ chùa Gò Kén về đất mới, trả chùa lại cho ông hòa thượng.

Ngày 13 tháng 2 năm Đinh Mão (1927) Hội Thánh quyết định trả chùa, thỉnh cốt tượng Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa Kiền Trắc về Thánh Thất tạm, các cơ quan của Đạo cũng lần lượt được cất tạm bằng mái tranh, vách đất để có nơi làm việc cho chức sắc.

▶ **Khởi công lần thứ nhất:**

Từ sau khi mua được đất mới, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáng dạy về kiểu vỡ, kích thước Tòa Thánh. Nhưng mãi đến tháng 10 năm Tân Mùi (1931) ông Thái Thơ Thanh, lúc đó còn ở phẩm Thái Chánh Phối Sư, mới đứng ra khởi công đào móng làm nền, đào hầm Bát Quái. Công việc không tiến triển được nhiều, rồi vì thiếu thốn tiền bạc nên phải tạm ngưng.

► **Khởi công lần thứ hai:**

Đến năm Quý Dậu (1933) Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật hiệp cùng bà Đầu Sư Lâm Hương Thanh tiếp nối công trình, làm thêm được một ít rồi cũng phải ngưng lại. Kế đến Đức Quyền Giáo Tông lâm bệnh và đăng Tiên.

► **Khởi công lần thứ ba:**

Năm Ất Hợi (1935) ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh nông trang, chấp chương vận động tiền bạc, nhờ Bác Vật Phan hiếu Kinh từ Sài gòn lên làm cố vấn, khởi làm được lầu Hiệp Thiên Đài, đúc cột, đổ plafond đặng chút ít nữa rồi cũng phải ngưng công việc lại.

Đến lần này, Đức Ngài được giao nắm quyền Hội Thánh, Chương Quản nhị hữu hình Đài mới trù tính kế hoạch tiếp tục xây cất Tòa Thánh cho đạt thành công. Đức Ngài huy động 500 công quả hiến thân nơi Phạm Môn và buộc phải lập hồng thệ trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh không được cưới vợ, lấy chồng để làm lực lượng công thợ nòng cốt, tiếp nối công việc xây cất kể từ ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (1936).

Đức Ngài lệnh cho Hộ Viện kiểm lại ngân quỹ của Đạo chỉ còn \$1.64. Trước tình thế đó, Đức Ngài phải đi Vũng Liêm mượn tiền của bà Lâm Hương Thanh. Bà không có tiền mặt vì lúa hạ giá chưa bán được. Bà lấy cái hòm đựng

đây vàng và hột xoàn đưa cho Ngài, nói đem về cầm lấy tiền cất Tòa Thánh. Đức Ngài không dám cầm vì sợ chuộc lại không nổi. Về sau Đức Ngài có kể lại như vậy:

“Bản-Đạo nhớ lại khi khởi cất Đền-Thánh thì đã ba phen thâu của tín-đồ, thâu của nhơn sanh, đặng cất Tòa Thánh cất không nổi. Tối ngày khởi cất, ngày Bản-Đạo nhất định cất, có 13 ngàn đồng buổi đó không phải dễ, mở trong tủ ra chỉ còn 1\$46 (một đồng bốn cắc sáu). Cất Tòa Thánh trong lúc thời thế nguy ngập, người ta bất-tín nhiệm chạy tiền không ra, không biết làm thế nào khởi đương ra cho mạnh mẽ đặng thâu tín nhiệm thiên hạ lại. Túng tiền, Bản-Đạo phải đến tại Vũng-Liêm, tưởng đâu Chị có dư-dã mới đến, con người như thế này không đến nước túng thiếu quá lẽ. Xuống tới dưới, tôi chừng khi hỏi Chị đặng mượn số tiền về khởi công cất Tòa Thánh, Chị dặt đi xuống chỉ mấy kho lúa đầy nhóc hết, mà lúa 0\$20 (hai cắc) một gia, hỏi đời đương khuôn bách từ Á tới Âu. No thì no triệu, bán lúa nếu có thể với giá bây giờ dầu 10 triệu trả cũng được. Một gia có 0\$20 tiền Chị đó Em!

Ôi! Lúa có 0\$20 có chết được không, Qua nói thiệt với Em trong mình Qua không còn gì hết. Ngồi suy nghĩ một hồi, vô mở tủ sắt lấy ra một hòm sắt lớn đầy vàng hết, từ Bà Cụ dĩ chí gia đình đều để đồ kỷ-niệm trong ấy, hột xoàn nhiều hơn hết, đem hòm ấy đưa cho Em đi cầm, thời buổi khuôn-bách này ngoài 90 ngàn tới 100 ngàn đặng khởi công cất Tòa Thánh thì được rồi, nhưng một ngày kia tới chừng trả rồi mới làm sao; lấy cầm thì được tới chừng chuộc thì tiền đâu, biết chuộc đặng hay không? Nói như vậy rồi cười với nhau mà thôi! Chị nói trên có huyền linh của Đức Chí-Tôn dưới có cả đức-tin con cái của Ngài, Nam cũng thế, Nữ cũng thế, đâu Em về cất buồng coi, không cần lấy đồ này, cứ tin Đức Chí-Tôn, Em làm lúng cái coi được hay không. Bản-Đạo về với hai bàn tay

trắng làm đến thành...”

Vì thế mà ngày 28 tháng 5 năm Đinh Sửu (1937) Hội Thánh có ra thông tri số 39 kêu gọi như vậy:

“Ai là người tâm đạo, ai là người có dạ thiết thành, biết rằng Trời giáng trần cứu thế, nên đem cả mãnh lực tinh thần, kể công người của, kể ít người nhiều dâng tô điểm vẽ vời cho cơ thể Đạo trở nên xinh lịch. Ấy là công nghiệp thứ nhất của chúng ta đối với tương lai Đạo. Giàu nghèo chẳng nệ xin trọn tấc thành cùng Đại Từ Phụ. Buổi này tương lai chẳng công quả nào vĩ đại bằng công quả tạo đền thờ cho mau thành tựu hầu trụ cả đức tin con cái yêu dấu của Thầy cho ra thiết tướng.”

Lời kêu gọi nhận được sự hưởng ứng của đồng đảo đạo hữu.

Đức Ngài ban lệnh cho các Châu Đạo, Tộc Đạo Hành Chánh cũng như Phước Thiện nỗ lực lo tiền bạc, vật liệu, lương thực gửi về Tòa Thánh liên tục để công cuộc tạo tác không bị gián đoạn. Nhờ vậy mà công việc được tiến hành liên tục trong suốt 4 năm rưỡi, sau đó con thuyền Đạo gặp nhiều cơn kháo đảo, rồi Pháp bắt Đức Ngài đày đi nơi hải đảo nên tất cả công việc phải ngưng lại. Lúc ấy đã tạo tác được những phần căn bản.

Đức Hộ Pháp rất nghiêm nhặt trong việc phân công công việc cho mỗi người. Việc ai nấy làm. Không ai hỏi lấy ai, nghiêm túc chấp hành. Trong đó có ông Lợi và 4 người Phạm Môn nữa đều xa lạ với nhau chẳng ai biết ai, được Đức Ngài giao nhiệm vụ đi lấy vàng ở núi Bà. Tất cả đến Hộ Pháp Đường để nghe Ngài dạy việc.

Sau khi đã dạy từng bước một, Ngài trao cho một tấm bản đồ vẽ tay. Trong đó chỉ hướng đi cận kề, Ngài đưa cho 5 cái gói vải và dặn chỉ phân nữa cái túi vải này cho dễ cầm,

không được đầy hoặc hơn phân nửa cũng không được. Túi khoảng như cái áo gối nhỏ, chừng 3 lít gạo. Khi đi, đồ trang bị gồm dây, phấn làm dấu, đèn cây lớn số 1, hột quẹt, ống khò của thợ hàn, rổ, và vài vật dụng cá nhân khác.

Sáng lên đường, điểm xuất phát là cửa Hòa Viện, coi bản đồ nhắm hướng mà đi. Sau khi vượt qua quãng đường chông gai, rừng già dày đặc, các ông đến miệng hang thì người đã thấm mệt. Nghỉ mệt, ăn cơm uống nước rồi chuẩn bị việc kế tiếp.

Người đi đầu khò đèn, người sau bước theo thận trọng tiến sâu vào hang, đi san sát để hỗ trợ nhau khi cần thiết. Mỗi một nẻo quanh là một lần phấn bệt dài đậm nét phòng khi trở về không bị lạc. Hang mỗi lúc một sâu thêm, ống khò không đủ hiệu năng thấp sáng nên đốt thêm đèn cây lớn thay vì làm đuốc. Sau khi lom khom bò qua các khe, các ngỏ hang, cuối cùng đã đến đúng điểm mà bản đồ ghi. Nơi đây là một khoảng rộng, phía dưới là một dòng nước trong và mát lạnh. Nước ngập đầu gối một chút, đáy là cát, đá to nhỏ đủ cỡ, các ông nhìn thấy nó nhấp nhóang ánh sáng màu vàng, cùng những màu rực rỡ khác khi phản chiếu dưới ánh đèn cây lớn.

Mỗi người một tay, mang hết khả năng ra đãi cát. Lựa các hạt mẫu mà Đức Ngài đã căn dặn kỹ cho kịp thời gian quy định cùng số lượng và chất lượng để về kịp trong ngày, không ai dám chệnh mảng, tiêu cực.

Sau khi đã đãi đủ số lượng Đức Hộ Pháp qui định mà vẫn còn thời gian, mấy ông tranh thủ lượm thêm một số đá đen, đá đỏ lạ mắt mà các ông chưa từng thấy bỏ vào túi áo mang về làm kỷ niệm chơi.

Nhiệm vụ hoàn thành một cách yên bình, không có

chuyện gì xảy ra. Các ông rất tin tưởng, kính sợ nơi Đức Ngài, bởi vì việc làm này các ông thấy sự huyền diệu từ đầu tới cuối. Các ông nghĩ rằng nếu không phải lệnh Thầy thì đâu được như thế. Nguy hiểm là điều dễ xảy ra ở chốn rừng sâu núi thẳm, thú dữ thì nhiều. Hơn nữa việc làm kín đáo, nếu lộ thì Pháp bắt vì ảnh hưởng đến chính trị và kinh tế. Vấn đề phát hiện và khai thác vàng dễ gì Pháp bỏ qua.

Đoàn người về tới Nội Ô khi bóng người ngã dài dưới ánh nắng chiều. Các ông đi thẳng vô Hộ Pháp Đường trình diện và trao đủ số túi vải, tấm bản đồ cho Ngài. Sau đó Đức Ngài giao lại cho quý ông lớn tuổi đó là các ông Bôi, Bái, Sậy,... vì các ông biết về thợ bạc. Nhận lệnh của Đức Hộ Pháp, các ông này cho túi vải vào hồ, nhồi lộn cọ sát cho bọt vàng nổi lên trên mặt nước, vớt hết chứa riêng một nơi. Sau cùng làm cho sệt lại để dùng phết vàng vào 7 cái ngai: Giáo Tông, Chưởng Pháp, Đầu Sư nơi Cung Đạo. Đánh dấu sự có thật của mỏ vàng đang thời kỳ non.

Sau đó vài bữa, ông Lợi rủ thêm 2 ông khác tính đi chuyển nữa. Nhưng lối cũ thì nhớ đó, mà cứ quanh quẩn trở về. Vừa lo vừa sợ, sợ là vì đối Đức Ngài đi lén, lo là lo bị phạt. Thôi thì trình sự thật hay hơn. Cầu xin tha thứ chớ biết làm sao. Đức Hộ Pháp nghe xong cười rồi nói:

“Hôm các con đi có phép của Thầy, chư Sơn Thần nơi ấy có trách nhiệm gìn giữ mới cho vào. Còn hôm nay các con đi không có phép tắc chi hết, nên chư Thần gìn giữ nơi ấy đâu cho vào được. Các con phải biết quyền vô hình nghiêm ngặt mà giữ mình. May là các con là người của Thầy, chớ nếu không có lẽ nguy hại đến tính mạng.”

Nghe xong các ông toát mồ hôi. Đức Hộ Pháp xá tội cho ra về.

Sau đó ông Lợi đem số đá trắng, đồ đã đem về lúc trước cho thợ đá xem. Các vị thợ bạc và thợ đá nói là những viên ngọc bích, những viên này rất cứng. Thoạt đầu thợ bạc lãnh làm với giá 0.5 đồng 1 viên. Sau đó khó quá nên nâng giá 0.8 rồi lên 1 đồng rồi đến 1.2 đồng rồi đến 1.5 đồng. Vì thấy 1.5 đồng mắc quá nên số còn lại các ông cho con cháu và người thân vài viên để làm kỷ niệm. Các ông còn lựa một viên cứng đẹp nhất, hùn tiền lại mài cho Đức Hộ Pháp một chiếc cà rá lớn.

Lúc ở Madagascar, cả đêm lẫn ngày mỗi khi cà rá chớp sáng là Đức Ngài biết bà Linh Sơn đến thăm. Lần đầu tiên thấy cà rá chớp, Ngài lấy làm lạ hỏi vì sao vậy. Bà Linh Sơn trả lời vì đó là báu vật ở núi Bà, còn Bà là chủ của nó. Vì thế mà mỗi khi chủ tới là vật tỏ dấu hiệu mừng, cũng là vị báo tin.

Trong thời gian công quả phá rừng xây cất Tòa Thánh, có một ông mọi người hay gọi quen là “*Ông Tư Lộ*” nấu nước cho công quả uống trên một chiếc ghe lớn ở cập Bàu Cà Na.

Hồi còn thanh niên ông đi khắp nơi từ Đông sang Tây, vì theo nấu cơm cho bọn lính viễn chinh Pháp. Tài nấu ăn của ông đã làm cho quan Pháp mến mộ, thích hợp với sự ăn uống của mình, nên đơn vị đổi đi đâu là cho ông theo để làm việc, ấy cũng là một cái số và cũng là một duyên phần.

Sau đó gặp Đạo Cao Đài, ông về Tòa Thánh trong lúc mọi người đang khởi công xây dựng Tòa Thánh. Có lần Đức Hộ Pháp gặp ông, Ngài cười nói:

“Anh nói đi xuống thế để đi chơi, nhưng anh nhớ kiếm tiền về, chớ lúc đi thì có mà e xài hết thì lúc về không tiền, rồi về làm sao được?”

Ông nghe và hiểu được ý của Đức Ngài vì ông là căn Tiên ở Thiêng liêng.

Từ đó, ngày đêm ông kiếm cây thuốc trong rừng nấu nước cho công quả uống. Ông đóng một chiếc ghe lớn để ngay Bàu Cà Na cập sát mé rừng, tìm thuốc, vạc phơi khô đem nấu rồi đổ vào một cái khạp lớn để cho mọi người dùng. Mọi công quả đông đảo đều đến để uống. Vì lúc đó rừng thiêng nước độc nhất là sốt rét, chối nước. Nhờ đó mà công quả có được sức khỏe, ít người bệnh. Nếu ai có bệnh thì ông cũng lấy thuốc tốt cho uống.

Về sau, ông được Hội Thánh Phước Thiện bổ làm Cai Quản nhà thuốc nam thuộc Dưỡng Đường Phước Thiện. Lại một điều ai bị bệnh mà được ông Tư Lò bốc thuốc thì mau hết lắm, nên tiếng đồn đi rất xa. Mọi người từ khắp nơi đến nhà thuốc nam tìm ông Tư Lò để hốt rất đông.

Ông Tư Lò là danh mà anh chị em công quả đặt cho ông lúc ông còn ở mé rừng nấu thuốc. Vì lúc nào ở bên ông cũng là một chiếc ghe có mái che và một cái lò lớn để nấu nước nóng cho anh chị em uống. Anh chị em gọi ông Tư Lò riết quen. Anh em Phạm Môn rất quý ông. Được Đức Hộ Pháp cho biết ông là bạn thiêng liêng của Ngài, một vị Tiên. Khi Đức Ngài lãnh lệnh đi mở Đạo, ông xin đi theo nhưng không chịu lãnh phận sự, chỉ muốn xuống thế ngao du một phen mà thôi. Vì thế mà lúc gặp ông, Đức Hộ Pháp đã cảnh tỉnh để ông biết. Xuống thế đi chơi thì đi, cũng phải lập công đức để thêm vốn mà về khỏi bị mất ngôi vị cũ.

Ông có làm một hòn non bộ để ở nhà thuốc. Sau đó đem về để tại Bá Huê Viên. Ông làm 2 câu đối để tại hòn non bộ nữa.

Ngày mùng 9 tháng 11 năm Bính Tý (1936), Đức Ngài ban hành Sắc Lệnh số 51/SL về Lễ Sĩ và Giáo Nhi xin được trích ra như sau:

"Nghĩ vì Tân Kinh là kinh tận độ đã ra nên cần nhất phải có Lễ Sĩ, Giáo Nhi dạy mấy em Đồng Nhi rồi phân linh hồn cho con cái Đức Chí Tôn khắp cả các nơi mà phườn Đạo đã đủ huyền vi che chở.

Nghĩ vì Hội Thánh mong mỗi mở rộng con đường Thánh Đức cho đoàn hậu tấn bước vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn đặng lập vị.

Nghĩ vì các em Đồng Nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay trưởng thành, nên buộc Hội Thánh định phần phong thưởng công nghiệp, nên:

SẮC LỊNH

Từ đây mở khoa mục các năm cho LỄ SĨ và GIÁO NHI thi cử.

Lễ Sĩ: thì mặt kinh luật của Đạo về phần QUAN HÔN TANG TẾ, nhất là Lễ Nhạc. Buộc Lễ Sĩ cho biết một món đờn trong mấy món Tam, Tiêu, Tranh, Đản, Kìm, Tỳ, Cò, Độc.

Giáo Nhi: phải thuộc lòng TÂN KINH và cũng phải thuộc một món âm nhạc như Lễ Sĩ. Những đồng nhi nam nữ có đủ giấy chứng của Tòa Thánh, lớn hơn hai mươi bốn tuổi mới đặng thi Lễ Sĩ và Giáo Nhi và phải biết viết, biết đọc chữ quốc ngữ.

Mỗi năm mở khoa thi ngày 15-10 tại Tòa Thánh. Hội Thánh chia ra hai thứ Lễ Sĩ và Giáo Nhi.

1- Thi đậu Lễ Sĩ và Giáo Nhi hiến thân trọn đời cho Hội Thánh, nhất là Giáo Nhi đã tuyên thệ thủ trình hành đạo, thì sẽ đặng thuyên bổ hành chánh trong các Thánh Thất, bất cứ nơi nào kể năm năm công nghiệp, thì thăng vị khởi cầu phong.

Lại nữa, Lễ Sĩ và Giáo Nhi nầy trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc quan, hôn,

tang, tế mà thôi, chớ không dựng dự về mặt chánh trị hay là mặt luật pháp của Tòa Đạo.

2- Là hàng Lễ Sĩ và Giáo Nhi còn ở lại gia đình, nhứt là Giáo Nhi có chồng con, theo thể không dựng vào Thánh Thất nào mà hành sự hết, duy hành sự nơi xóm làng mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 Đồng Nhi, Lễ Sĩ thì dạy nam, còn Giáo Nhi thì dạy nữ, chớ không dựng dạy lộn xộn nam nữ chung nhau.

Cấm nhật Lễ Sĩ không dựng dạy Đồng Nhi nữ. Nếu mỗi năm một chút sắc, chút việc sở tại nói rằng dạy thiếu, không đi hành đạo thì ngưng chức liền.

Hội Thánh không cần minh tra lại nữa, hạng này từng quyền Chánh Trị Sự về quan, hôn, tang, tế mà thôi, chớ không dựng dự vào chánh trị và luật pháp Tòa Đạo, tám năm công nghiệp đổ lên mới dựng cầu phong vào hàng Lễ Sanh, nhưng do nơi tờ yêu cầu của chức sắc và chức việc sở tại mới dựng.

Lễ Sĩ ăn mặc: như Lễ Sanh nam phái, nhưng trên mào ngang trán có tam sắc Đạo và Cổ Pháp của Giáo Tông là Thư Hùng Kiếm, Long Tu Phiến và cây Phất Chủ thêu trên.

Giáo Nhi ăn mặc: Đại phục như Lễ Sanh nữ phái, nhưng không dựng vạt bông sen trên đầu tóc, còn tiểu phục cũng vậy, nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này do nơi sở may Lịnh Đức may cho các Lễ Sĩ và Giáo Nhi đương thời hành đạo trong Hội Thánh và có lời yêu cầu công nhận chánh thể rồi.

Hội Thánh cấm nhật không ai dựng xưng danh Lễ Sĩ và Giáo Nhi nếu không có khoa mục cấp bằng của Tòa Thánh ban cho đủ lẽ.

Khai Pháp, Tiếp Đạo, Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài, Thái,

Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trường Hội Thánh Ngoại Giáo nên tùy phận sự thi hành Thánh Linh này.”

Ngày mùng 10 tháng Chạp, Mậu Dần (1938), Đức Hộ Pháp và Lý Giáo Tông đồng ý lập ban hành Đạo Nghị Định thành lập Thập nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng gọi là Hội Thánh Phước Thiện xin trích ra như sau:

“Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp. Chiếu theo Đạo Nghị Định số 4/60 phân định quyền cho Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài ngày 4 tháng 11 Ất Hợi (29/11/1935).

Nghị vì Hội Thánh duy có một mà quyền Đạo có bốn phương là:

- *Hành Chánh*
- *Tòa Đạo*
- *Phước Thiện*
- *Phổ Tế*

Nghị vì Cơ Quan Phước Thiện cốt để mở đường Thánh Đức cho toàn sanh chúng có đủ phương thể nhập vào Thánh Thể, người Ngoại Giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp cùng Hội Thánh. Nên:

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ nhất: *Hội Thánh sẽ tuyển chọn trong hàng chức sắc Thiên phong đủ hạnh đức, đủ công nghiệp dặng chiết ra khai hóa, giáo hóa cả Cơ Quan Phước Thiện, dặng cứu thế độ đời.*

Điều thứ hai: *Chức sắc Phước Thiện chú trọng nhập vào Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng kể 12 sau đây:*

1. *Minh Đức*
2. *Tân Dân*
3. *Thỉnh Thiện*
4. *Hành Thiện*

5. *Giáo Thiện*

9. *Hiền Nhơn*

6. *Chí Thiện*

10. *Thánh Nhơn*

7. *Đạo Nhơn*

11. *Tiên Tử*

8. *Chơn Nhơn*

12. *Phật Tử*

Điều thứ ba: Những người ngoại giáo hay chư vị Đạo Nhơn các nên Tôn Giáo khác muốn nhập vào cửa Đạo thì Hội Thánh do nơi công nghiệp Phước Thiện của họ mà định vị, tùy theo công nghiệp nhỏ lớn đăng định phẩm từ bậc Minh Đức tới Chơn Nhơn mà thôi. Còn bậc Hiền Nhơn đở lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn chơn pháp, nên phẩm vị này phải có cơ bút giảng phong mới đăng.

Điều thứ tư: Cả Cơ Quan Phước Thiện đều giao cho Hiệp Thiên Đài chưởng quản.

Điều thứ năm: Chức sắc Phước Thiện không có đạo phục riêng, duy đăng Hội Thánh ân tứ linh bài, và sắc lệnh kể ra sau đây:

- Minh Đức và Tân Dân duy có lãnh cấp bằng, mặc áo Đại phục trắng trong mà thôi, không có dấu hiệu chi ngoại thể.
- Bậc chức sắc Thiên phong hay là chức việc thì mặc đồ Đại phục của mình, những người ngoại giáo thì phải mặc khăn đen, áo dài theo quốc phục.
- Thánh Thiện, Hành Thiện, và Giáo Thiện thì lãnh sắc lệnh phái Ngọc có linh bài của mỗi phẩm vị ấy, gắn giữa dây sắc lệnh ngay ngực.
- Chí Thiện, Đạo Nhơn, và Chơn Nhơn mang dây sắc lệnh phái Thượng có gắn linh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, và Tiên Tử thì mang dây sắc lệnh phái Thái có gắn linh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.

- *Phẩm Phật Tử* thì do cơ bút nơi Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì tự Người định đoạt.

Điều thứ sáu: *Sắc lệnh và lệnh bài của Phước Thiện duy mặc nơi các Thánh Thất và Tòa Thánh để châu lễ Đức Chí Tôn mà thôi, không đặng dùng theo đồ thường thế.*

Điều thứ bảy: *Cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài tùy phận sự của mình thi hành Đạo Nghị Định này.”*

Còn về các phẩm chức sắc Bộ Nhạc thì mãi về sau này Đức Ngài mới ban hành Thánh lệnh số 25/TL ngày 29 tháng 3, Tân Mão (1951) có nội dung xin được trích như sau:

“Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền thống suất Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị,

Chiếu y Sắc Lệnh số 51 ngày mùng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần và phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ năm năm công nghiệp,

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phận thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị, nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất: *Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có chín phẩm ân phong như sau đây:*

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. Nhạc Sĩ | 6. Lãnh Nhạc |
| 2. Bếp Nhạc | 7. Đê Nhạc |
| 3. Cai Nhạc | 8. Đốc Nhạc |
| 4. Đội Nhạc | 9. Nhạc Sư |
| 5. Quản Nhạc | |

Điều thứ hai: Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thì từ hạ phẩm dần thượng phẩm mỗi cấp có khoa mục đăng tuyển chọn danh nhưn để điều khiển nội ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào ứng thi thì xin thi và mỗi khi thi đậu, mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ứng thi vượt bậc.

Điều thứ ba: Nếu thi rớt thì không đủ tài, phải ở lại phẩm cũ cho đủ năm năm công nghiệp mới được cầu ân phong.

Phần Nhạc Sư đủ năm năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân, nếu có khuyết.

Điều thứ tư: Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với chín phẩm của Hiệp Thiên Đài hay bậc phẩm khác của Cửu Trùng Đài và Phước Thiện Như sau này:

BỘ NHẠC	PHÁP CHÁNH	CỬU TRÙNG	PHƯỚC THIÊN
Nhạc Sĩ	Luật Sự	Chánh Trị Sự	Hành Thiện
Bếp Nhạc Cai Nhạc	Sĩ Tài	Lễ Sanh	Giáo Thiện
Đội Nhạc Quản Nhạc Lãnh Nhạc	Truyền Trạng Thừa Sứ	Giáo Hữu	Chí Thiện
Đề Nhạc Đốc Nhạc Nhạc Sư	Giám Đạo Cải Trạng	Giáo Sư	Đạo Nơn Chơn Nơn
	Chương Ấn Tiếp Dẫn Đạo Nơn	Phối Sư Chánh Phối Sư	Hiển Nơn Thánh Nơn
	Thập Nhị Thời Quân	Đầu Sư	Tiên Tử

Điều thứ năm: Chư vị Bảo Thế Tổng Thơ Ký Chánh

Trị Đạo, Khai Pháp Chương Quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Thượng Thống Lại Viện, Đạo Nhơn Chương Quản Phước Thiện, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phân, lãnh thi hành Thánh Lịnh này."

Do Đức Hộ Pháp lên nắm quyền thống nhất nên có nhiều sự hiểu lầm từ bên ngoài. Thành ra ngày 14 tháng 10 năm Đinh Sửu (1937), ông Thượng Sanh đứng đầu danh sách nhiều vị Thời Quân ra tờ kính cáo không nhìn nhận vai trò Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài của Đức Ngài, xin được trích ra tờ kính cáo ấy như vầy:

"Hiện thời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã sai biệt với Chơn Truyền, bất đồng tín ngưỡng, mất trật tự tôn ti, kém tinh thần liên lạc. Điều ấy dù không giải rõ tường chơn Đạo hữu cũng chán biết.

Đem chúng sanh trở về Chánh Giáo, nối chắc dây thân ái đặng cùng chung một tín ngưỡng chơn chánh, một tôn chỉ bác ái từ bi, đó là trách nhiệm hiện thời của chức sắc Hiệp Thiên Đài do theo mạng lịnh Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trấn Oai Nghiêm ngày 22 Aout 1937.

Không thái quá mà cũng không bất cập, chức sắc Hiệp Thiên Đài sẽ cần thận từ lý từ bước một trong việc hành Đạo, nguyện đem hết dạ vô tư chí thành liêm khiết đặng bảo thủ Chơn Truyền và nêu cao danh thể Chí Tôn nơi cõi Việt.

Ngày 2 Novembre 1937, chức sắc Hiệp Thiên Đài vì muốn giữ trọn nghĩa vụ chức sắc đối với ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc nơi Tòa Thánh Tây Ninh, nên lần cuối cùng có gửi cho Người một bức thơ. Ông Phạm Công Tắc không lấy chánh danh mình trả lời lại mà để cho một kẻ khác đứng tên trả lời.

Vậy chiếu theo điều lệ thứ ba trong Hiến Pháp và Nội Luật Hiệp Thiên Đài lập tại Tòa Thánh ngày 21 Mars 1932,

chức sắc Hiệp Thiên Đài không nhìn nhận Ông Phạm Công Tắc là Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài nữa.”

Hầu hết thập nhị Thời Quân đều ký tên vào tờ kính cáo này, trừ có bào huynh của ông Thượng Sanh là Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

Thật ra, điều thứ ba trong Hiến Pháp và Nội Luật Hiệp Thiên Đài ghi như vậy:

“Nếu Hộ Pháp chuyên quyền không do theo phân đông thì phân đông ấy đặng phép không tuân lệnh của Hộ Pháp và công bố cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài biết đặng đợi ngày cầu xin Đức Chí Tôn phán xét.”

Về sau này, vào mùa Xuân năm Canh Tuất (1970) khi ấy ông Thượng Sanh đương nắm quyền lèo lái con thuyền Đạo, ông Trần Văn Rạng có đến Giáo Tông Đường nơi ông Thượng Sanh làm việc để tỏ về việc viết tiểu sử của ông. Ông rất tử tốn không nói gì nhiều, chỉ cho ông Rạng một ít bài mà trong buổi đầu học đạo ông Sang đã xây bàn với Bảo Văn Pháp Quân vì các sách trong đạo hiện chưa có những bài này. Trong suốt quá trình công phu, công quả ông tùy cho hơn sanh định lượng, ông chỉ nhấn mạnh về tờ kính cáo năm 1937 bị nhiều người trích điểm nhất. Nhưng chẳng bao giờ ông chính thức biện hộ cho mình mà để cho công luận và lịch sử soi xét. Ông có nói:

“Ai có sống trong những ngày nền Đạo suy vi chia rẽ thì mới thấy những nỗi khổ tâm, lo lắng của những người có sứ mạng lúc bấy giờ. Bao nhiêu Thánh Thất đều thuộc về ông Tương. Các vị Thời Quân thì bấp bênh trước lời kêu gọi của ông Tương đang thiết có một bộ phận của Hiệp Thiên Đài, chư Đạo hữu chẳng biết ngã về đâu. Tờ Kính Cáo có tác dụng trấn an các vị Thời Quân và chư Đạo hữu từ vùng Sài Gòn

trở xuống Hậu Giang. ‘Chư Đạo Hữu muốn hỏi điều chi về việc Đạo xin do nơi văn phòng tạm thời ở Từ Vân Tự, Phú Nhuận, Gia Định.’ Câu này hàm ý nhằm ngăn chặn không để một ai ngã về chi phái.”

Theo ông, con đường nào rồi cũng về Tòa Thánh Tây Ninh.

Hồi ông Nguyễn Ngọc Tương khai đạo tại Bến Tre năm 1930 có mời ông Cao Hoài Sang và thập nhị Thời Quân đảm nhiệm cơ quan Hiệp Thiên Đài. Ông và thập nhị Thời Quân không ai đến dự lễ cả, chỉ gửi chương trình hành đạo coi như một lời cảnh cáo, một lời khuyên bảo đạo đức chớ không phải khế ước hợp tác, vì ông không có đến dự hội. Đó chỉ là tấm lòng ưu tư vì nền Đạo phân chia của ông và các vị Thời Quân.

Năm Mậu Dần (1938), Đức Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện, trực thuộc chi Đạo Hiệp Thiên Đài. Để hợp nhất các cơ quan Chánh Trị Đạo, Ngài cho ban hành bộ “Đạo Luật Mậu Dần” do tờ kiệt chứng đề ngày mùng 8 tháng Giêng năm Mậu Dần (1938) gồm có 4 cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Tòa Đạo, và Phổ Tế.

► **Hành Chánh:** Là cơ quan để thi hành các luật lệ của Hội Thánh hoặc của Nhơn Sanh dâng lên mà đã có quyền Chí Tôn phê chuẩn, gồm có các phẩm như sau:

- | | |
|-------------|----------------|
| 1. Lễ Sanh | 5. Đầu Sư |
| 2. Giáo Hữu | 6. Chưởng Pháp |
| 3. Giáo Sư | 7. Giáo Tông |
| 4. Phối Sư | |

Theo lời thuyết đạo của Ngài về phẩm vị của Cửu Trùng Đài, tức là cơ quan Hành Chánh như vậy:

- **Thần vị:** Là người không đạo mà mộ đạo, lại giữ đặng

trộn đạo, hữu căn hữu kiếp có thể đắc vị đối với Địa Thần; kẻ tín đồ biết Đạo mà giữ Đạo đối với Nhơn Thần; còn Lễ Sanh đối với Thiên Thần.

- Thánh vị:
 - Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh
 - Giáo Sư đối phẩm Nhơn Thánh
 - Phối Sư đối phẩm Thiên Thánh
- Tiên vị:
 - Đầu Sư đối phẩm Địa Tiên
 - Chưởng Pháp đối phẩm Nhơn Tiên
 - Giáo Tông đối phẩm Thiên Tiên
- ▶ **Phước Thiện:** Là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi nấng thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc cho những kẻ tật nguyên cô độc hoặc giúp tay cho Hành Chánh thi hành luật pháp được trọn vẹn. Đức Ngài có giải thích về Thập nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như vậy:
- “**Minh Đức** là gì? Là người đã theo đàng Thiên Lý, sửa tánh cho trong sạch đặng qui về với Khí Hư Linh nhẹ nhàng không còn tối tăm nữa, một mảy quấy không dám làm, một lành nhỏ không bỏ qua. Trọng đức hơn trọng tài, được vậy gọi là Minh Đức. Minh Đức đứng vào hàng phẩm trung thừa của Thần vị.
- **Tân Dân** là người đã bỏ được các điều nhiễm cũ, xưa nay hư tệ như cờ bạc, rượu chè, gian tham, trộm cướp. Nói tóm lại là cái gì đối phong, bại tục đều bỏ hết. Sửa lòng trong sạch, tịnh dưỡng tinh thần hầu noi theo con đường quang minh chánh đại của Trời, là con đường hành thiện gọi là Tân Dân. Tân Dân đứng vào hàng phẩm thượng thừa của Thần vị.

- **Thính Thiện** là người đã hoán cựu nghinh tân, không còn cái dục tình vật chất nào quyến rũ tinh thần đặng nữa. Sửa lòng trong sạch, hầu nghe lành và học lành, cho biết từ cái chi tiết của lành, đặng làm lành. Thính Thiện đứng vào hàng phẩm hạ thừa của Thánh vị, khi đi châu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ, đeo khuê bài Thính Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ ba.
- **Hành Thiện** là người đã nghe lành và biết việc lành rồi, thì phải làm lành, làm thế nào có thể cho kẻ bịnh hoạn tật nguyên, già cả, góa bụa được hưởng cái lành và được an ủi cõi lòng, hết than thân tủi phận dở dang, khổ não mới gọi là Hành Thiện. Hành Thiện đứng vào hàng phẩm trung thừa Thánh vị, khi đi châu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ, đeo khuê bài Hành Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhì.
- **Giáo Thiện** là người đã làm được lành rồi, thì phải đi dạy cho nhơn sanh tìm đường Thiên Lý là Đạo Trời. Giáo Thiện đứng vào hàng phẩm thượng thừa Thánh vị, khi đi châu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ, đeo khuê bài Giáo Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhất.
- **Chí Thiện** là người đã được 5 cái bằng cấp từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện nên được lãnh đứng đầu các vị Thánh và Thần. Chí Thiện đứng vào hàng phẩm hạ thừa Tiên vị, khi đi châu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Chí Thiện, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ ba.
- **Đạo Nhơn** là người đã được trọn lành rồi thì phải về Hội Thánh học tân pháp bí truyền để được đắc pháp. Đạo Nhơn đứng vào hàng phẩm trung thừa Tiên vị, khi

đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Đạo Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhì.

- **Chơn Nhơn** là người được học tân pháp bí truyền, đắc pháp rồi phải đi ra hành pháp cứu thế độ nhơn trong một nước. Chơn Nhơn đứng vào hàng phẩm thượng thừa Tiên vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Chơn Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhứt.
- **Hiền Nhơn** là người diệt được cả thất tình lục dục rồi, không còn nhiễm một mảy gì của trần thế nữa. Cõi lòng thanh tịnh ta bà thế giới, độ tận chúng sanh, ấy là hạng Hiền Nhơn. Hiền Nhơn đứng vào hàng phẩm hạ thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lệnh vàng, đeo khuê bài Hiền Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ ba.
- **Thánh Nhơn** là người đã học được thông tri tam giải: Thượng giải, Trung giải, Hạ giải có thể vâng lệnh Chí Tôn đi khai đạo một nơi nào để độ rồi nhơn sanh gọi là Thánh Nhơn. Thánh Nhơn đứng vào hàng phẩm trung thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lệnh vàng, đeo khuê bài Thánh Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhì.
- **Tiên Tử** là người sáng suốt hoàn toàn, học đủ lục thông: Nhân thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông tức là Mạnh thông, Thân thông, Trí thông có khi vâng lệnh Đức Chí Tôn làm một vị Giáo chủ của nhơn loại. Tiên Tử đứng vào phẩm thượng thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lệnh vàng, đeo khuê bài Tiên Tử, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhứt.

- **Phật Tử** được đồng quyền CHÍ TÔN cai quản cả Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Càn Khôn thể giải.

CHÍ TÔN có nói kỳ ba này CHÍ TÔN đến độ rồi con cái của Ngài đến ngang bậc cùng Ngài, là ngôi Phật Tử đó vậy.”

- ▶ **Phổ Tế:** Là cơ quan để cứu vớt hoặc độ rồi những người lạc bước thối tâm, cùng khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phế phạm sự, hay là độ rồi những kẻ hữu tâm tâm đạo.
- ▶ **Tòa Đạo:** Là cơ quan bảo thủ chơn truyền, giữ gìn luật pháp, chăm nom chư chức sắc, chức việc, và đạo hữu, thi hành phạm sự, che chở những kẻ yếu, bênh vực người cô thế tức là giữ gìn công bình luật đạo, cũng là cơ quan giúp cho Hành Chánh, Phước Thiện, và Phổ Tế thêm uy quyền mạnh mẽ và được tôn nghiêm.

Có lần quý vị Hành Thiện được bổ đi làm Trưởng Thập nhị gia, họ đến thỉnh giáo Đức Hộ Pháp như vậy:

“Bach Thầy, chúng con được bổ đi làm Trưởng thập nhị gia, tức là 12 gia tộc. Thoảng như trong 12 gia đình ấy có gia đình của quý chức sắc bậc cao như Giáo Sư, Giáo Hữu chúng con phải làm sao? Xin Thầy chỉ dạy.”

Đức Ngài mới nói:

“Vậy thì mấy con được phước chớ sao!”

Ngài không nói gì thêm, các vị như đã hiểu được điều gì qua lời nói ấy.

Về sau, ông Trịnh Phong Cương là người của Phước Thiện có thỉnh giáo Đức Hộ Pháp về Cơ Quan Phước Thiện như thế này:

“Bach Đức Thầy, mấy con theo Thầy học đạo, do Thầy chọn lựa vào môn đệ. Thầy đã mở cửa Phạm Môn là lập công

học đạo, chỉ mong được hưởng phẩm vị thiêng liêng thuộc về bóng chó không thiết hiện ra mặt xã hội. Từ năm 1925 Phạm Môn đã công khai với chính phủ cùng khắp trong nước, Đạo đời đều hiểu và đã có sự công nhận của quyền Vạn Linh và liệt vào đạo luật năm Mậu Dần (1938). Khi Thầy ở hải ngoại về qui phục Đạo chấn chỉnh lại, Thầy lập cho cơ quan Phước Thiện có 4 viện tòng linh Thời Quân là Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tuổi, hành sự được ít tháng, kể Thầy định cho anh Chí Thiện Thế làm Chương Quân, thì Thầy dạy lập đủ Cửu Viện.

Đến năm Tân Mão này, Thầy cho biết cửu viện là Hội Thánh Phước Thiện thì có phần tử trong Đạo lấy làm lạ, vì sao có Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, nay lại có Hội Thánh Phước Thiện. Mấy con nghe rõ chức sắc Cửu Trùng Đài có một vài người tổ chức Hội Nhơn Sanh tới đây sẽ đem danh dự từ Hội Thánh và Khâm Châu, Dầu Tộc Phước Thiện ra trình bày để chỉ trích vì Phước Thiện không có trong Pháp Chánh Truyền, chỉ có Hội Thánh Cửu Trùng Đài mà thôi và nói rằng Phạm Môn Phước Thiện là của Thầy đặt riêng. Mấy con rất lo ngại. Ngày giờ Thầy cầm quyền thống nhất thì không ai dám bác bỏ, dầu cho Hội Nhơn Sanh cũng không qua quyền thống nhất của Thầy đặt. Sợ một ngày kia Thầy có về Thiêng liêng rồi, Nhơn Sanh cùng các cơ quan khác chiếu trong luật không có trong Pháp Chánh Truyền rồi giải tán cả cơ quan Phước Thiện. Riêng về Phạm Môn, dầu danh từ ấy còn hay mất, mấy con không lo ngại vì mấy con đã theo Thầy từ lâu ở trong bóng tối, tức là làm việc khi ẩn khi hiện. Dầu ai để hay bỏ cũng vô hại, là mấy con chỉ có một số ít, dầu sao cũng có Thầy. Các con cũng xin Thầy dạy lẽ nào, và cầu xin Thầy ban Thánh lệnh đặt ngay kia khỏi bị hủy bỏ hay giải tán.”

Đức Hộ Pháp trả lời như sau:

“Phước Thiện không có trong Pháp Chánh Truyền họ trích điểm là phải. Mà chính Thầy cũng nhìn nhận là không khi nào Phước Thiện có trong Pháp Chánh Truyền, dầu rằng mấy em cầu xin, xin xỏ đem danh từ Phước Thiện vào Pháp Chánh Truyền lại còn sai hơn nữa. Thầy vẫn lấy quyền Chí Tôn tại thế, không bao giờ làm trái ngược vậy được. Bởi khi lập Pháp Chánh Truyền, Thầy có hội cùng Đức Lý Giáo Tông được trọn quyền thay thế Đức Chí Tôn. Hễ cái gì Hộ Pháp và Giáo Tông hiệp lại lập ra trong cửa Đạo tức là lời dạy bảo của Đức Chí Tôn. Không có việc gì từ nhỏ chí lớn mà không có mạng lệnh Chí Tôn trong đó.

Về quyền hành và trách nhiệm trọng đại nên Đức Lý Giáo Tông nôn nóng lập thành Pháp Chánh Truyền chú giải cho kịp Thiên Thơ của Đức Chí Tôn đã định. Nếu lập pháp trễ thì Đạo phải loạn thì còn gì cho công trình các Đấng Thiêng liêng dày công dìu dắt từ ban sơ. Ấy vậy Pháp Chánh Truyền chú giải ấy là phân quyền cho chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài cho khỏi bị giành quyền nhau mà thôi, và đồng thời trao trọn quyền ấy cho Hộ Pháp có đủ phương kềm chế nên Đạo của Đức Chí Tôn.

Pháp Chánh Truyền ở trong cuốn Thiên thơ mà ra, còn chú giải là phân quyền hành, quyền Thiên thơ Đức Chí Tôn đã để tại thế gian này. Ngài giao cho con cái của Ngài gìn giữ mà làm của báu không gì bằng, tức là ‘THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN’. Trong quyển Thiên thơ này, ngày kia có sản xuất nhiều cơ quan khác trọng yếu nữa chớ không phải một cơ quan Phước Thiện mà thôi. Mấy con cứ mạnh dạn trả lời:

‘Pháp Chánh Truyền Hộ Pháp và Giáo Tông lấy trong Thánh Ngôn mà ra thì Phước Thiện Phạm Môn nó cũng ở trong Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn dạy lập

ra chớ không có chi gọi là lạ.’

Nếu không phải sứ mạng, nghĩa là người nào không phải là mạng lệnh của Trời thì không khi nào Trời trao cả bí pháp cho tay phạm mà cầm đặng sử dụng.

Buổi nọ Đức Lý Giáo Tông dạy lập pháp trước rồi sau Ngài giáng cơ chấn chỉnh đặng lập cho đủ các cơ sở hữu vi, mới có đủ phương giúp Hội Thánh làm hình thể của Đức Chí Tôn mới xứng phận cho Ngài. Đức Chí Tôn đã dạy hồi mới khai Đạo:

‘Thầy đã chán biết thế gian này là phạm mà Thầy đến Thầy lấy cái phạm hiệp lại thành Thánh, làm sao tránh đặng cái phạm không lẫn lộn trong cái Thánh. Mà hễ Thầy lập nên cái Thánh thể, nếu còn vướng chút phạm thì đã ra phạm, không còn Thánh thể. Các con nên hiểu phạm vị cao trọng ấy mà trau lòng cho Thánh thể mới đáng giá. Thầy đã khuyên với các con, từ mỗi đứa cứ giữ phận sự mình làm cho trọn phận, còn ngoài ra chi chi cũng mặc Thầy, các con đừng sợ mất mà ngần ngại, bước đường Đạo là quý báu. Thầy đã nói muôn việc chi để Thầy lo, các con lo không đặng đâu.’

Thầy cho các con biết cái chủ nghĩa Phước Thiện của Đạo Cao Đài lập ra đây nếu nó ra sớm thì đã bị diệt trong trứng, vì nó là chương ngại của thế gian. Bởi vì đời cứ bôn xu trên đường duy vật, danh vị, quyền lợi càng tranh đấu mãi. Còn Đạo dục tiến tinh thần, đem bác ái công bằng trải trên mặt thế, cộng hòa nhưn loại, làm cho xã hội bình đẳng, nâng đỡ kẻ nghèo đến tột bực, không giàu mà sang, tuy nghèo mà tự toại. Chủ nghĩa ấy nó đương đầu với các sắc dân vương vị, để quyền, bảo sao nó không phản trắc, cũng vì quyền với lợi. Đừng nói chi người đời, trong Đạo mà còn làm tánh đức đó,

Qua nói là bậc chức sắc lớn không phải hàng đạo hữu mà thôi.

Cơ cứu khổ Đức Chí Tôn dạy lập hội mới khai Đạo, cũng vì cái khó khăn mà duy trì đến ngày Rằm tháng 8, Quý Dậu 1933. Qua mới thuyết trình trong bài diễn văn đã giải rõ, bắt đầu từ Phước Thiện mới nảy nở đến tháng Giêng năm Ất Hợi (1935) mới được bành trướng, thì Đức Lý Giáo Tông cho phẩm Phước Thiện mượn áo mào của Lễ Sanh 3 năm để bố đi các tỉnh, lo mở Phước Thiện. Ngài dạy đợi đến ngày Hội Thánh lập quyền Vạn Linh sẽ đưa ra hội quyết định. Thì hiển nhiên chủ nghĩa Phước Thiện đã ấn định trong Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) quyền Vạn Linh đã công nhận nó đã thành luật, còn có quyền nào mà sửa đổi hay giải tán. Bởi lẽ ấy mà Đức Lý Giáo Tông lập Đạo Nghị Định số 48/ĐND năm 1938 phân minh trật tự Thập nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng vị.

Qua nhắc lại, khi anh cả chúng ta là Đức Quyền Giáo Tông khởi xưởng tại cơ sở Lương Điền công nghệ buổi nọ, mà chánh quyền Pháp còn kiểm có bắt tội, đến đổi ngồi ngục 2 ngày. Còn Qua cũng bị tờ phúc sự trình bày với đế quốc Pháp buổi nọ năm 1937 vì nguyên do chánh quyền Pháp nghi kỵ.

Nền Đạo của Đức Chí Tôn có 2 cơ quan trọng yếu, nhất là Cửu Trùng Đài, cơ quan Hành Pháp bảo tồn văn hiến tương lai; còn Phước Thiện là cơ quan bảo tồn Nhơn loại, an ủi vô vè, nuôi sống thi hài có chi hay bằng.

Lại nữa, Chí Tôn đã giao cho Thánh thể của Ngài chủ quyền, dưới thì có Vạn Linh gìn giữ. Chủ quyền đã có sẵn nơi tay mà không thực hiện, hay là vô tình mà bỏ mất đi, là tại nguyên nhân quả kiếp của giòng giới Việt Nam hay là toàn thể Nhơn loại chưa hưởng sớm được.

Bàn Trị Sự là cấp bậc nhỏ nhất ở chốn thôn quê được thay quyền Hội Thánh Em:

- Chánh Trị Sự: Đầu Sư em
- Phó Trị Sự: Giáo Tông em
- Thông Sự: Hộ Pháp em

Hướng chi chủ nghĩa Phước Thiện là cơ quan trọng yếu của Đạo, của Giáo Tông, của Hộ Pháp mà không có danh từ Hội Thánh?

Trong Đạo Nghị Định 48/ĐNĐ của Giáo Tông đã phân định rõ ràng và bài diễn văn hồi năm 1933 đã giải rõ từ bực Chơn Nhơn trở xuống là giúp Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Còn từ Hiên Nhơn đở lên là cùng Hiệp Thiên Đài lo bảo thủ “**Bí pháp tâm truyền**” tức là giúp Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Hội Thánh Cửu Trùng Đài là của Giáo Tông. Hội Thánh Phước Thiện là của Hộ Pháp.

Dâu thể xác của Qua là con kị vật của Hộ Pháp có thay đổi thế nào, Hộ Pháp vẫn là Hộ Pháp.

Ngày kia chủ quyền Đạo hữu hình này là Giáo Tông làm chủ, không lẽ Ngài vô tình chiết bớt cánh tay, tức là giải tán Phước Thiện. Không có điều nào mà Chí Tôn lập ra trong nền Đại Đạo mà không hữu ích. Nếu có Chơn Lĩnh nào không may duyên mới tìm phá hoại sự nghiệp của Chí Tôn, tức nhiên là do chịu quả kiếp.

Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn, mà Hiệp Thiên Đài còn thì cơ quan trọng của Đạo vẫn còn, tức nhiên như sanh còn thì quyền Vạn Lĩnh không bao giờ tuyệt.

Bởi vậy, đại nghiệp thiêng liêng Chí Tôn để tại mặt thế này, tức là quyền Đại Đạo giao cho quyền Vạn Lĩnh nắm giữ. Còn Thánh thể Đức Chí Tôn là chủ quyền nó sẽ bảo thủ trường tồn mãi mãi.”

Cũng vì e ngại rằng các Chức Sắc trong khi thi hành

phận sự, cũng như là giao tế cùng đời mà mặc đại phục thì có phần giảm nghi tiết đặc biệt dành để đánh lễ với Chí Tôn, nên năm Giáp Tuất (1934) Đức Ngài mới xin Ôn Trên ban thêm cho một bộ tiểu phục. Rồi sau đó kể từ năm Bính Tý (1936) là Chức Sắc của Cửu Trùng Đài phải mặc tiểu phục tràng y 9 nút, Hiệp Thiên Đài là 6 nút, và Phước Thiện là 12 nút trong khi giao tiếp cùng đời. Về việc này vẫn thường bị chính quyền Pháp lúc bấy giờ sách nhiễu. Họ không cho Chức Sắc mặc các đạo phục đã được quy định đó, và buộc phải mặc đồ thường khi tiếp xúc với họ.

Do đó mà ngày 19 tháng 9 năm Mậu Dần (1938), châu tri số 62 được ban bố đề cập đến vấn đề này như sau:

“Từ xưa đến nay tôn giáo nào cũng vậy, hễ người tu thì mặc đồ tu theo tôn chỉ của đạo ấy. Đồ mặc là thể đạo như Phật Giáo, Gia Tô Giáo.

Lúc trước Đức Hộ Pháp đã gửi cho Toàn Quyền ở Hà Nội qua Thống Đốc Nam Kỳ và các quan bảo hộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Cao Miên biết đặng cho lệnh các viên quan của chính phủ hay rằng chức sắc Cao Đài kể từ tháng 2 năm 1936 sẽ mặc Đạo phục đi đường và có giao hình đạo phục của toàn chức sắc Thiên Phong nam nữ Hội Thánh Cao Đài. Từ chức việc Chánh-Phó Trị Sự tới Giáo Tông; từ Sĩ Tải đến Hộ Pháp.

Nay lại xảy ra vụ bất ngờ nói rằng không cho chức sắc Đạo Cao Đài mặc Đạo phục khi đến hầu chuyện với quan đời mà phải mặc áo thường phục.

Uầy từ đây cứ y luật pháp mà hành đạo, chớ chức sắc nào có việc phải đến quan làng hầu chuyện thì cứ mặc đạo phục như thường. Nếu họ không tiếp thì viện đủ lẽ chứng cứ rõ ràng hoặc mời Trường Tòa (Thừa Phát Lại) nhân chứng, rồi cho Hội Thánh hay.”

Việc này chính Đức Ngài về Sài Gòn để khiếu nại và Ngài quyết định sẽ làm mạnh nếu nhà cầm quyền còn viện lẽ quanh co từ chối.

Đến ngày mùng 6 tháng 11 năm Mậu Dần (27-12-1938), Toàn Quyền Đông Dương Brévié phúc thư như sau:

“Vi muốn thi hành các sở định của Tổng Trưởng thuộc địa, vị thượng quan tái truyền lệnh cho tín đồ trong các cơ quan dưới quyền của Đạo đặng thờ phượng khỏi điều trở ngại và nhất là không còn buộc họ phải mặc đồ thể phục khi đến trình diện trước quyền hành chánh đời nữa.”

Dù vậy, Đạo Cao Đài vẫn bị dòm ngó, nhà cầm quyền không muốn cho Đạo lớn mạnh. Tỉnh trưởng Tây Ninh Vilmont và Thanh Tra Lalaurette người Pháp đã theo dõi và ghi chú từng hành động và cử chỉ, nhất là chư chức sắc Đại Thiên Phong.

Năm Canh Thìn (1940), Nhứt Bồn tràn vào lục địa Trung Hoa, tiến xuống miền Đông Nam châu Á. Pháp lo sợ bắt đầu đàn áp các đảng phái. Đạo Cao Đài cũng phải chịu chung số phận với đất nước. Chữ Vạn biểu hiệu của Phật Giáo trên nóc các Thánh Thất bị hiểu lầm là dấu hiệu của Đức Quốc Xã, nên ngày mùng 2 tháng 4 năm Canh Thìn (1940), Hội Thánh phải ra Thánh Huấn ra lệnh gỡ các chữ Vạn.

Phong trào bài Pháp lan rộng trên toàn quốc. Các tín đồ là con dân trong nước nên họ nhảy vào vòng tranh đấu. Hội Thánh không thể ngăn được vì nước mất nhà tan, Đạo sự phải suy vi. Nhân cơ hội đó, một số người vô lương, ham mê lợi lộc, dựa theo quyền đời ám hại Đạo. Họ vu cáo phao truyền Đạo Cao Đài lập một nước nhỏ trong một nước lớn. Họ chú giải lệch lạc các danh từ trong Pháp Chánh Truyền,

Tân Luật, Đạo Nghị Định, Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh, Tòa Đạo, Cửu Viện,... ra là Thượng Nghị Viện, Hạ Nghị Viện, Tòa Án, Cửu Bộ,... rồi cố ý cho Đạo Cao Đài có ý chủ trương Quân Chủ Lập Hiến.

Thống Đốc Nam Kỳ, ông Pagès vịn vào đó mật lệnh cho Đại Tá Gordon, Ủy Viên Chánh Phủ của Tòa án Quân Sự lập phương án tấn công Tòa Thánh Tây Ninh. Nhờ Ôn Trên xoay chuyển, trong một phiên họp của Tòa án Quân Sự, Đại Tá Gordon vô tình tâm sự với một người bạn là ông ta được lệnh thực hiện khám xét một vụ to lớn cần phải sử dụng đến 20 xe cam nhông binh lính để bao vây một khu rừng vào lúc 2 giờ đêm. Người bạn tò mò hỏi:

“Ông khám tổ chức nào mà to tát vậy?”

Lúc đầu ông Đại tá vẫn còn chân chừ, sau ông nói thật rằng mai này (ngày 23 tháng 7 năm Canh Thìn, 1940) sẽ khám xét Tòa Thánh Cao Đài ở Tây Ninh. Người bạn của Gordon lại đem chuyện kể với một người có cảm tình với Đạo Cao Đài. Thế là chiều trước hôm đó, Hội Thánh xem xét lại những giấy tờ gì nghi có liên quan tới chánh trị đều đốt hết. Vừa làm xong lính Pháp cũng vừa đổ quân bao vây chu vi Tòa Thánh chờ sáng là tiến vào khám xét. Chính Đại tá Gordon chỉ huy cuộc khám xét này. Hắn ra lệnh tịch thu hết hồ sơ, giấy tờ của Đạo chất vào 10 cam nhông đem về Sài Gòn. Nhưng một Chức Sắc quá chủ quan, lén để lại một tài liệu quan trọng có liên hệ đến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong quyền kinh của mình. Nhân viên Tòa án được lệnh tịch thu hết các hồ sơ chớ không phải coi từng hồ sơ nên tài liệu nói trên cũng được chất lên xe cam nhông số 3. Thế nên Sĩ Tả Huỳnh Hữu Lợi phải hối hả xuống Sài Gòn báo tin ấy cho các bạn thân. Các tín hữu cấp tốc liên lạc với nhân viên làm trong Tòa án Quân sự. Một việc khó khăn như vậy

mà chỉ ngày hôm sau, một người trong tòa án đem tài liệu về trao tận tay cho Sĩ Tải Lợi.

Kế hoạch của Thống Đốc Pagès vậy là thất bại. Chúng không tìm thấy tài liệu gì trong 10 xe cam nhông đó có thể buộc tội Đức Ngài. Chúng liền trù hoạch phương án khác để diệt Đạo.

Ngày mùng 8 tháng 11 năm Canh Thìn (1940), chúng đem 5 xe hơi vào Tòa Thánh bắt các chức sắc và đạo hữu giải ra Tây Ninh.

Ngày Rằm tháng 5 năm Tân Tỵ (1941), chính phủ Pháp cấm các công quả tạo tác không được xây tiếp Tòa Thánh.

8 giờ sáng ngày mùng 4 tháng 6 năm Tân Tỵ (1941), lính mật thám vào bắt Đức Ngài.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT: TRẦN THÁNH PHI CHÂU

CHÚNG ĐỘT NHẬP VÀO HỘ PHÁP ĐƯỜNG BẮT ĐỨC HỘ DẪN GIẢI VỀ GIAM TẠI SÀI GÒN. CHÚNG BẢO RẰNG Ngài làm quốc sự chống chế độ thuộc địa.

Tin tức được loan ra ngoài làm chấn động cả toàn Đạo. Chức sắc và đạo hữu xôn xao lo lắng, rồi đây chẳng biết nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức sắc đương quyền lúc ấy một số tản cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày mùng 9 tháng 7 năm Tân Tỵ (1941) chủ quận và lính vào Tòa Thánh xét giấy thuế thân và đuổi tất cả tín đồ về tỉnh, về xứ, không cho ở trong chu vi Thánh Địa nữa.

Ngày 11 tháng 7, lính Pháp lại vào bắt thêm 3 vị chức sắc:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa
2. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến
3. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh

Ở Sài Gòn bắt 1 vị là Giáo Sư Thái Gấm Thanh, ở Cao Miên 1 vị là Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

Ngày 7 tháng 8, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh.

Ngày 25 tháng 10, lính mật thám vào Tòa Thánh bắt thêm 3 vị chức sắc nữa. Đặc biệt là nhà cầm quyền Pháp tìm thấy văn bản của ông Godwin, Trưởng Lão của giáo hội Eglise Gnostique Đức quốc liên lạc với Đức Quyền Giáo Tông, trong đó có đoạn viết như vầy:

“Bức thông điệp của Đức Ngài [Lê Văn Trung] đã tới

Trung Âu. Tổng Giáo Hội Eglise Gnostique Đức Quốc mà tôi là Trưởng Lão quyết định liên hợp với Đạo Cao Đài.

Tôi được lãnh nhiệm vụ báo tin cho Đức Ngài biết sự quyết định này và kính xin Đức Ngài thông truyền cho chúng tôi về lịch sử, hiến chương, giáo lý và những nghi lễ của Đại Đạo.”

Trong khi đó, nước Pháp bị Hitler xâm chiếm, ở Đông Dương các đảng phái nổi lên chống ách thống trị của Pháp. Đó là những nguyên nhân mà mật thám Pháp buộc phải bắt Đức Ngài đưa đi an trí tại Di Linh rồi Sơn La để trừ hậu họa.

Mới đầu chúng giam Ngài trong khám lớn Sài Gòn rồi chúng đưa Ngài ra Sơn La, là nơi hẻo lánh rừng núi. Sau đó chúng đưa Ngài qua Madagascar, ngày mùng 4 tháng 6 nhuận năm Tân Tỵ (1941), trên con tàu Compiègne cùng 5 vị chức sắc và 12 người chánh trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Trong số nhà cách mạng này có Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sáng, Ngô Văn Phiến, còn lại là đảng viên Đệ Tam Quốc Tế.

Chúng giam Ngài tại Nosilava. Trong thời gian bị tù đày Đức Ngài kể chỉ có ông Khai Pháp Nghĩa và Thánh Hiến là hết lòng phụng sự giúp đỡ Ngài, còn lại họ vì quyền lợi mà xua đuổi, hành hạ Ngài đả đốn. Họ còn xúi giục để đẩy Ngài đến chỗ nguồn cao, nước độc để giết Ngài một cách gián tiếp. Nếu chẳng phải nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức thì Ngài đã không thể trở về Tòa Thánh quê hương rồi.

Tuy vậy ông Khai Pháp và Thánh Hiến lúc nào cũng xin theo Ngài, dù bị chúng đánh đuổi vẫn tính kế theo nuôi dưỡng Ngài cho được. Tiếc thay, ông Thánh Hiến bị uống trúng nước độc mà cởi bỏ xác phàm nơi rừng sâu nước thẳm. Chỉ còn lại Ngài và ông Khai Pháp. Có lần ông Khai Pháp ôm Ngài mà khóc, van vái một điều là cầu xin Chí Tôn, Phật

Mẫu đem về đất Thánh Địa thoát xác mà thôi.

Giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài chôn một trái mìn 1 tấn. Chúng cho rằng Đạo Cao Đài có liên quan đến phát xít Đức vì trên nóc có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào phát xít Đức cũng đến giải vây Tòa Thánh. Lúc đó, chúng mới chằm ngòi cho nổ, vừa diệt Nhật vì đều là đồng minh của nhau đến cứu, vừa diệt được Đạo. Nhưng sự thật là Nhật không tới, viên Tiểu Đoàn nầy sau đó đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu Tá Rouband. Thiêng liêng xui khiến cho viên Tiểu Đoàn nọ bàn giao nhưng lại quên không ghi cái nhiệm vụ về quả mìn ấy trong biên bản giao cho Rouband, nên sau này rút đi ông ta cũng không có đá động gì tới quả mìn.

Tất cả bị câu lưu trong trại giam, mãi đến ngày mùng 9 tháng 10 năm Giáp Thân (1944) chúng mới cho Ngài ra ngoài lao động, còn mấy người kia vẫn bị giam. Ngài mới tìm cách kiếm tiền mua đồ, chiếu, mền gửi vào tù nuôi mấy người còn bị giam. Trong khoảng thời gian bị tù đầy Đức Hộ Pháp được quyền năng thiêng liêng che chở khiến bao tai nạn đều qua khỏi.

Một lần xe hơi chở Ngài cùng mấy chục người tù qua một cây cầu bắc ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo không ai bị hề hấn gì cả.

Một lần khác cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ có một gốc cây bên bờ vực thẳm thôi mà có thể ngăn được sức xe đang tuột dốc với tốc độ cao. Tất cả mọi người đều hú hồn hú vía, khi hoàn hồn lại thì ai cũng nhìn

Ngài nói rằng:

“Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này.”

Nhờ vậy mà họ càng ngày càng có cảm tình với Ngài hơn.

Khi được chúng cho ra ngoài lao động, Ngài để ý thấy dân chúng địa phương thích đeo bông tai, kiềng vàng, cà rá, bèn nghĩ rằng mình nên học nghề thợ bạc dựng tạo ra tiền. Vậy là sau vài tháng Ngài đã trở thành ông thợ bạc bất đắc dĩ. Ngài làm ra những món đồ trang sức trông đẹp mắt hơn đồ địa phương, lại có nhiều kiểu lạ mắt nên bán đắt. Làm ăn tiến triển, Ngài muốn thêm thợ ở địa phương cộng tác thành một tiệm vàng lớn.

Kiểm được chút đỉnh, Ngài gọi vào nuôi mấy người trong tù, giúp họ có cuộc sống đỡ vất vả, cũng như là một sự an ủi động viên giúp họ ấm lòng hơn.

Người dân bản xứ họ chất phát nghèo nàn, cũng bởi vì bọn Pháp muốn dễ trị nên chẳng mở mang kiến thức, để cho người dân sống trong cảnh cơ cực. Đến đôi chẳng biết cày đất trồng lúa ăn nữa, toàn là lừa trâu bò quần cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy thôi, chứ chẳng biết cày bừa chi hết.

Ngài mới đeo một cái cày và một cái bừa, kêu nông dân dẫn bò lại cho Ngài cày thử. Ngài làm cái ách, cột cây rồi bắt người dẫn bò. Ban đầu thì đường cày công queo, cày một buổi thấy đất lật lên quá chừng, người dân mừng rỡ. Họ thắc mắc đất cục nào cục nấy bị quá làm sao cho nhỏ lại mà cấy. Ngài mới tháo cày ra, gấn bừa vào, rồi biểu dẫn bò y vậy nữa.

Họ vỗ tay mừng rỡ. Từ đó kiểu cày và bừa được dân địa phương phổ biến, trước gần sau xa, cả vùng làm ruộng trúng mùa. Họ tôn trọng Ngài lắm.

Có lúa rồi mà họ vọt lúa như người Miên lấy chày vọt

lúa cho ra gạo, ngày nào ăn vọt đủ ngày nấy. Thấy vậy Ngài mới biểu ông Ngọc Trọng, lúc này đã được thả ra tù rồi, đóng một cái cối xay. Ban đầu vì không chuyên môn nên lúa sống và cối nhảy cà tưng khó xay. Sau Ngài làm răng lại cho xuôi rồi gạo ra đều, vỏ lúa tróc theo ý muốn. Còn chỉ cách vắn quạt gió để lấy gạo trắng, thổi trấu ra. Ngài cũng làm kiểu mẫu cái sàng để cho họ bắt chước. Kiểu cối xay được dân địa phương phổ biến khắp nơi. Ngài còn đục một cái cối và chày giã gạo để làm mẩu nũa, dạy cách vo cơm, nấu nướng theo kiểu ở Việt Nam mình.

Có được cái ăn, Ngài còn chỉ dẫn cho họ tạo nên cái ở nữa. Ngài đi dạo thấy dân chúng cất nhà bằng tranh hoặc lá, không có gạch gói gì cả. Ngài mới nghĩ phải xây một cái lò gạch. Ngài biểu dân chúng chỉ chỗ có đất sét, Ngài đem về làm một lò nhỏ thử đun lửa. Vài hôm sau Ngài thấy gạch rất tốt nên Ngài quyết định xây một miệng lò lớn, rồi chỉ cách in gạch ngói mà hầm.

Ban đầu lò bị nứt, hơi không đều nên chỗ sống, chỗ chín. Sau Ngài biểu lấy bùn non tô mấy chỗ nứt thì gạch có chỗ nóng quá phải bị da lu tức là thành sành. Rồi Ngài mới làm lỗ hơi cho điều hòa, gạch ra lò mới đạt được theo ý muốn.

Người Pháp ở đây muốn cất nhà phải mua gạch chỗ khác chở bằng tàu đến đảo thì giá mắc gấp đôi. Lò gạch của Ngài bán giá rẻ, lời quá chừng. Ngài còn biểu dân bản xứ coi theo đó mà xây lò, in gạch, in ngói, học chụm lò mà phát triển tự làm giàu, chứ Ngài không giữ độc quyền.

Rồi Đức Hộ Pháp còn chỉ họ làm vôi nữa. Đức Hộ Pháp đi theo kệt núi lượm nhiều hòn đá về rồi bỏ vào lửa thử nghiệm, cục nào biến thành vôi thì Ngài trở lại chỗ của nó mà tìm.

Đức Hộ Pháp xây một lò vôi nhỏ, mỗi ngày sản xuất lối 2 tấn, sau có vốn xây nhiều lò với sự cộng tác của dân địa phương. Thành công rồi thì Đức Hộ Pháp cho phép ai cũng làm được, chỉ dẫn tận tình cách xây lò, đun vôi. Dân chúng có thêm nhiều công ăn việc làm, đời sống khá giả hơn chút.

Có gạch, có vôi rồi, còn thiếu xi măng (ciment), Đức Hộ Pháp mới đi nghiên cứu đất, đào sâu tìm được đúng đất rồi Ngài mua một cái moteur kéo máy xay xi măng bột. Sau khi làm thành công Đức Hộ Pháp cũng chỉ dẫn lại cho dân chúng biết cách làm xi măng mà xây nhà.

Rồi còn làm thầu khoán đất nữa. Ban đầu lãnh nhà tư làm, sau Đức Hộ Pháp lãnh cất dinh thự của chánh quyền Pháp trên đảo. Uy tín của Đức Ngài một tăng lên, chẳng những dân chúng thương mà chánh quyền Pháp cũng tín nhiệm. Thích đến độ họa đồ nào mà không mang chữ ký của ông Phạm Công Tắc thì không được Công Chánh chấp thuận cho phép.

Lúc làm thầu xây cất, Ngài có lãnh xây cất một hàng rào của một Đại Sứ Mỹ nơi đảo. Ngài vẽ họa đồ rất đẹp, xây dựng chắc chắn, làm họ rất vừa ý. Ngày khánh thành hàng rào, Đại Sứ muốn tạ ơn Ngài bằng một tiệc có sự tham dự của tất cả các Đại Sứ Quán ngoại quốc các nước. Ông dặn Ngài đến sau vài phút để làm danh dự cho Ngài.

Ngài được đưa đến buổi tiệc bằng trực thăng, có đến mấy mươi chiếc không biết từ đâu tới. Mỗi chiếc là của mỗi vị đại sứ của một nước. Ngài bước vào có trống kèn chào mừng. Tất cả đều bắt tay chào vị “*Giáo Hoàng bị đày*”.

Nhờ sự giới thiệu của Đại Sứ Mỹ, đến giữa tiệc mấy ông Đại Sứ mới yêu cầu Ngài thuyết đạo, nói cho họ biết coi mục đích của Cao Đài giáo là gì. Lúc đó nhờ quyền năng thiêng

liêng mà Ngài nói thao thao. Mấy ông Đại Sứ tán thán quá chừng. Ngài thuyết bằng Pháp Ngữ. Sau đó ông Đại Sứ Mỹ đem một bản văn đánh máy sẵn nhờ đại diện các quốc gia ký vào. Đó là họ nhận bảo vệ Đền Thánh Tây Ninh đầu quốc gia nào cũng không được quyền chiếm đóng và quấy phá đến Đền Thờ của Thượng Đế. Do đó mà sau này ông Ngô Đình Diệm khùng bố Đạo, Ngài nói với mấy vị thân tín:

“Coi vậy nó không làm hại Tòa Thánh đâu các con coi, vì luật quốc tế nó đã biết, nó không dám phạm, các con đừng lo.”

Ngoài ra Ngài còn giúp đỡ dân địa phương xây đập nước nữa. Vì Ngài thấy dân chúng lấy nước rất vất vả, phải lấy nguồn từ xa nhà đội về. Nên Ngài lên núi tìm hồ chứa đựng làm một cái đập dẫn thủy nhập điền. Ngài có thấy một công trình dang dở, hỏi ra thì được biết rằng công trình đã được kỹ sư Pháp, kỹ sư Đức thực hiện nhưng đều thất bại vì sức nước mạnh quá làm vỡ hết, nhiều lần cất đập không được. Ngài quan sát thấy nếu cất một hồ thì không thể chịu nổi vì sức nước đổ từ thác rất mạnh. Ngài đề nghị cất 4 cái hồ: một tấm cho trẻ em, một cho đàn bà, một cho đàn ông, và một hồ chứa rồi mới làm đập cản nước. Nhờ vậy mà sức nước yếu đi không làm bể đập.

Vật liệu cũ vẫn còn, chỉ thiếu hơn 1000 mét ống cống. Ông Toàn Quyền ban đầu từ chối công trình vì lúc ấy chánh quốc không ủng hộ tài chính, trên đảo không đủ công quỹ tạo tác. Ngài mới nói:

“Tôi xuất của tư tôi ra, cộng với tiền các mạnh thường quân địa phương có thiện ý sẽ làm được.”

Sau đó ông Toàn Quyền đồng ý, Ngài khởi xây cất ống cống rồi xây 3 cái hồ tấm, còn một hồ chứa lớn để chứa phần lớn nước. Công thợ đào dài theo họa đồ đã vẽ sẵn. Khi

khánh thành, dân chúng tề tựu tại đập nước rất đông, có chính phủ Pháp tham dự nữa. Quần chúng đứng dài theo đường mà ống đi qua. Phần đông tụ tập ở miệng nước chảy ra. Khi mở vòi nước chảy ào ào ra, dân chúng vui mừng mà tung hô lên rằng:

“Vive monsieur Tắc!”

Nghĩa là *“Vạn tuế ông Tắc”*. Ngài cũng lấy làm hạnh phúc.

Rồi Ngài còn cho xây trường học dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp gần những cơ sở sản xuất của Ngài như lò gạch, lò vôi,... Trường dạy từ cấp độ *Enfantin* đến *Élementaire*, thời bấy giờ bắt đầu học từ lớp 5 đến lớp 3 rồi đến lớp nhất gọi là *supercus*. Bọn Pháp muốn để cho dân ngu dốt mà dễ trị, để cho dân đói nghèo thì mới phụ thuộc vào chúng. Khi bước chân lên đảo nhìn thấy dân chúng địa phương làm Ngài liên tưởng đến đồng bào của mình ở quê nhà, cũng đang chịu chung trong tình cảnh bị đô hộ. Ngài luôn xem họ như đồng chủng, khai hóa mở mang tri thức cho họ, vì dẫu sao họ cũng đồng là con cái của Chí Tôn cần được giúp đỡ. Người dân nơi nầy cũng xem Ngài như một đấng cha lành.

Có một đạo sĩ địa phương học với một sư phụ về phép tu hành, nhưng sư phụ nói:

“Nhà người chớ có một vị Phật đến sẽ truyền Pháp cho nhà người đoạt Pháp, chớ ta chỉ dẫn đến đây thôi.”

Đạo sĩ là một tư chức tốt nghiệp cử nhân luật.

Một hôm Ngài đi dạo không hiểu sao đi tới đi lui trước nhà đạo sĩ nầy 3 bận. Đạo sĩ ra chào và mời vào nhà, rồi quì xuống xin truyền Pháp. Ngài hẹn 3 hôm nữa sẽ trở lại. Ngài xuất Chơn Thần về Ngọc Hư Cung xin phép Chí Tôn và Đức Lý thì được chấp thuận.

Đúng hẹn, Ngài trở lại nhà đạo sĩ ấy và cấn Thân, mở Huyền Quan Khiếu để vị đạo sĩ này đoạt đạo, vân du thiên ngoại. Vị đạo sĩ này bái phục Ngài lắm, tự xưng là đệ tử và kiếu Ngài là Thầy.

Ngoài ra Ngài còn thân nhận được thêm một đệ tử tri thức nữa. Đó là một du học sinh bên Pháp, năm thứ hai trường đại học Luật Khoa. Cô ta ngủ thấy một vị Thần mách bảo:

“Phật ở xứ không thờ lại đi tìm đâu xa mà lập thân.”

Sau đó cô ta bỏ học về quê nhà, cũng bị ba mẹ, anh em trích điểm lắm. Cô không cãi, nhưng cứ đi tìm Phật. Dường như có căn nguyên nên khiến cô gặp được Ngài và thọ giáo làm môn đệ Cao Đài đầu tiên ở xứ đảo này. Nhờ vậy mà ông thầy khoán bắt đắc dĩ lại có một người giúp việc đắc lực.

Trên đảo này cũng có nhiều quân nhân người Việt, phần nhiều là người Trung phần, Bắc phần, còn người Nam thì chỉ có 13 người. Bữa nọ một người Trung Kỳ mới nói:

“Ê tụi Sài Gòn bây có quen với ông già chống gậy dằng kia không? Ông cũng người Nam phần, đâu lại coi có nhìn bà con không?”

Tám Quận mới lại gặp, rồi Ngài hỏi thăm:

“Em ở đâu? Đi lính hồi nào? Do Pháp bắt hay tình nguyện?”

Tám Quận nói:

“Tôi là tín đồ Cao Đài vâng lệnh Đức Giáo Chủ tình nguyện đi đánh Đức.”

Ngài hỏi:

“Cao Đài nào?”

Tám Quận:

“Cao Đài Tây Ninh.”

Ngài hỏi:

“Tây Ninh thiệt không?”

Tám Quận trả lời:

“Đạ thật.”

Ngài hỏi:

“Con biết Đức Giáo Chủ không?”

Tám Quận trả lời:

“Đạ con mới nhập môn nên không biết mặt.”

Ngài ôm anh mà nói rằng:

“Thầy đây con.”

Rồi òa khóc. Ngài hỏi tiếp:

“Con đi mấy đứa? Kêu chúng nó lại cho Thầy thăm.”

Tám Quận mừng quá chạy về trại lính cho anh em hay lại chào Thầy.

Có 4 người gặp trước là Quý, Tám Quận, Chín Tháo, và Mười Phụ. Thấy dáng Đức Hộ Pháp thì Tháo và Phụ chạy riết lại không chào hỏi gì hết mà mỗi người ôm một giò nhắc bổng Ngài lên cao, muốn kêu lớn mà không ra tiếng. Cảnh quần quít thầy trò tương ngộ đậm đà trong yên lặng.

Mừng nhau hồi lâu rồi Ngài hỏi:

“Con kêu hết mấy đứa khác cho Thầy thăm, còn bao nhiêu nữa?”

Tám Quận trả lời:

“Chúng con có 13 đứa Cao Đài.”

Đức Hộ Pháp hồi kê lại, mừng lắm. 13 người đó là:

- | | |
|----------------------|-----------------|
| 1. Chánh Trị Sự Tháo | 8. Lễ |
| 2. Thôi | 9. Hoài |
| 3. Phu | 10. Lợi |
| 4. Dương | 11. Lên |
| 5. Quận | 12. Thông Sự Ẽn |
| 6. Ái | 13. Lân |
| 7. Lăng | |

Ngài dẫn anh em đến nhà, giới thiệu với bà Đầm chủ nhà, vợ ông quan tư Desange Thiếu Tá có nhiệm vụ đưa Ngài về Việt Nam. Bà cũng mừng. Tất cả mọi người cùng tổ chức bữa tiệc ăn mừng.

Một hôm nọ, đài phát thanh tuyên bố: Nhựt Bốn đảo chánh Pháp tại Việt Nam, Cao Đài được tự do hành đạo. Rồi sau đó Pháp phải trả Ngài cùng các chức sắc về Việt Nam. Ngài từ giả chánh quyền Pháp, người dân ở địa phương. Họ đưa Ngài ra xe về mà lệ đổ chứa chan vì cảm tình sâu đậm. Tại nhà ga, hết người nầy vẫy tay tới người khác hun mặt, hun tay, hun chân, kẻ liệng nón, người cởi áo quăng lên xe lửa để tỏ tình triêu mến. Tiếng còi reo hồi thúc 3 lần mà dân chúng chưa chịu buông Ngài ra. Cảnh sát phải đến can thiệp mới giải tỏa được. Tàu lãn bánh, tiếng hô vang:

“Vive Monsieur Tắc, Vive Monsieur Tắc!”

Văng vẳng rồi nhỏ dần...

Xe lửa đưa Ngài đến Post Tamatave, Ngài gặp lại 13 chiến sĩ hôm nọ cùng về một chuyến tàu Ile de France. Về đến Vũng Tàu, ông Thiếu Tá Déjanges có nhiệm vụ đưa Ngài về, nói:

“Giá trị của ông Tắc có thể định bằng số vàng mà thân

hình ông cân được.”

Ngài về đến Tòa Thánh vào ngày mùng 4 tháng 8 năm Bính Tuất (1946) trong sự tiếp rước long trọng của chức sắc và toàn Đạo.

Sau đó, một hôm Ngài có đọc báo ngoại quốc, thấy những nhà cách mạng ở bên hải đảo bị chánh phủ Pháp xử tử hình. Ngài viết thơ chính thức can thiệp với Tổng Thống Pháp yêu cầu khoan hồng cho họ. Nhờ vậy họ được giảm án tử hình còn chung thân khổ sai mà thôi, nhưng nếu như có một sự thay đổi chế độ họ có thể được tự do dễ dàng. Đó là tình cảm của Ngài đối với người dân nơi ấy.

Về sau có thơ:

*“Mến ông thợ bạc gốc thầy tu,
Nuôi cả môn sanh bị nhốt tù.
Đẻo mẫu cày bừa trâu lấm thóc,
Xây lò vôi gạch đốt nhiều xu.
Dắt diu kẻ khó thành Vương Khải,
Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.
Thấy tờ gặp nhau trên đảo vắng,
Pháo đầu đi đạch dưới chân cù.”*

Sĩ Tài Đỗ Quang Hiến bỏ xác tại hải đảo cũng có về cơ xứng là Thánh Phi Châu, có bài thi như sau:

*“Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,
Các Đấng ghe phen đã dặn dò.
Hành Đạo Cao Đài cho phải đạo,
Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.
Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,
Đạo đức trường tồn gắng chí lo.
Một kiếp phù sanh không mấy lát,
Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.”*

Về chuyện quả mìn năm nào mà bọn Pháp chôn dưới Hiệp Thiên Đài, vào Tết năm Bính Thân (1950), Ba Tất (Lê Văn Tất) đọc tin này trên báo Pháp rồi trình lên Đức Hộ Pháp hay. Ngài chỉ cười rồi nói:

“Nếu không có ai câu điện mà giựt thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi cũng sét và trở thành đất mà thôi.”

Thế mới hay, tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế, là nơi Chí Tôn ngự lẽ nào lại bị mưu đồ của phàm tâm mà hủy hoại được sao?

Trong thời gian bị lưu đày trên hải đảo, cũng có khi Đức Hộ Pháp và Sĩ Tải Hiến phò loạn cầu cơ, cũng có khi Ngài với Khai Pháp Nghĩa, cũng có các Đấng về chuyện trò an ủi. Như các bài cơ sau:

“TIÊU ĐIỀU ĐẠO SĨ

*Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
Thiên cơ đã rõ máy cao sâu.
Dần lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,
Sẽ thấy Khuôn Linh phép nhiệm mầu.*

Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong, có Đức Nhân-Âm Đạo đến để bản tăng đi triệu Thần Hoàng Bốn Cảnh đến giữ cơ.

NHÂN-ÂM ĐẠO-SĨ

Cười..., Bản tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dường này, hận giống dã man tàn ác.

Đương nhiên Trung Huê chia làm Tam Quốc, Trung Quân tức là Nam Kinh đó vậy, nơi ấy cả hang ở Việt Kiều, thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc do nơi đó.

*Quá hải đôi phen đến viếng nhau,
Ngặt không cơ bút để lời giao.*

*An nhàn đòi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp hồi phải múa đao.
Cỏi Á đã gây thành chúng quốc.
Phương Âu kẻ diệt tận Nô Lao.
Lửa hương đất Việt dầu nhen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.”*

“Nô lao” mà Đức Nhân Âm nhắc đến trong bài thi trên ý nói đến hòn đảo mà Đức Hộ Pháp đang bị chúng giam giữ, tên là “Nôsi Lavo”.

Sau đó cũng có một vị đến giảng cơ nhưng muốn giấu tên, nói như vậy:

“NẶC DANH

Chào Thiên Tôn, chào chư vị Đại Thiên Phong.

*Trong cảnh buồn này, có người quen đến viếng thường
cũng nên cho là hậu tình đó chứ.”*

Đức Hộ Pháp mới nói:

“Xin cho biết tên.”

Người đó nói:

“Chẳng cần biết tên mà làm gì, thà để gần gũi nhau hay hơn. Vậy trước khi từ bút, thiếp xin để lại một bài thi làm của.

*Nôsi Lavo tiếng đặt buồn cười!
Mi đã rước ai hỏi hỏi người?
Lượng thâm bủa gành tình ột ạt,
Gió sầu xô đánh ái toi bời.
Yêu Phu Điều gọi thương cảnh sớm,
Giọng Ngạn Uyên kêu nhớ buổi mới.
Tổ quốc đơn đường bao dặm thẳng?
Thưa! Xa thăm thăm một phương trời.*

Thăng.”

“*Nôsi Lao*” là tác giả đang nói tới tên hòn đảo mà Đức Hộ Pháp đang bị bọn chúng giam giữ. Tiếng Pháp là Novi Lava, nếu đọc qua tiếng Việt thì Nô nghĩa là nô lệ, Lao là lao tù, cái tên chỗ Ngài đang bị giam nó mới có nghĩa mỉa mai làm sao đâu! Ấy thế mà nó lại rước một vị Phật, có biết chăng?

“*Yêu Phù Diểu*” là sáng sớm có con chim tiếng địa phương kêu nó là “*Yêu Phù Diểu*”, nó kêu nghe tiếng giống như là “*trả chí chàng, trả chí chàng*”. Còn buổi sớm mai thì có con quốc nó gọi hồn ước của kẻ yêu giang san nhưng bị thất vận.

Ngạn Uyên hay Đỗ Vũ có tích là ông vua Thục Đế thất quốc, do quá buồn rầu nên chết hóa thành con chim Quốc. Đức Hộ Pháp có ý muốn biết Tổ Quốc chừng nào mới được thanh bình thì vị ấy mới thưa còn xa thăm thẳm. Cũng bởi vì nghiệt oan của dân tộc quá nhiều, phải trả cho hết rồi mới được hưởng thái bình.

“TIÊU DIÊU ĐẠO SĨ

Từ ngày chừ vị mông trần nơi đây, bản tăng lấy nơi này làm căn cứ dựng dẽ bề gần gũi. Bản tăng may duyên gặp đặng Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gabron nơi Cung Lập Khuyết, người có hứa đến hội hiệp cùng chừ vị, nhưng mắc bận việc nên chẳng định ngày, đợi đôi tháng nữa bản tăng sẽ đi rước.

Thăng.”

“NẠC DANH

Chào Thiên Tôn và chừ vị Đại Thiên Phong.

Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chừ vị đặng mạng lệnh Chí Tôn cho ngồi nghỉ nơi đây.

Chí Tôn than rằng: Chúc sắc Thiên phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài dặng làm tay qui phục sanh chúng, vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ. Nhưng Chí Tôn nhứt định trao chơn truyền cho mấy vị này mà thôi.

Thiếp xin trích thi văn dặng điu bước chư vị Thiên phong vào khuôn viên đoạt thành khấu khí, rồi lần lượt dẫn vào luật tân của Ngô Thường Quân là cháu hai đời của Ngôn Tôn Sách sau cầu phong lên làm Phong Hầu, nên gọi là Tân Luật.”

► **Tái câu:**

“Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong.

Vì có mạng lệnh nên thiếp xin phép cho thiếp thổ lộ đôi điều. Khi Thầy Thiếp là Vương Thất Nương về châu và dâng sớ cho Đức Chí Tôn tỏ nỗi sự khổ hạnh nhọc nhằn của chư vị nơi đây Đức Chí Tôn lấy làm đau đớn thương tâm, nhứt định chính mình người đến nơi an ủi. Nhưng Lý Giáo Tông can gián, e rằng nhẹ Thiên nhan, để cho Người cam lãnh phận sự ấy.

Người mới cử kim hài xuống Âm Quang nhủ giáo Thầy thiếp giúp sức. May thay nhờ chư vị thương yêu triều mến, Thầy thiếp nay dạy thiếp đến làm bạn bút nghiên hầu liệu phương an ủi, nên thiếp dạy thi văn, còn về mặt thuyết minh thì để cho Thiên Tôn huấn luyện.

THI

*Đã phong trần thế chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam Xa ví chẳng về đường khó,
Việt Đảnh mong chi đoạt lửa mừng.
Nặng gánh giang san là thượng trụ,
Nhẹ đai cung kiếm ấy thường quân.*

*Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt địa cầu ta vốn định chùng.*

Nam Xa: Tích là Ngô Sĩ Liên đi sứ bên Tàu, nhưn Châu Công cho một cỗ xe có để địa bàn chỉ nam, nương theo đó mà về nước. Ôi! Đường đi qua núi, xuống đèo trăm bề khó nhọc, nhờ vậy mà biết con đường bộ từ Nam chí Tàu mới hành binh đuổi quân Tàu về nước. Sau lấy đặng Hoàng Triều, lập nên Quốc Pháp, nên thi sĩ đời sau cho Nam Xa là việc tối khinh mà tối báu.

Việt Đảnh: Là lư đảnh để thờ Hoàng Tộc, ai thâu đặng bá tánh thì bá tánh là con của Hoàng Tộc sau lập Tổ Miếu mà thờ, gọi là “Lư Hương Đảnh Việt”.

THI

*Hòn đảo nầy đây trước nhất tù,
Mà nay làm khám khảo thấy tu.
Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thù lữ Tây man Nhứt Bốn trừ.*

Tiếp sau có 2 câu nho thích nôm:

*Vân trọc đặng phong phi yếu yếu,
Triều tư tấu bá khứ bôn bôn.*

Thích nôm:

*Cuôn cuộn mây đưa theo ngọn gió,
Ồn ào sóng rượt chụp khôn thuyền.*

Thăng.”

Tuy vị giáng cơ nầy giấu tên nhưng Đức Hộ Pháp cũng biết đợc. Đó là Linh Sơn Thánh Mẫu, vâng lệnh Thất Nương Diêu Trì Cung đến chuyện vãng an ửi Ngài cùng chư vị. Ngài biết là vì chiếc nhẫn nạm ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi bà thăng. Hạt ngọc nầy của ông Lê Sanh

Võ Văn Đợi tìm được đá ở núi Bà, rồi đem cho thợ bạc mài thành xong đem biếu cho Ngài.

Ông Đợi theo Ngài học tu tịnh, chứng ngộ biết trước được nhiều việc nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung để rước các thầy tu ở núi lỗ vụn. Về sau biến cố ở núi, Điện tiêu tàn, một nhóm chức sắc xin Đức Ngài cho rước cốt Bà Đen về thờ tại Báo Ân Từ, được Ngài để lời phê:

“Từ cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư cùng 2 vị Quyền Thượng Chánh Phối Sư, Thái Chánh Phối Sư sắp đặt trước đặng rước cốt của bà Linh Sơn Thánh Mẫu về để thờ tạm nơi Báo Ân Từ cho tới khi thái bình trở lại, trùng tu am tự nơi Điện Bà rồi sẽ đem về Điện trả lại.

Nghĩ đến tình cũ trong hồi lao khổ tù đày nơi ngục mà bà đến thăm viếng, an ủi, bênh vực, và phò hộ, Bản đạo phải lo trả nghĩa này.

Công chuyện làm cùng lễ nghi phải cho long trọng phải tuyên truyền cho toàn tỉnh nhứt là Châu Thành Tây Ninh hay định ngày họ đến dự lễ.”

Sau này trong một bài thuyết đạo, Đức Hộ Pháp gọi chuyện lưu đày này là cuộc “trần Thánh Phi Châu”.

HỒI THỨ MƯỜI HAI: HỘ PHÁP TÁI THỦ QUYỀN HÀNH

HỒI CÒN BỊ LƯU ĐÀY TRÊN HẢI ĐẢO, MỘT HÔM ĐỨC HỘ PHÁP NÓI VỚI ÔNG KHAI PHÁP NGHĨA LÀ:

“Anh hãy thu xếp đồ đạc đi, mình sắp về rồi đó.”

Ông Khai Pháp không tin mới nói mỉa mai:

“Nữa, tiên tri nữa rồi.”

Ông Khai Pháp chẳng có chút gì lấy làm tin. Ba ngày sau đúng như lời Ngài nói, chúng trả tự do và đưa Đức Hộ Pháp cùng mấy ông trở về. Lúc đó ông Khai Pháp mới giựt mình sợ hãi, đến lạy Ngài để xin lỗi.

Sau này khi về Tòa Thánh rồi một hôm nạn Hộ Pháp lập đàn, có chức sắc Thiên phong dự chứng, Đức Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên đưa ra bên trên trước mặt Khai Pháp Nghĩa, ông Khai Pháp thì đang quỳ dưới chân Ngài. Đức Hộ Pháp nói:

“Này Pierre, ngày trước người đã chối ta 3 lần, lần này ta tha cho đó.”

Sau khi người Pháp trở lại Đông Dương vào tháng 8 năm Ất Dậu (1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ chức chặt chẽ, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ. Ở Việt Nam, ngày mùng 8 tháng 4 năm Bính Tuất (1946) các cơ sở Đạo tại Sài Gòn bị chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau 3 ngày hội đàm, ông

Trần Quang Vinh và Ménage ký thỏa ước vào ngày 9 tháng 6 năm 1946, đại ý là:

- Đối với Pháp: Quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả bộ đội lưu động kháng chiến.
- Đối với Đạo: Quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam tín đồ, bảo đảm quyền tự do hành đạo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do tế tự trong phạm vi tôn giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chư vị Thiên phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chư vị đó.

Vì các điều khoản đó mà chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, tức là ông Trần Quang Vinh đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đồng Lý Văn Phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ Pháp bằng máy bay để tỏ lòng kính trọng đối với vị lãnh đạo một tôn giáo lớn. Rồi ngày 20 tháng 8 năm 1946, nhà cầm quyền báo cho Đạo hay Đức Hộ Pháp về trên chuyến tàu Ile de France cập bến Vũng Tàu. Giáo Sư Vinh mới vội ra châu tri cho toàn Đạo hay đặt chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới là Đức Hộ Pháp không về trên chuyến tàu đó, mà cũng chưa rõ ngày nào về. Pháp còn cho tuyên truyền rằng Pháp không biết bao giờ thả Đức Ngài. Vì chúng sợ dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Đến chiều ngày 21 tháng 8 năm 1946, được tin Ngài về trên chuyến tàu Ile de France đó và đã cập bến Vũng Tàu, thời đó có tên gọi là Cap Saint Jacques. Nhà cầm quyền chuẩn bị đi rước Ngài về Sài Gòn bằng máy bay.

Ngày 22 tháng 8, 1946 tại Tân Sơn Nhứt, phi cơ cất cánh khởi hành đi rước, phái đoàn gồm Giáo Sư Vinh, ông Frémolle, Đồng Lý Văn Phòng của ông Cédile, Ủy Viên

Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò mật thám. Khi đến nơi, phi cơ bay lượn 3 vòng phía trên chiếc tàu Ile de France rồi mới đáp xuống phi trường. Nơi đó đã có quan chủ tỉnh Cap Saint Jacques, M. Ropion chờ tiếp đón. Cả thầy lên xe xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Hộ Pháp ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle thì ôm Ngài tỏ tình tri ngộ, vì đã quen biết Ngài trên hải đảo. Kế đến là quan tư Pháp Désanges và phu nhân, người có phận sự đưa Ngài về.

Ông chánh chủ tỉnh M. Ropion rước Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó ông Giáo Sư Vinh mới thuật lại những diễn biến của nền Đạo khi Ngài vắng nhà. Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chức sắc phải hành đạo ở Kim Biên, rồi hiệp tác với Nhật, Nội Ứng Nghĩa Binh, lập Cao Đài Tham Mưu Quân Sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, sau rốt là thỏa ước ngày 9 tháng 6, 1946. Riêng cái thỏa ước làm Ngài trầm ngâm khá lâu rồi nói:

“Luật công bình thiêng liêng của Tạo Hóa đâu muốn đâu không cũng không thể sửa cái đặng, còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt Nam dứt đặng...”

Ý Ngài muốn nói hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội, nhưng cũng là cái nạn Ngài phải lưu vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Ngài đã rành mọi lẽ nhưng không thể cãi luật Thiên Điều đặng.

Tín đồ khắp nơi đến tấp nập thăm Ngài. Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng triều mến. Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng cơ an ủi.

Ngày 30 tháng 8, 1946 toàn Đạo và chánh phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của

Đạo và 7 chiếc cửa Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc cửa Đạo mới đưa về tới Tây Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh thì có chủ tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp và vào dinh tỉnh trưởng đàm luận. Sau đó đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng Ngọ thời. Chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng cùng toàn Đạo nam nữ xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Hộ Pháp.

Xe ngừng, Ngài bước xuống bước vào Đền Thánh, Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ. Các chức sắc thấy thế cũng cảm động khóc theo. Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Ngài bước vào bửu điện dâng lễ Chí Tôn. Sau đó Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, rồi xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh. Ông Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo Sư Vinh đại diện cho Cửu Trùng Đài, và một sĩ quan Pháp đại diện cho chính phủ bảo hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn để chúc mừng. Sau cùng Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài.

Ông Thượng Sanh Cao Hoài Sang cũng có đến thăm Đức Hộ Pháp, và có cảm tác một bài thơ như vậy:

*“Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trong đôi cánh nghịch,
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử điểm trang tân sử,
Đổ lệ cùng nhau gương để lời.”*

Đức Hộ Pháp có họa vận lại bài thơ của ông Thượng

Sanh như sau:

*“Sắc son nhuộm tánh đậm màu tươi,
Hay dõ khen chê để miệng người.
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.
Uó kỳ từng trải đường nguy hiểm,
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.
Ước trả mây may ơn xã tắc,
Nợ muôn đền một kẻ chi lời.”*

Ông Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, là anh của ông Thượng Sanh cũng có làm một bài họa vận lại như vậy:

*“Màu xe Tây ước ngắm thêm tươi,
Hỏi khách Hồn gương đặng mấy người.
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.
Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,
Phép Tạo tay cầm ngược cũng xuôi.
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh phúc,
Đá kia cũng gặt để nên lời.”*

Ông Thượng Sanh ở lại để cúng Rằm và dự lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Sau khi Đức Hộ Pháp hồi loan, ông Lê Sanh Thượng Tý Thanh có vào viếng Ngài. Ngài thấy ông rồi hỏi:

“Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?”

Ông Tý mới trình rằng khi vào làm hãng tàu Nitinan, Nhứt bắt phải cắt tóc, mấy ông có cầu cơ được Đức Lý chấp thuận. Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa Binh đang tham gia đảo chánh ngày 9 tháng 3, 1945, Ngài nói:

“Các em tham gia đảo chánh thì tự nhận tương lai của

mình không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công cũng không được vào lịch kỷ niệm.”

Hồi trước kia, năm 1941 có ông Giáo Thiện ngồi Châu Đạo Bến Tre tên Linh. Lúc đó ông có gởi về cho thân phụ của ông đang làm công quả ở Hộ Pháp Đường một lá thơ. Vì không biết chữ nên ông thân đem lá thơ ấy trình Đức Hộ Pháp nhờ Ngài đọc giùm. Đức Ngài xem xong không đọc. Ông mới hỏi:

“Thưa Thầy, thằng Linh nó nói gì trong thơ vậy?”

Đức Hộ Pháp trả lời:

“Nó gởi lời về thăm anh với Tôi chớ có gì đâu!”

Đến nay Đức Hộ Pháp từ hải đảo trở về có nghe tin ông Linh lâm bệnh đang điều dưỡng tại Nội Ô Tòa Thánh. Ngài mới đến thăm rồi có hỏi ông Linh như vậy:

“Đâu..., em nhớ lại xem, em có lỗi gì với Qua không?”

Ông Linh trả lời:

“Dạ không!”

Nghe vậy Đức Ngài ra về. Ba bữa sau Ngài đến thăm ông ta lần nữa, và cũng có hỏi y như lần trước. Ông Linh một mực trả lời rằng không.

Mấy bữa sau Đức Ngài lại đến thăm ông ta 1 lần nữa, Ngài hỏi lại một cách cố ý, tiếng nói có vẻ cân nhắc và nặng hơn 2 lần trước. Đức Hộ Pháp hỏi:

“Linh! Đâu em rần nhớ lại xem, em có lỗi gì với Qua không?”

Ông Linh bình thản trả lời:

“Dạ không có.”

Ông Linh đầu ngờ rằng bức thư mình gửi cho ông thân đã được Thầy xem nên việc sai trái mà mình cố giấu qua mặt Thầy lại bị Thầy biết rồi.

Đức Hộ Pháp nhìn ông hồi lâu như hồi tiếc, rồi lặng thình ra về. Từ đó không đến thăm ông ta nữa.

Sau thời gian ngắn bệnh không thuyên giảm mà lại nặng, thêm phần nguy kịch không phương cứu chữa, ông Linh thoát xác.

Hơn 1 tháng sau, trong một đàn cơ ông Phối Thánh Ba, hay còn gọi là Phối Thánh Màng cho Đức Hộ Pháp hay rằng:

“Anh Nhượng đang che chở cho chú Linh ở dưới quyền của Đông Nhạc Đế Quân coi sổ bộ chờ đi đầu kiếp. Anh Linh phải tái kiếp làm thân một người phụ nữ ở trong một gia đình đảng cướp côn đồ, không biết có còn nhớ thân mà tầm đạo?”

Lụy!”

Bức thư mà ông Linh viết được Đức Hộ Pháp giải bày với anh em Phạm Môn tóm tắt nội dung là ông đã lầm mà theo Hộ Pháp, và khuyên ông thân của ông không nên làm ở Hộ Pháp Đường.

Quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa Binh (1945) trước khi Ngài trở về. Nên Ngài có nói:

“Chỉ có quân đội Cao Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập.”

Trong văn thư số 115/HP-TTVP đề ngày 17 tháng 1, 1949 gửi cho thượng sứ Pháp và đại tướng Blaizot, tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Ngài viết:

“Sự hiện diện của những tổ chức quân lực Cao Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi

để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày nấy.”

Sau khi trở về nước, để chuẩn bị cho việc tái thủ quyền hành, Đức Hộ Pháp cho triệu tập Hội Nghị Nhơn Sanh tại Tòa Thánh nhằm chấn chỉnh lại guồng máy của Đạo. Trong Huấn từ khai mạc Đại Hội ngày mừng 1 tháng Chạp năm Bính Tuất (1946), Ngài nói:

“Đã trót 5 năm dư Bản đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại, đã từng chịu biết bao nhiêu là sự khổ tâm hôn, nỗi lo cho tương lai Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi cái nạn chiến tranh loạn ly.

Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thăm thiết nơi lòng, tuông châu đổ ngọc, muốn kêu một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm tri kỷ cùng Bản đạo, ngoài ra chừ hiền hữu, hiền muội. Tưởng khi các bạn có lẽ tội nghiệp cho con hạc linh này mà để tai lóng tiếng.

Ừay Bản đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất thiết yếu là hòa giọng yêu thương cùng con hạc lạc này, đừng giục lòng bác ái đến cảnh an nhơn thiêng liêng cho toàn sanh chúng. Vừa để gót về Tổ Đình thì đã quên mãnh thân tiêu tụy hao mòn, vội cầu đạo đặng sửa đương cho đẹp vẻ chân truyền, nên tức cấp mở Hội Nghị Nhơn Sanh đặng phục vụ quyền Vạn Linh như trước.”

Nửa tháng sau Ngài cho khai mạc Đại Hội Phước Thiện, Ngài có nói:

“Hội Thánh có 2 cơ quan Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm được chơn lý hòa nhau. Ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận sự cho ra thiết tướng. Ấy vậy, mấy em phải rán sức định tâm, lấy tinh thần vi chủ, nêu gương cho mấy em sau

này đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đạt mục đích tối cao tối trọng, phải có khối óc Thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn, đối với con cái Ngài là quân linh.”

Ngài vừa khai Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện, vừa thông báo chánh thức cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn hay rằng Ngài tái thủ quyền hành, đồng thời khuyên toàn Đạo chung lưng đấu cật xây dựng Tổ Đình và nền Chánh Giáo.

Sau đó Đức Hộ Pháp liền bắt tay tiếp tục công cuộc kiến tạo Tòa Thánh, Ngài cho triệu tập những người công quả khi xưa.

Năm Đinh Hợi (1947) ông Lê Minh Tông, về sau đặc phong Bảo Công Quân năm 1969, là một họa sĩ ở Gia Định bị Pháp tình nghi làm quốc sự bị bắt đày ra Côn Đảo rồi được thả chỉ sau ngày Đức Hộ Pháp hồi loan vài tháng. Ông Tông về nhà được đôi ngày dự định đi thăm bạn ở Biên Hòa. Khi ra bến xe Ngã Sáu, quyền Thiêng liêng lại khiến ông Tông lên xe đi Tây Ninh. Khi ông Tông nhận thấy mình đã đi nhầm xe thì đã đến chợ Ngã Năm. Mà ông cũng có từng nghe danh Tòa Thánh cảnh đẹp nên muốn ghé vào thăm.

Đến Hộ Pháp Đường ông lấp ló nhìn vào trong. Bảo Thể vào báo lên Đức Hộ Pháp, Ngài mới biết ngay là người Đức Lý phái đến. Sau này khi trấn Thần tượng Tam Thánh Ký Hòa Ước vào ngày mùng 10 tháng 7 năm Mậu Tý (1948), ông Luật Sự Võ Quang Tâm có tường thuật như sau:

“Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ 2,8m x 1,9m. Hình tượng bằng người thường, Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông

ngõng và Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiêng mực.

Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ:

- Hán văn: Thiên Thượng, Thiên Hạ – BÁC-ÁI CÔNG-BÌNH.
- Pháp văn: Dieu et humanité – AMOUR et JUSTICE.

Đi sau bàn đá có Đức Hộ Pháp, kế là các Ngài Bảo Thế, Khai Đạo,...

Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Nam, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài. Trước hết Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt tượng 3 lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng vẽ 3 ảnh để khử trừ.

Khi Đức Hộ Pháp trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh xong, các nhân viên từng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng tới cửa trước, rồi đi vào Hiệp Thiên Đài, đến thỉnh Thánh Tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra phía trước Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích: Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ, Đức Tôn Trung Sơn là đại diện Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo ngoại quốc, cho nên tượng ảnh để ở Hiệp Thiên Đài, quay mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi thiêng liêng của các Ngài.

Cái khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia Bản đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

Ngày nay, vị Hiền Tài ở hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này. Mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến. Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi

hết, vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy.

Từ ngày mùng 10 tháng 7 năm Mậu Tý, tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiện cho chủ nghĩa đại đồng của Đạo Cao Đài.”

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động Đài ở bao lơn mặt tiền Tòa Thánh, chỗ danh dự nhất, 8 hạng người lao động, là Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục. Ông cũng là người được điểm công hàng đầu và đặc phong Thánh Nhơn do Đạo Nghị Định số 7/PT, Đức Ngài ký ngày 14 tháng 2 năm Mậu Dần (1938). Hai phẩm Thánh Nhơn và Bảo Quân đều đối phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài. Xem thế những vị có công xây dựng Tòa Thánh đều được Đạo phong thưởng xứng đáng.

Mùng 3 tết năm Đinh Hợi (1947) công thợ làm lễ bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh. Đức Ngài có phát biểu trong lễ bàn giao như sau:

“Bản Đạo không ngờ mấy em phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bản Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lẩn hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chi đủ nam nữ, âm dương mới tạo thành lý đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt Bản Đạo mới buộc mấy em phái hồng thệ và thủ trình cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bản Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích.”

Đức Ngài kêu Tổng Giám Lê Văn Bàng đem tờ giao

lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Ngài ký tên với danh vị thợ hồ.

Mùng 6 tết, Đức Ngài làm lễ trấn Thần Tòa Thánh. Đức Hộ Pháp mặc tiểu phục, dạy Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi và Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn theo Ngài đến Báo Ân Từ, Ngài vào điện làm lễ xong thỉnh nước âm dương giao cho Thừa Sứ Lợi. Ngài dùng 3 bó nhang hành pháp xong lại giao cho Truyền Trạng Trấn.

Khi đến Tòa Thánh, Ngài ngó ngay Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài rảy Cam Lô Thủy và cầm nhang làm phép trấn Thần. Kế tiếp đến tượng Phật Di Lạc, tượng Đức Quyền Giáo Tông, bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh đến tượng ông Thiện, ông Ác. Sau đó Ngài vào cửa Tòa Thánh đứng ngó vào Tịnh Tâm Điện trấn Thần cái Càn Công Bình trên ngưỡng cửa. Ngài nói:

“Kể từ đây cái Càn Công Bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã biểu tượng thiết hiện ở thế gian này, để phân công chiết tội và định phẩm vị tòa sen của toàn con cái Ngài.”

Ngài sang phía hông bên nam phái, đứng ngang Cửa Trùng Đài, cách 12 bước, trấn Thần con Long Mã, trên lưng con Long Mã có bộ Hà Đồ Bát Quái và Cây Kiếm, nên có câu “*Long Mã phụ Hà Đồ*”. Long Mã chạy về phía Tây mà đầu quay về phía Đông. Ý nghĩa đạo xuất từ phương Đông, đem từ phương Đông sang phương Tây để cứu vớt chúng sanh.

Kế Ngài đến Bát Quái Đài ngó lên trấn Thần Tam Thế Phật:

- Phật Brahma đứng trên con Thiên Nga, nhìn thẳng về phái Tây, đó là ngôi thứ nhất tượng trưng đời Thánh Đức thuộc Cơ Sanh Hóa.
- Phật Shiva đứng trên con Giao Long, nhìn thẳng về

phía Nam. Đó là ngôi thứ ba, tượng trưng phần trí não thuộc Cơ Tranh Đấu.

- Phật Christna đứng trên con Thất Đầu Xà nhìn thẳng về phía bắc. Đó là ngôi hai, có sanh có diệt, đời tái tạo thuộc Cơ Bảo Tồn.

Sau đó Ngài đến trấn Thần 4 con Kim Mao Hẩu ở 2 nấc thang bên hông phía nữ phái. Rồi Ngài vào Cửu Trùng Đài sang bên phía nam phái trấn Thần 4 con Kim Mao Hẩu nữa. Ngài nói:

“Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần con người, nhờ nó mà qua được các tầng Trời về cùng Thầy.”

Kế tiếp Ngài vào cửa phía nam phái trấn Thần các Thiên Nhân quanh Đền Thánh, lần lượt lên tới Bát Quái Đài, rồi sang phía bên nữ phái tất cả là 23 Thiên Nhân ngó ra ngoài. Vào trong Ngài đến Cửu Trùng Đài bên nữ phái, lên trấn Thần tượng Bát Tiên và sang bên nam phái trấn Thần tượng Thất Thánh. Rồi Ngài trở xuống ngai Hộ Pháp trấn Thần chữ KHÍ. Ngai Hộ Pháp có thất đầu xà, cái thân mình nó quấn dưới đôn Hộ Pháp, đưa lên 3 cái đầu, trên mỗi cái đầu có 1 chữ: Hỉ, Lạc, Ái và gục xuống 4 cái đầu, trên mỗi cái đầu có 1 chữ: Ai, Nộ, Ố, Dục, choàng cái mình quấn đôn của Thượng Phẩm và cái đuôi dưới đôn của Thượng Sanh.

Đến ngày mùng 8 tháng Giêng, lễ rước quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về an vị tại Tòa Thánh. Ngài có thuyết giảng như sau:

“Ngày nay đã dời quả Càn Khôn, không phải trái đất mà là Thiên Cầu thuộc dương phối hợp với địa cầu thuộc âm thành đạo, về Đền Thánh. Đức Chí Tôn đã ngự nơi ngôi của Ngài. Chúng ta nên mừng cho hơn loại được ảnh hưởng nơi

Đền Thánh này mà tiến hóa. Đền Thánh từ đây không còn ai xem nó là vôi, cát, xi măng nữa, mà là một khối đức tin của toàn con cái Đức Chí Tôn đã dựng nên hình vậy. Nhờ bàn tay khéo léo của mấy em, mấy con thợ hồ, thợ mộc đã chịu đời rách cực khổ hơn 10 năm trường mới tạo nên. Từ đây, mọi sắc dân nào có đủ đức tin nơi Đức Chí Tôn là Chúa tể vạn loại, dầu nơi phương trời nào, họ sẽ hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện hàng ngày hàng giờ để mong hưởng phúc lành của Ngài. Đền Thánh làm xong, nên Đạo đã vững vàng, chúng ta sẽ đem hạnh phúc lại cho thiên hạ trong buổi chuyển thế này.”

Vào năm Ất Hợi (1935), Đức Hộ Pháp bảo anh em Phạm Môn tháo 3 căn nhà mà Ngài đã ra lệnh làm là Dưỡng Lão, sở Nữ Công Nghệ, và sở Phạm Môn Trường Hòa có cùng kích thước với nhau, đem về ráp lại thành 1 để thờ chức sắc, gọi là Báo Ân Từ. Trước khi khởi công xây cất Tòa Thánh phải dời quả Càn Khôn về tạm tại đây rồi mới phá dỡ cây lá tranh của Tòa Thánh tạm. Quả Càn Khôn này do ông Bính làm. Lúc ráp nhà lại vì không tính trước hay đã tính rồi mà quên đo đường kính quả Càn Khôn, nên khi đem vào cửa Báo Ân Từ không vô lọt. Vì cửa hẹp hơn, túng thế đành ép dẹp lại méo như quả trứng mới vào được. Trước cảnh này Đức Hộ Pháp khóc và nói:

“Rối đây Phước Thiện sẽ khổ.”

Sau đó Pháp bắt Đức Ngài đày đi hải đảo, chúng chiếm lấy Tòa Thánh đang xây, lấy Báo Ân Từ làm nhà ăn tập thể, còn quả Càn Khôn thì đập xé thành từng mảnh rồi quăng ra ngoài. Người ta thấy Thiên Nhân vẫn còn nguyên nên lượm cất. Còn cốt tượng các Đấng chúng ném ra sân, ông Thơ mới đem về Cục Lạc Cảnh sửa đắp lại thờ cho tới ngày nay. Còn Thiên Nhân ông Thơ mượn người làm lại bằng

thiếc. Khi Đức Ngài hồi loan, quả Càn Khôn do ông Thơ tạo được đưa vào Tòa Thánh.

Đến những năm 1960, lúc ấy là thời kỳ của Thượng Sanh. Ông Hoài được Ngô Đình Diệm mua chuộc với một giá tiền đặc để hạ quả Càn Khôn của ông Thơ xuống và dựng quả Càn Khôn mới lên. Bên trong quả Càn Khôn mới này ông Hoài có làm cây Thánh Giá. Dựng quả Càn Khôn mới lên nghĩa là dựng cây Thánh Giá, thay đổi quả Càn Khôn chỉ là cái cờ che mắt mọi người thôi.

Ông Bảo Thế và ông Hoài cho mời ông thợ hàn ở cửa số 2 là ông Giáo Hữu Thượng Thử Thanh đến Tòa Thánh đục khoang hàn lại chân trụ. Khi hay tin, bà Chánh Phối Sư Hương Nhiều là bạn của Đức Ngài đến Tòa Thánh để quan sát. Lúc đó thợ đã khoan gần tới nơi mà Đức Ngài trấn Thần, bà biết nơi Hộ Pháp đã trấn Thần. Bà có kể:

“Thiên liêng mâu nhiệm khiến như vậy, nó khoang không tới, chỉ còn một chút xíu nữa là tới rồi.”

Bà e sợ khi khoang phải chạm đến nơi Hộ Pháp đã trấn thì không biết nguy hại dường nào, mà điều gì sẽ xảy ra cho Đạo bà không lường trước. Vì lúc trấn Thần Ngài có bảo ông thợ bạc người Phước Thiện quê Phú Mỹ làm một cây gươm bằng vàng. Ngày hành pháp có đồng đủ chức sắc từ Giáo Hữu đổ lên chứng dự. Sau khi hành pháp trấn ếm chân trụ Quả Càn Khôn xong Ngài nói:

“Sau này, nơi đây, nếu có hư hoại và mất đi thì những người có mặt hôm nay phải chịu tội trước Thiên liêng.”

Lòng người đầu qua được Thiên liêng. Trời đầu để cho bọn chúng thực hiện được tà tâm của mình. Đến năm Quý Mão (1963) ông Diệm bị lật đổ, chết thảm dưới họng súng đại bác. Ông Hoài cũng chết trước khi mưu đồ còn

chưa được thực hiện. Quả Càn Khôn thì đã làm xong, mà chưa kịp bỏ cây Thánh Giá vào là bỏ mạng trước. Thành ra Quả Càn Khôn mới được thượng lên thờ cho đến giờ đó vậy.

Nguyên từ hồi khai Đạo đến năm Bính Tuất (1946), trong Nội Ô Tòa Thánh không có thờ Phật Mẫu. Đến năm Tân Tỵ (1941) Đức Ngài cho xây dựng xong Trí Giác Cung rồi có xây dựng Đền Thờ ở đó luôn, được mệnh danh là *Qui Thiện*. Đó cũng là nơi đầu tiên thờ Đức Phật Mẫu. Còn Báo Ân Từ lúc đó đang là Đền Thờ tạm thờ Đức Chí Tôn.

Sau ngày từ hải đảo trở về, Đức Ngài tổ chức trọng thể một cuộc lễ lớn có sự tham dự của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, chức sắc và tín đồ. Gọi là *“Lễ rước Linh Vị Phật Mẫu về Tòa Thánh”* từ Trí Giác Cung đi đường Bàu Sen về Tòa Thánh.

Linh vị rước về thờ tại một căn nhà bằng cây vách ván lợp tranh, Ngài gọi là *“Khách Thiện Từ”*.

Cho đến khi Đức Hộ Pháp làm lễ rước quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về Tòa Thánh, Linh Vị Phật Mẫu lại được làm lễ long trọng rước từ Khách Thiện Từ về Báo Ân Từ thờ cho đến nay.

Ngày mùng 9 tháng Giêng là ngày vía Đức Chí Tôn, trong 3 ngày lễ, trừ đêm mùng 8 rạng mùng 9 là chánh lễ thì các ngày còn lại là lễ tạ ơn Tiên Hiền, Tổ Tiên, tổ chức các cuộc vui. Đức Hộ Pháp dạy ban nhà thuyền làm rỗng nhang để biểu tượng xe rỗng, chỗ ngự của Chí Tôn.

Thân rỗng nhang dài 36 thước, chia làm 18 khúc làm bằng hình ống. Rỗng nhang phải trang trí sao cho thật đẹp với 2 màu truyền thống vàng và đỏ. Các động tác múa bao gồm xuất cung, đi vòng, uốn khúc, lượn sóng, Bát Quái chậm, Bát Quái nhanh, đi thẳng,... Người múa rỗng phải là người

có sức chịu đựng và đầy đủ kinh nghiệm về múa Long Mã.

Còn ở giữa Đại Đồng Xã, Đức Hộ Pháp cho dựng Văn Minh Điện, tức cái đài hình lục giác, gồm tầng trệt và tầng cao để mọi người đứng xa đều thấy người điều hành. Ban tổ chức gồm: 1 Trưởng Ban, cầm cái mõ và một ban cổ nhạc. Phía trước Văn Minh Điện có một cái cầu thang để người dự lên lãnh thưởng, phía bên trên cao có đề 3 chữ “*Văn Minh Điện*”, nghĩa là nhà văn minh về đạo đức, văn học, mỹ thuật. Ai đáp trúng thì được thưởng kinh sách có giá trị.

Sang vía Đức Chí Tôn năm sau, Đức Hộ Pháp còn dạy chứng cộ bông. Đề tài bao gồm đức tin như loại, Tam Giáo, Tam Trấn. Phong trào chứng chế mỹ thuật bằng hoa lá bông trái phát triển từ đó, lan về các tỉnh vì người Đạo tại Thánh Địa vốn là dân lục tỉnh.

Trong ngày vía Đức Phật Mẫu năm Đinh Hợi (1947), Đức Hộ Pháp xuống lệnh cho cơ quan Phước Thiện chứng cộ bày Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Chỉ có Đức Phật Mẫu là bông hình, còn 4 vị Nữ nhạc hầu Đức Phật Mẫu và cửu vị Tiên Nương mặc áo dài xanh đỏ là người thật, do các Giáo Nhi và Đồng Nhi nữ hóa trang.

Kể từ ngày mừng 1 tháng 2 năm Đinh Hợi (1947) ngôi thờ Phật Mẫu đặt thờ tạm tại Báo Ân Từ. Trong ngày lễ an vị Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương, Đức Hộ Pháp có giảng như vậy:

“Từ đây chúng ta rất hân hạnh thờ Phật Mẫu tại Báo Ân Từ. Hồi mời mở Đạo, Bản đạo biết công nghiệp của Đức Phật Mẫu như thế nào: Ngài và Cửu vị Nữ Phật dìu dắt con cái của Chí Tôn từ ban sơ đến ngày đem chúng ta giao lại cho Thầy. Ngày mở Đạo vì cái cảm tình ấy, các vị Đại Thiên phong xin thờ Phật Mẫu ở Đền Thánh, Phật

Mẫu cho biết quyền Chí Tôn là Chúa, còn Phật Mẫu là Tôi, mà Tôi thì làm sao ngang hàng với Chúa? Chúng ta thấy Phật Mẫu cung kính Chí Tôn đến dường ấy.”

Trong năm Kỷ Sửu (1949) có nhiều chi phái trở về xin làm việc với Tòa Thánh Tây Ninh. Trong đó có phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo. Thánh Huấn số 380 ngày 22 tháng 3 năm Kỷ Sửu có ghi về sự kiện này như sau:

“Bản đạo đã ân xá cho toàn cả chi phái, bất cứ ai nếu nhập môn lại và vâng y Luật Pháp Tòa Thánh sẽ là tín đồ chánh thức của Đạo Cao Đài.”

Thánh Lệnh số 535 ngày mùng 4 tháng 6 năm Kỷ Sửu (1949) chấp thuận phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo đưa về Tòa Thánh Tây Ninh. Tất cả chức sắc đều tạm chức Hiền Tài để đợi quyền Thiêng liêng quyết định.

Thánh lệnh số 302 ngày 27 tháng 5 năm Canh Dần (1950), các chức sắc phái Tiên Thiên có danh sách trong thông qui ngày 30 tháng 10 năm Kỷ Sửu được dâng lên Đức Lý xem xét vào ngày mùng tháng Giêng năm Canh Dần, được tạm phong vào hàng chức sắc của Tòa Thánh như sau:

1. Nguyễn Bửu Tài thọ phong Thượng Phối Sư
2. Phan Lương Hiền thọ phong Thượng Phối Sư
3. Đinh Văn Dừng thọ phong Ngọc Giáo Sư
4. Phan Lương Thiệu thọ phong Ngọc Giáo Sư
5. Trần Văn Tấu thọ phong Thượng Giáo Sư

Giáo Hữu đủ 3 phái tất cả 26 vị, Lễ Sanh 35 vị. Đức Hộ Pháp lại ký Thánh Lệnh số 13/TL phong thêm 5 vị Giáo Sư, 3 vị Giáo Hữu, và 17 Lễ Sanh. Còn Trung Hòa Học Phái do Trương Kế An lãnh đạo được phong làm Bảo Y Quân. Xem thế lúc nào Tòa Thánh cũng mở rộng cửa để đón nhận

con cái của Chí Tôn lầm đường lạc lối quay trở về với con đường chánh Đạo.

Đến ngày mùng 4 tháng 2 năm Tân Mão (1951), Đức Lý Giáo Tông giảng cơ trong một cuộc thử cơ của chi phái Tiên Thiên cùng với chức sắc Hiệp Thiên Đài, cũng có nói về việc này như sau:

“LÝ GIÁO TÔNG

Chào con cái của Chí Tôn.

Thượng Tài Thanh [Nguyễn Bữu Tài], hiền hữu có biết chăng, Đạo Thầy vốn có một.

Khai Pháp hiền hữu chấp bút nhang đuôi nó... vì đây trước mặt lão lại còn cho Thần Cái trụ.

Thượng Tài Thanh, hỏi một Hội Thánh có mấy Đài Hiệp Thiên và mấy Đài Cửu Trùng?

Chính tay lão đã lập Nghị Định thứ tám, có đầu lão lại phá luật, còn Đài Hiệp Thiên do Hộ Pháp nắm giữ, có đầu lão lại quá quyền phạm pháp, phong tước cho Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

Hiền hữu vốn biết lão đương quyền Giáo Tông đó chứ?

Cơ chia phe phân phái cũng do đó có phải?

Nè, lão cho hay rằng, Hội Nhơn Sanh sắp đến đó, thử hỏi chức sắc và tín đồ [phái Tiên Thiên] đem về đặng bao nhiêu?

Hiền hữu khá nhớ rằng, được phẩm thì dễ chớ ngồi yên khó lắm. Sự không chịu qui thuận của các chức sắc và tín đồ Tiên Thiên là lỗi nơi hiền hữu chớ không phải của họ. Từ đây, hiền hữu cứ ra nghiêm lệnh coi.

Nên nhớ rằng, với tình thì lão dung thứ được, chớ về luật pháp e khó dung tha.

Cao Sĩ Tấn, lão biết hiền hữu có ý bất mãn nhưng lão khuyên hiền hữu khá suy nghĩ sẽ thấy rõ đường đi. Đức Chí Tôn khai Đạo chẳng bó buộc một ai hết thầy, nếu ngoan thì là con Thầy, còn dại thì mặc tình Quỷ dẫn. Những cặp đồng tử của hiền hữu tuy vốn có xuất thân nhưng bị hồi điển do bốn thân. Hiền hữu khá đem họ nhờ sự trau luyện của Hiệp Thiên Đài chức sắc thì sẽ ứng dụng được ngày sau.

Hiền hữu thử hỏi chúng nó coi rằng trước đêm 24 vừa qua, nó có suy nghĩ gì chẳng?

Thượng Tài Thanh, hiền hữu hiểu lời của lão rồi chớ?

Bảo Thế, Khai Pháp, và Tiếp Đạo sáng ngày mai phải xuống Trí Huệ Cung tường thuật cặn kẽ cho Đức Hộ Pháp nghe. Còn hai em Hưởng và Nhung, lão khen đó, hai em đã giúp lão chinh đốn Cửu Trùng Đài nhiều lắm đó, lão mang ơn nơi cõi hư linh, còn hữu hình lão không có quyền.”

Trong đàn cơ này có 2 nhóm phò loan. Một là của bên phái Tiên Thiên, một là của chức sắc Hiệp Thiên Đài do Luật Sự Hưởng và Luật Sự Nhung phò loan. Nhưng bên kia bị hồi điển do có tà tâm, đầu cơ bị gãy. Sau khi Đức Lý thăng rồi có Đức Quyền Giáo Tông giáng nói cho mọi người biết như vậy:

“THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em,

Cười... ông già nô khí dữ quá ta!

Lúc này đồng tử của họ có một người tà tâm nên ông đánh nó đó.

Không sao, tuy vậy chớ Thượng Tài Thanh và Cao Sĩ Tấn biết suy nghĩ lắm, họ bị mê tín mà nên nông nổi. Cười... Coi chừng đồng tử bị đánh bịnh ta ơi! Tội nghiệp, không phải tự

họ muốn lên giả, nhưng bị thần trước mà bị hồi điển. Những người đồng tử họ bắt bình, họ nói mình xúm nhau mà làm ngưng nghề của họ, chớ không phải là Đức Lý.

Cười... Mặc tình lúc nãy, ông già đã nói trước rồi. Còn Khoa thì coi hình như muốn đeo muốn rút. Em Trung Đông nên gần gũi dẫn dụ họ. Nếu họ có ức thì xin Đức Hộ Pháp phò loan tại Trí Huệ Cung một lần nữa, nhưng cấm không cho đồng tử theo vì e có hại đến họ. Cười...

Cần cơ gãy. Cười... Anh nói thiệt, nếu cơ không gãy thì e cho họ phát điên rồi mà chớ, đó cũng may cho họ vì đầu cơ không có điển, hành pháp không được. Thôi cũng yên một phần, em Trung Đông cười đi em!”

Đáng tiếc thay, Ôn Trên đã từ bi ân thưởng mà họ vẫn hoài mộng tưởng. Thọ phong xong rồi lại cuốn Tượng ra đi chớ chẳng hề chịu hành đạo theo Tòa Thánh.

Ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947), Đức Hộ Pháp cho ban hành Đạo Lệnh 209-HP chỉ dẫn về phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo, hay còn gọi là luyện kỹ, tu đơn, thiên định. Lúc trước Chí Tôn đã truyền tâm pháp tu chơn cho Ngài và nay Ngài truyền lại cho nhơn sanh. Vì không tìm hiểu tận nơi mà có người cho là Tòa Thánh chỉ có tịnh thất cho tín đồ mà không có lý pháp tu tịnh cho chức sắc. Chí Tôn có dạy:

“Phải bày bữu pháp ra không đặng giấu nữa.”

Trong Đạo Lệnh 209 của Đức Hộ Pháp có nội dung như sau:

“PHƯƠNG LUYỆN KỸ

ĐẶNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI ĐẠO

- *Phải biết thân thiết cùng cả nhơn vật, tức là tìm nguyên*

do của Vạn Linh cùng Chí Linh.

- Phải ân hậu và khoan hồng.
- Phải thanh nhàn, đừng vị kỷ.
- Phải bình tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa, phước, buồn, vui (tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh).
- Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.
- Phải vui vẻ, điều hòa, tự chủ và quyết đoán.
- Giữ linh tâm làm căn bốn.
- Hiếu hạnh với Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM

UI TÂM LÀ HÌNH ẢNH CỦA THIÊN LƯƠNG

- Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ, là đồ vô giá.
- Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.
- Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
- Sự cừu hận là khối thâm khổ đệ nhất của nhơn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- Thắng đặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận dữ.
- Lấy thiện mà trừ ác.
- Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.
- Lấy lòng quăng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
- Lấy chánh trừ tà. Ấy là đường thương Huệ Kiếm.

LUYỆN THÁN, LUYỆN TRÍ

- *Ấm thực tinh khiết.*
- *Tư tưởng tinh khiết.*
- *Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn, Phật Mẫu.*
- *Thương yêu vô tận.*
- *Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.*

Ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947)

Hộ Pháp

(ấn ký)”

Phương pháp trị tâm của Đức Hộ Pháp nói gọn là Pháp Tâm hay Đạo Tâm. Vào cửa Đạo đi tu là cố gắng tĩnh lặng cái tâm. Bởi lẽ tâm dẫn đầu hết thảy mọi hành động. Khi sinh hoạt theo hướng tham sân si, nhỏ mọn, trách cứ, lo âu, sâu muộn,... đó là ác tâm. Khi lòng ta rộng lượng, vị tha, hoan hỷ, thương người, đó là cái tâm chơn chánh.

Năm Canh Dần (1950) Đức Hộ Pháp đi Đà Lạt để gặp vua Bảo Đại bàn việc quốc gia trọng hệ. Sau đó Ngài qua Campuchia để hành đạo.

Ngày 18 tháng 10 năm 1950 Đức Hộ Pháp đi Hà Nội để kêu gọi các tôn giáo, đảng phái ngoài Bắc thống nhất để làm sức mạnh đòi chánh phủ Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Ngài đã tiếp xúc về phía Công giáo có Giám mục Lê Hữu Từ, về phía Phật giáo có Thượng Tọa Thích Tâm Châu. Trong dịp này Ngài có làm bài thơ như sau:

“BẮC DU

*Ngon nước hồn thiêng đã tỉnh dần,
Xuân Thu nay đổi lại Xuân Thu.
Nạm Phong đỡ vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đánh nghiệp Tần.
Bác ái là đề thi tiến hóa,*

*Nghĩa hơn ấy mục định duy tân.
Thiên thời địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa hơn để hiệp quân.”*

Sau chuyến thăm Hà Nội của Đức Hộ Pháp, số tín đồ tăng lên nhanh, nhưng từ sau năm 1954 cơ Đạo ở đây gặp nhiều ngăn trở.

Sau đó Ngài trở về Tòa Thánh đôn đốc xây cất các tịnh thất. Rằm tháng Chạp năm Canh Dần (1950) Đức Hộ Pháp làm lễ trấn Thần Trí Huệ Cung. Đó là ngày lễ lớn, các đạo hữu phải đi vòng xuống Thiên Thọ Lộ qua Đoạn Trần Kiều mới vào Trí Huệ Cung tham dự lễ, có cất nhà thủy tạ, trên nóc nhà đắp một con hạc chở 2 người đó là Vân Trung Tử và Tôn Võ Tử. Đức Hộ Pháp có dạy như sau:

“Đắp con hạc ngó về Trí Huệ Cung trên lưng có 2 người cỡi là Vân Trung Tử và Tôn Võ Tử. Ấy là thế pháp tượng trưng rước khách phàm nhập Thánh. Máy con lại làm con hạc quay đầu trở ra, hướng Thiên Thọ lộ, như vậy là chở người Thánh lâm phàm. Máy con làm lỗ rôi, dầu sửa lại cũng không được. Việc này thiêng liêng khiến vậy. Ấu cũng là phương cách tượng trưng bậc tu hành đều lâm phàm mà thắng nổi cái phàm mới là Tiên, Thánh. Bằng chẳng được, phàm vẫn là phàm.”

Tôn Võ Tử hay Tôn Tử là học trò của Vân Trung Tử, sanh ở núi La Phù, nhằm thời Xuân Thu ở Trung Hoa đứng vào hàng Chư tử, thao lược tinh thông. Tuy còn nhỏ mà đã soạn được bộ sách binh pháp gồm 13 thiên: Thủy kế, Tác chiến, Mưu công, Quân hình, Bình thế, Hư thiệt, Quân tranh, Cửu biến, Hành quân, Địa hình, Tụ địa, Hỏa công, Dụng gián. Toàn là những thuật dùng binh làm căn bản cho những nhà tướng xưa nay trong cõi Á Đông. Ông làm

Thượng Tướng quân cho Ngô Hạp Lữ, giúp Ngô đánh Sở. Khi giặc yên, ông trở về điền viên lấy chữ thanh nhàn tiêu dao ngày tháng. Đức Hộ Pháp giảng:

“Xưa kia Tôn Vô Tử tìm thầy học đạo Tiên đã thoát tục. Ngày nọ 2 thầy trò cõi hạc vân du ngoạn mục, Vân Trung Tử nhủ rằng:

‘Đi ngang qua chợ Thiên Vương là cảnh cũ của con, nếu lòng con còn tưởng nhớ thì con hạc bay không nổi, rồi con phải trở lại phàm không về cùng thầy được.’

Nhưng Tôn Vô Tử đạt phẩm Nhơn Tiên, mà tránh không khỏi bợn phàm, nên khi con hạc bay qua chợ Thiên Vương thấy cảnh xưa động lòng ngậm ngùi, con hạc liền đáp xuống. Vân Trung Tử biết học trò còn nhiễm phàm liền đăng vân về động. Tôn Vô Tử một mình ở lại chợ Thiên Vương đi tìm quê xưa, chỉ thấy chòi tranh ủ dột, người vợ xưa tuổi già quá 70, muốn tạo một sự nghiệp đời thì đã muộn. Đành cam chịu lỗ đạo lỗ đời, ấy vì chẳng chịu nghe lời thầy.

Con hạc bay về chợ Thiên Vương, nay là chợ Trường Lưu thuộc xã Trường Hòa, là gương sáng cho các bậc chơn tu phải cố gắng giữ lòng thanh bạch, dầu có sống lẫn lộn nơi phàm thế mà không nhiễm mới được. Đó cũng là phương chọn lọc phàm Thánh.”

Đức Hộ Pháp còn giảng về Trí Huệ Cung như sau:

“Trí Huệ Cung là cơ quan tận độ chúng sanh. Nó không phải của ta mà của toàn thể nhơn loại, bởi nó tượng trưng hình ảnh Chí Linh của Đức Chí Tôn tại thế. Nó không cho phép phân biệt đảng phái, tôn giáo hay nòi giống. Cửa Thiên Hỉ Động là cửa thiêng liêng hằng sống của toàn thể các Chơn Linh.

Bản đạo cả tiếng kêu gọi con cái Đức Chí Tôn, nhứt là

Cứu nhị ức Nguyên Nhơn hãy tỉnh mộng, ngộ lại Trí Huệ Cung, phải vào nơi cửa này mới đạt đạo đặng mà thôi. Đạt cơ giải thoát mới nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống, mà Đức Chí Tôn đã dựng riêng dành cho mỗi người.”

Ngày 16 tháng Giêng năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh luyện theo tân pháp nội giáo tu thiền mà Đức Chí Tôn đã chỉ dạy cho Ngài. Khi nhập tịnh thất, Ngài có nói:

“Giải chức Hộ Pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi.”

Đức Ngài nói như thế có nghĩa là muốn vào tịnh thất, nếu là chức sắc phải gởi chức lại cho Hội Thánh trở thành đạo hữu. Sau khi được chơn sư phụ chỉ dẫn rồi hành pháp tịnh luyện, tự tu, tự thành, biết được tánh giác hằng hữu là sắp có ấn chứng thiêng liêng.

Năm Tân Mão (1951) Đức Ngài vào Trí Huệ Cung vì Vạn Pháp Cung chưa xây. Sau khi ra khỏi nhà tịnh, Ngài đã thuyết đạo tại Đền Thánh như sau:

“Bản đạo giải rõ hành tàng trong 3 tháng mà Bản đạo đã làm trong nhà tịnh. Cái hành tàng về mặt đạo pháp giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho nhơn loại, đặng đem cơ cứu thế của Ngài giao cho toàn xã hội nhơn quần được hưởng, giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát chúng sanh.”

Hồi Đức Hộ Pháp đến Trí Huệ Cung để nhập tịnh thất thì có nhiều người gởi thư đến xin nhập tịnh một lượt với Đức Ngài, Ngài trả lời:

“Nếu người nào không có tam lập thì không ở chung với ai được hết. Chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời, tức thế pháp mà không ai có bằng cơ chi hết, thì ai tin rằng có bí pháp

đạt đạo.

Tam lập là: Lập đức, lập công, lập ngôn. Con người khi sanh ra nơi mặt địa cầu này không có tam lập thì không có chi hết. Tam lập quyết định cho ra, ta mới sống chung với xã hội như quần được.”

Khi ra nhà tịnh, Đức Hộ Pháp thấy chợ Ngã Năm gần cửa số 4 Nội Ô Tòa Thánh chật chội và ẩm thấp, nên lấy 47 mẫu đất ở phía Nam Tòa Thánh lập chợ Long Hoa.

Ngày 5 tháng 6 năm 1951 chợ Long Hoa cơ bản thiết lập xong, Ngài làm lễ ban phép lành và trấn Thần Long Hoa Thị, Đức Hộ Pháp nói:

“Bản đạo cho lập gấp cái chợ này, tạo một nguồn sinh sống để dành cho nhưn sanh. Ngày giờ này tuy là cái chợ thô sơ, rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn. Chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ đến. Nhưng Bản đạo quả quyết việc đó phải có và nhất định có, vì cái chợ chuyển thế và quyền Thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy.”

Khi khánh thành văn phòng Ban Quản Trị Long Hoa Thị, Rằm tháng 7 năm Quý Tỵ (1953), Ngài nói:

“Bản đạo rất tin cậy với lòng nhiệt thành của toàn thể, hãy giúp cho Ban Quản Trị và Hội Thánh lập chợ Long Hoa thiết mau. Bản đạo dám chắc rằng đời sống của mấy em sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu tươi đẹp. Ngôi nhà chung của chúng ta là một Tông đường để đào tạo đám thơ sinh tiếp tục làm Thánh Thể Đức Chí Tôn, thừa chí đưa hết năng lực tận tình dâng cứu khổ chúng sanh.”

Dịch thân Đức Hộ Pháp đôn đốc công cuộc khai phá rừng, Ngài có nói:

“Sau 2 năm, Qua còn nhớ khi Qua ra khỏi nhà tịnh Trí

Huệ Cung. Về nơi đây, Qua ban phước lành chợ Long Hoa là tháng 7 năm Tân Mão cho đến tháng 7 này thật ra có 2 năm mà thôi. Đức tin con người, nếu mà nhờn loại tụ cả lại làm một khối thì không có gì làm không đặng. Qua vẫn biết cái sự nghiệp kinh doanh do tinh thần hoạt bát của mấy em làm cho Qua được hưởng hạnh phúc.

Chợ ngã 5 mấy em đừng tưởng có phép huyền bí. Qua thấy chợ ngã 5 rất sung túc, nhưng lại ảm thấp, chật chội. Cái tinh thần của mấy em đi cao tiến mạnh. Vì có, qua mới lấy 47 mẫu, chưa có chợ nào đặng 47 mẫu, nhưng chừng vài năm nữa đây sẽ chật hết. Qua đã thấy chen chúc với nhau rồi đó.”

Đức Hộ Pháp cho xây 8 con lộ tạo nên hình Bát Quái, gọi là “bát long dẫn thủy”. Đức Ngài còn dạy:

“Trong nhà lồng chợ xây một hồ nước thật cao, lấy nước rửa chợ, các tiệm, các phố đủ sức xài. Nhà lồng cất 4 cánh, có 2 tầng lầu: tầng dưới bán thực phẩm, tầng trên bán mỹ phẩm. Trên bốn nước giữa chợ cất cái nhà nóc bằng để cho Thánh Uệ ở, luân phiên giữ gìn châu vi chợ và làm nơi ăn ở trên nhà gác. Còn 4 phía chợ đúc cột làm hàng rào bằng song sắt thật đẹp, để trống cho bốn bề trông vào thấy chợ thông dong mát mẻ. Mỗi phía hàng rào có một cái cổng. Bốn mặt như nhau, nhưng mỗi cửa để chữ theo mỗi hướng, như: Đông Môn, Tây Môn, Nam Môn, Bắc Môn. Đừng để mấy cái quán cóc che lấp cái vẻ đẹp của chợ. Mấy cái xếp theo góc Bát Quái, do Ban Kiến Trúc cất, đúc cột lên mấy tầng lầu như phố vậy, để làm nhà hàng hoặc bán các loại máy móc, radio, tầng dưới chừng 2 thước vuông cho trạm y tế, cứu thương hoặc bệnh hoạn sẵn có thuốc.”

Nghe qua công cuộc từng câu chuyện, Ngài trở lại cầm thước dây đo ngang 40 thước, từ mặt phố bên phải qua trái

khoảng trên con lộ 40 thước, ở giữa con lộ lớn có 2 cái lều. Ngài nói:

“Bên trong sát mặt phố có 2 con lộ nhỏ, xe hơi chạy vào được. Dài trên lộ biểu Trương Tộc và nhân viên Chương Quán Phước Thiện cũng lo cất 20 cái bar, cất trợn trên lều, đừng vi phạm choán con lộ mất đẹp. Bar cất 2 tầng, cách 40 thước, xa xa để chứa đường ra vào mặt phố. Nếu cất khít choán chỗ người ta rầy mà coi không đẹp. Cho bán đồ bazar hoặc các thứ đồ chơi hoặc bông hoa trái cây Đà Lạt. Mỗi bar đều có 4 mặt, cửa kiếng xinh đẹp. Cắm nấu nướng, chỉ đến giờ mở cửa bán cũng như bar giữa lộ ở Đô thành.

Trong 20 cái bar dành cho người nghèo không phương sanh sống, hoặc đám nội trợ của chức sắc nghèo cần có phương sanh sống. Khi bớt khổ phải đền ơn, giao lại cho Hội Thánh cho người khác, cú kế tiếp không ai có quyền làm chủ vĩnh viễn. Hội Thánh biết kẻ nghèo cho ở chớ không thâu nạp đờn xin, còn nền nhà hình, Đức Ngài định cất tại đầu lều lộ, 2 bên cất y một kiểu có 2 tầng. Bên Xuân Dung thì làm nghề ảnh đặc biệt riêng cho Thầy, dành lại số huê lợi đăng cho đám cô nhi có phương sống và mấy con nhiếp ảnh nên cố gắng truyền nghề cho chúng nó thành tài về nghề phim ảnh chiếu bóng.

Trong nhà hình, từng dưới chưng triển lãm các kiểu cổ kim hoặc các cuộc kỷ niệm, mỗi khi Thầy cần dùng thì có sẵn. Từng trên để làm nghề. Sau này ngoại quốc họ vô xem Báo Quốc Tử thì họ phải vào lấy hình ảnh, mấy con đủ nuôi đám cô nhi. Còn bên kia giao cho mấy đứa thủ trình. Công nghiệp tụi nó mà Thầy chưa ban đặc ân, vậy để cho chúng nó làm nhà cơm chay. Thầy làm ăn mót trên lều lộ mà có nghĩa giúp đám cô nhi và những người nghèo mà cũng là làm cho Long Hoa Thị ngày kia sung túc.

Long Hoa Thị sung túc rồi tự nó sẽ làm chén cơm bát nước của Hội Thánh, của chức sắc, của nhơn sanh chung hưởng đặc ân. Vậy nên cố gắng tạo cho thành.”

Hồi mới xây dựng, Tòa Thánh có chợ Từ Bi trước Tòa Nội Chánh; chợ Thương Bình, sở dĩ có tên này là vì phần đất này trước dành cho thương phế binh Cao Đài; Tân Dân Thị, tức là chợ Qui Thiện; Thiên Vương Thị, tức là chợ Trường Lưu; chợ Bến Kéo,...

Khu vực từ chợ Thương Bình trở ra Trăng Dài thuở ấy là rừng già san sát. Đức Quyền Giáo Tông vận động tiền của của nhiều nhà hảo tâm để mua và khai khẩn để đạo có việc dùng. Luật lệ kiểm lâm bấy giờ qui định, nếu khi nào đã mua thì phải khai khẩn. Nếu trong vòng 1 tháng không có hạ cây thì nhân viên kiểm lâm đóng bảng cấm, coi như lấy lại mà không bồi thường.

Đức Quyền Giáo Tông mua xong mà không có công quả để hạ cây, thế cho nên quá hạn một tháng tiền cũng mất mà đất cũng mất. Ông bị số người đưa tiền bạc cho ông kiện ông.

Trước tình hình đó Đức Quyền Giáo Tông tỏ bày cùng Đức Hộ Pháp. Ngài can thiệp với kiểm lâm và cho lệnh anh em Phạm Môn tụ họp gấp rút hạ cây theo qui định. Trong lúc lệnh khẩn bất ngờ, có một số anh em Phạm Môn đi không được vì lý do là vợ sắp sanh. Được báo trình như vậy, Ngài để lời:

“Đứa nào cực khổ về việc này là đại công trước mặt Đức Chí Tôn đó bây. Bởi vì lúc này người đạo đức họ tìm nhà đạo đức họ đến đầu kiếp, nếu nhà đạo đức đóng thì họ về họ sẽ kiện, hãy giúp họ, hãy giúp cho họ được chào đời một cách an toàn là nhận được phúc lớn.

Qua cho phép mấy em có vợ sắp sanh ở nhà lo cho tròn

trách nhiệm, rồi hãy làm công quả.”

Đức Hộ Pháp còn dạy mỗi họ nên lập một phủ thờ, hay còn gọi là phủ từ. Đó là chơn truyền Nho Tông mà Đạo Cao Đài phô bày để làm nền tảng. Ngài nói:

“Đức Giáo Tông mỗi năm sẽ nhóm họp với các vị Chương Phủ mỗi họ một lần, để nghe báo cáo các sinh hoạt chung của từng họ, mỗi họ sẽ tường trình và yêu sách đến Đức Ngài. Sau đó, tùy theo sở hành của từng họ mà Ngài ban hành lời phủ dụ, chỉ dạy thêm hoặc có chính sách phù hợp riêng cho từng họ, đồng thời tìm cách hỗ trợ về mặt tinh thần hay vật chất, nếu họ đó cần thiết đặc biệt hơn các họ khác.

Nhân tiện bên cạnh đó, Đức Ngài có cơ hội nhận những hồ sơ bị hàm oan mà tất cả các cấp trên che dấu, áp bức khiến người của nhà họ đó không phương bào chữa, được Ngài cứu xét bênh vực. Lúc đó, với tư cách là một người anh cả thương yêu đàn em nhỏ chớ không phải là tư cách của một Giáo Tông quyền hành. Nên Ngài có quyền tự mình giải quyết vấn đề, trường hợp mà Ngài nhận thấy đúng. Ngài dễ giải quyết bởi không qua đường hành chánh, Đức Ngài trực tiếp với nhà họ, để phát hiện những điều bất công mà người tin đồ nào đó chịu đựng. Tất cả sẽ phơi bày trước mặt Ngài, không ai qua mắt được Ngài, những em út nhỏ nòi bị khổ não sẽ được Đức Ngài sắp xếp để Ngài đến tận nơi, tận chỗ mà trả lại sự công bình.

Đây là một điều hết sức hệ trọng trong cửa Đạo Cao Đài, nó hay ho vô cùng. Nó giúp cho kẻ dưới không hề sợ bị đàn anh chức sắc lớn ý quyền dấu che, áp bức. Đâu phải vậy thôi, Đức Ngài có quyền kêu gọi kiến họ giàu, đồng đảo lớn mạnh giúp cho kiến họ nghèo ít oi nữa mà chớ. Tất cả người sanh ra nơi mặt thế có hàng ngàn họ, mà tự thấy mình không bơ vơ, khổ não vì mình có dòng họ bảo trợ, họ của mình tức là phủ

thờ, là nơi mình đặt niềm tin, để tìm đến mà cùng đoàn kết sống. Thật là một mối an nguy mà chỉ có anh cả Giáo Tông sẽ làm gạch mối trăm họ bình yên.

Việc tổ chức nhà họ là một bí pháp của Nho giáo để bảo tồn luân lý cương thường, phong hóa, và nhân phẩm trong công cuộc trị thế. Vì dân Trung Hoa làm mất đi nên sanh ra loạn lạc. Do đó mới bị Thiên điều hành phạt buổi nọ đó là Phong Thần bằng đó vậy. Nay Đức Chí Tôn gây dựng lại đem giao cho dân tộc Việt Nam.

Mấy em nghĩ coi, có một đứa mang họ mình làm nên việc lớn thì rạng rỡ tông môn. Còn ngược lại có đứa mang họ mình hoặc nghèo khổ hoặc làm tội tình chi đó thì cảm thấy xấu hổ, nên dòng họ đó không dễ gì mà để đâu, họ tìm cách đem về bảo bọc giúp đỡ, hoặc dạy dỗ cho nên người đạo đức, xứng đáng với truyền thống ông bà chớ... cười. Không có họ nào bỏ rơi con cháu mình đâu, họ sợ họ khác chê cười rằng mình thiếu phận lắm. Hơn nữa họ cũng sợ Đức Giáo Tông khiển trách.”

Khởi đầu từ năm 1952, Đức Hộ Pháp cho thiết lập các Phủ Từ trong vùng Thánh Địa nằm trong mục đích truyền đạo mà phương tiện là Tông đường. Phủ Từ hay nhà thờ Họ, như Lê Phủ Từ, Phạm Phủ Từ, Văn Phủ Từ,... Thường tôn vinh một vị văn võ song toàn trong lịch sử và một vị có phẩm tước cao trong Đạo như Trần Phủ Từ có thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo và Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Tất cả người trong họ có thể thờ tại Phủ Từ.

Đức Ngài có phủ dụ về việc lập Tông đường như sau:

“Từ trước đến giờ, Đạo Cao Đài lấy Tông đường làm nền móng. Từ đây, sẽ càng mạnh mẽ hơn nữa, sẽ càng cao trọng hơn nữa. Nhờ Tông đường mà ta tạo dựng, bá Tộc ngày kia không ai không đạo. Máy em tạo phủ thờ, công nghiệp này

là mấy em lập công đối với Đạo Cao Đài một cách gián tiếp đó vậy.”

Trong dịp đến hội ở Phạm Phú Từ, Đức Ngài có giảng:

“Hôm nay Bản đạo vào hội chẳng phải lấy danh thể Hộ Pháp mà chỉ lấy danh thể Phạm Công Tắc mà thôi. Chữ hiệu là chữ đứng đầu hết. Không trọn hiệu thì không thể làm việc khác được. Chúng ta có một cơ nghiệp tận thiên, tận mỹ, vĩ đại, ta muốn danh thể ta bền bỉ lâu dài, đại nghiệp thiệt của chúng ta là đây.

Các bậc tiền bối đã dạy rằng: Lập thân hành đạo, dương danh u hậu thế. Ta có thể làm đạo lập thân danh nhưng phải có hiệu trước đã.

Tạo Phạm Phú Từ chẳng phải cho riêng trong cửa đạo hay nội trong nước Việt Nam mà thôi. Chúng ta ngó tới Bắc Việt, Trung Hoa,... tông đường của ta ở mé biển nữa, thành một cơ quan vĩ đại.”

Sang năm 1953 có nhiều biến cố quan trọng. Khởi đầu là ông Narada Théra, phó Giáo Tông Phật Giáo Tích Lan, nay là Srilanca đem cho nước ta 3 hạt Ngọc Xá Lợi: 1 cho đại thừa, 1 cho tiểu thừa Phật giáo Việt Nam, còn 1 cho tiểu thừa Phật giáo Campuchia. Vì phái đại thừa chưa quyết định để hạt ngọc ở đâu nên Đại Đức Narada Théra giao cho Hoàng Thái Hậu Từ Cung để tặng nơi nào tùy ý, sau này bà cũng nhập môn theo Đạo Cao Đài luôn, sau đó được thọ phong Phối Sư, và tặng lại hạt ngọc cho Tòa Thánh. Kèm theo 3 hạt ngọc có 3 cây bồ đề: 1 cây tặng tiểu thừa Việt Nam, 1 cây tặng tiểu thừa Campuchia, còn 1 cây tặng Tòa Thánh trồng gần trụ phước. Còn hạt Xá Lợi thì được đăng điện đêm ngày 18 tháng 5 năm Quý Tỵ (1953). Đức Hộ Pháp có giảng:

“Hạt Xá Lợi đem về Tòa Thánh hôm nay là đặc biệt của

Đại Đức Narada Théra, phó Giáo Tông Phật Giáo Tích Lan, lấy của tư Ngài hiến cho Tòa Thánh. Chúng ta đã thấy sự khó khăn đem Ngọc Xá Lợi về Tòa Thánh, đều do công của Ngài Bảo Sanh Quân Hiệp Thiên Đài [bác sĩ Lê Văn Hoạch].

Phật Thích Ca, theo Đại Đức, là người như ta, có xác thân như ta, sống chết như ta, chớ không phải là người trong thân thoát. Nhưng cái cao siêu về tâm hồn của Ngài, về tiên căn thiêng liêng của Ngài đã lên tới Phật vị. Trước kia Đức Thích Ca đã thành Phật đặng, chúng ta cũng thành Phật đặng. Bản đạo mong cả con cái Đức Chí Tôn cố gắng học đòi như Ngài.

Khi Thích Ca đắc đạo, các tông đồ của Ngài thiêu thi hài của Ngài. Các lóng xương chưa thiêu hủy được cất giữ coi như báu vật, người ta gọi là Xá Lợi Phật.”

Ngày mùng 10 tháng 7 năm Quý Tỵ (1953), Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm mời Đức Hộ Pháp và một số môn sinh cũ của nhà giáo Trần Văn Giảng để ban cho thầy cũ huân chương. Đức Hộ Pháp đề nghị tặng cụ danh hiệu Linh Sơn Phu Tử, là chức sắc cao nhất trong Ban Thế Đạo, đối phẩm Phối Sư. Các cụ môn sinh đều nhứt trí.

Ngày hôm đó tỉnh lỵ Tây Ninh trang hoàng rực rỡ biểu chương, cờ xí treo khắp nơi. Tinh thần tôn sư trọng đạo của các môn sinh được thể hiện cao. Tham gia trong cuộc lễ có nhiều môn sinh đều hiển đạt như: Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Tướng Nguyễn Văn Hinh, Giáo Sư Võ Thành Cứ, ông Phủ Trần Văn Giáo, và nhiều bác sĩ, kỹ sư,...

Sau khi Thủ Tướng gặng Bảo Quốc Huân Chương cho cụ giáo Giảng, Đức Hộ Pháp trao lời cho giáo sư Cứ xưng tụng công nghiệp tôn sư.

Để kịp lễ khánh thành Tòa Thánh vào tháng 3 năm 1955, Đức Hộ Pháp ra lệnh sửa Báo Ân Từ thành đền thờ tạm Diêu Trì Cung. Vì Đức Phật Mẫu có công rất lớn trong việc mở đạo nên cô Bát Nương có giáng cơ tại Kim Biên cho Phật Mẫu Chơn Kinh. Đức Ngài có giảng:

“Kính Phật Mẫu cho tại Kim Biên, nơi Báo Ân Đường của Thừa Sư Huỳnh Hữu Lợi. Bản đạo đến nhằm lúc cúng vía Đức Phật Mẫu. Bà Bát Nương đến cầm cơ viết, có nhiều người làm chứng. Các Đạo hữu và một người không biết Đạo, đó là ông Hiếu ngồi trước sân chơi. Họ thấy từ phía đền có hào quang giáng hạ, xẹt xuống ngay Báo Ân Đường. Tôi chứng trọn bài kinh rồi cả thấy đều nói không biết cái gì xẹt khi nấy, không dè trong nhà đương chấp bút.”

Nhân dịp này Đức Ngài cũng cho các thợ công quả đắp tượng ở phía trên cùng là Đức Phật Mẫu ngồi chánh giữa, 2 bên là 4 vị Nữ Nhạc hầu Đức Phật Mẫu là:

- | | |
|--------------------|------------------|
| 1. Đồng Song Thành | 3. Hứa Phi Yến |
| 2. Vương Tử Phá | 4. An Phát Trinh |

Và Cửu Vị Nữ Phật. Ở dưới là tượng Đông Phương Sóc, nhà văn hóa đời Hán quì nâng 4 quả đào Tiên. Dưới nữa là tượng Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện Cổ Tự. Đức Hộ Pháp giảng như vậy:

“Hình của Đức Phật Mẫu đắp theo hình chưng công bộ Cửu Nương lần đầu tiên vào tháng 8 năm Đinh Hợi. Thầy có chỉ cho Chí Thiện Trạch, Trần Phong Lưu, và Tá lý Kiệt cất giữ coi theo đó mà làm mẫu theo sự tích đời Hán Võ Đế bên Tàu. Hồi đó mượn bức ảnh của bà Phối Sư Hương Hiếu.

Đức Phật Mẫu có từ thuở khai Thiên do khí Âm Dương tạo thành, có quyền năng vô đối, vô biên, vô lượng cũng như Đức Chí Tôn, hữu hữu vô vô, nắm trọn bí quyết

nhiệm mầu của Càn Khôn Vũ Trụ. Chớ không phải bí pháp biến thành thế pháp. Do hiện tượng sự tích đời Hán Võ Đế, đó chỉ là mượn ý tác hình, chớ Phật Mẫu vốn vô vi.”

Đức Ngài còn giảng về việc Hán Võ Đế cầu Phật Mẫu như sau:

“Vào tiết Trung Thu Rằm tháng 8 năm Ngọ, đầu giờ Tý, vua Võ Đế quì trước chùa thành tâm cầu khẩn. Đứng 12 giờ, thanh loan đáp trước sân Hoa Điện. Vua ra thỉnh Đức Phật Mẫu ngự tại chánh điện. Đức Phật Mẫu dạy 4 Nữ Nhạc trao 4 quả đào Tiên cho Hán Võ Đế và Đông Phương Sóc quì rước lộc.”

Sang năm 1954, Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp làm cố vấn tối cao để hoạch định cho chương trình Hội Nghị Genève. Đồng thời Ngài sang Pháp để đáp lời mời của Chánh Phủ Pháp trước kia mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Ngày 17 tháng Tư năm Giáp Ngọ (1954), các cơ quan đưa tiễn Ngài lên đường, Đức Ngài có nói:

“Hôm nay Bản đạo lấy sứ mạng Thiêng liêng đem ngọn cờ cứu khổ đến Châu Âu. Mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức Chí Tôn sẽ đem tình ưu ái vô biên của Ngài đặng an ủi tâm hồn các chủng tộc Châu Âu. Quyền năng vô tận của Đức Chí Tôn sẽ làm cho trường hỗn loạn trở nên thái bình.

Một điều trọng yếu nữa là cả thầy cầu nguyện thế nào cho ngọn cờ từ bi bao phủ trên mặt địa cầu này. Bản đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ Phụ hơn điều đó.”

Hôm Đức Ngài lên máy bay rời phi trường Tân Sơn Nhất, có nhiều chánh khách, chức sắc, chức việc ra tiễn đưa. Khi máy bay đáp xuống phi trường Orly, Pháp có rất đông quan khách đến đón Đức Ngài. Về phía Chánh phủ Việt Nam, có Phó Thủ Tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng Trưởng

Tài Chánh Dương Tấn Tài, đại diện Cao Ủy Phủ Vương Hồng Chương và Đỗ Hùng, rất đông Việt kiều ra đón Ngài. Về phía chánh phủ Pháp, có ông Thị Trưởng thành Paris, ông Plas và Mattei đại diện Bộ Trưởng Bộ Liên Hiệp Quốc.

Chiều ngày 21 tháng 5 năm 1954, Đức Hộ Pháp mở cuộc họp báo tại nhà hàng George V. Trong lúc dự tiệc, các đại diện báo chí phỏng vấn Ngài về đường lối chánh trị. Ngài trả lời:

“Bản đạo sang Pháp với danh nghĩa cố vấn tối cao của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Bản đạo sẽ gặp Đức Quốc Trưởng và sẽ thỉnh ý Ngài.”

Báo chí hỏi Đức Ngài có chống cộng không? Ngài trả lời:

“Chúng tôi là người tôn giáo, thay mặt Thượng Đế cứu vớt tất cả con cái Ngài, dầu kẻ tội lỗi nào cũng cứu vớt.”

Trưa hôm sau Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân, cựu Thủ Tướng, đến mời Ngài dùng cơm tại tư gia.

Ngày 23 tháng 5 năm 1954, Ngài đến Canne rồi tới điện Thorène gặp Đức Quốc Trưởng. Ngài tỏ vẻ hài lòng rồi trở về Paris cùng ngày, được Thủ Tướng Bửu Lộc và các chánh khách đưa ra tận ga Canne.

Trưa ngày 24 tháng 5 năm 1954, ông Laniel, Thủ Tướng Pháp tiếp Đức Ngài tại điện Matignon. Cùng đi với Ngài có ông Ngô Khai Minh, ông Nguyễn Văn Ba, và ông Hồ Bảo Đạo. Thủ Tướng Laniel tham khảo ý kiến riêng với Đức Ngài.

Trước khi Hộ Pháp sang Paris, bản Hiệp Ước Genève đã được đăng tải trên các báo. Người ta phao tin đã ký rồi, nhưng thật ra chưa ai ký. Các chánh khách đều trông vào Đức Ngài.

Ngày 25 tháng 5 năm 1954 ông Trần Vinh, Trưởng ban Nghi Lễ Cao Ủy Phủ Việt Nam, sắp chương trình cho Đức

Ngài đi viếng và làm lễ ở chùa thờ chiến sĩ trận vong Việt Nam Nogent Sur Marne. Đến chiều tối Ngài đặt tràng hoa nơi mộ chiến sĩ trận vong Pháp ở Arc De Triomphe. Tướng Collion, Tổng Trấn Paris thay mặt chánh phủ Pháp và quân đội nghinh đón, 2 bên đài có đoàn vệ quân bồng súng chào, giàn nhạc trời quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp.

Sau khi đặt tràng hoa lên mộ chiến sĩ vô danh, Ngài trở ra, các quan khách đưa tận xe. Việc đón tiếp như vậy là long trọng lắm, vì Đoàn Vệ Quân và giàn nhạc thường chỉ để đón tiếp các Quốc Trưởng mà thôi.

Tờ mờ sáng ngày 27 tháng 5 năm 1955, Ngài cho ông Hồ Bảo Đạo hay: đêm qua Ngài hội kiến với Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Đức Chương Đạo có dạy nhiều việc và cho một bài thi như sau:

*“Giờ điểm vinh quang đã khởi màu,
Giang sơn Đất Việt giá là bao?
Nền nhân Câu Tiên vừa che bước,
Cửa ải Phù Tang đã mở vào.
Mong lịch duyệt, nay đà lịch duyệt,
Muốn thanh cao, đã dặng thanh cao.
Tiên Rồng sắp đặt hồi phong vũ,
Thay đổi Càn Khôn thử thế nào?”*

Tiếp đó, Ngài đi viếng Điện Versailles. Chiều hôm đó, Bộ Trưởng Mécheri thay mặt Tổng Thống Pháp René Coty đến viếng Đức Ngài. Trước khi ra về, ông có nói Tổng Thống Coty mời Ngài sang viếng Điện Élysées. Sau đó Ngài nhường thời giờ tiếp xúc các Đạo hữu ở Pháp. Ông Henri Regnault, là người thay mặt Đạo Cao Đài dự nhiều hội nghị Thần Linh Học thế giới thay mặt người Pháp có Đạo đến chào Đức Ngài.

Ngày 28 tháng 5 năm 1954 Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng đến Điện Élysées, được Tổng Thống René Coty đón chào tại cửa. Ngài và Tổng Thống đàm luận, dự tiệc, rồi từ giả.

Hôm sau Thủ Tướng Lộc mời Ngài đến để chúc mừng trước thành quả mà Ngài ngoại giao đã đạt được và hứa sẽ mời Quốc Trưởng Bảo Đại lên Paris hội kiến với Ngài. Chiều hôm đó, giáo sư Gustave Meillon đến thăm Đức Hộ Pháp. Ông chăm chỉ lắng nghe từng câu từng chữ khi Đức Hộ Pháp giải thích về Đạo.

Ngày 30 tháng 5 năm 1954 là ngày Đức Hộ Pháp bận rộn nhứt, tiếp phái đoàn này, nhân vật nọ, xin ý kiến và thỉnh ý Ngài, như ông Đỗ Hùng, Thư Ký Hội Đồng Quốc Gia Liên Kết, giáo sư Pierre Max, và nhiều nhân vật chánh giới Pháp lắng nghe tiếng nói của Ngài.

Chiều ngày 31 tháng 5 năm 1954 Ngài đi viếng Điện Panthéon và có viếng mộ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Ngày 1 tháng 6 năm 1954 Ngài đi viếng Điện Invalides.

Ngày 2 tháng 6 Ngài viếng lâu đài Liên Quốc. Ông Mécheri, Tổng Thư Ký Hội Liên Quốc tiếp Ngài và nói:

“Đây là nhà chung của các quốc gia liên kết, có các cộng sự viên Việt, Miên, Lào,... Bộ Quốc Gia Liên Kết không phải là Bộ Thuộc địa trước kia.”

Ông Mécheri hứa với Ngài rằng ông sẵn sàng giúp đỡ Ngài trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng.

Ngày 4 tháng 6 nhân sinh nhật mồng 5 tháng 5 năm Giáp Ngọ của Đức Hộ Pháp, phái đoàn có tổ chức tiệc tại khách sạn George V, thiết đãi quan khách Việt Pháp, lãnh sự các nước và Việt Kiều hải ngoại. Giữa buổi tiệc, Ngài được

thông báo Thủ Tướng Laniel đã ký 2 bản hiệp ước về chủ quyền độc lập của quốc gia Việt Nam đúng ngày sinh nhật để làm quà cho Đức Hộ Pháp.

Trước khi Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam ngày 6-7-1954, ông Chevaul, Trưởng phái đoàn Pháp tại Hội Nghị Genève mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài dự buổi tiệc vào lúc 12 giờ. Khi chia tay, Ngài nhắc ông Chevaul một câu:

“Ne mettez pas vos doigts dans le panier des crabes.”

Nghĩa là *“xin ông đừng thọc tay vào giỏ đựng cua”*.

Lúc trong bữa tiệc gặp gỡ các vị đại diện của các tôn giáo cũng hội nghị về vấn đề tôn giáo, Đức Ngài được biết các đại diện tôn giáo của các nước họ chê bai và không đồng tình về cách cư xử của một nhà tu hành, họ cũng bất đồng về quan điểm và hành vi của một nhà đã xuất gia. Đó là Đại Đức Thérana vava.

Chuyện là mỗi khi Đại Đức dùng cơm là có kẻ đệ tử phục dịch cho Đại Đức một cách tận tình cho đến đôi phải quì xuống và đội mâm cơm trên đầu để dâng. Hình ảnh đó người Phương Tây cho là thái quá, mất quyền làm người, mất tự do và dân chủ. Nên họ phản kháng theo lẽ tự nhiên, bài xích Đại Đức và cho ông là không tôn trọng nhân quyền, không tôn trọng giá trị con người.

Thấy Đại Đức không có phương cách để giải tỏa, Đức Hộ Pháp tội nghiệp cho ông. Ngài mới đứng ra bào chữa, Đức Ngài nói:

“Thưa quý vị. Tôi biết quý vị rất bất bình về hình ảnh hạ mình để tôn trọng vị Đại Đức một cách quá cao cả như vậy. Tôi chỉ xin nhắc lại cái nguồn gốc của sự việc trên để quý vị hiểu thêm.

Chẳng qua là xưa kia, khi Đức Thích Ca đặc đạo trở về,

và Ngài bắt đầu cuộc hoằng hóa để giáo truyền Phật pháp, lòng mến mộ của thần dân trong nước đối với Ngài một là địa vị của một Thái Tử, hai là địa vị của một vị Phật. Người xứ ấy tôn trọng, kính mến đến đôi dâng cơm đội đầu. Từ đó thành ra cái lệ của xứ ấy rồi và truyền mãi cho đến ngày nay để dành cho các vị kế thừa Phật sau khi Phật tịch diệt. Cái lệ ấy được các đệ tử tự nguyện làm nhiệm vụ. Chớ thật ra vị Đại Đức có buộc họ làm vậy bao giờ. Xin quý vị hỏi thử xem có như vậy không? Ngay cả khi xưa kia, Đức Thích Ca đâu có bảo họ làm như thế bao giờ đâu. Tại họ mến, họ thương, họ kính trọng thì họ tỏ ra như vậy, ai cản được lòng người. Cũng vì lệ xưa mà thành truyền thống dành cho các vị đại đức chân tu, và cái hình ảnh mà quý vị thấy cũng không ngoài truyền thống nghi lễ của đất nước và dân tộc họ mà thôi. Đã là phong tục, tập quán thì làm sao mà trách được.”

Nghe Đức Ngài nói xong, tất cả quý đại diện tôn giáo như rõ ra, rồi thân thích với vị Đại Đức không còn ngăn cách nữa. Tối đến vị Đại Đức tìm đến nơi ở của Đức Ngài ôm vào lòng, cảm ơn Đức Ngài đã kịp thời bênh vực và tháo gỡ bế tắc về mỗi thiện cảm mà ông đã vướng mắc trong lúc sáng.

Đức Ngài có làm một bài thơ về chuyện đi này như sau:

“*ÂU DU 1954*”

*Cõi gió tung mây đến Pháp triều,
Đo lường vận nước được bao nhiêu?
Tương lai gởi phận tay tha chủng,
Mai một thương thân đám Việt Kiều.
Cứu quốc khó trông mong gặp Thuần,
An dân hết sở cậy nhờ Nghiêu.
Cho hay chánh nghĩa chưa cân đúng,
Máu mủ vì thương phải đánh liều.”*

Có một câu chuyện liên quan đến chuyến Âu Du này của Đức Ngài. Đó là ngày kia khi còn ở Nam Vang, Đức Hộ Pháp đang đi cùng mọi người, xe đang chạy trên đường thì tự nhiên tắt máy. Xe phải dừng để sửa. Ngay chỗ xe dừng lại gần một ngôi nhà sang trọng. Vị chủ nhà là một người đàn bà. Thấy trời trưa nắng nên mời mọi người vào nhà nghỉ mệt. Ngài cùng mấy ông đi theo vào nhà, còn vài người ở lại sửa xe.

Sau khi hỏi thăm đôi điều, Ngài nhìn sắc mặt bà chủ nhà xanh xao, Ngài biết ngay là người này bị bệnh liên quan gì đó với người cõi âm. Ngài ngơ ý hỏi:

“Thưa bà, dường như bà bệnh. Nhà thì khá giả, chắc cũng đã đủ thuốc thang chạy chữa mọi điều mà lại không được hết là vì sao vậy? Bà đừng ngại, cứ nói thật đi, nếu giúp được bà tôi sẽ cố gắng giúp cho.”

Bà chủ nhà hết sức ngạc nhiên, thầm nghĩ sao mà Ngài đoán được. Bà ấy nhìn Đức Hộ Pháp thật lâu rồi như có một tin gì đó rồi nói:

“Tôi có người chồng là người Pháp đã chết, nhưng đêm hôm lại về ăn ở với tôi. Cho nên thuốc thang gì cũng không hết bệnh mà cũng không thấy nào trị được.”

Nghe vậy Ngài mới nói:

“Được, nếu thật là vậy tôi có thể giúp cho bà. Bà hãy sắm cho một bình bông và một tô nước lạnh dọn lên bàn, ngoài ra không còn gì nữa.”

Bà chủ làm y theo lời dặn. Lúc bấy giờ Đức Hộ Pháp hành pháp kêu tên người chồng và lệnh cho ông chồng về nói chuyện cùng Ngài. Đức Ngài nói bằng tiếng Pháp như vậy:

“Mình là một người dân một nước đại Pháp, là một nước có tiếng văn minh. Việc chồng vợ ở đời ai cũng vậy, chỉ

có bao nhiêu đó mà thôi. Có đâu bạn đã bỏ xác rồi sao không lo cho con đường siêu rỗi phần hồn của mình mà lại nuôi tiếc, vẫn vờn với người còn sống, chẳng lấy gì làm hay ho mà phải khiến cho họ phải đau bệnh khổ sở vì mình. Mình chết đã yên phận mình, còn đeo đuổi làm chi cho lụy người còn sống vậy. Từ đây bạn nghe lời tôi, đừng gán gửi với người vợ ấy nữa, hãy để cho người ta được tự do mà định phận của mình, còn bạn thì định phận cho bạn nơi Tam Kỳ Phổ Độ có hơn không?”

Nói xong Đức Hộ Pháp lấy nhánh bông chấm vào tô nước vụn trên đầu bà chủ nhà. Xong việc thì xe cũng vừa sửa xong, Ngài từ giả ra đi.

Một thời gian sau trên đường về Việt Nam, Ngài muốn ghé lại thăm người đàn bà ấy coi có hết bệnh chưa. Bà ấy đã khỏi bệnh, gặp lại Ngài cùng mấy ông bà ấy mừng và đón tiếp rất chu đáo. Bà ấy nói với Ngài rằng:

“Kể từ lúc Thầy đi chồng tôi không về nữa. Bệnh đã khỏi hẳn, tôi đã phục sức, khỏe khoắn nhẹ nhàng như bình thường. Tôi xin lạy tạ Thầy để đáp ơn.

Tôi biết Thầy là nhà tu nên mới có quyền năng với người chết. Tôi không biết lấy gì để đền đáp công ơn, nếu phải là tiền của chắc chắn là Thầy không nhận. Tôi xét thấy không có gì hơn là biếu tặng Ngài quyển sách, đối với tôi thì không hữu ích chi nhưng đối với chồng tôi thì rất là quý trọng. Chồng tôi thường xem sách ấy và nói rằng chỉ giới quý tộc mới có mà thôi. Chồng tôi cũng thuộc dòng quý tộc. Vậy chồng tôi đã chết, quyển sách để đây không có giá trị gì, tôi xin tặng Ngài làm vật kỷ niệm, biết đâu hữu ích cho Ngài.”

Đức Ngài nói có lẽ Chí Tôn đã sắp đặt trước mọi chuyện nên tạo duyên gặp làm ơn để nhờ cuốn sách mà bà chủ nhà đó tặng, nên đã giúp cho chuyến Âu du lần này của Ngài

thành công mỹ mãn. Quyển sách ấy giúp Ngài hiểu rõ về xã hội Pháp, hiểu rõ mọi sinh hoạt của giới quý tộc và người dân bình thường. Do đó, trong chuyến đi vừa qua người Pháp rất kính nể Ngài. Vì trước mắt họ một người Việt gốc Á mà lịch lãm đến lạ thường, thông hiểu mọi sự hầu như tất cả về nước Pháp. Chính vì thế mà Đức Hộ Pháp đã để lại một ấn tượng đặc biệt đối với người Pháp.

Ở Genève khoảng 1 tuần, cuộc vận động hòa bình của Đức Hộ Pháp không đem lại kết quả mong muốn, nên phái đoàn trở về Paris. Quốc Trưởng Bảo Đại mời Ngài đến diện kiến và yêu cầu Đức Hộ Pháp ủng hộ Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền Thủ Tướng Chánh Phủ Miền Nam thay Bửu Lộc. Để vừa lòng Bảo Đại, Ngài cho Sĩ Tải Bùi Quang Cao và Tướng Lê Văn Tấn trở về nước vận động đồng bào, đồng Đạo đón rước Ngô Đình Diệm.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Đức Hộ Pháp cùng phái đoàn trở về Việt Nam, sau 2 tháng sang Pháp tìm cách giải quyết về nền hòa bình cho đất nước khỏi chia đôi bất thành.

Thời gian Đức Hộ Pháp ở Paris, có đến viếng xã giao vị Lãnh Sự Trung Hoa, Đài Loan. Nên khi về nước không bao lâu, Ngài được thư mời của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch sang viếng Đài Loan. Phái đoàn gồm có Ngài, Sĩ Tải Bùi Quang Cao và một ít chức sắc Đường nhơn.

Khi phái đoàn lên đường, trước các cơ quan Đạo, Ngài có nói:

“Hôm nay Bản đạo lãnh một sứ mạng mới do ý muốn của Đức Chí Tôn. Bản đạo vừa được chánh phủ Trung Hoa mời sang Đài Loan. Chủ đích của họ mời Bản đạo chỉ vì Đạo mà thôi.

Bản đạo được danh dự của Đại Từ Phụ ban cho cầm

cây cờ cứu khổ để giải khổ cho hơn loại. Mình đã đau khổ mà lãnh sứ mạng thiêng liêng để an ủi đau khổ của thiên hạ. Điều ấy làm cho chúng ta suy ngẫm lắm đó.”

Sau khi viếng Đài Loan, Ngài sang Đại Hàn thăm xá giao rồi sang Nhật để rước tro cốt Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, đích tôn của Đông Cung Thái Tử Cảnh về nước. Khi về đến sân bay Tân Sơn Nhất, Ngài nói:

“Đức Cường Để đã hy sinh cuộc đời nơi đất khách, cốt theo đuổi một mục đích là làm thế nào để phục hồi vận mạng tổ quốc độc lập được thực hiện. Ngài cũng như Bản đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn Bản đạo, là chẳng lúc nào Ngài phân biệt màu sắc chánh trị, đảng phái, đoàn thể, tôn giáo...”

Đau đớn thay, trên 40 năm lưu vong nơi đất khách, Ngài theo đuổi một ước vọng mà Ngài không đạt được. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài thành người thiên cổ nơi đất khách quê người.

Hôm nay, di hài của Người đã được đưa về nước. Do đó khối anh linh của Ngài sẽ cùng hòa hiệp với khối quốc hồn của 4000 năm lập quốc.”

Ngày 20 tháng 9 năm Giáp Ngọ (1954), Ngài về tới Tòa Thánh và tuyên bố trước toàn Đạo:

“Tiếp theo lời tuyên bố của Bản đạo khi về đến Sài thành, Bản đạo không cần nhắc lại, cả một đời sống hy sinh của Ngài mong tạo hạnh phúc cho tổ quốc mà phải chịu biết bao nhiêu gian khổ cũng vì lòng ái quốc của Ngài. Cả thanh niên Việt Nam nên khi nhớ những lời nhắn gởi của Ngài. Trước nữa giờ chết, Ngài còn rón gối dậy nhắn cho toàn thanh niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc.”

Từ ngày mùng 6 đến ngày 16 tháng Giêng năm Ất Mùi (1955) là lễ khánh thành Tòa Thánh kéo dài suốt 10 ngày.

Số người từ các tỉnh về tham dự lên đến hàng triệu người, còn số khách vãng lai đến xem có đến khoảng gấp đôi số ấy.

Vào ngày mùng 8 tháng Giêng, là ngày chánh lễ, ở sân Đại Đồng Xá bề ngang 40 thước, bề dài 80 thước, 2 khán đài nam nữ mỗi cái chứa trên 20 ngàn người đã chập nức. Trên hàng ghế danh dự ngoài Đức Hộ Pháp, còn có Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, các Đại Sứ các nước. Sân Đại Đồng Xá đã đầy người, các đạo hữu đến sau phải đứng tạm trong rừng thiên nhiên, phía sau 2 khán đài chánh.

Trong cuộc lễ, Đức Hộ Pháp lên Thiên Hỉ Đài thuyết giảng:

“Hôm nay là ngày kỷ niệm Đạo Cao Đài đã ra mặt quốc tế. Nó đã ra mặt quốc tế rồi, thì ta cũng nên luận về tình hình đương thời của các liệt cường.”

Giờ Tý đêm đó, Hội Thánh rước Đức Hộ Pháp cắt băng khánh thành, pháo bông rực cháy hiện dòng chữ:

***“ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.
LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH.”***

Và khởi hành ngay đại lễ trong Chánh điện.

Hôm sau, lễ khánh thành Đền Thờ Phật Mẫu, tạm thời tại Báo Ân Từ. Đến ngày 12 tháng Giêng thì khánh thành các dinh thự như Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Nội Chánh, Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện. Đức Hộ Pháp có nói:

“Khởi đầu, Bản đạo đi viếng các dinh thự: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Bản đạo cho toàn chức sắc đương quyền hành chánh Đạo được rõ mục đích của Hội Thánh Phước Thiện do đâu mà sản xuất. Trong Pháp Chánh Truyền, Chí Tôn lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu

Trùng Đài. Trước khi Chí Tôn đến giao truyền mới Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem cơ cứu khổ để lại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả Cửu nhị ức Nguyên Nhơn. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài. Chỉ có 15 người gồm Thập nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh, và Bản đạo. Trong số 15 vị chỉ có 4, 5 vị lãnh lĩnh mà thôi. **Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp. Hội Thánh Phước Thiện thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ, giải khổ cho nhơn loại, mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lĩnh có 4-5 vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được. Bản đạo chỉ lấy bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành:**

**‘Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.’**

‘Vì bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà Bản đạo mới lập ra Phạm Môn rồi sản xuất Thập nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng vị.’

Đến ngày Rằm tháng Giêng năm đó làm lễ thiêu xác các Thánh tông đồ, vì theo Thánh Ngôn chư chức sắc Đại Thiên Phong qui vị 3 năm thì thiêu xác. Đức Hộ Pháp thuyết minh về việc này như sau:

“Cả toàn thế quốc dân của chúng ta, hạng đại đức cũng nhiều, hạng học thức cũng đông, nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không giành chỗ cho ông Lê Văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Bá Trang? Ngọn lửa sẽ thiêu xác các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngọn lửa thiêng, nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao Đài, đặng kêu gọi cả nhơn loại tìm một con đường giải thoát. Con đường cứu khổ của họ mà

cũng là ngọn lửa thiêng liêng dịu dẫn cả tâm hồn con cái Đức Chí Tôn, luôn cả Thánh Thể của Ngài nữa.”

Xen trong cuộc lễ khánh thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn nghệ, lửa trại, hòa nhạc, đấu bóng, cộ bông,... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân hoan và tin vào tương lai rực sáng của toàn thể tín hữu.

Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm từ già ra về, Đức Hộ Pháp nhắc nhở Thủ Tướng nhớ sớm quốc gia hóa quân đội Cao Đài. Thế nên chánh phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lệnh quốc gia hóa quân đội Cao Đài vào ngày 2 tháng 5 năm 1955. Từ đó, Đức Hộ Pháp từ vị Thượng Tôn Quản Thế do Thánh Lệnh số 704/VPHP vì Đạo không còn quân đội nữa.

Ngày 22 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (1954), Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đăng Tiên. Đức Hộ Pháp đã biết trước nên trong đêm đó, Ngài sai mấy vị Bảo Thể nhớ coi chừng Khai Pháp. Nhưng mấy vị Bảo Thể không để tâm. Đến rạng sáng ông Khai Pháp té chúi nhủi xuống bực thêm của văn phòng Hiệp Thiên Đài chết. Đầu ông chúi xuống đất, chân thì trên bực thêm. Đức Ngài rầy mấy vị Bảo Thể rồi nói:

“Pierre tôi ngày liễu đạo cũng như tiên kiếp vậy.”

Một ngày sau khi mất ông có giảng cơ tại Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài lúc 8 giờ tối ngày 23 tháng Giêng như sau:

“KHAIPHÁP TRẦN DUY NGHĨA.

Tê tặng xin chào quý bạn, qua chào mấy em.

Chẳng phải lẽ sống là hạnh phúc cõi trần gian, nếu biết thì quý bạn cũng đã mừng cho tê tặng rồi. Cái phàm thể chẳng qua là đồ mục đầu đáng gì. Chính lúc sanh tiền tê tặng cũng lâm lẫn đó. Vậy xin cảm bái lòng tri ngộ của Đức Hộ Pháp và cảm tạ quý bạn cùng Hội Thánh. Các em cũng vui mà lo

tròn trọng trách nghe. Xin để lời chào mừng bốn quyền.

Sáu mươi sáu tuổi có bao lâu,
Ngãnh lại trần gian chứa măn sâu.
Tiếc lúc về già đời mỗi mắt,
Dầu an Tiên cảnh vẫn đeo sâu.”

Đến ngày 26 tháng Giêng ông có giảng cơ nói rõ về sự ra đi của mình như sau:

“Thấy mấy em nhọc nhằn qua không vui chút nào. Sự sanh ly tử biệt là thường của thế gian. May duyên qua được diễm phúc thọ hồng ân của Đức Chí Tôn và Đức Từ Mẫu mà qua được biệt đãi, chớ thật ra qua với mấy em đâu có khác gì.

Nhớ lại lúc anh em chúng ta chung trí để làm việc mặc dầu có nhiều sơ sót vì chúng ta không phải là chuyên môn nhưng có nhiều đặc sắc. Ngày về, qua được Đức Chí Tôn ban ân khen thưởng, đó là công nghiệp của mấy em. Vậy qua xin thành thật cảm tạ ơn triu mến đã làm nên sợi dây thân ái giữa chúng ta thêm bền chặt. Qua xin mấy em vui lòng với qua nghe.”

Thừa Sứ bạch:

“Đức Hộ Pháp muốn rõ lúc Ngài qui vị.”

Khai Pháp Nghĩa:

“Đức Ngài muốn biết rõ để răn phạt em Bảo Thế có phạm sự bữa đó.”

Thừa Sứ bạch:

“Phải lúc 4 giờ Ngài đi tiểu trở vô mới té phải không?”

Khai Pháp Nghĩa:

“Không phải, lúc ấy vào lối 3 giờ hơn. Qua thấy chột da và không muốn làm phiền mấy em Bảo Thế nên qua tự mở

của định vòng ra ngã sau. Vừa đến tam cấp có luồng gió lạnh đập mạnh vào nên té luôn mà rời xác. Đó là anh Cao Thượng Phẩm đến đem qua về.”

Thừa Sử bạch:

“Có lẽ khi té Ngài trần trở một lúc rồi mới đi?”

Khai Pháp Nghĩa:

“Đi liền. Qua bị còn một chút nợ nên phải trả bằng cách ấy cho trọn đầy thôi, chớ chẳng phải rủi ro chi cả. Mấy em an tâm, nếu Đức Hộ Pháp có hỏi thì bạch giùm qua, chớ để em Bảo Thế bị phạt thì oan cho nó lắm. Thôi khi khác qua sẽ đàm đạo nhiều. Qua kiếu mấy em.”

Lẽ ra đêm ấy có vị Bảo Thế theo săn sóc sức khỏe cho ông Khai Pháp, nhưng lúc đang đêm ông ra ngoài một mình bị té rời đấng Tiên. Theo lý lỗi ấy qui vào trách nhiệm của vị Bảo Thế nhưng ông đã thanh minh cho rồi. Ông nói còn chút nợ đó là nói về tiền kiếp Thánh Pierre đã 3 lần chối Chúa, khi chết bị đóng ngược đầu trên thập giá. Kiếp nầy ông làm Khai Pháp, cũng bị té chúi nhủi rồi đi luôn.

Trong buổi lễ di liên đài của ông nhập bửu tháp, Đức Hộ Pháp có phát biểu để tưởng niệm và cũng để tuyên dương công nghiệp của ông trích ra như vậy:

“Đức Khai Phai Pháp Chơn Quân cả toàn Thánh Thế và con cái Đức Chí Tôn đều hiểu là ai. Trong 12 vị Chơn quân của 12 con giáp là cơ huyền bí tạo Càn Khôn vũ trụ thế nào, có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí Tôn hiểu thấu. Bản đạo lại thêm một điều trọng hệ hơn hết, Người không phải xa lạ với hơn loại nơi mặt địa cầu này, Người đã cùng làm bạn với hơn loại và chịu khổ cùng hơn loại. Ngài là một bậc yếu nhân đã giúp Đức Chí Tôn tạo dựng một nền văn minh hiện tại. Bản đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một vị

yếu nhân đã cầm quyền về tinh thần của nền văn minh. Ngài tái kiếp, sứ mạng của Ngài là không chỉ khác hơn là làm thế nào cho nền văn minh ấy chung hiệp các nền văn minh tối cổ trên mặt địa cầu này, làm cho thiên hạ thống nhất về tâm hồn, thống nhất về đạo đức.

Thật sự hôm nay, Đức Khai Pháp Chơn Quân đã hưởng trọn hạnh phúc mà Bản đạo đã tỏ ra khi nãy đó, cái hạnh phúc chơn thật của Ngài hôm nay được hưởng, trái lung lại, chúng ta buồn thảm chia ly về phần xác, mà Bản đạo lấy làm hân hạnh vui hứng thấy Ngài đã đoạt đạo. Đức Khai Pháp Chơn Quân đã đoạt đạo tại thế này đó vậy. Bản đạo làm chứng cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn điều ấy.”

Khai Pháp Trần Duy Nghĩa là do Thánh Pierre chiết chơn linh giáng phạm để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo. Đức Hộ Pháp có kể lại những khó khăn của ông trong quãng thời gian hành đạo, cũng như những ngày tháng lưu đày nơi hải đảo nhân dịp lễ Đại Tường như vậy:

“Hôm nay là ngày lễ Đại Tường của Đức Khai Pháp Chơn Quân. Bản đạo không cần minh tả, tướng toàn thể con cái Đức Chí Tôn mến tiếc Ngài là một vị Chơn Linh Nguyên Nhân của Đức Chí Tôn đã định. Nhắc lại công nghiệp của Ngài, Bản đạo cảm giác vô cùng. Sự cảm giác của Bản đạo đối với Ngài không giờ phút nào Bản đạo quên được cái công cực khổ đáo để của Ngài đối với Bản đạo.

Bản đạo chắc chắn rằng, trong chức sắc Hiệp Thiên Đài Bản đạo chỉ nhờ Đức Khai Pháp nhiều hơn hết. Đó là bằng chứng hiển nhiên. Ngày nay, Ngài đã qui Thiên thì nền Đạo đã bớt hết một cánh tay gánh vác sự nghiệp Thiêng liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế này. Bản đạo thấy cái sống ở đời của Đức Trần Khai Pháp trong buổi sanh tiền chưa có

hưởng hạnh phúc hay thú vị gì cả. Sự nghiệp giàu sang, vinh hiển cũng không màng, chỉ nguyện đem cái xác thân này hiến trọn vẹn nơi cửa Đạo.

Đức Chí Tôn đã lựa sắm hồi nào mà chính mình Đức Chí Tôn lựa sắm thật là xứng đáng. Trong buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy:

‘Con muốn ra gánh vác sự nghiệp Thiêng liêng, lập nền Quốc Đạo, trước hết con phải lập Pháp cho xong thì Đạo mới vững bền được.’

Buổi nọ, Bản đạo để trọn vẹn cho Đức Chí Tôn lựa, chớ không phải phạm lựa. Khi được cơ bút dạy đi tìm Khai Pháp tại tỉnh Gò Công, Bản đạo chưa từng đến, mà cũng không làm bạn với một người nào nơi tỉnh ấy, nhưng cũng vàng lệnh đến tìm. Hỏi thăm thì đã trúng ngay nhà ông Trần Duy Nghĩa.

Vừa gặp Người đứng trước thêm nhà, hỏi thăm thì Người nói:

‘Tôi là Trần Duy Nghĩa.’

Nói rồi mời Bản đạo vào nhà. Bản đạo không ngần ngại và để đức tin nơi Quyền Thiêng Liêng, bèn tả hết công việc thì Ngài hứa tình nguyện một điều là hủy cái đời giàu sang vinh hiển để nạp mình vào nơi cửa Đạo. Bản đạo chưa tin, còn hồ nghi bị chúng gạt. Khi về đến Sài Gòn, Ngài chỉ xách theo một gói đồ trên tay và không trở về gia đình lần nào.

Bản đạo đưa bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn bảo đi tìm Ngài, thì Ngài nói với Bản đạo 2 câu làm cho Bản đạo kính phục và cảm tưởng mãi nơi tâm, biết rằng ông này có thể chung sức với mình gánh vác nỗi sự nghiệp của Đức Chí Tôn giao phó. Ngài nói rằng:

‘Tôi tưởng dòng dõi dân tộc Việt Nam 4000 năm đã

chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn định lập Quốc Đạo thì chắc chắn rằng đất nước Việt Nam sẽ sống lại được mà cứu tổ quốc và giống nòi Việt Nam khỏi ách nô lệ giữa thời Pháp thuộc bạo hành.'

Kể từ đó, Ngài vẫn cương quyết lo giúp Bản đạo với một sự kính nể đáo dể, không giờ phút nào Ngài xa Bản đạo. Không nhắc đến thì thôi, mà nhắc đến làm cho giọt lệ của Bản đạo tuôn chảy không ngừng. Chẳng phải riêng Bản đạo mất một người ân trọng nghĩa thâm, mà toàn Đạo nam nữ thấy đều mất một người bạn yêu mến thiêng liêng đó vậy. Nhờ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bản đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiển hết lòng phụng sự Bản đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bản đạo đáo dể. Có người dựa quyền lợi theo thuyết Cộng sản, dùng sức mạnh trở lại khổ khốc Bản đạo mà chưa vừa lòng. Họ còn xúi giục chánh quyền đày Bản đạo lên nguồn cao nước độc để giết Bản đạo một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ Quyền Năng Thiêng Liêng giúp sức thì Bản đạo không thể trở về tổ quốc Thánh địa nước Việt Nam ngày nay. Tội nghiệp em Thánh Hiển với Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh cũng tính kể đi theo nuôi dưỡng Bản đạo cho được. Thánh Hiển vì đi theo Bản đạo uống nước độc mà bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bản đạo và Ngài. Ngài ôm Bản đạo mà khóc, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn đem về đất Thánh cõi xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai.

Khi trở về Thánh địa, Bản đạo gương làm vui chớ kỳ thật riêng Ngài Khai Pháp và Bản đạo không giờ phút nào quên cảnh tù đày lao khổ. Bản đạo thấy con cái Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bản đạo ôm lòng nín chịu, cắn

dẫn Ngài không thốt ra lời nói gì cả. Bản đạo sợ nói ra đây gây oán chuốc hờn thêm cho Đạo. Nếu Bản đạo nói ra chắc không bút mực nào tả hết, lại gây thêm xung đột.

Kể từ ngày về Thánh địa, Ngài Khai Pháp thường than thở với Bản đạo, vì sợ e gây cảnh nổi da xáo thịt, bên ngoài thì Pháp, bên trong thì Việt Minh, ở giữa thì quân đội Cao Đài. Ai vui hưởng, chớ riêng Ngài không có ngày nào không lo sợ, sợ đổ máu giết chóc lẫn nhau, lần đến tương tàn cốt nhục của nòi giống Việt Nam ta nữa mà chớ.

Sau ngày Trung Tá Trấn (Truyền Trọng Phạm Ngọc Trấn) Thánh Vệ Trưởng bị quân đội Thành ám sát, Ngài thường đến Trí Huệ Cung ôm Bản đạo vào lòng, khóc và than rằng:

‘Thầy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi. Tôi hằng than thở với Thầy từ nơi hải đảo là nơi chúng dày khổ thân. Thầy trò mình tưởng về đất Thánh địa được yên vui, nào dè có quân đội cho nên mới ra nổi này!’

Than rồi khóc, rồi Ngài vịn níu lấy Bản đạo mà nói:

‘Thầy ôi! Vì lời khuyên xưa kia, Thầy trò mình mới về diu dặt con cái Đức Chí Tôn mà họ đâu thấu đáo tâm trạng, nay Trấn đã chết rồi thì tôi thấy còn nhiều thảm họa dẫy đầy, tự gây phản bội mà làm ly tán, thì bây con đại của Đức Chí Tôn phải sống nơi nào cho an phận. Thưa Thầy! Thà Thầy trò mình ở lại vùi thân nơi chốn tù đày hải đảo rừng xanh nước độc, còn thú vị hơn về đây thấy cảnh đổ máu không lịch sử, dòng dõi chủng tộc Việt Nam phải ly tán, tiền đồ tổ quốc không dựng lại, mà hơn loại phải chịu cảnh sắp điếu tàn, nên Đạo chính nghiêng bởi cảnh đó.’

Nghe qua những tiếng nói thảm thiết làm cho giọt lệ Bản

đạo đã chảy theo không ngừng, nhưng Bản đạo cố gượng cho khuây khỏa. Hồi nghĩ lại, Bản đạo gượng làm vui, mượn cố cho Ngài bớt buồn râu đầu thắm:

‘Không anh à! Mấy em nó vì đầu óc thanh niên, không phải như mấy anh lão thành vậy đâu. Vì máu nóng còn đua tài chác lợi, quyền trọng tham danh chó buộc cả thầy như quý anh sao được.’

Bản đạo thấy Ngài buồn, kiếm chước cho vui đỡ, và lần lượt kiến tạo Trí Giác Cung đặng khuyên Ngài vào ở đó cho yên tĩnh, cho bớt thấy cảnh thảm họa trên diễn trước mắt hằng ngày.”

HỒI THỨ MƯỜI BA: “TUỔI ĐÃ BẢY MƯƠI CŨNG ĐỦ RỒI”

HÀO NHỮNG NĂM 1953–1954, CHIẾN SỰ ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐANG HỒI QUYẾT LIỆT. TÒA THÁNH TRỞ thành cái nôi bảo sanh cho trí thức, thanh niên khỏi bị Pháp bắt đem nướng vào chiến trường miền Bắc. Các chánh khách lũ lượt kéo về Thánh Địa như Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu, Vũ Tam Anh,... Đạo phải lập nhà Quốc Sự Vụ cho họ tá túc. Các khoa bảng như Trần Văn Tuyên, Nhị Lang, Phạm Xuân Thái, Hồ Hán Sơn,... Các trí thức khác làm trong các cơ quan Đạo hoặc dạy học như Chu Văn Bình (tức Chu Tử), Trương Bảo Sơn (sau chủ nhiệm tạp chí Tân Phong), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Quyết,... nhứt là các thanh niên trong tuổi lính. Họ về Thánh Địa núp dưới bóng cờ Đạo Kỳ kéo theo sự di cư của gia đình về Tòa Thánh. Do đó mà số tín đồ tăng lên đột ngột. Thống kê của Lại Viện năm 1953 có khoảng 1.500.000 tín đồ không kể chi phái. Đến năm 1954 tăng lên gần 2.500.000. Đó là những người Đạo từ 18 tuổi trở lên phải nhập môn lập thế, có Sớ Cầu Đạo hẳn hoi, chưa kể vị thành niên. Đền Thánh bất cứ thời nào, nhứt là thời Tý chật ních người, phải ngồi cả ngoài sân để cúng và nghe Đức Hộ Pháp thuyết đạo.

Với số lượng tín đồ đông đảo như thế, Đạo Cao Đài trở thành mối nguy hại cho những tên có dã tâm muốn thâm tóm quyền lực. Nên chúng phải nghĩ ra nhiều cách để cản trở không cho Đạo Cao Đài phát triển hơn nữa, và từng bước thực hiện kế hoạch tiêu diệt Đạo.

Nhờ viện trợ của Mỹ, Ngô Đình Diệm vận động phá

vỡ “*Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia*” bằng cách mua chuộc và chia rẽ các lực lượng giáo phái. Phòng Nhì của Diệm đã bỏ ra 100 triệu để mua chuộc Nguyễn Thành Phương (người này chưa nhập môn theo Đạo), và Năm Lửa. Cố vấn Ngô Đình Nhu ra lệnh cho Nguyễn Thành Phương kéo quân lên Tòa Thánh để thanh trừng những phần tử Cao Đài chống đối chế độ độc tài gia đình trị. Trong khi Phương bao vây Hộ Pháp Đường không cho Đức Hộ Pháp trốn thoát, một số cựu quân nhân do Đại Tá Huỳnh Thanh Mừng (sau trận này ông đi theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) chỉ huy binh sĩ chống lại hành động của Phương chiếm đóng vùng chợ Long Hoa đến cửa số 6. Đại Tá Mừng cho đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa Viện, nhứt quyết một còn một mất với Phương. Nhưng chẳng may Đại Tá Mừng bị bộ hạ của Phương phục kích bắn gãy một cánh tay, khiến cuộc tranh chấp đôi bên quyết liệt hơn nữa.

Nhóm thứ ba do Thiếu Tá Nguyễn Văn Đồn và Nguyễn Văn Mạnh chỉ huy, kéo quân vào đóng trong Nội Ô Tòa Thánh, tuyên bố là sẽ ngăn chặn 2 nhóm kia hầu tránh cảnh lưu huyết vô lối.

Trong tình hình đó, để tránh viễn cảnh máu đổ giữa đồng Đạo và làm cơ cho cường quyền Ngô Đình Diệm chiếm Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp ra “*Bản Tuyên Ngôn*” vào ngày 23 tháng 8 năm Ất Mùi (1955) có nói như sau:

“Cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển ấy là lẽ hằng, Bản đạo khuyên cả con cái Đức Chí Tôn bình tĩnh, sáng suốt, chờ Hội Thánh giải quyết. Nhất là mấy em, nam cũng như nữ, ráng gìn giữ gia đình và đạo tâm của mình và chi chi cũng chờ lệnh Hội Thánh.”

Một số thiếu nữ trong Đạo cũng bị câu lưu mấy tháng, bị

ép buộc phải khai nhiều điều khiếm nhã cho Đức Hộ Pháp.

Ngài bị cầm lỏng tại Hộ Pháp Đường, xung quanh có quân đội võ trang canh phòng từ ngày 20 tháng 8 năm Ất Mùi (1955) đến ngày mùng 5 tháng Giêng năm Bính Thân (1956). Rồi sau đó vì quá buồn tủi cho cảnh đồng Đạo tương tàn, Ngài buộc lòng cùng nhiều chức sắc tùy tùng rời Thánh Địa lúc 3 giờ sáng ngày ấy, đến thủ đô Miền Quốc.

Sự kiện này cũng không mấy làm lạ, vì Ngài đã từng khuyến cáo cấp chỉ huy quân đội Cao Đài:

“Các con là lửa Tam Muội. Lửa dữ trừ được Ma Vương mà cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa Thánh, nên Thầy không cho các con ở trong Thánh Địa, hãy ra ngoại vi đồn trú.”

Đức Hộ Pháp ra đi để làm cho các phe phái đối lập không còn lý do gì tranh chấp với nhau. Dự kiến này được giữ kín, ít ai biết. Thế mà nhóm Mừng, Đờn, Mạnh cũng đoán được, nên họ đề nghị dọn đường rừng đưa Đức Ngài đi để tránh sự săn đuổi của tướng Phương. Đức Ngài lặng lẽ và làm theo kế hoạch của riêng mình.

Trong quyển “*Một Chuyến Đi Lịch Sử*”, ông Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa có kể lại như sau:

“Trong ngày mùng 4 tháng Giêng năm Bính Thân, Đức Ngài cho sắp xếp mọi hành trang vào xe Chevrolet, nhưng khi hỏi lại giấy xe thì kiểm không ra, khiến cho tài xế xe Hồ Tấn Lực bị quở. (Chứng lên tới Nam Vang mới hay là cô Tư (1-Phạm Hương Tranh) lấy đem đi Nam Vang trước.

Đến 5 giờ chiều, Đức Hộ Pháp mới cho tôi hay việc này. Tôi mới lật đật chạy ra Tây Ninh kiểm thử làm tờ có mất giấy xe để tạm dùng đi đường, nhưng vô hiệu quả, vì đã hết giờ làm việc. Lúc về trời đã tối, Đức Hộ Pháp dạy dọn đồ vật qua xe của bà Tám (2- Phối Sư Hương Nhiều) để đi vì xe

này có giấy tờ đầy đủ.

Đồng thời nhóm Huỳnh Thanh Mừng từ trong núi đi xe jeep ra, định rước Đức Hộ Pháp đi ngã đường rừng vì họ đã dọn đường và cho phục kích rồi. Nhưng xe của họ chạy đến cầu Kỹ Nghệ thì chết máy mà sửa hoài không chạy được, buộc lòng cho người ra xin tôi gọi xe vô rước họ. Trời khiến lúc đó không có chiếc xe nào ở nhà, nên họ đành chờ sáng mới ra đặng thì Đức Hộ Pháp đã đi hồi khuya rồi...

Bên chiếc xe của Đức Hộ Pháp có 7 người. Ở ghế trước có Giáo Hữu Cửa làm tài xế, kế bên là cô Hai Đạm, em Ba Hiệu theo để hầu Đức Hộ Pháp. Ở phía sau, Đức Hộ Pháp ngồi giữa, bên trái là tôi, bên mặt là Trung Tá Lê Văn Thoại và con cả của tôi là Bạch ngồi trên góì đờ. Đức Hộ Pháp và tôi thì mặc đạo phục, ông Thoại mặc áo dài trắng, em Bạch mặc đồ Hương Đạo, còn Giáo Hữu Cửa, cô Đạm, em Hiệu thì mặc thường phục.

Theo sau xe có chiếc xe của chức sắc Phước Thiện, trong đó có ông Trưởng Tộc Phạm Văn Út và vài vị khác tôi không nhớ. Họ đưa Đức Hộ Pháp lên đường, bà Tám ở lại một mình rất buồn ngủ.

Trước khi ra đi, tôi có bạch với Đức Hộ Pháp có cần để lệnh gì dạy Hội Thánh hay không? Đức Ngài nói không và dạy tôi viết văn tắt vài hàng báo tin rằng Đức Hộ Pháp đã đi Nam Vang rồi...

Vào lối 2 giờ khuya, xe ra cửa hông bên tay trái Hộ Pháp Đường. Xe Đức Hộ Pháp ra trước, xe chức sắc Phước Thiện ra sau, vẫn mở đèn sáng, nhưng không hiểu sao tốp lính của Nguyễn Thành Phương đứng gác nơi bót trước Hộ Pháp Đường ngủ say không hay gì hết.

Xe đi đường Bình Dương ra cửa Hòa Viện. Khi xe đến

của Hòa Viện có 2 em Bảo Thế gác đêm ra mở cửa cho xe đi rồi đóng cửa lại. Xe ra cửa thì rẽ tay trái đến ngã ba queo qua đường Nhàn Du Khách sạn tới cửa số 4 thì queo tay mặt ra cửa số 7 rồi đi luôn tới Mít Một. Khi đi ngang cửa số 7, bót gác nơi đó gạn hỏi, Trung Tá Thoại trả lời là xe của ông Hồ Bảo Đạo đi Sài Gòn rồi chạy luôn.

Khi xe chạy qua Tổng Hành Dinh thấy có lính đứng gác cửa, nhưng xe vẫn mở đèn pha chạy luôn. Xe của ông Trường Tộc Út chạy theo sau cũng qua êm ái.

Qua khỏi Tổng Hành Dinh rồi không khí trong xe có vẻ nhẹ nhàng. Từ đó xuống Gò Dầu thì đường yên tĩnh, nhưng vẫn còn e ngại người theo dõi.

Đến Gò Dầu, ban đêm lính gác công không cho xe qua cầu. Giáo Hữu Cửa đậu xe lại bên đường rồi nhảy xuống nhanh nhẹn, đến chào người lính gác, to nhỏ một hồi rồi bắt tay thân mật. Người lính gác đến gần xe bật đèn piles rọi trong xe để khám xét. Lúc đó Đức Hộ Pháp giả bộ quay qua phía Trung Tá Thoại nói chuyện, còn tôi ngồi trên trên đưa bộ râu cho người gác rọi đèn coi.

Qua cầu bên kia lại gặp cổng đóng nữa, nên Giáo Hữu Cửa cũng lạnh lẹn nhảy xuống bắt tay anh lính gác, nên anh này mở cửa cho đi liền, vì đầu cầu bên kia đã xét rồi.

Xe qua khỏi cầu Gò Dầu thì mọi người đều nhẹ thở. Xe cứ tiến về phía ranh giới Cao Miên. Một chập sau thấy đèn xe của ông Trường Tộc Út theo sau. Ai nấy đều yên tâm.

Xe đến biên giới lối 5 giờ khuya. Trời còn tối nhưng cũng có vài người gánh đồ đi bán qua lại công. Tại biên giới bên quốc gia lúc ấy chưa có đóng bót, chỉ bên Miên có bót gác khóa công, chưa cho xe qua lại.

Đến đó xe ngừng. Ai nấy xuống xe xả hơi và được thả

nhẹ nhàng như vừa thoát khỏi cảnh ngục trần gian, mong sẽ đặng sống trong cảnh tự do.

Vì Giáo Hữu Của lo giấy tờ tạm. Chỉ được cho Đức Hộ Pháp, tôi và cô Hai Đạm mà thôi, còn 3 cậu thanh niên thì không có. Thừa dịp lính trong bót còn ngủ, Giáo Hữu Của nói với 3 cậu (Thoại, Bạch, Hiệu) qua cổng đi bộ trước rồi xe sẽ theo rước.

Ông sếp bót vì còn say ngủ không ra xét xe, nên Giáo Hữu Của quen thuộc việc 'phải quấy' vào bót gọi, ông sếp dậy, đưa giấy tờ cho ông ta xét và ghi sổ xong xuôi rồi tự mình ra mở cổng cho xe qua. Khi ấy xe ông Trưởng Tộc Út cũng theo tới. Hai đảng phải tạm biệt nhau, lòng quyến luyến bùi ngùi, nhưng rồi cũng phải chia tay kẻ đi người ở lại, nửa vui thoát vòng hắc ám, nửa buồn vì cảnh chia ly.

Xe Đức Hộ Pháp qua cổng rồi, ông Trưởng Tộc Út quay xe trở về báo tin cho bà Tám và mọi người hay rằng Đức Hộ Pháp đã qua biên giới bình yên. Đến sáng ngày, xe đến Soài-Riêng, ghé lại vệ đường đổ xăng, thấy thiên hạ buôn bán tấp nập dập dìu, thừa dịp ta mua bắp nấu và bánh trái ăn đỡ lòng, rồi lên đường không có ghé Thánh Thất.

Lối 10 giờ trưa đến Hồ Lương xe đậu lối 15 phút mới qua bắc được. Nội bến bắc này người ở cũng đông đúc, phố xá cũng nhiều, buôn bán coi mòi sung túc lắm. Khi xe qua bên kia sông thì có ông Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi ngồi xe hơi xuống chờ đón rước. Mừng rỡ nhau, ông Giám Đạo cho xe chạy trước dẫn đường, xe Đức Hộ Pháp theo sau. Lối 11 giờ tới Nam Ưang, ghé đền thờ Phật Mẫu có chức sắc, chức việc và đạo hữu đông đảo đón tiếp chào mừng. Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng lên đánh lễ Đức Chí Tôn và Phật Mẫu xong, bà Đạo Nhơn Vô Hương Nhâm sắp đặt chỗ nghỉ ngơi cho Đức

Hộ Pháp và mọi người trong đoàn.

Qua ngày sau, Đức Hộ Pháp viết thư cho Quốc Vương Norodom Sihanouk hay tin và xin hưởng chế độ lánh nạn chánh trị. Tin ấy làm cho chánh quyền Cao Miên xôn xao không ít. Vì họ không biết Đức Hộ Pháp lên Nam Vang hồi nào và đi đường nào mà cả cơ quan an ninh, công an, cảnh sát của họ không ai biết. Báo hại khi rõ Đức Hộ Pháp qua biên giới ngã Soài Riêng thì toàn bót gác ở biên giới đều bị phạt đoidi hết. Ấu cũng là một chuyến đi lịch sử. Lạ lùng làm sao cho nhiều người bàn tán, như là chuyện thần thoại ly kỳ.”

Qua Cao Miên lưu trú được 4 tháng thì Đức Ngài bị chánh quyền Sihanouk phái công an đến tịch thu tất cả giấy tờ hồ sơ hoạt động Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống mà Đức Ngài đã gửi cho quốc tế. Thái tử Sihanouk còn nói rằng:

“Nếu Ngài còn làm chính trị thì xin ra khỏi nước tôi, vì đất nước tôi nhỏ bé, e rằng không chịu nổi sự đàn áp của chánh phủ Ngô Đình Diệm ở Việt Nam.”

Trước sự việc này Đức Ngài có tâm sự với đoàn tùy tùng là nếu chánh phủ Sihanouk mãi đàn áp không cho ở đây thì sẽ qua Ấn Độ.

Ban Thanh Trừng của tướng Nguyễn Thành Phương bị toàn Đạo lên án nặng nề. Nguyễn Thành Danh vừa là anh ruột, vừa là cố vấn chánh trị cho Phương đưa ra cái thuyết lý gọi là “*khổ nhục kế*” để biểu lộ hành động nông nổi của nhóm họ.

Hậu quả của cuộc thanh trừng này để lại là rất lớn. Ngày 20 tháng 3 năm Bính Thân, trên đất Cao Miên, Đức Ngài đã đưa ra “*Bản Tuyên Ngôn*” xác nhận rõ việc lập quân đội Cao Đài như sau:

“Sau 5 năm 2 tháng bị đờ lưu nơi hải ngoại, Bản Đạo

để hết sức lực và tâm não đặng nghiên cứu và thi hành các phương pháp bảo vệ phong trào cách mạng và giải ách lệ thuộc giống nòi, lại tìm phương hay bảo thủ tinh thần dân tộc, hầu đủ phương thống nhất hoàn đồ, tránh nạn Nam Bắc phân tranh, nổi da xáo thịt.

Khi Đức Bảo Đại về nước, chính Bản Đạo giao trọn quyền sử dụng quân đội Cao Đài cho Đức Ngài điều khiển trong hàng ngũ quân lực quốc gia. Khi Đức Ngài đi Pháp, tạm giao quân lực ấy lại cho Bản Đạo, trong lúc vắng mặt Đức Ngài, Bản Đạo đã ra lệnh cho 2 Chánh Phủ Nguyễn Văn Tâm và Bửu Lộc thi hành hợp pháp quốc gia hóa quân đội Cao Đài. Nhưng sự thi hành ấy vẫn kéo dài cho tới chánh phủ Ngô Đình Diệm thọ phong toàn quyền cũng chưa quyết định. Bản Đạo phải nhắc nhở và yêu cầu chánh phủ Ngô Đình Diệm quốc gia hóa quân đội Cao Đài một cách hợp pháp.

Bản Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận mạng nước nhà với quân lực, mà chỉ dùng phương pháp đạo đức, đặng đem hòa bình hạnh phúc cho giống nòi."

Cái hậu quả bao vây Tòa Thánh bằng vũ lực của anh em quân đội rất trầm trọng, làm cho quân đội trong nhà phải đối đầu nhau. Nguyễn Thành Phương chiếm đóng vùng chợ Long Hoa đến cửa số 6. Đại Tá Huỳnh Thanh Mừng đóng quân từ núi Bà đến cửa Hòa Viện quyết sống mái với Phương. Còn Thiếu Tá Nguyễn Văn Đồn kéo quân vào đóng trong nội ô Tòa Thánh, với chiêu bài ngăn chặn 2 nhóm kia. Những hành động đó cho ta thấy quân đội đã riệu rã phân hóa đến tột cùng. Sau đó bản thân Phương cũng không được Diệm đền ơn đáp nghĩa gì mà còn phải ra Tòa về tội tàng trữ vũ khí trái phép. Phương cố thử uy tín của mình lần cuối bằng cách ra ứng cử Phó Tổng Thống liên danh với Nguyễn Đình Quát. Tại tỉnh Tây Ninh, Phương

đã thua phiếu xa liên danh Trương Đình Du, chủ trương nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ngày tàn của Phương, linh cửu không được đi qua Hộ Pháp Đường để chào sư phụ lần cuối và cũng không được đến Đền Thánh để hành lễ Đức Chí Tôn. Đối với dân Đạo, cuộc thành trùng làm xáo trộn nếp sống sinh hoạt hàng ngày và đời sống kinh tế của nhiều người. Vì Ban Thanh Trừng bắt bớ bất cứ ai chống báng hoặc họ nghi ngờ trung thành với Đức Ngài, đối với dân Đạo trước năm 1945. Còn đối với dân Đạo từ 1952 đến 1954 họ hăm dọa răn đe cho hồi cư về quê cũ. Nhóm trí thức đến giúp Đạo trong thời kỳ này bỏ đi. Các cơ sở trường học thiếu thầy giáo trầm trọng, kéo theo học sinh phải bỏ trường tản lạc khắp nơi, liu chiu lít chít như bầy gà lạc mẹ.

Dù đang lưu trú tha bang nhưng Đức Ngài vẫn cho tiến hành 2 phương án:

- Một nhóm do Sĩ Tài Bùi Quang Cao, Thiếu Tá Thoại, Cả Bạch lập bản dự thảo Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống.
- Nhóm thứ hai do Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi và các chức sắc thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo lo vật liệu xây cất Báo Ân Đường vì phần đất Báo Ân Đường cũ bị nhà cầm quyền Cao Miên trưng thu vào lợi ích công cộng. Không mấy tháng, nhờ công thợ Tòa Thánh sang, ngôi đền thờ đã xây xong về cơ bản, chỉ còn đổ la phong và nóc là hoàn tất.

Ngày 26 tháng 3 năm 1956, Đức Ngài ban hành “*Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống*”, do dân, phục vụ dân, lập quyền dân. Cương lĩnh gồm 3 điểm chánh yếu:

1. Thống nhất lãnh thổ và khối dân tộc Việt Nam với phương pháp ôn hòa.

2. Tránh mọi cách xâm phạm nội quyền Việt Nam.
3. Xây dựng hòa bình hạnh phúc và tự do dân chủ cho toàn dân.

Chánh sách này không làm ngăn trở một chánh quyền nào, mà cũng không tranh lấy chánh quyền, không chống báng chánh quyền nào, cốt chỉ để cứu nhơn loại khỏi vòng tội lỗi giết hại lẫn nhau. Đúng với tiêu chuẩn nhơn nghĩa của một tôn giáo. Sở dĩ Đức Ngài tuyên ngôn “*Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống*” là vì 2 khối cộng sản và tư bản đấu tranh càng quyết liệt.

Để thực hiện chính sách này, Ban Túc Trực Bến Hải được thành lập, ngày 17 tháng Tư năm Bính Thân (1956), vị Trưởng phái đoàn Lê Văn Thoại đã cầm được cờ Nhan Uyên trên nhịp thứ hai cầu Hiền Lương thuộc sông Bến Hải. Nhan Uyên Kỳ là lá cờ trắng của thầy Nhan Hồi dùng để khi nòi giống xô xác thì trương lên giải hỏa. Sau đó ông Thoại bị mật vụ Ngô Đình Cẩn bắt ngay tại Quảng Trị và 3 người khác: Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi, và Nguyễn Quốc Đại cũng bị cảnh sát bắt tại bến xe tỉnh. Tất cả đều bị giam tại lao xá Thừa Thiên trên 3 năm mới được trả tự do.

Cảnh sát Thừa Thiên còn bắt Giáo Sư Thượng Cao Thanh (Mã Tăng Cao), Khâm Trấn Đạo Thừa Thiên vì bị tình nghi chứa chấp và đưa đường Ban Túc Trực tới Bến Hải. Sau đó ông bỏ xác trong ngục tại Huế.

Ngày 23 tháng 10 năm 1961, Sĩ Tài Phạm Duy Nhung thừa ủy nhiệm của Đức Ngài họp báo tại nhà hàng Soái Kinh Lâm, Chợ Lớn trước báo chí, đài phát thanh trong và ngoài nước. Ông công bố các bức thư gửi cho các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ. Ông bị chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết. Phong trào Thánh Xa Thơ ngày càng

lên mạnh. Các ông Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương, Thừa Sứ Phan Hữu Phước đều bị bắt từ đây và bỏ mạng trong tù.

Tính hết có khoảng trên 2000 chức sắc, chức việc, và tín đồ trên toàn quốc bị bắt giam cầm. Đức Ngài có lập danh sách gửi đến Hội Nhân Quyền nhờ can thiệp mà không kết quả. Đáp lại, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và các cường quốc nhiệt tình hoan nghinh chánh sách của Đức Ngài. Điển hình như:

- Ngày 21-4-1956: International Commission for Supervision and Control Cambodia, do ông S.C. ấn ký.
- Ngày 24-4-1956: Président du Conseil Guy Mollet, Thủ Tướng Pháp ấn ký.
- Ngày 26-4-1956: Pierre Mendès France, Quốc Vụ Khanh Pháp ấn ký.
- Ngày 2-5-1956: United Nations, New York (Chef de Section Département des Affaires Politiques et du Conseil de Sécurité) ấn ký.
- Ngày 3-5-1956: Haut Commissariat de la République Francaise du Cambodge, ông Pierre Gorce ấn ký.
- Ngày 14-5-1956: United Nations, New York, ông Pedro L. Yap ấn ký.
- Ngày 16-5-1956: Norodom Sihanouk Upayuvareach, do Quốc Trưởng Norodom Sihanouk ấn ký.
- Ngày 19-5-1956: Office of the President of the Philippines, do ông Fort Unato de Léon ấn ký.
- Ngày 4-1-1958: Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, ông Tôn Đức Thắng mời Đức Ngài ghé thăm Hà Nội vào xuân Mậu Tuất.

Trước tình hình đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tổ chức lễ chào mừng tiếp nhận “*Hiệp*

“*Uớc Binh Thân*” mà Bảo Thế Lê Thiện Phước đã ký với Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ vào ngày 17 tháng Giêng năm Bình Thân (1956) xác nhận tách rời chánh trị ra khỏi Đạo Cao Đài. Thực chất là để phô trương thanh thế chánh quyền nhằm thị uy, đàn áp tinh thần tín đồ Cao Đài.

Tín đồ bị bắt buộc tham gia mít tinh, bắt mãn tỏ thái độ bất kính, nên Ngô Đình Diệm bực mình khiển trách 2 viên Tỉnh Trưởng và Trưởng Ty Cảnh Sát rồi về Sài Gòn. Nhân đó tín đồ thừa thế tấn công các phóng viên quay phim lấy cơ hộ xâm phạm chỗ tôn nghiêm, mà thật ra là chiếm lấy các cuộn phim quay cuộc lễ.

Vì đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh thẳng tay đàn áp bắt bớ các tín đồ Cao Đài. Ngày 17 tháng 9 năm 1956, Diệm cho mở chiến dịch Trương Tấn Bửu gồm 9 bước, kéo dài trong 150 ngày đêm, nói là tố cộng, nhưng thực chất là diệt Đạo Cao Đài. Đầu tiên làm thí điểm ở xã Phước Vinh, mật vụ của Diệm bắt 4 người lính Cao Đài cũ nói là Việt Cộng nằm vùng. Các tín đồ Cao Đài phản đối kịch liệt, đòi phải thả 4 người này.

Tại Nhà Du Khách Sạn bị mật vụ Diệm chiếm đóng không ngày nào họ không bắt người tra khảo xem coi có liên lạc gì với Đức Ngai hay không. Chiến dịch kết thúc mà không đạt được ý muốn vì người tín đồ cam chịu tra tấn tù đày chớ không khai thông tin về Đức Ngai.

Nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Ngô Đình Diệm đưa tiền mua chuộc một số người kêu gọi tín đồ mít tinh, trưng hình Đức Ngai và các biểu ngữ “*Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan*” và “*Đạo không đời không sức, đời không đạo không quyền*”. Một số người nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của cán bộ thông tin “*Ngô Tổng Thống đã chấp*

thuận Đạo Cao Đài là Quốc Đạo”. Nhưng nhóm Hòa Bình Chung Sống đã hay tin sự từ khước trở về Việt Nam của Đức Ngài nên họ phản tuyên truyền, biến cuộc biểu tình “*Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan*” thành cuộc biểu tình đòi dân sinh chủ, chống bọn phản Thầy phản Đạo theo Diệm. Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng đành đầu đuôi rồi giải tán cuộc biểu tình. Sau đó họ tìm bắt các người chủ trương chống kế hoạch làm cho cuộc mit tinh bị phá vỡ.

Ngô Đình Diệm còn cử phái đoàn Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lên Tòa Thánh áp lực Hội Thánh lấy tro Đức Cường Để tại Báo Quốc Từ. Một số chức sắc buộc phải làm biên nhận việc lấy tro cốt, mượn danh nghĩa là đưa về Huế thờ, thật sự là đào tận rễ không để chút di tích chánh trị nào giữa nhà Nguyễn và Hội Thánh Cao Đài. Đồng thời Ngô Đình Diệm cho chiếm luôn Nhà Du Khách Sạn, vốn là của Đạo, trước cửa chánh môn Tòa Thánh, tăng cường thêm mật vụ để dò la các tín đồ thường lui tới cúng kiếng. Mọi việc diễn biến ở Tòa Thánh đều được báo cáo đầy đủ cho Đức Ngài hay ở Nam Vang.

Trong thời gian lưu vong, Đức Ngài có cho ban hành nhiều văn bản như là:

- Thư gửi Chủ tịch Liên Hiệp Quốc và Thủ Tướng Chánh Phủ và các cường quốc đề ngày 20-3-1956.
- Gửi cho toàn Đạo, chức sắc Thiên phong, Hội Thánh nam nữ Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện, Phạm Môn cùng cả con cái Đức Chí Tôn lưỡng phái, đề Kiên Biên ngày 23-3-1956.
- Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, đề ngày 26-3-1956.
- Bản Tuyên Ngôn ngày 30-4-1956, trong đó nói rõ lý do lập quân đội Cao Đài và từ đây bất kỳ quân lực nào



TÒA THÁNH TAM



TÒA THÁNH MỚI ĐƯỢC XÂY XONG





ĐỨC HỘ PHÁP TRÊN VINH DỰ ĐÀI



“Kể dâng bông, bắt ấn **Thượng Ngươn** dưới đập Ngưu Đầu, tay đưa **Giáng Ma Xử** lên hiệp với chữ **KHÍ**, đem khí ấy đưa ra cả **Càn Khôn** thế giới. **Ấn Thượng Ngươn** làm chủ chữ **KHÍ**, đem khí ấy hiệp hết cả **Ngươn Khí** đặng bao trùm vũ trụ.”

■ **LỢI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP**



“Đến **Trung Ngươn** bắt ấn **Hiệp Chương** biến hóa, Giáng **Ma Xử** để nằm ngang, đuôi bên **Thế**, cán bên **Đạo**, ý nghĩa **Đạo** cầm cán dựng trụ **Đời**. **Bắt ấn Hiệp Chương** cầm cả cơ pháp của vạn vật biến sanh dựng bảo tồn không cho tương tranh, tự diệt nhau.”

■ **LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP**



“Tôi Hạ Nguyên, tay tả thuộc dương để trên, tay hữu thuộc âm để dưới, rồi để Giáng Ma Xử chúi xuống, trụ thân đem cả Càn Khôn hiệp cả vạn vật. Bắt ba ấn phải trụ thân, làm sao cho ấn ấy đừng thất pháp.”

■ LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP



CÚNG TIỂU ĐÀN



THỈNH XÁ LỢI PHẬT





BỮU THÁP CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

mượn danh Đức Ngài đều là giả dối.

- Thư gửi chư Đại Đức toàn thể các tôn giáo, đề ngày 3-11-1956.
- Thư gửi cho cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và cụ Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, ngày 28-3-1956 và một bức thư khác đề ngày 26-4-1956.

Để phúc đáp, cụ Hồ Chí Minh từ Hà Nội, gửi điện văn cho Đức Ngài nội dung xin được trích ra như sau:

“Tôi trân trọng cảm ơn bức điện cụ gửi tôi ngày 26-4-1956 và thành thật hoan nghênh cụ đã tỏ ý mong muốn nước Việt Nam ta được hòa bình thống nhất. Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, toàn dân ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước đều đang cương quyết và bền bỉ đấu tranh để thực hiện nguyện vọng tha thiết của dân tộc, là làm cho Việt Nam ta được hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phải khó khăn và phức tạp song toàn dân đoàn kết một lòng, cương quyết phấn đấu, cho nên nhất định sẽ thắng lợi.”

Cứ ngụ nơi Báo Ân Đường được một năm thì vào thượng tuần tháng 8 năm Đinh Dậu (1957) thì có lệnh của chánh phủ Miên bảo rằng Kinh Đô Nam Vang cần phải ở rộng hơn, nên phần đất của Hội Thánh Ngoại Giáo đã tạo lập Thánh Thất từ buổi mới phôi thai cũng bị chánh phủ Miên ra lệnh đuổi, buộc phải dời ra khỏi cách trung tâm thủ đô Nam Vang 3000 mét. Do đó mới có sự thỏa thuận giữa nhà cầm quyền và ông Khâm Trấn Đạo Huỳnh Hữu Lợi, đổi miếng đất cũ 13 lô nầy và Đức Ngài còn phải mua thêm 7 lô nữa. Miếng đất ấy bề dài 200 thước, bề ngang

60 thước hiện nằm nơi đường Tung-Chay để tạo tác Báo Ân Đường sau này.

Việc kiến tạo Báo Ân Đường mới là do Thánh Ý của Đức Ngài, chánh phủ Miền chỉ cho phép cất bằng cây và lợp ngói có tính cách tạm thời, cho rằng đây là một ân huệ để Ngài có nơi tạm trú trong một thời gian mà thôi. Mặc dầu bị chính quyền Sihanouk ngăn cấm nhưng Đức Ngài ra lệnh bốn đạo phải xây bằng bê tông cốt sắt cho vững vàng kiên cố để sau này họ không thể đuổi hoặc đàn áp chúng ta được.

Đến ngày 4 tháng 1 năm 1958, Chủ Tịch Đoàn Tôn Đức Thắng gửi thư mời Đức Ngài ra thăm Hà Nội có nội dung như sau:

"Chúng tôi vui mừng được biết ý định của Ngài muốn đến Hà Nội thăm đồng bào và tín đồ Cao Đài ở miền Bắc.

Vậy chúng tôi, Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và cá nhân tôi, trân trọng mời Ngài đến Hà Nội nhân dịp Tết Nguyên Đán Mậu Tuất.

Xin gửi đến Ngài lời chào thân ái, đoàn kết."

Những diễn biến của thế cuộc liên tiếp làm cho Đức Ngài thất vọng, lao tâm tổn trí khiến cho sức khỏe của Đức Ngài, vốn đã ở vào lúc xế chiều càng thêm suy giảm. Điển hình như việc xây Thánh Thất bị chính Thái Tử Norodom Sihanouk ngăn chận vì Ngô Trọng Hiếu, đại diện chánh phủ miền Nam Việt Nam bên cạnh chính phủ Cao Miên, sau khi thương thảo sự trở về của Đức Ngài không thành, họ cho rằng việc xây đền thờ chỉ là bình phong che đậy âm mưu giục loạn ở Cao Miên.

Để giữ tình giao hảo với chánh phủ miền Nam, Sihanouk ra lệnh trục xuất tất cả các công thợ về miền Nam. Những người này về nước đều bị cảnh sát Ngô Đình Diệm bỏ tù.

Thêm vào đó, phong trào Hòa Bình Chung Sống bị đàn áp và bị bắt giam vô số kẻ. Mặc dầu Đức Ngài có lập danh sách những người bị bắt gởi qua Hội Nhân Quyền và Liên Hiệp Quốc mà không thấy kết quả gì.

Lúc Đức Ngài lâm trọng bệnh, tuy đang nằm trên giường bệnh ở bệnh viện Calmette, Đức Ngài vẫn còn lo cho đại cuộc. Ngài cho gọi các chức sắc, căn dặn từng người từng phần trách nhiệm riêng biệt. Đức Ngài có nói với một ít tông đồ:

“Bản Đạo đã lớn tuổi, không thể lột da sống đời dặng. Tương lai của Đạo đều do ở các con, là đoàn hậu tấn nối tiếp. Bản Đạo chỉ là người tiền phong khai sáng mỗi Đạo. Đó là bước đầu hy sinh lột đường mà thôi. Mỗi Đạo sau này thuộc về quyền của đoàn hậu tấn tô điểm cho thiên hạ. Sứ mạng của đoàn hậu tấn là vậy.”

Trong tình thế ấy, ông Hồ Bảo Đạo được lệnh xin một lá xăm. Lá xăm đó có nội dung là:

*“Bao năm chìm đắm biển công danh,
Chí muốn bay cao dạ chẳng thành.
Đêm thấy Thần Nhơn về báo mộng,
Ban lời Ngọc chỉ của Thiên Đình.”*

Vào một sáng nọ, lối khoảng tháng 8 năm Bính Thân (1956), Đức Ngài cho gọi ông Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, cho biết Ngài đã thấy chữ APOTHÉOSE hồi đêm qua. Chữ này có 2 nghĩa:

- Vua chúa, đại thần chết được đặng Tiên.
- Thành công rục rở theo chí hướng của mình.

Nếu so với lá xăm và cuộc đời hoạt động Đạo đời không ngừng nghỉ của Ngài thì hoàn toàn phù hợp.

Bữa nọ thức dậy, Đức Ngài định bước xuống giường

nhưng bị choáng váng ngã ngựa trên giường nửa trên nửa dưới. Đồng Đạo lo thuốc thang chạy chữa cho Đức Ngài khỏe lại.

Ngày 20 tháng 2 năm Đinh Dậu (1957), Đức Thượng Phẩm có về cơ khuyen Ngài đi bệnh viện, vì lúc ấy Ngài đã đi đứng khó khăn lắm rồi.

Đầu tháng Tư năm Kỷ Hợi (1959), viên cò cảnh sát Cao Miên thay vì báo tin cho ông Khâm Trấn Đạo, lại đem giấy báo triệt hạ đền thờ mới xây vào thẳng bệnh viện Générale cho Đức Ngài. Nhận được hung tin càng góp phần cho sự khổ tâm cùng cực của Đức Ngài.

Sau đó Đức Ngài đòi về Báo Ân Đường nhưng đồng Đạo và cô Ba, cô Tư nhất trí đưa thẳng Ngài đến bệnh viện Calmette, là bệnh viện lớn nhất của Pháp tại Nam Vang. Rồi sau đó Ngài dạy lập bản di ngôn và gửi lên Quốc Trưởng Sihanouk theo hệ thống hành chánh. Đức Ngài gọi Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh, Khâm Trấn Đạo Tồn Quốc dạy rằng:

“Ngày thứ bảy là ngày Hoàng Thượng Norodom Suramarit tiếp kiến thần dân Cao Miên theo lệ thường. Vậy hiền đệ và Giáo Hữu Thái Đồng Thanh hãy vào hoàng cung bái kiến Hoàng Thượng dâng bức di ngôn của Bản Đạo.”

Khi Hoàng Thượng Suramarit đến sân châu, thấy trong đám quần thần có 2 vị mặc sắc phục trắng, biết rằng là chức sắc của Cao Đài, Hoàng Thượng đến gặp 2 vị và nhận bức di ngôn và có nói:

“Về thừa lại với Đức Hộ Pháp, Hoàng Thượng đã nhận bức di ngôn và chấp thuận những lời yêu cầu.”

Nguyên văn bản di ngôn được viết bằng tiếng Pháp, xin được trích phần nội dung được dịch lại như sau:

"Thưa Điện Hạ,

Bản Đạo gửi những dòng chữ này đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bản Đạo (bệnh viện Calmette), sức khỏe của Bản Đạo nghĩ không còn sống được bao lâu nữa.

Vậy Bản Đạo gửi lần cuối cùng đến Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên, tất cả lời cảm tạ chân thành về sự đổi đãi rộng rãi của Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia dành cho Bản Đạo với đoàn tùy tùng và cho cả tín đồ của Bản Đạo. Bản Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật Tổ ban hồng ân che chở Vương Quốc Cao Miên và cho Điện Hạ để chóng thực hiện và thành công về vang chánh sách hòa bình trung lập và chung sống hòa bình, là chánh sách đặc biệt ưu ái của Bản Đạo, vì nó Bản Đạo chịu hao mòn sức khỏe của cả cuộc đời mà Bản Đạo không thể thực hiện được.

Bản Đạo thành tâm ước mong rằng: Tổ Quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam có thể đeo đuổi theo chánh sách ấy trong một ngày gần đây, tay bắt tay đi với nước Cao Miên trong đường lối thương yêu và hòa hợp giữa các sắc dân và nhất là giữa 2 dân tộc Việt Miên.

Bản Đạo sẽ lấy làm hân hạnh được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ, để tỏ bày tất cả những lời cảm tạ của Bản Đạo. Không biết sức khỏe Bản Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện Hạ.

Dầu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, như danh tình thương yêu và tình huynh đệ giữa 2 dân tộc Cao Miên và Việt Nam, nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của 2 nước chúng ta: Cao Miên và Việt Nam. Bản Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh Thất chúng tôi khỏi chịu dưới linh phá hủy,

để giữ kỷ niệm độc nhất của Bản Đạo trên đất Miên.

Để giúp Điện Hạ có một ý niệm đúng đắn về tình hình, Bản Đạo trân trọng gửi đến Điện Hạ một bản sao thơ khẩn cầu của Bản Đạo vừa chuyển đến Hoàng Thượng. Bản Đạo giải thoát kiếp sống nơi đây. Bản Đạo xin thỉnh cầu Điện Hạ cho phép Bản Đạo tạm gửi thi hài ở nơi đất Miên, dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên. Ngày nào tổ quốc thân yêu của Bản Đạo là nước Việt Nam đã thống nhất sẽ theo chánh sách hòa bình trung lập, mục tiêu đời sống của Bản Đạo, tín đồ của Bản Đạo sẽ di thi hài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bản Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia sau khi Bản Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện nam tín nữ của Bản Đạo sự khoan đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu hành theo tôn giáo.

Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu này, Bản Đạo sẽ thanh thần nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bản Đạo.

Cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ơn vĩnh viễn của Bản Đạo."

Đức Ngài trút hơi thở cuối cùng sau một cơn mệt vào khoảng 12 giờ ngày chủ nhật, mùng 10 tháng 4 năm Kỷ Hợi (1959), hưởng thọ 70 tuổi. Thánh thể được đưa về Thánh Thất Toul-Sway-Prey.

Đêm hôm đó, ông Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Cao phò loan Đức Ngài có vẻ cơ sấp xếp mọi việc và chỉ dẫn cách tản liệt. Ngài cũng có cho bài thái hiến lễ, nhưng do lúc Ngài vừa ra đi mọi người vì quá thương tiếc nên các vị phò loan Thần bị yếu, khó lòng viết thi. Sau đó Ngài mới giảng cơ cho lại bài khác thay thế cho bài đầu và được dùng

cho tới ngày nay.

*“Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vận sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.”*

HỒI THỨ MƯỜI BỐN: SAU NGÀY ĐĂNG TIÊN

TỐI NGÀY ĐỨC NGÀI ĐĂNG TIÊN THÌ CÓ BÁT NƯƠNG GIÁNG CƠ AN ỦI MỌI NGƯỜI:

“Chị chia buồn cùng các em cả thấy.

Chị hôm rồi sờ dĩ phải tạm gọi chuyện cho các em qua buổi vì các em nhứt là Bảo Đạo rồi óc phải dùng phương trấn an, nhưng không quên dặn rằng: Hữu vi là phụ thuộc của vô hình.

Giờ đây Đức Hộ Pháp đã yên phận, nhẹ tách bến trần với lòng man mác, buồn vì đại nghiệp chưa hoàn thành trọn vẹn, vì nợ áo cơm chưa trả cho non sông, vì cơ đồ đang nguy cấp, nên mặc dầu rảnh rang sự thế, về ngôi xưa quê cũ, nhưng lòng hoài vọng vẫn vẫn vương theo Tổ nghiệp và đại gia đình Thiêng Liêng, nơi chen chúc con cái của Đại Từ Phụ.

“Vậy chị cũng nhường cơ cho Người đến dạy bảo đòi điều, rồi chị sẽ dạy tiếp.”

► **Tái Câu:**

“PHẠM HỘ PHÁP

Chú Bảo Đạo và mấy con.

Đứng dậy đi, Thấy không vui thấy các con quá bi lụy, nhứt là con Cẩm và Tranh (1-con của Đức Ngài), Thấy dặn 2 con rằng rảnh bình tĩnh mà lo cho Thuận, Hòa, Út và Châu cho chúng nó nên người hữu dụng là lo cho Thấy đó. Còn Đạo thì có Hội Thánh và các con khác nơi đây toan tính, 2 con yên lòng.

Thầy dặn lại một lần nữa là đừng bi lụy quá đỗi mà Thầy

khó yên tâm nơi vô vi đó.

Các con đứng dậy và nghe dạy:

Chú Bảo Đạo, tôi đi về đột ngột không giã từ chú và mấy con cũng hơi bồn chồn tất tả, song sự thế biết đâu ngờ Thiêng Liêng chỉ định. Tôi phải rời thi thể một cách bất ngờ để cho quyền Thiêng Liêng xây chuyển. Bây giờ chú ráng lo hữu tướng này cho ra vẻ Đạo là được rồi.

Việc tống táng thì tôi đã đồng ý với chú là tùy theo phong tục và tập quán vừa theo, chớ câu nệ rồi không thành, chuyện thêm rắc rối cho đoàn em của chú là chức sắc. Chú cứ từ từ lo theo đây:

- *Di hài tẩn liệm theo đại liệm như đã làm cho Khai Pháp và Thượng Phẩm.*
- *Phải tìm phương nào dung hòa tâm lý Đời Đạo nơi đây để di hài nằm yên một thời gian nơi đất Tẩn, rồi ngày kia sẽ di về Tổ Đình không muộn. Dù rằng sẽ có sự kéo níu của thế tục, song di ngôn tôi đã ký thì phải giữ, kẻ thế thường xem rẻ mà tội nghiệp cho đoàn em của chú.*
- *Sự tế tự phải hoàn toàn đơn giản và trật tự trang nghiêm, chớ se sua làm tốn kém mà bốn Đạo phải mang thêm nợ lo cho tôi. Tôi ái ngại lắm.*
- *Sự định xây tháp thì tùy sự rộng hẹp của chánh phủ cho cùng không, việc đó không quan hệ lắm. Ngày mai chú cần liệu định với chức sắc.*
- *Buổi di Liện Đài ra tháp phải tuyệt đối yên tĩnh, chớ se sua và làm náo nhiệt mà tôi hằng ngày ít muốn.*
- *Liện Đài nên cò chì kỹ lưỡng kéo lâu ngày hư hoại mà thêm không hay.*
- *Chớ chia tâm trong thời gian tôi còn tại ngoại.*
- *Phải nhứt tâm nhứt đức lo cho cuộc lễ đằm ấm là trọn quý.*

- 2 con Cẩm và Tranh nên tùy theo Hội Thánh trong mọi việc chớ nghịch ý mà Thầy không vui.”

Ông Hồ Bảo Đạo xin bài thài.

“Được. Chú ráng tịnh thân và các con đừng suy nghĩ gì hết, tư tưởng mới toàn vẹn.

THI

Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chỉ muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.
Đã đành danh phận còn xa thăm,
Nhưng đứng mầy râu chẳng mầy may.
Một kiếp vì đời tua gắng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.

Tạm dung đỡ rồi khi nào chú Bảo Đạo khỏe thân sẽ tiếp cho bài khác. Thi khó viết mà gặp điển yếu lại càng thêm khó. Bây giờ tiếp:

- Việc tế lễ thì tùy theo sự rảnh rang của toàn Đạo mà sắp đặt, đừng làm thất công nhiều con cái chí hiếu của Đức Chí Tôn mà tôi không vui. Nơi đây sống ngày qua ngày, đừng làm cho bốn Đạo bỏ công ăn việc làm vì tôi nghe.
- Khi tang tế xong, chú phải vào ở trong này dòm góc chúc sắc Cửu Trùng Đài giùm tôi, kéo họ vì tư ý ganh tỵ mà làm cho manh mún Thánh Thể nơi đây.
- Có Phướn Thượng Phẩm đi dẫn đường như Cao nó muốn hỏi. Có hành lễ độ thẳng, song cả chúc sắc phải thành tâm cầu nguyện nhờ Đức Đại Từ Phụ giải oan cho kiếp sống và phải thanh tịnh tuyệt đối.

Ngài Bảo Đạo bạch:...

- *Khỏi cần hình thức chi hết, chí tâm cầu nguyện là đủ. Việc Độ Thăng là do quyền của Hộ Pháp làm cho cả chức sắc, còn tôi thì không thể tự tôi mở cho tôi được. Chú hiểu.*
- *Xong lễ, 2 con Cẩm và Tranh phải hòa thuận sống chung với nhau, lo bảo trợ con nhỏ, đừng để chúng lêu lổng mà tội nghiệp tương lai của chúng nó.*
- *Con Sĩ Tải, Thầy cho phép để mấy con tự sống đến ngày giờ nào các con được trở về Tổ Đình sẽ hành đạo với sở vọng của các con.*
- *Bạch, phải rán lo học ngoại ngữ sẽ hữu dụng sau này.*
- *Cả phái đoàn lưu vong phải vừa trợ lấy nhau, đừng vì tư tâm mà buồn phiền với nhau.*
- *Chót hết là tôi chỉ muốn tuyệt đối yên tĩnh để nhẹ nhàng Chơn Thần mà lo cứu rỗi cơ đồ, đừng vì tư tâm mà ganh tỵ quyền lợi. Tôi không vui đó.*

Bây giờ đã đến giờ cúng, tôi phải tạm gác lại, khi nào có cần hỏi, Cao sẽ ráng tiếp cơ với chú để tôi dạy việc.

Thôi tôi đi đây.

Thăng”

Lúc 10 giờ đêm ngày 13 tháng Tư, Sĩ Tải Trần và Sĩ Tải Cao phò loan thì có Bát Nương giáng:

“Chị chào tất cả các nam nữ,

Thật là vô cùng đột ngột mà các em không tưởng tượng được, Hộ Pháp qui hồi khiến ai cũng đau lòng trước sự việc đang nửa chừng bỏ dở, nhưng trí phàm xét đoán thì ngày mai vốn u tối. Các em đâu rõ, nhờ sự bất ngờ này mà các em mới có phương tiện thi thố nguyện vọng của mình trọn vẹn.

Đã thấy rõ tình đời họ nhút nhát vì đai cân quyền thế, nên không bỏ một cử chỉ nào dấu rằng đê hèn nhỏ mọn để cố

bám vítu thủ lợi cho mình, song Hoàng Thiên hữu nhân, hễ vay tức nhiên phải trả, các em cứ tươi vui mà chờ xem cơ tạo hóa công bình.

Chị cũng biết các em lo lắng tương lai của Đạo, ngày mai của Đời và số kiếp người Việt ở tha bang, nhưng sự lo lắng của các em chưa thấm vào đâu so với sự lo lắng của Hộ Pháp, dẫu về Thiêng Liêng cảnh nhưng Người mãi hướng về Tổ Đình, về nơi chôn nhau cắt rún, về nơi quê nhà để đợi lấy cơ hội thuận tiện xoay chiều đổi hướng cho kịp với trào lưu. Ngày giờ nào các em thấy biến động gió to sóng lớn là giờ vui tươi của Đạo và của các em đã đến.

Chị vui miệng nói nhiều, các em bình tĩnh mà chờ đón, đừng nôn nóng mà hư việc.

Thôi, các em để chút thì giờ Cao Thượng Phẩm muốn đến.

Thăng”

Lúc 10 giờ 40 đêm, ông Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao tái cầu thì có Đức Ngài giảng:

“Chào chú Bảo Đạo, các em nam nữ và 2 con,

THI

*Trót đã ba năm ở xứ người,
 Dem thân đổi lấy phút vui tươi.
 Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
 Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
 Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
 Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
 Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
 Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.*

Tạm được, khá hơn bài vừa qua, nhưng cũng chưa xoay, chờ chú Bảo Đạo thuận điển sẽ cho bài khác.

Nơi Kim Biên vốn mô côi từ bấy lâu. Qua đến muốn qui tụ lại để cùng nhau chung sống dưới bóng Từ Bi, hầu làm vơi được phần nào nỗi khổ của người Việt nơi xứ lạ, nhưng rốt cuộc Qua chẳng đành hài lòng lắm vì mọi việc bị dở dang, Qua buồn lắm. Giờ đây các em phải cố gắng lo chỉnh đốn lại cho đúng theo Luật Pháp Chơn Truyền, kéo để mãi tình trạng này thì cơ Đạo nơi đây khó tồn tại đó các em.

Qua thương các em bao nhiêu thì nơi Ngọc Hư Cung lại buộc tội các em bấy nhiêu. Qua rất đau khổ vì sự ly tán phân tâm chia rẽ của các em mà ra nông nổi.

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn rất dỗi dằn đo không chịu tái thủ nhiệm vụ cũ, vì thấy các em không thể thay thế hình ảnh của Người để chỉnh sửa cơ truyền giáo tha bang đó.

Qua khuyên các em dẹp nỗi ty hiềm để chút tình thương nhen nhúm lại làm khối chơn thành thương yêu mà bảo trợ đàn em đang bị côi cút, hình như các em không quan tâm đến tương lai của Trấn Đạo. Tản Quốc nó thật là ai địa đầu trước khi phổ thông ra các nước khác. Qua đã có lần nói nhiều về vấn đề này. Hôm nay Qua nhắc lại để các em đừng xem thường nền Đạo nơi đây đó thôi.

Vậy các em hãy cố gắng kể từ nay chung trí cộng thương và nhịn nhục lẫn nhau mà hành đạo, kéo trễ rồi mấy em ăn năn không kịp. Qua chỉ mong các em giác ngộ thêm chút nữa và hành đạo khác hơn khi Qua còn ở với các em.

Chú Bảo Đạo đừng để tâm buồn phiền, chú chúc sắc họ vẫn hiểu lắm tình cảm của chú, song như vậy chú mới rõ rằng chẳng dễ gì thấu phục nhơn tâm nếu mình không ra công nâng đỡ, dìu dắt họ, rồi đây họ cũng giác ngộ thương chú nhiều hơn.

Ba đứa Sĩ Tái, Thầy không gì buồn hơn là việc làm lơ dờ của các con mà giờ đây các con phải tha phương cầu thực.

Đã biết rằng ngày mai phải có phút tươi vui, sống mãi cho đời mà các con khô héo tuổi thanh xuân uống phí, Thầy chỉ mong cho các con thì thố phải Đạo với Đời rồi nhờ tình thương đó mà an ủi phần nào kiếp sống ăn gỏi nằm nhờ nơi xứ người.

Hiệu, con nên vui vẻ và lo lập thân, Thầy bao giờ cũng không quên ơn săn sóc và chịu cực của con, nhưng dầu rằng con chịu thiệt thòi trong mọi việc, song ngày mai con cũng có thể lập nên thân danh với người, đừng lêu lổng như đã nhiều lần có ý định ấy, nghề nghiệp phải trau giồi kẻo ngày mai vợ con kéo níu mà thân làm trời chết cũng không no đủ, rồi tự tử lấy thân, đã trải qua bao ngày ăn không ngói rồi, không chuyên luyện. Thôi ít lời dặn bảo.

Thầy lại dặn con Hai Đạo Nhơn nên lo chỉnh sửa Báo Ân Đường lại, nhứt là nội dung của cơ quan hiện nay, ráng lo lắng cho ra vẻ Phước Thiện thì địa vị ngày mai không nhỏ.

Thôi, thăm hết chức sắc không thấy mặt nơi đây, và cầu nguyện Chí Tôn ban ơn lành cho họ.

Xin kiếu.

Thăng”

Lúc 11 giờ 15 khuya, ông Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao tái cầu thì có Đức Thượng Phẩm giảng:

“CAO THƯỢNG PHẨM

Bản Đạo chào các em lớn nhỏ.

Hiện đệ Bảo Đạo, Bản Đạo dạy em điều này: **Hành pháp độ thăng thì sắp một cái bàn, xông hương cho kỹ, lấy đủ dụng cụ hành pháp bày trên bữu điện trước liên đài, rồi cả chức sắc để trọn tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn. Đừng bày điều gì khác hơn mà thất pháp, quyền Chí Tôn sẽ hành pháp độ thăng giùm cho Hộ Pháp.”**

Ngài Bảo Đạo bạch: “Nếu dọn bàn hành pháp trước liên đài thì khi chúc sắc quì cầu nguyện Đức Chí Tôn thì phải xây lưng lại bàn ấy hay sao?”

“Đúng vậy chớ sao, ngó vô Bửu Điện cầu nguyện. Còn việc tống táng thì phải tuyệt đối yên tịnh, đừng se sua và làm náo nhiệt, để các đảng hộ vệ liên đài hành sự cho dễ dàng, chớ sức phạm các em đạo tỳ khó bề di chuyển dễ dàng liên đài. Em đã đủ hiểu. Từ đây đến ngày an táng, em dẫn chúc sắc phải cẩn ngôn cẩn hạnh cho lắm, đừng dễ duôi mà các đảng vô hình không tha thứ cho đâu. Nhớ nghe!

Còn việc này nữa, là liên đài em nên biểu chúc sắc lấy hàng màu vàng mà bao bọc trọn vẹn liên đài, cũng như đã làm cho Quyền Giáo Tông màu xanh, còn Hộ Pháp thì màu vàng. Gấm đã bao có điều không tiện vì là quá lòe loẹt, nên để màu vàng hơi lợt, vì màu vàng của Hộ Pháp là đúng theo Chơn Pháp. Làm liên nghe.

Còn cây cờ phủ lên tượng ảnh là đủ.

Ba ngày liên, chúc sắc phải luân phiên đến cầu nguyện tại liên đài cho Hộ Pháp ban điện lành, vì phút lâm chung, chúc sắc khiếm diện.

Em nhớ làm liên kể từ ngày mai, kẻo không kịp giờ. Bản Đạo xin kiếu.

Thăng”

HỒI THỨ MƯỜI LĂM: LỜI PHÊ CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

- ▶ *Do đơn xin nghỉ 1 năm đăng lo trả nợ trần ai, tờ đề ngày 4 tháng 9 năm Tân Mão của Lễ Sanh Thượng Đẩu Thanh.*

“Hễ càng chạy theo danh lợi thì càng chìm đắm trong vòng khổ của danh lợi, cái sống đơn sơ thì ai lại không sống đăng. Gương của các người chức sắc khi vào cửa Đạo họ nghèo xơ nghèo xác mà họ trọn Đạo cho tới khi về cùng Đức Chí Tôn, nghĩa là ngày chết của họ, chết mà họ không phải chết đó đây, mà họ lại đăng mô là khác nữa. Còn Đẩu đây không biết tương lai ra sao, để cho sắp hậu tấn là sắp nhỏ của Đạo nó xem một kiểu dở, hay cho đăng thấy một người đã đến tận bờ Bỉ Ngạn mà còn chết đắm.

Tư cho Quyên Ngọc Chánh Phối Sư lập Thánh Lịnh đầu chức Lễ Sanh của Đẩu và ngày nào xin phục chức là do đặc ân Hội Thánh sở định khi nợ nần của Đẩu đã trả xong.”

- ▶ *Do tờ thỉnh giáo của Thượng Chánh Phối Sư về việc chánh phủ tổng động viên thanh niên.*

“Đầu mình là người Đạo Cao Đài là một nền Đạo tương lai của toàn quốc đi nữa mà mình là người Việt Nam ở trong nước Việt Nam tức là con dân Việt Nam. Ta phải làm tròn phận sự con dân của đất nước cũng như ai kia vậy. Nếu Bản đạo bị quốc luật, quốc pháp buộc làm tròn phận sự công dân ấy Bản đạo cũng cúi đầu phục lịnh. Nếu nói thanh niên ấy là quân đội Cao Đài trừ bị thì phải nạp danh sách cho chánh phủ biết rõ, nếu ta lãnh làm quân đội quốc gia, với lý lẽ vô bằng cứ thì chúng ta muốn làm mưu mẹo dơi không dơi, chuột không chuột đăng gạt qua quốc pháp. Phải thi hành triệt để quốc luật.”

- ▶ *Chí Thiện Lê Văn Trường xin nghỉ cúng thời Tý vì già cả, bệnh hoạn.*

“Hễ càng già lại càng cúng nhiều đặn dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức Chí Tôn định, ấy là bí mật giải thoát của Chí Tôn để nơi Cơ Tân Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý bí pháp này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hễ nghe thời cúng là ngời dậy dâng tam bữu cho Chí Tôn.”

- ▶ *Về việc bốn Đạo nơi Mỹ Tho nuôi cá tra, cá võ làm cho đời dị nghị, Đức Ngài có để lời phê như vậy:*

“Tứ cho Quyên Ngọc Chánh Phối Sư viết thư hỏi kín coi có quả vậy chăng?

“Thật là khổ cho sự sanh sống của người Đạo, nuôi cá kiếm sống cũng bị chỉ trích!”

- ▶ *Tờ Thanh Minh số 2 ngày 8-12-1954 của phái Thiêng Liêng, đang do ông Bạch Pháp xưng rằng vâng mạng lệnh thiêng liêng để qui nhứt Cao Đài 12 phái, Đức Ngài có để lời phê:*

“(Tứ cho các cơ quan xem) Cả mọi sự chánh, tà thì Bản đạo đã thấu đáo mọi điều, song vì thương nên để cho ai cũng đủ phương pháp tự tu, chớ thử hỏi các Đấng thiêng liêng nào đã lập đó, đáng nên công hay đã gây nên tội chia rẽ loạn đạo. Lấy trí phàm suy nghĩ cũng đủ hiểu, các con cái Đức Chí Tôn ráng để phòng cho lắm.”

- ▶ *Tờ số 330 của văn phòng Cổ Vãn Hành Chánh Đạo thỉnh giáo 3 khoản: Truy phong Thánh Tử Đạo thờ Bát Quái*

Đài, truy phong chức sắc lên nhứt cấp, truy điệu và thờ nơi Báo Ân Từ, Đức Ngài có để lời phê:

“1. Chức sắc bị bắt và bị kết án vì lẽ đạo, gọi là báo thù phần tử Hội Thánh và bị kẻ nghịch Đạo tàn sát, các quân sĩ vì ngọn cờ bảo sanh như nghĩa đại đồng của Hội Thánh ban cho đăng cứu quốc mà bị sát hại hay là tử trận.

2. Các chức sắc đủ công nghiệp qui liễu trước khi quyền Vạn Linh định vị, nên quyền Chí Tôn đăng trọn quyền đặc biệt phong thưởng truy phạm.

3. Cả thầy đều đăng làm lễ truy điệu rồi đọc Thánh Linh trước Linh vị. Các Thánh Tử Đạo thì thờ nơi Bát Quái Đài, công nghiệp đặc biệt cho Đạo khi minh tra đủ lễ thì thờ nơi Báo Ân Từ, mai hậu thì do nơi Quyền Vạn Linh công nhận và ân tử mới đăng đem vào đó mà thờ. Báo Ân Từ là PAN THÉEN của Đạo, Đức Chí Tôn gọi nó là Văn Đài cả mọi sự quyết định đều xong và đều chấp thuận.”

► *Lời phê của Đức Hộ Pháp về việc từ hàng phẩm Giáo Hữu đố lên không có hàm phong như sau:*

“Nghĩ vì chức sắc Cửu Trùng Đài từ phẩm Giáo Hữu đố lên thì đã vào hàng Thánh Thể nên không có hàm phong, kỳ dư vị nào quá già yếu không đủ sức lực và trí não hành đạo nữa và có lời chấp thuận của Quyền Chí Tôn mới được hưởng: hồi hưu dưỡng lão.”

► *Lời phê của Đức Hộ Pháp:*

“Phần thứ nhứt:

Chỉ vài sau lưng: Chí Tôn muốn định phận mình là Tam Thừa.

Phó Trị Sự hành quyền về hạ thừa chớ chưa vào Thánh

Thế nên mang một thẻ nơi lưng.

Còn Phối Sư là bậc Thượng Thừa nên có 3 thẻ. Trung thừa Chí Tôn không cần định để cho mỗi người cố gắng lập vị mình mau chóng tới bậc thượng thừa. Nếu qua khỏi 3 thẻ lên 9 tức là vào hàng phẩm Cửu Thiên Khai Hóa. Cách nhau có một mức Phối Sư với Chánh Phối Sư mà xa nhau như Trời một vực. Hễ đủ tài đức cầm quyền Đạo có quyền Vạn Linh và quyền Chí Tôn ủy nhiệm ân tứ quyền hành thì là vào ngay Cửu Thiên Khai Hóa qua khỏi Tam Thừa.

Phần thứ hai:

Ai cho Luật Sư mang giày vào điện?

Điều ấy là quá phép, đừng mang giày vào điện là Chánh Phối Sư thì hàng Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mới đừng mang giày vào điện.

Phần thứ ba:

Khi nào đã có mang sắc lệnh của Hộ Pháp nơi mình và hành lễ thay hình thay xác cho Hộ Pháp mới đừng đứng ngay giữa thế cho hình ảnh Hộ Pháp, còn ngoài ra thì đứng một bên phía Thế Đạo tức phía Thượng Sanh.

Khi thay hình ảnh là khi có lệnh đặc biệt của Hộ Pháp phú cho và có mang sắc lệnh nơi mình.

Phần thứ tư:

Chỉ kêu là vị Luật Sư. Đối với Lễ Sanh thì gọi là ông Luật Sư Pháp Chánh. Tới bậc Chưởng Ấn trở lên mới gọi là Ngài.”

► *Lệnh của Đức Hộ Pháp ở Nam Vang gửi về hôm tháng 8 năm Đinh Dậu:*

“Lệnh của Đức Hộ Pháp

Qua hay tin Hội Thánh ngày nay làm lễ Đức Chí Tôn

và Đức Phật Mẫu đều hiu quạnh hơn khi qua còn ở nhà.

Thoảng như hai mươi mấy cái cộ có thể cũng còn biến chế được còn riêng Cộ Hội Yến phải có.

Nếu chức sắc Hiệp Thiên Đài đã cầm quyền Đạo ngày nay mà Cộ Hội Yến không có thì mặt Thiên điều sẽ đem họ về sớm không thể tránh khỏi.”

► Đức Hộ Pháp căn dặn một điều là:

“Nên để ý là làm sao ngày qui liêu gởi Thánh cốt tại đất Thánh Địa, vì trái địa cầu 68 nẩy không còn có chỗ đất nào quý hóa bằng đất Thánh Địa nếu để được cốt hài nơi đây rồi thì rất hạnh phúc cho tương lai con cháu. Dù nơi Cực Lạc cũ hay đất mới cùng là nghĩa địa đất 50 mẫu ở Long Thành cũng vậy. Bản đạo đã biết bên nước Tàu hễ cha mẹ họ có qui, họ hoàn lại để chọn ngày hoặc chọn chỗ đất tốt có hàm rồng dấu phải 5–3 năm họ cũng đợi kiếm được mới làm lễ an táng, vì bên nước Tàu có nhiều nhà biết Thiên văn hay khoa coi bói họ giỏi.

Phần nhiều là các nhà giàu có hay chọn lựa, ngày nay dân tộc Việt Nam có phước Chí Tôn đã tiên định cho giòng giống Lạc Hồng hưởng điều phúc hậu tương lai, ai có duyên mà về đây gởi cốt hài là có phước lắm vậy.”

► Phước Thiện xin mở rộng đất Cực Lạc mới, Đức Hộ Pháp có để

✘ **Lời phê:**

“Đất Thánh là nơi tạm gởi Thánh Cốt con cái Đức Chí Tôn cho đến ngày mãn một đời Giáo Tông, là thiêu cốt lấy tro làm nên một khối lớn đem vô để nơi hầm Bát Quái Đài, tro đầu tiên hạ Đơn Diên tay chơn là đem vô khối ấy, có dư bao nhiêu thì có lẽ long trọng đem xuống sông Cẩm Giang đổ.

Cầm Giang tức là Thánh Giang như sông Cange vậy.”

▶ *Hội Thánh Phước Thiện xin thuyên bố chức sắc đi Châu, Tộc để thay thế cho mấy vị bị rút về,*

✘ ***Đức Ngài phê:***

“T phê và cho lập Thánh linh thuyên bố, phải căn dặn lại nữa rằng: Cơ quan Phước Thiện lập để nuôi người, chớ chẳng phải để nêu danh đăng lờng gạt lấy của người, và ăn bám của người, thoảng từ đây có nhiều phạm tâm lãnh chức tước đăng gạt gẫm người thì buộc lòng Bản đạo phải giải tán cơ quan Phước Thiện vì nghịch hẳn danh từ của nó.”

✘ ***Đức Ngài còn đề lời phê:***

“Gấm có tật hay độc tài, từ trước Bản đạo quăng đại để rộng quyền cho mỗi đứa tự do tự chủ lấy mình dầu cho Chương Quản gia nghiệp chung. Họ cũng đủ quyền hành làm chủ riêng của họ mấy em đều biết, còn nay thì Hội Thánh Phước Thiện đã thành lập, Đạo Cao Đài thành Quốc Đạo, thì khuôn luật buộc rằng không còn như trước đăng.

Cả chức sắc dầu Cửu Trùng Đài hay Phước Thiện cũng là một vị quan lại của Chánh Trị Đạo, hễ phạm tội thì án luật định hình không ai khỏi đăng. Như thế mới trừ đăng cái hại: mượn danh Đạo tạo danh mình, nương bóng đạo đức lợi cho mình Qua đã biết trước thế nào trong mấy em cũng có đứa ngồi ngục, Gấm bị trước, vì Phối Thánh Thoại muốn cho nó trả quả đối với Phối Thánh còn ở phạm. Đáng kiếp Gấm đã đụng đầu xe lửa cũng như mẹ con Út Giáp đụng đầu xe lửa Màng buổi trước vậy. Mấy em ráng cẩn thận coi chừng ăn hiệp mấy ông Thánh ẩn thân bất ngờ mà phải ngồi của Phong Đô mà khóc đa nghe.”

- ▶ *Lời thỉnh giáo: Chức việc và Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh tham gia trong cơ quan Phước Thiện không?*

✘ **Lời phê:**

“Có quyền, nhưng khi Phước Thiện cầu nài mượn cây.”

- ▶ *Phước Thiện đi phổ độ đạo hữu và chức việc hành chánh qua Phước Thiện được không?*

✘ **Lời phê:**

“Có quyền phổ độ vào đạo và các cơ quan Phước Thiện những người có tâm từ thiện.”

- ▶ *Những vị chức việc như Chánh, Phó, Thông Sự đã thọ lãnh trách nhiệm và hiến thân vào Phước Thiện rồi được ra tranh chức Chánh, Phó, Thông hành chánh không?*

✘ **Lời phê:**

“Đặng trọn quyền dẫu ở nơi của Phước Thiện, nếu Hội Thánh hành chánh, Phước Thiện không cần chi đến sự từ chức của họ.”

- ▶ *Về việc thu góp tiền bạc của những vị đạo hữu hảo tâm giúp lương thực hoặc công quả về Tòa Thánh hay các thứ tiền, bên Phước Thiện có quyền thu của đạo hữu, chức việc bên hành chánh không?*

✘ **Lời phê:**

“Đặng trọn quyền hơn bên hành chánh, vì là cơ quan Phước Thiện. Còn hành chánh mà thu thì lại ra lẽ là tìm phương hối lộ trị người mà ăn của người thì cơ hồ hối lộ.”

- ▶ *Hội Thánh Phước Thiện trình dâng về việc ông Giáo Thọ Nguyễn Văn Tường, pháp danh Thiện Trí đại diện của ông Đạo Năm Phật Giáo Thiên Lâm chùa Phước Thiên*

Tự Tấn Đức Long Xuyên, tó ý xin về hiệp nhứt đạo vào cơ quan Phước Thiện.

✘ **Lời Phê:**

“Cửa từ bi Phước Thiện vẫn mở rộng, nhứt là Phạm Môn là nơi hội ngộ của cả cửu nhị ức Nguyên Nhân thì có chi ngăn trở sự hiệp nhứt của các đạo các chi, các phái của Đại Đạo mà xin xỏ làm gì. Cứ thông dong vào cửa đặng lập vị mình, ngôi thiêng liêng không dễ gì kẻ phàm mà cho đặng. Bản đạo lấy làm vui đẹp và hân hạnh mà tiếp đón họ, chỉ khuyên họ đừng quá mê tín mà thôi.”

▶ *Lời thỉnh giáo của Tiếp Lễ Nhạc Quân: Ba vị Chương Pháp:*

- Phái Ngọc mặc sắc phục đỏ
 - Phái Thái mặc sắc phục vàng
 - Còn phái Thượng theo lẽ phải mặc sắc phục xanh
- Nhưng không hiểu sao lại mặc sắc phục toàn trắng?*

✘ **Lời phê:**

“Mạng lệnh của Đức Chí Tôn Bản đạo cũng không hiểu.”

▶ *Tiểu đệ nghe nói có Thập nhị Bảo Quân, nhưng không hiểu là ai và có phải mỗi vị Bảo Quân sau này Chương Quân một Hàn Lâm Viện không?*

✘ **Lời phê:**

“Toàn thể Bảo Quân là Hàn Lâm Viện, mỗi vị có sở thức, sở năng ấy là điều khác nhau đặc biệt, tỷ như Huyền Linh Quân nghĩa là Thần Linh Hồn khác với Bảo Học Quân thuộc về khoa học hay là thực tế học.

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1. Bảo Huyền Linh Quân | 3. Bảo Địa Lý Quân |
| 2. Bảo Thiên Văn Quân | 4. Bảo Học Quân |

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 5. Bảo Cô Quân | 9. Bảo Ý Quân |
| 6. Bảo Sanh Quân | 10. Bảo Nông Quân |
| 7. Bảo Phong Hóa Quân | 11. Bảo Công Quân |
| 8. Bảo Văn Pháp Quân | 12. Bảo Thương Quân” |

► *Thập nhị Bảo Quân dưới quyền nào của Đạo?*

✘ **Lời phê:**

“Riêng cho quyền Thượng Hội, dưới quyền chỉ huy của Giáo Tông và Hộ Pháp.”

► *Cửu Trùng Đài là xác, Bát Quái Đài là hồn, Hiệp Thiên Đài là Chơn-Thần đứng trung gian để cho xác hồn hiệp một, nhưng sao Đền Thánh Hiệp Thiên Đài ở trước, Cửu Trùng Đài ở trung gian rồi mới đến Bát Quái Đài?*

✘ **Lời phê:**

“Phải phân phẩm đặng khai Thiên Môn, rộng quyền phổ độ, đặng tận độ các Chơn Linh và các phẩm chơn hồn vào Cửu Thiên Khai Hóa, phải đến Thiên Môn trước rồi mới vào đặng Cửu Thiên, hồn nó không ở xác mà ở ngoài xác, còn Chơn-Thần là dắt dìu đồng sống với xác đặng độ xác, tương sanh thì cần chi phân sau hay trước chỉ là khinh cùng trọng mà thôi chớ.”

► *Nếu nói Hiệp Thiên Đài là Chơn-Thần trung gian của xác và hồn thì chức sắc Hiệp Thiên Đài đứng ở giữa, nhưng sao lại đứng ở ngoài mà ngó vào Cửu Trùng Đài rồi đến Bát Quái Đài?*

✘ **Lời phê:**

“Đứng giữa rồi ngoài họ đuổi Thiên hạ ra thì ai thấy dùm cho, nếu Chơn-Thần vắng mặt thì chắc xác không biết

đường đi mà chớ.”

- ▶ *Chức sắc Hiệp Thiên Đài phải đứng châu lễ Đức Chí Tôn hay có ý nhiệm về bí pháp thế nào, tại sao lại không ngồi?*

✘ **Lời phê:**

“Chơn-Thần phải thường tại tức là phải hằng sống, nếu để nó ngồi không buộc nó đứng thì nó sẽ ngủ gục hay là chết.”

- ▶ *Tờ thỉnh giáo của Hộ Đàn Pháp Quân, ngày 1-4-Quý Tỵ 1953 về việc bái lễ Chí Tôn tại Bát Quái Đài, cả chức sắc, chức việc đạo hữu xoay lưng lại xá bàn Hộ Pháp, khi mãn đàn rồi cả chức sắc Hiệp Thiên Đài xá đáp lễ lại, Đức Ngài phê:*

✘ **Lời phê:**

“Cái xá ấy chẳng phải làm lễ trọng chức sắc Hiệp Thiên Đài từ lớn đến nhỏ mà là xá chữ KHÍ. Chữ KHÍ là nguồn cội của Pháp đã biến sanh ra vạn vật, Phật là trước tới Pháp là thứ kế Tăng là tiếp, cái xá ấy là kính đê tam qui, trong Pháp ấy xuất hiện Phật Mẫu kế tới Vạn Linh, vì cơ cho nên Điều Trì Cung cùng Hiệp Thiên Đài có tình mật thiết cùng nhau về một căn cội Pháp, để vận hành Ngươn Khí tạo Vạn Linh thì vị Hộ Pháp do Di Đà xuất hiện rồi kế vị Hộ Pháp và kế tiếp Long Thần Hộ Pháp cùng toàn bộ pháp giới đương điều khiển Càn Khôn vũ trụ cũng đều do nơi chữ KHÍ mà sanh sanh hóa hóa. Chào chữ KHÍ tức là chào cả tam qui thường bộ pháp giới tức là chào mạng sanh của chúng ta, chớ chẳng phải chỉ chào Hộ Pháp, Thập nhị Thời Quân. Thập nhị Địa Chi đã xuất hiện mà đang thi hành sứ mạng nơi Hiệp Thiên Đài, mà chào toàn thể Vạn Linh đã sanh hóa từ tạo Thiên lập Địa.

Xin nhớ và truyền bá lời giáo huấn này, chính mình làm hiểu là thất đức chớ chẳng phải người đánh lễ là thất đức.”

- ▶ *Thỉnh giáo của Hội Thánh về việc chức sắc hành sự đủ 5 năm mà không đi hành quyền hành chánh các Châu, Tộc nhưng có công nghiệp xứng đáng có được thăng một lượt với chức sắc đi hành đạo địa phương không?*

✘ **Lời phê:**

“Những vị đủ hạnh đức, đủ công nghiệp mà chỉ hành đạo nơi Tòa Thánh thì chỉ kể như người giữ nhà vì không giáo hóa và phổ độ chúng sanh, là phận sự thiêng liêng của một phần tử của Thánh Thể là Hội Thánh. Chỉ Tôn đến phổ hóa và cứu độ chớ không phải đến giữ nhà, hay cày ruộng, nấu ăn, dầu đủ công nghiệp mà vì hạnh kiểm hay bất lực, Hội Thánh không đủ tín nhiệm cho cầm quyền giáo hóa chúng sanh thì công nghiệp ấy bao nhiêu cũng kể cho rằng không xứng đáng.

Đủ hạnh đức, đủ tài tình lãnh sứ mạng ta bà giáo hóa là nguy hiểm và khó khăn hơn ngôi nhà, giữ nhà cùng nơi cơm hũ gạo phận sự ấy của phái nữ mới phải, là nữ phái còn cho là vô giá trị huống lựa là nam, nếu có công nghiệp phi thường hạnh đức đầy đủ đáng thăng đi nữa cũng phải đứng sau người cầm quyền hành đạo và giáo hóa tha phương.”

- ▶ *Tờ yêu cầu của Giám Đạo Hội xin cho chức sắc nữ phái khi sanh đẻ được nghỉ trong vòng 6 tháng.*

✘ **Lời phê:**

“Khai Pháp nên nhớ rằng theo luật định của Đức Lý Giáo Tông và của Bản đạo lúc trước thì chức sắc Thiên phong phải trọn giữ tiết trinh hành đạo mới đáng vị Thiên phong. Vì có đã có luật định, sau lại **Chỉ Tôn có sửa luật và dạy Bản đạo phải thi hành luật sửa của Đại Từ Phụ là Thiên phong đặng phép có vợ chồng** song khi có con thì phải trọn gìn đạo làm cha mẹ, nghĩa là khi có con thì không còn phép gọi Thiên

phong nữ.

Nếu thi hành y lệnh ấy, một vị Thiên phong bất kỳ nam hay nữ hễ còn có con nhỏ dưới 12 tuổi thì Hội Thánh buộc cha mẹ chúng từ chức đặng nuôi dưỡng.

Luật định như thế hễ phái nữ có vợ chồng và sanh đẻ thì không còn đặng ở trong hàng Thánh thể nữa, hoặc họ phải từ chức hay là Hội Thánh trục ngoại ra khỏi Thánh thể, đặng họ nuôi con là đúng luật. Phải lập luật về điều ấy.”

▶ *Đám xác và làm tuần không đem vào Khách Đình hay Báo Ân Từ không được xin Lễ, Nhạc.*

✠ **Lời phê:**

“Đám ngoài châu vi Thánh Địa kể là tư gia, nếu làm phước đặng thì đi đám, bằng chẳng đi đặng không ai đặng phép lấy quyền ép buộc Bộ Nhạc, Lễ phải đi, nếu nói rằng thi ân bố đức của Hội Thánh là khi Hội Thánh ban ân riêng cho đem đám vào Tòa Thánh là phước của họ. Còn như không đặng phước ân riêng của Hội Thánh thì tùy nơi họ muốn ai làm đám cho họ thì muốn.”

▶ *Tờ số 315 của Thánh Vệ Trưởng nói về 2 Phận Đạo Thập Nhị và Thập Tam đất còn nguyên vẹn xin cho khai lập đường sá, và ban cho những vị đạo hữu chưa có phân đất ở, chớ không nên ở trong một phần đất mà hai gia đình.*

✠ **Lời phê:**

“Tư cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư xem điều của Thánh Vệ Trưởng xin là điều của Bản đạo đã ra lệnh cho các tư gia phải thi hành.

Hễ cho đất nhà quá nhiều hơn 25 thước ngang, 30 thước xuôi thì họ sẽ bỏ hoang không săn sóc hết vườn tược nhà cửa

nồi, mà với số đất đã cho chỉ đủ một gia đình cất nhà trồng cây trái đủ ăn cho sắp nhỏ và đủ khoảng khoát cho chúng nó, còn để cho 2 chủ ở một phần đất như thế thì chật hẹp.

Hại thay! Các chủ đất dặng hạnh phúc chiếm trước đã đủ ăn đủ ở lại còn ham tiền chia ra bán bớt phần đất của họ ở ùm thùm chật chội làm cho sắp nhỏ bịnh hoạn. Bản đạo đã ra lệnh cấm rồi. Vậy 3 vị Chánh Phối Sư ra Huấn Lệnh cho các chủ đất ai đã lỡ bán phải chuộc lại, còn đất quốc gia mà các nhà rầy đã ăn đủ hai mùa thì Sở Kinh Lý phải chia cho người chưa có tu nghiệp, trừ ra họ có lãnh đất mà bán rồi thì không dặng xin nữa, các quân nhân thì chia đất để dành cho chúng tại Bến Kéo, còn trong Thánh Địa thì không cho một quân nhân nào nữa hết.”

- ▶ Tờ số 362/UP. HP gọi Qu. Ngọc Chánh Phối Sư Cửu Trùng Đài

✘ **Lời phê:**

“Hiện hữu ra lệnh đòi các vị chức sắc làm biếng đi cúng theo tờ phúc của bản thông qui ghim theo đây cho biết vì lẽ gì? Cho hiểu lý do từ xử định tự nhiên của họ là sao cho Bản đạo biết.

Các Bàn Trị Sự của mỗi Phận Đạo cùng Hương Đạo từ đây nếu các ngày Đại Đàn mà thiếu mặt sẽ bị một hình phạt gắt gao là bị cách chức hay là thêm vào hạnh kiểm nương bóng Đạo chớ không phải thật Đạo, sẽ bị trục ngoại ra khỏi Thánh Địa.”

- ▶ Tờ số 1269 ngày 13 tháng 8 Nhâm Thìn của Qu. Ngọc Chánh Phối Sư dâng lên Đức Hộ Pháp tờ kêu oan của Bàn Trị Sự Bình An, Cần Thơ bị Pháp Chánh Trị An phạt ngưng quyền.

✘ **Lời phê:**

“Tội nghiệp, hành đạo gặp buổi khó khăn, nhơn tâm diên đảo mà bị Đạo trị cũng tội nghiệp. Tiên Nho ta và cũng là lời Tổ Phụ ta nói: ‘Tội qui ư trường’, ai biểu đem kẻ bất lương vào cửa Đạo mà không biết thì cũng như câu nói của Đại Từ Phụ:

‘Cũng như ấp rấn không nên phạt đó vậy’. Bàn Trị Sự là Hội Thánh em cốt đủ quyền đem lương sanh về Thánh Thế, nghĩa là có quyền chọn người đạo đức hiền lương vào cầm quyền mà nhè lâm phải tay trộm cướp thì biểu sao Hội Thánh không nghiêm phạt. Luật phổ tế là vì lẽ có công thưởng, đắc tội thì trừng là lẽ dĩ nhiên còn kêu oan chi đặng nữa. Phải lấy huệ nhãn xem người mới phải con mắt tu, còn lâm là con mắt phàm, phàm là bị phạt là đáng kiếp.”

► Do tờ 40, ngày Rằm tháng 6 Nhâm Thìn của Bàn Trị Sự Thôi Thuận, An Hóa, Mỹ Tho đệ trình tình hình nơi đó rất sợ sệt UM chém người Đạo:

✘ **Lời phê:**

“Qu. Ngọc Chánh Phối Sư viết thơ hỏi lại toàn Đạo nơi An Hóa có phải sợ UM mà bỏ Chí Tôn và bỏ Đạo hay chẳng? Nếu UM có quyền giết ta thì chỉ giết xác thịt ta, còn ta nếu sợ người mà có quyền giết ta còn có quyền đọa linh hồn ta nữa kia mà. Biểu cứ làm đạo vì bốn phận phải giúp đỡ an ủi những nỗi đau khổ của đời thì dầu ai giết chết mà vì lần truất thương sanh thì hành phúc thiện thì sợ gì cái chết ấy.”

PHỤ GHI:
NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÁC
CHUYỆN ÔNG ĐỢI

HÀO MỘT KỶ HỢP ĐẠI HỘI, ĐỨC HỘ PHÁP CHỦ TỌA BÊN HIỆP THIÊN ĐÀI, CÒN ÔNG KHAI PHÁP CHỦ TỌA BÊN CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN. GIỮA CUỘC HỢP BÊN PHƯỚC THIỆN ĐỘT NHIÊN ÔNG GIÁO THIỆN VÕ VĂN ĐỢI ĐỨNG DẬY, ĐEM ÁO MÃO LỄ SANH, GIÁO THIỆN ĐÃ SẮP XẾP SẴN LÊN ĐẶT NGAY BÀN CHỦ TỌA RỒI XÁ NGÀI KHAI PHÁP, QUÌ XUỐNG LẠY XIN ĐƯỢC TRẢ ÁO MÃO. NGÀI KHAI PHÁP VÀ MỌI NGƯỜI TRONG CUỘC HỢP ĐỀU NGẠC NHIÊN QUÁ ĐỐI.

Trước việc bất thành linh này, mọi anh em chứng hứng. Ngài Khai Pháp nói:

“Anh Đợi, anh làm gì vậy? Việc này tôi phải mời Đức Hộ Pháp qua giải quyết. Vì chỉ có Ngài mới có quyền thôi.”

Đức Hộ Pháp được mời đến. Đức Ngài hỏi vì sao ông Đợi làm vậy? Ông Đợi thưa rằng:

“Bạch Thầy, vì lúc trước Thầy có nói mượn áo mào đi hành đạo 3 năm rồi sẽ về tu chơn. Hôm nay con xét lại thấy đã đủ 3 năm nên xin trả lại để tu chơn.”

Đức Ngài nói:

“Phải, điều này hồi trước Qua có nói với Đức Quyền Giáo Tông. Nhưng hôm nay Qua còn đầy công việc chưa thành thì làm sao Thầy trò ta trở về tu chơn cho đặng. Qua còn làm sao em lại bỏ Qua. Công việc của mấy em giống như là đưa người ta đã đến một cù lao, mình còn phải ráng giúp thêm tiếp tục đưa đến bờ đến bến, có đâu lại bỏ họ giữa chừng. Như vậy

còn gì là ân nghĩa với họ đây?”

Đức Ngài nói vậy mà thấy ông Đợi vẫn nhất quyết một lòng như thế, Ngài mới nói:

“Nếu em không nghe lời Qua mà em chỉ muốn làm theo ý muốn vậy em cứ đi. Vào núi đó, nếu độ được mấy ông thầy chùa trên núi thì Qua tính công nghiệp cho.”

Ông Đợi nghe vậy mừng lắm, nhận lời. Sau đó ông Đợi cùng với một số anh em cùng ý với nhau hợp thành một nhóm vào chân núi Bà lập sở nơi mà Đức Ngài đã chọn để lập Vạn Pháp Cung. Họ bàn kế hoạch độ người là muốn độ họ thì phải làm cho giống họ, mới gần gũi họ mà độ, tất cả đồng ý cạo đầu mặc áo nâu.

Ngoài Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp nghe tin, Đức Ngài nói:

“Qua bảo nó vô đó để độ mấy ông thầy chùa chớ có bảo nó cạo đầu, mặc áo nâu đâu? Nó làm vậy là làm trò của người ta rồi còn mong gì mà độ họ được.”

Được biết thời gian chọn phong Lễ Sanh trong hàng Giáo Thiện để đi hành đạo do Phối Thánh Màng chọn. Trong số người được chọn có ông Đợi. Số chưa được chọn do còn thiếu điều kiện gì cần phải rèn luyện thêm và phải chờ lần khác. Họ sanh lòng tự ái, thay vì tu học thêm, học lại bất mãn, ghen ghét, ganh tị. Họ nói với những người được chọn phong những câu biếm nhẽ như:

“Mấy anh có mao cạo áo rộng rồi đầu còn ngó ai nữa.”

Nghe vậy, ông Đợi ái náy, mặc cảm, ông nói với mấy anh em đó rằng ông sẽ trả áo mao lại và cùng làm công quả với anh em, cho đến khi nào anh em đây hết thầy có phẩm thì ông mới xin áo mao lại và nhận phẩm của mình.

Từ những sự việc đó mà trong một đàn cơ có Phối

Thánh Màng về nói:

“Con chào Sư Phụ, nhị vị Sư Thúc, các bạn, mấy em và mẹ thằng Xanh.

Cười...

Thưa Sư Phụ, mấy em con đều đủ đây hết, thiệt là một ngày đại hội hiệp. Con mừng quá!

Chào chư hiền hữu, bình thân.

Thưa Sư Phụ, con không dám để một lời gì nơi sự cầu phong cho mấy anh em con, nhưng con chỉ than rằng nếu ai không đủ công Hành Thiện y theo khuôn luật của Phạm Môn thì chẳng hề biết ái tuất thương sanh mà nên Giáo Thiện. Theo ý con tưởng thì tốt hơn là để thúng thặng cho họ tạo tâm đức đặng hoàn toàn. Còn như muốn cho họ trọng thân danh nên để cho toàn Phạm Môn xúm nhau định cử.

Xin Sư Phụ nghe theo lời con là hay.

Thăng.”

Đức Ngài đồng ý và cho thành lập Đại Hội Phước Thiện tổ chức nghị viên, phái viên y như Hội Nhơn Sanh. Sau khi ông Đợi ở trên núi làm không đúng chơn truyền, trước khi qua đời ông có làm tờ thú tội với Đức Hộ Pháp và xin tha thú thì được Đức Ngài để lời phê như vậy:

“Làm Thầy như ai thì khác còn Qua đây vẫn khác. Với Qua, Thầy chỉ biết thương trò, tha thứ là phận Thầy. Em chẳng vì đời mà phạm, nếu có phạm là vì Đạo mà chẳng hiểu rõ mẫu nhiệm của Thầy.

Em về trước, rồi mấy Qua lục thực cũng về sau. Chúng ta cũng sẽ hội hiệp vĩnh viễn nơi cõi Hư Linh, là quê hương thiệt, Thầy trò sẽ thiệt, bạn hữu sẽ thiệt, cảnh này chẳng phải của chúng ta vì nó là cảnh dành để cho kiếp trái oan khiên, em an

lòng. Thấy chỉ thầm khen em chớ chưa biết em đã có tội gì hết.”

Sau đó có tờ đề ngày 3-11-Canh Dần của Nguyễn Văn Thế và 16 vị nữa đồng đứng dâng cả công quả của mấy vị ấy để chuộc tội cho ông Đợi là sư huynh của họ ở đạo núi Đục Đức Ngài để lời phê như vậy:

“Đợi bị phế vị là nó dám từ chối Thập nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, ngày nay theo Thiên điều thì nó phải tái kiếp mà hành đạo lại, nếu nó đặng ở Thanh Tịnh Đại Hải mà tu hành nơi cõi Hư Linh cũng là may phước cho nó. Còn Quyền Thiêng Liêng thường phạt là do quyền Ngọc Hư Cung có phải của Bản đạo đâu mà xin Bản đạo.”

Còn dâng công quả cho Đợi chỉ có vợ con của Đợi mới đặng. Còn của mấy em ai thềm đâu mà dâng.”

Liên quan đến vụ “đạo núi” này cũng có tờ của vị đạo núi Trần Ngọc Dương bịnh nặng làm tờ yêu cầu Đức Hộ Pháp xá tội cho hết căn bịnh chướng thì được Ngài để lời phê:

“Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ, khi đến độ Bản đạo, Bản đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh nhân loại thì có nói quả quyết như vậy:

‘Dầu cho có kẻ nào phạm tội dầy dầy mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũng đặng siêu thoát.’

Dương gắng nhớ và trông cậy nơi Đại Từ Phụ vì Dương đã biết ăn năn sám hối.

Bản đạo ban ân lành cho Dương.”

CHUYỆN VỀ HIẾN TIỀN CÔNG QUẢ

Ông Khuê Tổng Giám Ban Kiến Trúc kể rằng, lúc anh em Ban Kiến Trúc lo miệt mài làm công quả nhưng cũng có khi có chút đỉnh tiền của người nhà cho để chi dùng, anh

em đóng góp thành một quỹ chung. Lúc Đức Hộ Pháp kêu gọi đóng góp vào việc tạo tác Đền Thánh, anh em hăng hái mỗi người ít nhiều cùng tham gia đóng góp. Lúc đó Ngài Khai Đạo chấp tài chánh. Không hiểu sao một buổi sáng nọ, anh em Ban Kiến Trúc dẫn nhau đến Hộ Pháp Đường, làm đầu là cô tư Tranh kiểm Đức Hộ Pháp để nhờ Ngài xử cho một việc. Anh em Ban Kiến Trúc cho là ông Khai Đạo không minh bạch trong vấn đề tài chánh của anh em Ban Kiến Trúc.

Thấy anh em đến đông, Đức Ngài ra gặp và hỏi cho biết hết mọi chuyện đã khiến anh em phiền giận. Sau đó Đức Ngài hỏi cô tư Tranh:

“Con có đóng góp vào quỹ đó bao nhiêu?”

Cô tư nói số tiền của mình, Đức Ngài đưa tay vào túi lấy đủ số tiền đưa cho cô tư rồi nói:

“Phần con đã được trả đủ rồi, con đây không còn phận sự gì nữa ở đây? Con nên lui đi.”

Cô tư Tranh đành phải lui về. Không còn ai làm đầu nữa, anh em Ban Kiến Trúc như xuống nước, mất hết nhuệ khí ban đầu, vừa lo vừa sợ. Đức Ngài nói mà rướm rướm nước mắt:

“Các con nghe đây, khó khăn lắm, thật là khó khăn lắm Ngự Mã Thiên Quân mới gan được Thập nhị Thời Quân vào đây. Khó khăn lắm Ngự Mã Thiên Quân mới rủ được họ vào cùng làm với Ngự Mã Thiên Quân. Chớ mỗi vị một nơi trên quả địa cầu này, thì chắc là quả địa cầu này tan tành manh mún đi mà chớ. Thấy khuyên các con một điều là bao nhiêu công quả là bấy nhiêu phần. Các con hiến số tiền ấy cho Đạo rồi thì Đức Chí Tôn và các Đấng đã tính cho các con, các con cho Đức Chí Tôn vay thì Ngài sẽ trả, dứt khoát không cho

thất thoát. Đừng bận tâm, đừng suy nghĩ lo lắng, hãy để cho tâm hồn các con vui hưởng cái điều thiện mà nó đã làm được, nó phấn chấn và phát triển hơn. Còn người nào phạm thì người đó chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chí Tôn. Các con đừng bao giờ có tư tưởng phạm vào Thiên vị họ mà tôn đức mình.

Thầy khuyên các con hãy cầu nguyện cho các vị chức sắc, nhất là Thập nhị Thời Quân cho họ thể Thiên hành hóa, nên coi trọng vì mỗi người Đức Chí Tôn đã bố trí một nhiệm vụ. Vậy thì có lợi cho các con lắm đó. Có gì các con nên viết thơ cho Qua.”

Anh em Ban Kiến Trúc nghe Đức Ngài nói xong xin lỗi Ngài rồi giải tán.

CHUYỆN LÀM CÔNG QUẢ SAU NÀY

Ông Hành Thiện Phan Văn Trừ kể rằng lúc còn nhỏ về Tòa Thánh làm công quả, nhóm của ông được phân công giải quyết đám rừng chôi bên hông Tòa Thánh, bây giờ là từ Tòa Thánh đến Hạnh Đường. Chỗ đó dây leo chằng chịt, đủ mọi thứ, nhất là gai mắc cỡ tây cao khỏi đầu 2-3m, dây to lại dài. Anh em làm mà coi uể oải ngao ngán lắm.

Thấy Đức Hộ Pháp từ xa đi lại, anh em luống cuống làm lia làm lịa. Đức Ngài kêu tất cả dừng tay rồi vô bóng mát uống nước hết mệt hãy làm. Đức Ngài nói:

“Mấy con cố gắng làm được bao nhiêu thì làm, chớ đừng có làm biếng. Hãy làm bằng cái tâm của các con, nó thúc giục để làm, làm theo sự hướng dẫn của nó. Nó giác ngộ, nó ý thức, nó hy sinh một để nó nhận mười. Bây giờ các con không làm thì sau hối tiếc, vì tất cả đã xong rồi thì sau này có kiếm làm cũng có được đâu. Đàn em đàn con của các con nó sẽ không được như các con. Mấy con nên biết rằng, sau này máy móc

thay thế tay chân, làm gì ngoại quốc nó cũng giành làm vì là làm bằng cơ khí, làm 1 bằng 10. Các con cầm cái bay nó cũng giựt, cầm cái cuốc nó cũng lấy. Nó nói là các con làm rồi, bây giờ tới phiên nó. Chừng đó giành với nó là nó tát. Lúc đó các con chỉ có một nước là cận kề theo nó, nói đạo cho nó nghe. Nó hỏi cái gì thì nói cái đó. Nói không được là các con làm nhục Đạo Thầy, các con mang đọa. Còn nói được thì chúng nó đem mâm vàng chén bạc đãi đàng. Liệu mà lo lấy.”

Mọi người hiểu được, khi Đức Ngài đi họ xông xáo tiếp tục.

ĐỨC NGÀI DẠY ĐI CẦU SIÊU PHẢI ĐỌC KINH THÀNH TIẾNG

Khi Đức Ngài dự đám tang, dự lễ cầu siêu thấy có nhiều người không đọc kinh. Sau đó Ngài giảng ý nghĩa Kinh Cầu Siêu, sự mâu nhiệm của Kinh Cầu Siêu, sự huyền diệu của việc cầu siêu, và dặn mọi người phải đọc một cách thành tâm khi dự đám. Đức Ngài nói:

“Mỗi khi kinh được đọc thì âm thanh sẽ vang ra, mỗi người một âm thanh, tức là mỗi người phát ra một điển lực. Nếu Chơn Linh người chết hấp với điển lực người đó, họ sẽ nương nhờ vào mà giải trừ oan nghiệt và tội lỗi. Vì người chết và tất cả những người đang dự đám có mặt tại đây, biết đâu trong vô lượng kiếp trước giữa họ và ta đã từng là những người chí thân, dây dây oan nghiệt, dây dây những tội tình mà người chết và ta chưa từng gặp lại để trả với nhau. Vậy mà hôm nay gặp nhau, nơi đây, nơi cửa Đạo Cao Đài này, ta không biết họ là ai. Ta phải thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng ân xá và tha thứ tội tình cho họ được siêu thăng thoát hóa. Còn đối với riêng ta, thì ta cũng đang đi cầu siêu tức là ta cũng tha thứ cho họ nữa. Được như thế, lần hồi cái nợ nần

oan nghiệt, trái chủ của ta, của họ, và của cả mọi người sẽ tự tiêu tan và kết thúc. Cho đến ngày nào đó, đến khi ta thoát xác, các bạn của ta cũng đến cầu nguyện và xin cho ta, và họ cũng tha thứ cho ta như ta đã tha thứ hôm nay cho những người mà ta đi dự đám. Cái ý nghĩa này mọi người nên biết để **mỗi khi đi dự lễ cầu siêu là đừng quên đọc kinh với lời cầu nguyện chân thành** cho người bạn thân yêu đang mong đợi.”

Đức Ngài còn cho biết thêm:

“Người chết, chơn hồn còn vấn vương, lảng vảng nơi đây. Nếu trong số người dự lễ cầu siêu mà có được những bậc chơn tu đạo đức đến cầu nguyện, hoặc có được những vị lãnh đạo, cấp bậc trong tôn giáo đến cầu nguyện càng nhiều càng có lợi cho người chết. Vì lời cầu nguyện ấy sẽ nâng linh hồn. Còn riêng những người đồng đạo hoặc người đạo của tôn giáo khác, cũng có những người đức độ lớn giữ đạo tốt, đến cầu nguyện thì rất ảnh hưởng đến người chết. Vương linh người chết được những tư tưởng, điển lành của mọi người ắt sẽ được một ân huệ.”

Đức Hộ Pháp khuyên mọi người nên siêng năng đi đám vừa có lợi cho người, vừa có lợi cho bản thân.

HÌNH PHẠT CHO NGƯỜI NGOẠI TÌNH

Trong lúc hăng hái trong công việc cũng có khi vui vẻ các anh em công quả nói đùa để quên nỗi nhọc nhằn mệt mỏi. Có bữa Đức Ngài nghe trong nhóm trộn hồ có người nói:

“Có chồng mà lại lấy trai

Thác xuống âm phủ của hai nấu dầu.”

Đức Ngài mỉm cười rồi hỏi chung:

“Thầy hỏi mấy con vậy chớ âm phủ nấu loại dầu gì vậy? Của hai nấu xong rồi nó có hết lấy trai không? Đây Thầy nói cho mà biết. Việc vợ chồng mà ông hoặc bà ngoại tình thì đó

là luật Thiên điều đạ. Luật Thiên điều hễ vay thì phải trả thối. Bởi vợ chồng cư xử với nhau chẳng trọn đạo, khi về cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống nhìn nhau mà then thường ái ngại vì cái lỗi lầm của mình với bạn. Để rồi sau đó kẻ đứng bờ bên này, trông về phía bên kia của sông TƯÔNG muốn gặp nhau, muốn nói với nhau những lời phải quấy nhưng hình luật chẳng cho ai gặp ai. Cho đến khi đầu kiếp phải tìm nhau mà trả cái nợ tình oan nghiệt ấy. Thật là thảm thương khi trông thấy dù cả hai đứng trước mặt nhau cũng không thể thành chồng thành vợ đặng. Đó là hình trạng yêu thương nhau lắm mà chung cuộc lại bất thành vì luôn luôn có một sự ngăn trở khiến xuôi cho cả hai phải chia lìa nhau, để rồi mang lấy nỗi đau khổ triền miên dần vặt trong suốt một kiếp người. Hình ảnh đó là hình phạt cho kẻ ngoại tình.”

CHUYỆN ÔNG ĐÍNH

Ông Hoai kể, ông Đính bạn gần nhà ông Hoai cũng nhập môn vào Đạo, không biết luyện phép gì, pháp môn nào mà ông say mê rồi biến thiên tánh đức. Người ta nói rằng khi đi ghe, ông Đính thấy con rồng phụ thể lúc nào cũng ở bên mạn ghe. Nếu ông bảo nó sang phải thì nó sang phải, nếu ông bảo nó sang trái thì nó sang trái.

Cho đến một hôm tư tưởng ông vượt quá cao, ông lên ngôi trên Thiên bàn rồi bắt phụ thân vào quì lạy. Sau đó lần hồi ông Đính càng suy nhược và chết đi. Ông Hoai đem chuyện của bạn mình trình với Đức Hộ Pháp và hỏi Đức Ngài điều đó là gì, hiện tượng ấy có thật hay không. Ngài trả lời:

“Có chứ! Vì đó là quyền hành của Phật CẤN ĐẢ LẠ NI, nếu tư tưởng của người nào đúng mức thì vị Phật ấy cho được phép thấy tất cả những huyền diệu. Song đó là những cái

giả, chớ không phải thật. Vậy Qua khuyên mấy em cứ lo lập công, rèn trau tâm đức, bền chí bền lòng nghe lời Hội Thánh giữ luật thi hành. Đừng có thấy cái gì hết là phước lắm đó.”

CỬU TRÙNG ĐÀI QUA PHƯỚC THIỆN PHẢI ĐI TỪ MINH ĐỨC

Lúc Khai Pháp Trần Duy Nghĩa làm Chương Quản Phước Thiện có một vị chức sắc bên Cửu Trùng Đài hàng phẩm Giáo Sư xin qua lập công bên Phước Thiện, lúc đó ông Khai Pháp không biết giải quyết nên mới trình lên Đức Hộ Pháp để Ngài quyết định. Đức Hộ Pháp nói:

“Người ta muốn thì cho chớ không bỏ. Vậy phải từ Minh Đức.”

Khai Pháp thắc mắc:

“Vị ấy là Giáo Sư, đối với bên Phước Thiện là vào hàng Đạo Nhơn chứ?”

Đức Hộ Pháp giải thích:

“Nếu vị ấy làm tờ đối phẩm thì y như vậy về mặt hành chánh, về mặt hữu hình cho có phân biệt trật tự để làm việc, vì Đạo Nhơn cũng coi phò một Viện cũng như Giáo Sư Cửu Trùng Đài. Còn nó về làm việc phước thiện phải đi từ Minh Đức. Giả sử một ông vua mà muốn vào chùa tu thì vào hàng cấp nào? Có làm Hòa Thượng được không?”

Kẻ làm quan thì sự ăn học đã có, đẳng cấp thông thái đã hơn người thường một bậc, nếu vào nhà chùa tu thì mau thăng tiến hơn vì trí não đã thông minh, tiếp thu giáo luật, giáo điều mau lẹ, có lẽ một thời gian ngắn dễ dàng thăng cấp Hòa Thượng không chừng, mà mọi người không thắc mắc vì thấy rõ đạo hạnh của người ấy xứng đáng. Nhưng mới vào thì cũng làm Sãi, chớ có biết gì đâu mà làm Hòa Thượng được.”

Cửu Trùng Đài là quan chức của Đạo, còn Phước Thiện là cửa Phạm. Ngài Khai Pháp hiểu và phê cho vị ấy vào hàng Minh Đức. Sau này khi Thượng Sanh nắm Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài cũng có phê cho vị Giáo Hữu Thái Chấn Thanh vào hàng Minh Đức. Ông Chấn từ Cửu Trùng Đài xin qua Phước Thiện làm và được chấp thuận cho vào hàng Minh Đức. Ông ta thấy một vị Giáo Hữu đứng vào hàng Thánh Thể mà vào Phước Thiện lại là Minh Đức, ông cho là nhẹ thể nên rút đơn không xin nữa.

CHUYỆN SỐNG CHUNG NGƯỜI ÂM

Ông Tư Trần Thiện Niệm làm Nhạc Sư có kể hồi còn ở Nam Vang lúc ông còn là Đốc Nhạc, cai quản ban nhạc nơi Miên Quốc. Trong ban nhạc của ông có một vị nhân viên không biết bị gì mà đột nhiên xanh xao, nhợt nhạt, rồi ốm dần, coi tiêu tụy lắm. Anh em lo đủ thuốc thang đông tây mà không thuyên giảm, ngày lại càng kiệt sức hơn. Bác sĩ coi mạch cũng phải lắc đầu không chẩn đoán ra được bệnh.

Thấy nhân viên trầm trọng coi chừng như muốn hấp hối, ông Tư trình bày lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài nghe vậy liền xuống ban nhạc để thăm vị ấy.

Vừa vào tới nơi Đức Ngài nói liền:

“Rối, nữa rồi!”

Mọi người nghe vậy không biết Ngài nói vậy là ý gì. Ngài hỏi:

“Nó đâu?”

Ông Tư chỉ cái giường nằm cách ngăn giữa nhà trên và nhà dưới, nói:

“Thưa Thầy, em nó nằm đây.”

Đức Ngài nhìn vị ấy, anh em liền đỡ vị ấy dậy. Ngài nói:

“Thôi để nó nằm đi. Máy con đem nó lên Báo Ân Đường cho Qua trị bệnh cho nó.”

Vị nhạc ấy được Đức Ngài hành pháp giải oan tại Báo Ân Đường. Từ lúc đó trở đi vị nhân viên từ từ phục nguyên khí sắc, thần sắc.

Sau đó 3 ngày vị nhạc ấy mạnh khỏe như thường. Anh em ban nhạc và vị ấy cùng dẫn nhau đến Báo Ân Đường lạy tạ ơn. Đức Ngài hỏi:

“Có còn thấy gì nữa không?”

Vị nhạc ấy trả lời:

“Đạ không còn thấy gì nữa.”

Ngài cười rồi bảo ông Tư ngày mai mời hết anh em ban nhạc đây đủ tại văn phòng để Đức Ngài dạy việc.

Ngày sau, Đức Hộ Pháp đến văn phòng ban nhạc, anh em ban nhạc đã có mặt đầy đủ. Đức Ngài hỏi:

“Qua hỏi thiệt mấy em, chớ tại sao mấy em treo bức ảnh cô gái này tại văn phòng?”

Vừa hỏi Ngài vừa chỉ tay về hướng bức ảnh treo trên tường. Đó là hình của một cô minh tinh màn bạc nổi tiếng của Miên Quốc đã tử nạn trong một tai nạn giao thông. Đức Ngài hỏi tiếp:

“Các em có thường hay nói giỡn, nói đùa với bức ảnh đó hay không?”

Mọi người nhìn nhau rồi nhớ lại. Vị nhạc bị bệnh trả lời:

“Bạch Đức Ngài, thưa Thầy hôm anh em tụ họp tại văn phòng cũng đông người, ai cũng khen tranh ấy đẹp, trầm trồ ca ngợi, thích thú. Con có nói đùa rằng: ‘Phải chi mà nàng ấy

nhận làm vợ mình thì mình chịu liền.”

Đức Ngài nói:

“Cũng bởi câu nói ấy mà mỗi đêm con ngủ với nàng ấy phải hôn?”

Cả ban nhạc nhìn vị ấy cười. Đức Hộ Pháp rầy:

“Qua nói cho mà biết. Đừng có nói chơi, người ta là người vô hình. Nó nói là phải nhận không sai chạy. Người con gái trong tranh là điển hình đó. Thôi cho giải tấm tranh ấy đốt đi, Qua chứng cho, đừng có thấy đẹp mà tiếc không nên đâu.”

Anh em đem bức tranh xuống đốt liền.

CHUYỆN SỞ BÁ VƯƠNG HẠNG VÕ

Trong một đàn cơ có ông Phối Thánh về báo trình cùng Đức Hộ Pháp có Phạm Tăng xin ra mắt. Đức Hộ Pháp cho phép ông ấy nhập cơ. Ông nhận là người cùng Tông Đường với Đức Ngài và xin chúc mừng Đức Ngài. Đồng thời ông cầu khẩn Đức Ngài từ bi độ rỗi cho vong linh Sở Bá Vương Hạng Võ.

Nghe qua Đức Ngài hỏi:

“Sở Bá Vương Hạng Võ chết đã lâu rồi, bộ không có các Đấng Tiên Phật nào độ rỗi sao mà giờ đây hãy còn chưa siêu thoát vậy?”

Ông Phạm Tăng mới tỏ bày:

“Dạ, tánh người rất khó khăn, nên ít ai gần mà độ rỗi.”

Ông vừa nói tới đây, cây cơ bỗng quơ qua quơ lại rất mạnh. Đức Ngài hỏi:

“Đấng nào vậy?”

Cơ viết:

“Hạng Vô đây. Ta nhờ Phạm Tăng có một chút mà nãy giờ Phạm Tăng cứ nói! Bây giờ tới quý! Quý! Quý!”

Cơ ngưng. Đức Hộ Pháp nói:

“Cho đến giờ này, tánh tình như vậy ai mà ưa!”

CHUYỆN ÔNG HUỲNH HỮU LỢI

Trong khi ở Nam Vang theo Đức Hộ Pháp, có ông Sĩ Tải Huỳnh Hữu Lợi sau này là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Huỳnh Hữu Lợi. Lúc ấy mọi người theo Thầy đều miệt mài hành đạo, riêng ông Lợi thì không. Ông chỉ lo làm ăn để làm giàu có, ông có 2 chiếc xe hàng luôn lên xuống chở đồ giao cho chợ Việt và Miên. Công việc làm ăn bề bộn, khiến ông không sao hở tay để lo việc Đạo.

Một hôm Đức Ngài gặp ông, Ngài nói:

“Ngày trước ta chủ trì xây Đệ Thiên, Đệ Thích nhà người là thợ xây mà biếng nhác lắm, nên công còn thiếu. Nay may duyên cho người được gặp lại mà không lo tròn thì đừng trách sao mà ta không nhắc nhở.”

Ông Lợi nghe qua như sực tỉnh. Cái căn duyên đã khiến ông giác ngộ. Từ đó, ông sắp xếp công việc bớt lại và lo làm nhiệm vụ hành đạo không hề xao lãng nữa.

CHUYỆN ÔNG CHÁNH TRỊ SỰ MIÊN

Ông Miên làm Hương cả ở làng Hưng Thạnh Mỹ, Phú Mỹ, Mỹ Tho sau nhập môn vào Đạo được cử làm Chánh Trị Sự làng Hưng Thạnh Mỹ.

Ông Miên tánh đức hiền hòa, nhưng sau này ông có mắc chứng bệnh không biết là gì. Người đời gọi là khủng hoảng điên điên, gia đình cố tâm chạy chữa thuốc thang nhưng không hết. Bà vợ ông cuối cùng dẫn ông về Hộ Pháp

Đường nhờ Đức Hộ Pháp chữa bệnh giùm ông. Lúc nấy ông quanh quẩn ở Hộ Pháp Đường mà thôi.

Một hôm bà vợ ông Miên, cũng làm Chánh Trị Sự, thấy chồng mình được như vậy là đỡ lắm rồi, bà mừng lắm lại sợ ở lâu làm phiền Đức Hộ Pháp nên xin với Ngài cho về nhà. Đức Ngài nói:

“Coi vậy chớ ảnh chưa thật sự mạnh đâu. Chị có về thì về còn ảnh ở lại đây với tôi cho vui.”

Bà Miên lại nài nỉ cầu xin Ngài cho bà lãnh ông Miên về. Bà cảm thấy ông Miên thật sự mạnh rồi, bà cố năn nỉ Đức Ngài và nhất quyết cầu xin cho được. Đức Ngài đành chấp thuận theo ý của bà Miên.

Về nhà một thời gian, lạ lùng thay, ông Miên lại trở bệnh như cũ, lại trầm trọng thêm. Rồi cuối cùng ông qua đời tại nhà dẫu bà Miên thuốc thang đầy đủ.

Sau khi ông mất, gia đình có báo tin cho Đức Hộ Pháp hay. Đức Ngài nói với anh em Phạm Môn rằng:

“Anh Miên ảnh trả nhồi 3 kiếp đôn 1. Lúc bị bệnh anh thường diễn đạt ra 3 hình ảnh. Mỗi hình thức diễn ra là hình ảnh của một kiếp.”

Kiếp thứ nhứt, đang đi đứng lại lấy thế rồi cung vòng tay xoay người từ tay trái qua phải, rồi buông 2 tay xuống giống như là quăng lưới chài cá.

Kiếp thứ nhì, lăm lức tay có nắm lại tượng trưng như cầm mõ, một tay khác cầm dùi gõ mõ, miệng thì nam mô, tay bên này gõ tay bên kia đang co. Ấy là kiếp anh làm người thầy chùa.

Kiếp thứ ba, anh hay lượm lá cây, hoặc giấy, rồi ngồi vẽ lên đó như là viết vạ. Ấy là kiếp anh làm người làm thầy

đồ Nho viết liền.

Nay kiếp này anh được làm quan, hưởng lộc, tuy là quan nhỏ. May duyên cho anh gặp được Tam Kỳ Phổ Độ, anh nhập môn làm môn đệ Đức Chí Tôn và được vào hàng Chánh Trị Sự, nên kiếp sinh của anh được nhồi quả trả liền 3 kiếp. Ba kiếp làm người có tội tình gì thì giờ đây với 1 căn bệnh anh trả đủ cho 3 kiếp. Nếu không gặp Đạo, thì thêm một kiếp làm quan, thì nghiệp quả chắc phải cao hơn.

Giờ đây gặp Đạo, nên đường đời đứt đoạn, đường đạo được lập có công, anh được đại ân xá cho nhồi 3 kiếp. Ảnh đã trả xong rồi, vậy là ảnh nhẹ nhàng nên mừng cho ảnh.”

ĐỨC HỘ PHÁP KỂ VỀ TIỀN KIẾP CỦA MÌNH

Một hôm nọ, Đức Ngài kể cho anh em Phạm Môn nghe về tiền kiếp của mình như vậy:

“Kiếp trước xa xưa kia, Qua là một vị vua xứ Ấn Độ.”

Nói đến đây, Ngài ngưng một hồi rồi tiếp:

“Qua nói tên ra ai cũng biết. Thuở ấy có tất cả là 72 bà vợ. Kể đến một kiếp nữa là một vị phang vương (vua một phương) bên Trung Quốc. Lúc này có 36 bà vợ. Đến kiếp này với xác thân Phạm Công Tắc có một bà vợ. Nhưng trước khi đi tu Qua từ giã tất cả 7 bà.

Hồi lúc bà nội ở Tây Ninh gọi Qua từ Sài Gòn về để cưới vợ, lúc đó Qua nói với bà là không thích có vợ ở xứ Tây Ninh để từ chối khéo. Vì qua đã quen một bà ở Sài Gòn và đã quyết định tiến tới hôn nhân với bà ấy. Bà tám bây giờ đó.

Những kiếp trước bà tám cũng có làm vợ, nhưng là người vợ nhỏ nhất nên ít khi được gần gũi. Kiếp này bà là vợ duy nhất, là bà lớn nên rất khó khăn và rất ghen tương. Bà tỏ

quyền hành và chỉ muốn một mình bà gấn gửi Qua mà thôi.

Kiếp này tu là vừa lắm, thấy đi xuống bậc nhanh ghé chùa. Từ một vị vua quyền hành xuống thành một thư ký quèn. Nếu không tu kiếp này ắt phải xuống nữa. May mắn quá chừng gặp được Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ này. Bằng chẳng vậy xuống hoài chắc thành ăn mày hay thằng cùi quá!

Mấy em cũng vậy, ráng mà lo tu để được hưởng hồng ân của Đại Từ Phụ chớ đừng bỏ thờ thì uống lắm đó.”

CÒN 1 ỨC NGUYÊN NHÂN CHƯA VỀ KỊP HỘI LONG HOA

Đức Hộ Pháp thuyết đạo nói khi Ngài về Thiêng liêng nhập vào Bạch Ngọc Kinh, thấy Đại Hội Long Hoa trên Thiêng liêng. Đức Ngài cầm Giáng Ma Xử kiểm lại số Nguyên Nhân đã trở về được. Kiểm xong Ngài mới giật mình, vì 92 ỨC mà chỉ về có 91 ỨC. Ngài quay lại định xuống thế tiếp tục độ dẫn nữa. Khi ý định vừa dứt, Ngài nghe Đức Chí Tôn nói:

“Thôi kệ nó con! Còn 1 ỨC nữa nó nằm bên đạo Phật chớ chẳng đâu. Rồi lần lượt nó cũng về sau không thiếu. Nó ché Đạo Thầy không bằng đạo Phật.”

Đức Hộ Pháp nói:

“May quá, nếu không có Đức Chí Tôn cản kịp lúc là Qua tái kiếp nữa rồi.”

Đức Ngài nói tiếp:

“Một ỨC này còn kiêu lắm. Họ cho là đạo của họ cao, còn Đạo Cao Đài thì thấp thỏi y như lời Thầy nói. Họ không chịu vào, bởi vậy Hội Long Hoa còn thiếu 1 ỨC là vậy.”

ĐỨC HỘ PHÁP KỂ VỀ VIỆC CHI TIÊU LÚC CÒN LÀM NGOÀI ĐỜI

Đức Ngài kể lúc còn làm việc ngoài đời, Ngài tiêu xài

rất cơ bản. Chẳng hạn như Tết đến Ngài chừa ra 20 đồng để chơi Tết. Ăn xài, đi chơi, đánh bài ăn thua thế nào cũng trong vòng 20 đồng qui định đó thôi. Vậy mà có khi đánh bài cả tới tháng 5 mà vẫn còn 20 đồng. Tiền còn hoài ngộ lắm, còn cũng bao nhiêu đó.

Thường ngày Ngài đến uống cà phê và ăn một cái bánh tại quán quen, nổi tiếng đông người, dẫu bữa đó có người khác trả tiền ăn hay cà phê cho Ngài, Ngài cũng đem số tiền qui định đó cho người nghèo. Hoặc khi gặp người quen Ngài phải chi tiêu hơn số qui định thì mấy bữa sau phải bớt tiền bánh để bù. Rất chừng mực nên chưa khi nào thiếu nợ ai bao giờ.

ĐỨC CHÍ TÔN DẠY PHÁP CHO NGÀI

Trong một lần vui vẻ, Ngài cùng các vị Phạm Môn trò chuyện. Ngài kể về việc Đức Chí Tôn dạy pháp cho Ngài như vậy: Vào một buổi tối đêm trước, tự nhiên Ngài bắt muốn đi, đi miết vào bàn giấy viết, ngồi vào bàn, tay lấy viết, lấy viết xong Đức Chí Tôn cầm tay Ngài vẽ chữ bùa và dặn Ngài:

“Ngài mai phải sắm sẵn giấy viết từng tờ riêng biệt, viết chì vót nhọn sẵn cho nhiều, giấy trắng từng tờ cũng cho nhiều để Thầy dạy pháp. Lúc này Thầy đã kéo con vô bàn đó. Nhớ là chỉ một mình con thôi.”

Qua đêm sau cũng tại bàn, Đức Chí Tôn giảng cầm tay Ngài viết từng tờ một liên tục, còn viết chì cứ tà ngọn nào là bỏ lấy cây khác. Cứ thế kéo dài mãi cho đến khi xong mới thôi. Khi xong, Ngài kiểm lại hết 3 lỗ viết chì, chỉ còn vài cây, còn giấy trắng thì đầy đất. Ngài nhặt lên để xem rồi sắp lại thứ tự. Ngài thâm khen Đức Chí Tôn đáo để. Chí Tôn quá kỹ, chỉ từ nét, từ chữ, từ phần và số thứ tự niêm san sát.

Từ đó, Ngài bắt đầu học và thực tập, học hoài thôi, học cố để mà nhớ được vì Đức Chí Tôn bảo:

“Bí pháp này nếu để lộ ra ngoài cho kẻ nào biết được thì Đạo Thầy sẽ hoại. Con cố gắng học cho xong, nắm cho chắc rồi thì con đốt đi.”

Học kỹ rồi, nắm được rồi, 3 phen Ngài muốn đốt những sợ lỗ quên thì làm sao? Đốt rồi còn gì coi lại. Đức Ngài lại xem đi xem lại, xem tới xem lui, nhiều lần nữa và thực tập thật là hoàn hảo đến lúc Ngài thật sự tự tin, không có trở ngại nữa, không còn lo gì. Ngài đem đốt.

Ngài có truyền lại vài pháp chính cần thiết sử dụng trong Đạo mà Ngài đã thọ truyền nơi Đức Chí Tôn như Giải Oan, Tắm Thánh, Độ Thăng, Đoạn Căn, Hôn Phối, Trấn Thần, Giải Bệnh. Còn nhiều nữa nhưng chưa phải lúc Ngài truyền. Đức Ngài có nói:

“Thật là hữu hạnh, vì từ tạo Thiên lập Địa tới giờ, Đức Chí Tôn chỉ mới có giao cho Hộ Pháp lần đầu tiên mà thôi, chưa giao cho người nào cả. Đức Thích Ca cũng chưa được vậy. Có lẽ lúc Đức Thích Ca mở đạo chưa phải lúc dùng bí pháp này.”

Cái hữu hạnh lớn nhất là lúc Đức Ngài được Chí Tôn cho vào kho bí pháp. Đức Chí Tôn giao cho Ngài một cái chìa khóa, cho phép mở cửa kho bí pháp của Đức Chí Tôn. Ngài diễn tả:

“Cái kho ấy hình bát giác có bát cạnh, kín bít. Chỉ có 2 cửa mà thôi, cửa trước và cửa sau.”

Đức Chí Tôn hỏi:

“Con mở cửa nào vào?”

Ngài trả lời:

“Con mở cửa trước vào.”

Đức Chí Tôn bảo:

“Không được, đây là kho bí pháp để tạo dựng Càn Khôn vũ trụ từ ngàn xưa, không bao giờ mở cửa trước cửa, chỉ được mở cửa sau mà thôi.”

Thế là Đức Hộ Pháp vâng lời đi cửa sau. Cửa vừa được mở, cả muôn ánh hào quang sáng rực rỡ, chói lọi chiếu ra. Ngài bước vào trong, Ngài chỉ lựa những pháp nào quý hiếm, rất quan trọng mới lấy, còn loại thường thường không cần.

Kể đến đây, ông Khai Pháp vội nói:

“Đây là Thầy đã thấu hết thập nhị quyền công rồi.”

Đức Hộ Pháp nói tiếp:

“Ra khỏi cửa, theo sau lưng Ngài là đám quỷ. Nó chỉ nhận được hào quang của ‘Bí Pháp’, nó đem xuống thế gian này mà tạo nên quyền pháp cõi đó. Nếu nó được vào kho thì không biết cõi nào nữa. Bởi vậy, trước mặt là Hộ Pháp, sau lưng Hộ Pháp là đám quỷ vậy.”

CHUYỆN THÁNH PÊRÔ

Trong một đàn cơ có vị giảng cơ xưng là Thánh Pêrô, cho nên mọi người hầu đàn đều quì lạy. Đến khi ông Tiếp Thế bước vào lạy thì cơ viết:

“Thưa ba.”

Mọi người chứng hứng, còn ông Tiếp Thế thì không có quì. Ông Thánh mới viết tiếp:

“Con là Châu nè.”

Đức Hộ Pháp mới nói:

“Mình là một vị Thánh xuống thế sao không cứu thế độ đời lại vẫn số làm khổ người ta vậy?”

Ông Thánh mới viết:

“Thưa Ngài, vì tôi thấy Đức Chí Tôn mở Đạo, khai Tân Pháp, trong đó có phép Tắm Thánh, Giải Oan. Tôi vì ham thích được thọ hưởng pháp ấy nên lên xuống đầu kiếp mặc dầu không có linh để được hưởng pháp ấy trong kỳ đại ân xá này. Đến ngày Ngọc Hư Cung họp tôi lại trở về vì không dám ở lại sợ vắng mặt bị Ngọc Hư Cung bắt tội.”

Được biết ông Châu mất lúc 6 tuổi.

CÂU CHUYỆN CÔ TÁM NGHI

Cô tám Nghi là nhân viên Lễ Viện Báo Ân Từ, chuyên phụ trách lo nấu ăn cho quý chức sắc và nhân viên công quả nơi phòng trụ Lễ Viện. Bà kể câu chuyện liên quan đến cuộc đời làm công quả của mình. Lúc nhỏ khoảng 15–16 tuổi, bà về Tòa Thánh làm công quả vào ban thợ hồ xây Đền Thánh. Vào năm sau, bà thấy có một số đồng anh chị được thăng phẩm vị, ban thợ hồ cũng có mà các ban bộ khác cũng có. Bà suy nghĩ:

“Người ta có học, được thăng phẩm vị bỏ đi Tộc, đi Châu hành đạo khi qui vị thì đám tiệc long trọng, con cháu rõ ràng. Còn mình thì dốt không biết chữ thì làm công quả hoài làm sao mà bằng các anh chị ấy? Rồi thiếu công khi bỏ xác có được siêu thoát hay không?”

Cái suy nghĩ ấy cứ làm cho bà bận tâm mãi mà không dám nói với ai.

Một hôm bà đang xách xô hồ, thấy Đức Hộ Pháp từ xa đi tới, trong đầu lóe lên một ý nghĩ bạo dạn, rồi nửa run nửa sợ. Khi Đức Hộ Pháp vừa đến ngay bà, bà quỵ té trước chân Ngài, tay cầm xô hồ đồ ngang vì mất thăng bằng. Đức Hộ Pháp đỡ dậy rồi hỏi:

“Con có sao không? Sao vô ý vậy?”

Bà mới rướm rướm nước mắt nói:

“Bạch Thầy...”

Rồi nghẹn lời vì sợ. Từ từ bà mới yên tâm hơn rồi đem ý nghĩ của bà trình bày hết cho Đức Ngài biết. Bà nói:

“Con ít oi dốt nát nên không cầu phong, sợ rằng không đi Châu đi Tộc hành đạo, không có phẩm vị thì sau này khi thoát xác không biết có được bằng các anh, các chị của mình không? Có được về Thiêng liêng hay không?”

Đức Hộ Pháp mới cười nói:

“Con thật thà quá! Nghe Thầy nói đừng có tủi thân. Con cố gắng giữ tròn bốn phận Đạo Sở của con. Tá lý dạy gì con làm đúng, giữ luật Đạo, thương yêu tất cả rồi ngoài giờ làm con đi cúng. Công quả có, công phu có, rồi con để lòng trung thành với Hội Thánh, công quả con tròn vẹn không gián đoạn đó là công trình, thì con cũng được đạt vị không kém các anh các chị đâu. Ấy vậy mà còn chắc hơn nữa, con có biết đâu mấy anh mấy chị tại vai trò trách nhiệm. Chức phẩm là của Thiêng liêng cho mượn chớ đâu phải thật là của mình. Cho mượn để làm nhiệm vụ, hễ trọng quyền thì trọng phạt, có công thì công nhiều, mà có tội thì tội gấp đôi. Làm chức sắc là đứng trước làm gương nếu sơ thất là một trọng tội. Còn nữa, khi đi địa phương hành đạo thì phải chịu phần lo lắng chăm nom của tín đồ, công chưa biết bao nhiêu mà thấy ra đã chia năm xẻ bảy. Còn các con là Đạo Sở lúc nào cũng đứng sau, ai hạch hỏi mình điều gì đâu. Có chẳng thì đổ cho chức sắc đàn anh, công quả bao nhiêu là của mình chắc nịch không chia sớt cho ai, có phải hơn không?”

Đám xác của chức sắc thì long trọng tốn kém, thì chức

sắc phải rán làm cho có công nhiều đặng hưởng phần báo ân mật thế, chớ nếu ít công thì e không đủ để hưởng mà còn phải thiếu lại nữa không chừng. Còn Đạo Sở như con đám tiệc không long trọng bằng nhưng xung quanh con cũng có đủ đầy anh chị em công quả tiên đưa, cũng ấm cúng mà không phải mất một phân nào, con thấy có hơn không?

Còn về Thiêng Liêng được hay không là do tâm đức của con nữa, nếu con giữ đúng luật pháp chơn truyền, giữ tròn phần trách nhiệm mà Hội Thánh bổ nhiệm thì lo gì không về được.”

Bà Nghi nghe xong mới nói:

“Thưa Thầy con hiểu rồi.”

Từ đó bà dốc chí làm công quả, trau dồi tâm đức mà không nạt tờ cầu phong, những người đồng thời với bà có vị làm Phối Sư, Chơn Nhơn,... còn bà thì vẫn làm Đạo Sở, vị trí chót hết của Cơ Quan Phước Thiện. Về cuối đời, bà nấu cơm nơi phòng trừ Lễ Viện.

ĐỨC HỘ PHÁP PHÂN XỬ NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐÁNH NHAU

Trong một sở, cơ quan anh em làm công quả chung với nhau. Nếu có ai sanh sự bất bình, hoặc cố sát đánh nhau, sự việc đến Đức Hộ Pháp thường thì Đức Ngài xử định là đuổi cả thầy, cho đến khi nào biết tự ý thức, tự giác ngộ, tự biết suy nghĩ mà biết lỗi nhau thì đến gặp Ngài tạ lỗi, thì Đức Ngài mới nhận và tha thứ. Đức Ngài có dạy:

“Các con có lỗi với Thầy, thì Thầy tha thứ được. Còn các con có lỗi với bạn, thì bạn khó tha thứ lắm, vì bạn có người vậy người khác, cái tâm của bạn con còn trong sự hờn giận phạm tục làm cho mỗi thiện cảm giảm bớt hay mất đi. Vậy

nên trong cuộc sống quá ư phiền toái hãy cố gắng dẹp mọi đố kỵ mà hòa thuận, thương yêu và tha thứ cho nhau, độ lượng, khoan dung đón nhận nhau để tâm hồn thoải mái nhẹ nhõm đứng trước mặt Đức Chí Tôn mà hãnh diện.”

CHUYỆN TÚ TÀI THẠNH

Tú Tài Thạnh là con ông Hội Đồng quản ở Gò Công, đến hỏi cưới con gái của ông Phủ Hóa ở Cần Giuộc. Trên đoạn đường về quê hương Gò Công, lúc tàu rời bến mọi người đang loay hoay không ai để ý Tú Tài Thạnh mới nhảy xuống sông tự tử lúc tàu đang chạy, không ai cứu chữa được.

Trong lúc ngập nước dưới đáy sông, ngạt mình giãy giụa anh ta cảm thấy bức rức, khó chịu lắm. Cả một màu đen tối bao quanh. Đến khi dứt được hơi hồn mới xuất được khỏi xác, anh ta cảm thấy nhẹ nhàng quang cảnh ở dưới sông trở nên sáng sủa đẹp đẽ vô cùng. Khi xác nổi lên hồn anh ta mới bám theo thể xác, tới mặt nước hồn anh ta vượt lên trên. Anh ta cảm thấy quang cảnh lại đẹp thêm hơn, tưởng chừng đây là Thiên đường. Anh ta nghĩ chắc là đã đắc đạo nên được về đây. Anh ta mừng quá, đi đây đó để xem cảnh vật.

Bất thành linh một lần đen chụp phủ khắp thân mình, bây giờ lại tối tăm mờ mịt không thấy gì nữa. Trong cơn sợ sệt anh liền nhớ tới Đức Chí Tôn, anh ta cầu nguyện và niệm danh Thầy. Và anh ta nghe tiếng nói bên tai:

“Sao con tự tử?”

Tiếng nói ấy cứ nhặt thúc, nhắc đi nhắc lại. Một lần hỏi là một lần anh nghe đau nhứt toàn thân, chịu không nổi. Anh ta vội trả lời:

“Con tự tử vì Đạo.”

Chỉ một khoảnh khắc nhanh, một tiếng nổ dường như

đại bác nổ, cái đèn tối tan ra, một ánh sáng đẹp đẽ chói vào trong cảnh ấy, có một vị xưng là “Thành Phước Thần” đến trước mặt anh ta, tay cầm một cây phướn nói rằng:

“Anh tử vì Đạo nên được Đức Chí Tôn ân xá cho đi chơi, đến khi nào có lệnh đi đầu kiếp lại nên nhớ tìm nhà Đạo đức mà vào.”

Nói xong vị Thần biến mất.

Từ chỗ có được phép đi chơi nên khiến xuôi có dịp về Tây Ninh, may duyên gặp lúc Đức Hộ Pháp đang cầu cơ, anh ta nhập vào và hỏi:

“Ủa đây là đâu?”

Đức Hộ Pháp mới hỏi:

“Đấng nào đó? Chẳng biết đây là Tòa Thánh Tây Ninh hay sao?”

Lúc bấy giờ Tú Tài Thạnh mới biết Đức Hộ Pháp và kể lại sự tình như trên. Rồi anh ta hỏi Đức Hộ Pháp:

“Thưa Thầy con chết bao lâu rồi?”

Đức Hộ Pháp tính ra rồi nói:

“Chết đã 6 tháng rồi.”

Ngài gặng hỏi:

“Có vô địa ngục không?”

Tú Tài Thạnh trả lời:

“Bạch Thầy không có. Con thấy như con đã kể cho Thầy và chỉ có vậy thôi. Chớ không có thấy địa ngục.”

Đức Hộ Pháp hỏi:

“Mấy con có biết cái đen, cái sáng là gì không?”

Ngài giải thích:

“Trong thân thể người ta cái sống của người ta là trái tim. Tim có 2 dòng máu, máu đen và máu đỏ. Máu đỏ từ tim đi nuôi thân, hết chất sống thì biến màu đen thải cận bã ra các lỗ chân lông, nước tiểu, mồ hôi, phân,... phân còn lại trở về tim để tiếp khí của phổi mà nhuộm đỏ. Cái đen ấy là giận, hờn, ghen ghét, oán chạ, căm thù, anh Tú Tài vì giận mà chết nên bị cái đen bao phủ chụp lấy.

Cái đỏ ấy là thương yêu, vui mừng, hòa hiệp, thân thiết, anh Tú Tài vì Đạo mà chết nên trở lại sáng sửa đẹp đẽ.

Bởi vậy trong cuộc sống, đừng nên gây oán chuốc hờn và đừng để tâm giận giữ ai, để khi hờn lìa khỏi xác được sự thương yêu hòa ái, kết mối đồng tâm thân thiết, ưu ái mặn nồng. Trong sự hòa hợp ấy nó cho ta cái sáng đẹp khi cởi bỏ xác trần.”

Lúc Đức Hộ Pháp giải thích về việc truyền Thần và truyền pháp cũng có nói đến tác hại của các cảm xúc tiêu cực như vậy:

“Truyền Thần là truyền điển lực vào huyết đạo để trợ thêm lực cho người được truyền. Phép này dùng để chữa bệnh hoặc giúp cho người có căn duyên mà còn yếu về phần nào đạo đức, để người ấy tu tập thêm phần đó, và vững mạnh tiến hơn.

Truyền pháp là người thọ pháp vào quì trước Thiên Nhãn. Hộ Pháp đứng ngay trước mặt. Người thọ pháp 2 bàn tay ngửa ra. Hộ Pháp dùng 2 bàn tay của mình úp lên 2 bàn tay của người thọ pháp rồi truyền sang. Người được thọ pháp là người mượn pháp của Ngài vậy. Nếu không giữ giới, không giữ được những điều cấm kỵ của nó thì pháp ấy sẽ không linh. Người thọ pháp đã bị thâu pháp mất rồi. Hay do những điều cấm kỵ làm tan biến mất.

Những điều cấm kỵ là nóng giận, ghét, nói lời độc ác, sắc dục.”

Hồi còn sống, khi anh Tú Tài Thạnh đến hỏi cưới con gái của ông Phủ Hóa ở Cần Giuộc do nhà ông Hóa giàu có hơn bên chàng trai, nên người con gái có lời nói và cử chỉ có ý khinh rẻ bên chồng. Việc tự tử của anh Tú Tài Thạnh có nhiều duyên cớ uẩn khúc bức bách khiến cho người phải quyên sinh. Trong đó ảnh hưởng do vợ là việc nhỏ không phải chính yếu, mà việc tử vì Đạo là lớn nên được ân xá. Hơn nữa lúc hết hoảng còn biết niệm danh Thầy là điều may phước lớn.

Được biết thêm ông Phủ Hóa là người Đạo Cao Đài thọ phong phẩm Thượng Phối Sư nhưng không biết vì sao Đức Quyền Giáo Tông lại gởi xuống cho ông cái mào phái Ngọc. Ông không có đi hành đạo, mặc dầu Đức Hộ Pháp có ý mời về lãnh nhiệm vụ Thượng Chánh Phối Sư. Sau khi Đức Hộ Pháp ở đảo về ông có đến thăm, nhưng không hành đạo. Đức Hộ Pháp thấy một chức sắc như vậy nên hỏi Đức Lý thì được trả lời:

“Phối Sư Hóa được phẩm thứ ba phái Thượng nhưng không có công hành đạo, vậy thì Hộ Pháp liệu tính xem. Còn Phối Sư Thành thì có công hành đạo, Hộ Pháp nên sắp xếp cho Phối Sư Hóa nhượng vị.”

Theo lời dạy của Đức Lý, Đức Hộ Pháp để cho Phối Sư Thành nắm quyền Thượng Chánh Phối Sư.

ĐUÍA TRÈ TRỘM TRÁI CÂY

Một lần Bảo Thể bắt được một đứa trẻ hái trộm trái cây ở Hộ Pháp Đường đem trình diện với Đức Hộ Pháp, và kể lại chuyện rình rập khó khăn mới bắt được. Nghe qua sự việc rồi Đức Ngài nói:

“Sao con không đem trái cây hái được để cùng mấy anh

ăn đi để cho bị bắt thế này. Thôi về đi. Lần sau có hái thì chia hết cho cả thầy cùng dùng, đừng có ăn một mình nghe hôn.”

Cũng liên quan đến trái cây, có lần Ngài xuống trai đường để xem công quả dùng cơm ra sao. Đức Ngài thấy trên vách phía bên thợ hồ ngồi ăn có một hình vẽ cái cân đĩa, đầu nặng đầu nhẹ. Bên đầu nặng thấp xuống là trái vú sữa, còn đầu nhẹ là cái bay làm hồ. Đức Ngài cười rồi nói:

“Thằng Thế nó trách tao.”

Qua bữa sau anh em thợ hồ được 1 bữa ăn vú sữa do Ngài thết đãi. Lúc này đang là mùa vú sữa.

ĐỨC CHÍ TÔN CHO BIẾT ĐÃ CÓ NGƯỜI ĐẠT PHÁP Ở KHẮP NƠI

Lúc ở Cao Miên Đức Hộ Pháp cùng quý ông chức sắc đi chơi ở một vùng quê Nam Vang. Trời chiều, Ngài cùng các ông Công Viện Phước Thiện Phạm Văn Út làm tài xế, Tiếp Lễ Nhạc Quân Diêu, Thừa Sứ Lợi đi trên chiếc xe hơi vào một quãng đường. Xe đang chạy thì Đức Ngài nói với mấy ông:

“Thôi, ngừng xe! Coi nhà nào gần vô đó ăn chút gì rồi sẽ đi.”

Ông Út lái xe ngừng trước một căn nhà. Mấy ông vào nhà, thấy có một ông già ra tiếp. Sau khi chuyện vãn với Đức Hộ Pháp mấy ông mới biết ông già thật đạo đức. Ngài bảo với mấy ông lấy bánh mì ra dùng. Ông già vội bảo:

“Thưa không! Tôi đã biết quý ông đến nhà tôi, tôi biết là nhà tôi có khách nên đã chuẩn bị sẵn. Mời quý ông dùng bữa với tôi.”

Nói rồi chỉ cái bàn đã dọn sẵn. Lại một điều là đoàn bao nhiêu người là có bao nhiêu cái chén đôi đũa, bao nhiêu ly nước, bao nhiêu ghế không dư không thiếu.

Tiệc xong ra về, Đức Hộ Pháp nói với mấy ông:

“Đức Chí Tôn khai Đạo, người tu cũng nhiều ở khắp mọi nơi. Chúng tôi đây cho thấy rằng có người đã đạt pháp đăng.”

GIẢI BỆNH CHO VUA SÃI MIÊN

Đúng ngày giờ, Đức Chí Tôn lệnh cho Ngài đi giải bệnh cho vua Sãi Miên.

Đức Chí Tôn vẽ đường đi và cách thức khi vào điện từng nơi một cách thật rành rẽ.

“Con phải đi ngay giữa và các sãi vào châu vua đầu quay vào vách tường, 2 bên chân đối nhau chỉ còn lối đi giữa, đến khúc rẽ có một ông Lục được Thầy khiến để tiếp đón con và thông dịch tiếng Việt Miên.”

Đức Hộ Pháp vào điện y theo lời Chí Tôn chỉ dạy, gặp ông Lục hỏi đi đâu, Ngài nói đi giải bệnh cho vua. Ông Lục tiến dẫn Ngài đến chỗ vua Sãi ngự. Ông Lục tâu việc. Vua Sãi đang nằm, nghe nói liền bật ngồi dậy thủ lễ chào. Đức Hộ Pháp cho vua Sãi biết Ngài vâng lệnh Đức Chí Tôn đến giải bệnh cho vua. Nhà vua đồng ý.

Sau khi hành pháp giải bệnh xong vua mời Ngài một ly nước và tặng Ngài một dây niện mà vua đã tom bùa sẵn. Ngài vừa uống nước vừa nhìn đồng hồ, vì Chí Tôn dặn phải rời khỏi điện lúc 8 giờ.

Ngài làm theo lời dặn của Chí Tôn, vừa ra khỏi điện độ 8 mét thì có một tốp sen đâm từ sau lưng Ngài đi tới. Ngài rùng mình hết hồn, nếu chậm một chút nữa là bị khó dễ rồi. Về sau lúc nào Ngài cũng mang dây niện theo mình để hộ thân có ý coi nó có linh hay không.

Mấy bữa sau, Ngài cùng một người bạn đang đi trên

đường gặp bọn lính xét giấy. Ở Miên lúc bấy giờ 1 tuần là xét một lần. Lạ thay, họ đến ngay người bạn của Ngài hỏi giấy, còn phần Ngài thì chúng không để ý tới. Ngài cũng giả bộ lơ đi. Người bạn của Ngài chỉ cho bọn lính nói:

“Sao mấy ông không hỏi giấy ông kia mà hỏi tôi kỹ vậy?”

Bọn lính cũng làm thỉnh rồi bỏ đi.

Ngộ thiệt, kể ra cũng linh. Ngài cười thầm còn bạn Ngài thì không biết.

CHUYỆN ÔNG CỜ

Có lần Ngài nghe đồn về một ông cờ linh lắm, Thiên hạ đua nhau đến để xem về quá khứ vị lai, chuyện gia đạo. Đức Hộ Pháp cũng có tới thử cho biết. Khi tới nhà Ngài cũng không thấy gì lạ, chỉ là một cây cờ nhỏ cắm trên bàn, khi ai cần hỏi điều gì thì đốt nhang rồi khấn vái, người ngồi đồng nhập, cờ phất, và người ngồi đồng bắt đầu nói.

Tới phiên Đức Ngài, Ngài cũng đốt nhang, người chủ nhà vái ông cờ lên nhập. Cầu mãi ông cờ không lên, chủ nhà đành chịu và hẹn khi khác đến. Trước khi ra về, Ngài nói cùng mọi người rằng lúc nãy Ngài khấn là:

“Cắm anh cờ lên.”

Mọi người có vẻ không tin lời Ngài nói.

Mấy bữa sau Ngài cùng mấy người bữa trước đến nhà anh cờ. Mấy người bạn có ý muốn thử xem lời nói của Ngài bữa trước nên cùng nhau nói bây giờ ông kêu ông cờ về đi.

Để chứng minh quyền năng của Ngài, hơn nữa để tránh sự ngờ vực của chủ nhà cho là người ếm đối. Ngài nói thành tiếng:

“Anh cờ lên đi anh cờ.”

Đột nhiên lá cờ lay động, và phất thẳng y như lúc trước. Khi ông cờ lên rồi, chủ nhà mừng quá chưa kịp hỏi gì, Ngài nói tiếp:

“Anh đốt cờ đi anh cờ.”

Cây cờ tự nhiên nghiêng về phía một cây đèn cây trên bàn, rồi bốc cháy. Chủ nhà kinh ngạc ngơ ngác nhìn Ngài.

Từ đó ông cờ không còn nữa.

CHUYỆN BÀ HOÀNG HẬU PRASEY

Một lần nọ, Đức Hộ Pháp đi từ Nam Vang về Biển Hồ. Khi xe đến gò Sặc gần cầu thì tự nhiên xe bị tuột đèn hư lạp. Vì xa chợ lại giữa đường, mà xe phải ngừng lại để chờ người đi chợ mua đồ về sửa. Do đó phải ngủ ở ngoài trời một đêm. Đức Ngài cùng mọi người lấy cơm ăn xong thì trời tối. Ngài cầu cơ thì Bát Nương giáng có chế giễu:

“Nếu em làm đạo hữu vi như mấy anh thì em sẽ đắp một tấm bia để là: ‘Đây là chỗ của ông Phật Tắc nằm lại một đêm để cầu nguyện cho Tân Quốc được an cư lạc nghiệp.’”

Đức Ngài hỏi:

“Xe hư là tại xe hay có gì không?”

Cô Bát Nương tiết lộ rằng:

“Nếu chư Thần không chặn xe lại, níu lại cho nó tuột đèn hư lạp đi thì chiếc xe và cả đoàn người đã nhào xuống ruộng rồi còn gì?”

Ông Thừa Sử Lợi đang đi chung xe với Đức Hộ Pháp kiếp trước là em của bà Hoàng Hậu Miên tên là Pha-Sey. Bà vì thương em, còn ông thì hay say sửa không chữa bỏ. Vừa thương vừa giận nên muốn xô cho lật xe để ông bỏ xác đặng bà bắt đem về dạy dỗ. Bà lại không biết trong xe kia cùng đi

với em mình là một vị Phật Thiên mạng. Chư Thân bảo hộ vì thế mà không cho bà như ý định.”

Sau đó bà có giảng cơ nói như sau:

“*PRASEY*”

Thiếp cúi chào chư Thiên mạng. Thiếp là Hoàng Hậu họ Prasey,

*Lập tháp tông môn chứa cốt hài.
Lặn một kỹ dư chứa cứu thế,
Tay chạm khởi tạo chín năm ngoài.
Kho tàng chứa chất bao nhiêu báu,
Xiêm quốc đã đào lấy mấy ngoai.
Hình phạt bầy chừ là lợi lẽ,
Các tay sãi khó độ ra bài.*

Hộ Pháp Thiên Tôn! Thiếp có một em trai Ananda Sommcrit Prasey đương sanh tiền làm một vị Thiên phong, nên thiếp cậy Thiên Tôn nghĩ tình điều độ.”

Đức Hộ Pháp nói: “Xin cho biết tên.”

Bà Hoàng Hậu:

“Cười... không dám.”

ĐỨC CHÍ TÔN GIAO CHO ĐỨC NGÀI 5 GÁNH PHÁP

Một hôm, trong lúc anh em Phạm Mộn họp mặt Đức Hộ Pháp nói kỳ này Đức Chí Tôn giao cho Hộ Pháp gánh 5 cái gánh pháp quan trọng là:

1. **ĐẠO PHÁP:** Ngài đã làm được là thuyết đạo, giảng pháp, viết “*Phương Luyện Kỹ*”, “*Thập Điều Giới Răn*”, “*Tân Luật*”, “*Pháp Chánh Truyền Chú Giải*”, và Thế Đạo nghi lễ, Thiên Đạo nghi lễ,...

2. **GIA PHÁP:** Ngài viết “*Phương Tu Đại Đạo*” để cho mọi gia đình theo đó mà xử sự.
3. **TÔN PHÁP:** Lập thành nhà Họ, Phủ Từ.
4. **QUỐC PHÁP:** Ngài đề ra “*Cương Lĩnh Hòa Bình Chung Sống*” và gửi toàn thế giới để làm phương châm cho mọi quốc gia.
5. **THIÊN HẠ PHÁP:** Tam Kỳ Ngũ Đức Phương Châm Đại Đồng Thế Giới.
Đức Ngài còn nói:

“Chỉ có gia pháp và quốc pháp là nhỏ hơn hết. Qua già rồi, cố gắng làm cho xong chỗ để chết đi trách nhiệm chưa tròn.”

Ngài vừa nói vừa cầm trái bưởi thả thả trên tay. Đoạn Ngài nói:

“Qua nâng quả địa cầu 68 này nó nhẹ xiu. Nhẹ như là trái bưởi này vậy.”

CHUYỆN THẤT NƯƠNG XUỐNG PHONG ĐÔ CỨU ĐỘ THÂN PHỤ

Có một đàn cơ cô Thất Nương đến tâm sự cùng Đức Hộ Pháp. Cô cho 2 bài thi như vậy:

*“Đố ai rõ thấu hiểu ra sao,
Chín chữ cù lao giá thế nào.
Hình vóc cảnh Tiên còn vinh bấy,
Chơn Thần nước Phật rửa thai bào.
Nội riêng từ phụ chưa xong phận,
Nghĩa nặng đeo đai phận má đào.
Thà xuống Âm Cung chia khổ tội,
Cha vậy ai nỡ ngự Đài cao.”*

Cũng vì nổi hiếu mà cô không nỡ ngồi nhìn song thân đang khổ khắc nên mới lén đến Phong đô để cứu rỗi. Sự việc

không trình qua Thiêng liêng nên Ngọc Hư Cung bắt tội. Cô mới đến bày tỏ nhờ Đức Ngài che chở.

Nghe qua tự sự Đức Hộ Pháp nói:

“Người có lòng hiếu thảo như vậy mà có tội nữa sao?”

Cô Thất Nương mới nói:

“Em nói nhỏ cho đại ca nghe một mình, mà đại ca nói lớn coi bộ giận dữ nữa.”

Tiếng nói của Ngài kèm theo sự bất bình làm vang động đến Bạch Ngọc Kinh, Đức Chí Tôn hay nên gọi Đức Lý đến nói:

“Hộ Pháp trách Thầy, con đến để khuyên lơn.”

Sau đó Đức Lý có giảng cơ cho một bài thi như vậy:

*“Phải giữ Chơn Linh đặng trọn lành,
Ngọc Hư toàn ngụ Đấng Anh Linh,
Luật điều Cổ Phật không chừa tội,
Hình phạt Chí Tôn chẳng vị tình.
Chánh trực kinh oai loài giả dối,
Công bình vừa sức kẻ chơn thành.
Mũi kim chẳng lọt xưa nay hẳn,
Biết sợ xin khuyên cẩn thận mình.”*

Em còn nhỏ, chưa rõ Thiên Điều luật pháp nghiêm minh, chính vì vậy mà Đức Chí Tôn sai Lạo đặng chỉ thêm.”

Cô Thất Nương được đặc ân của Ngọc Hư xá tội, cô tình nguyện đến Âm Quang để độ rỗi các Chơn Linh nữ phái thất thế thể theo lời ước của Đức Địa Tạng Vương, vì Người khó gán các Chơn Linh nữ phái, để trả nghĩa cho Thầy. Trước khi đi, cô có giảng cơ từ giã với Đức Hộ Pháp và các vị chức sắc Hiệp Thiên Đài, cô có viết bài thơ như vậy:

“Hai kiếp đeo đai lăm nợ trần,
 Có thân vì khổ bận cho thân.
 Niệm duyên đổ ngọc loan phòng nguyệt,
 Nội hiếu rơi châu tươi mộ phần.
 Giữ đạo những mong ngôi độc tịch,
 Bán mình quyết cứu độ song thân.
 Nước non càng ngắm càng thêm chạnh,
 Chạnh lắm khi mang mảnh xác trần.”

CHUYỆN ÔNG THÂN CHIẾM

Ông Thân Chiếm quê quán ở Bến Lức, Long An. Lúc còn ở Bến Lức chưa về Tây Ninh, ông bị chánh quyền Pháp truy bắt vì làm nghề phi pháp. Anh ba Đường người Phạm Môn làm công quả ở Tòa Thánh có dịp về thăm nhà ở Bến Lức biết được người bạn cùng xứ sở khổ đốn, âu lo vì đang trốn tránh. Ông bàn với ông Chiếm bỏ Bến Lức về Tây Ninh ở với ông, ông hứa bảo lãnh.

Thế là ông Chiếm tưng thế nghe lời theo anh ba Đường về Giang Tân nhập sở Bến Kéo làm công quả. Ở đây ông Chiếm cảm thấy yên thân, và thấy mọi người hăng say làm công quả với một tinh thần đạo đức. Tâm hồn ông bắt đầu lay chuyển, một tấm lòng phục thiện dâng cao. Ông ra sức đem hết tinh thần phục vụ ngày đêm không mệt mỏi. Ông tự hứa với lòng là để chuộc lấy lỗi lầm.

Thường lệ mỗi tháng ngày 10, 20, 30 Đức Hộ Pháp hay đi thăm các sở, và có khi nghỉ trưa tại sở đó. Nhân lúc này, anh ba Đường mới vào trình với Đức Hộ Pháp mọi sự và cầu xin cho ông Chiếm được nhập sở. Đức Ngài đồng ý.

Lần lượt anh ba Đường cũng sắp xếp cho vợ và con của ông Chiếm về luôn và cũng vào làm chung sở với ông.

Vài tháng sau ông Chiếm lâm bệnh qua đời. Do sự việc quá bất ngờ, ông Chiếm còn chưa kịp nhập môn. Đám tang được cử hành và chôn cất tử tế.

Được ít lâu trong một đàn cơ, Phối Thánh Màng giáng cơ về:

“Bạch Sư Phụ, anh Chiếm được vào phẩm Địa Thần được Đức Quyền Giáo Tông làm chứng.”

Cũng trong một đàn cơ khác, ông Phối Thánh về trình với Đức Ngài:

“Thưa Sư Phụ, anh Chiếm có về, còn đứng ngoài cửa vì chưa có lệnh của Sư Phụ, ảnh không dám vô.”

Đức Hộ Pháp gọi: *“Chiếm.”*

Cơ viết:

“Đạ! Chiếm đây nè!”

Đức Hộ Pháp hỏi: *“Sao em không vào?”*

Ông Chiếm thưa:

“Thưa, vì con sợ Sư Phụ quá! Con viết không được, nhờ anh ba viết giùm. Hôm con chết, ôi thôi! Khổ biết chừng nào, một nôi là mẹ thằng Đường (Đường là tên con của ông, trùng với anh ba Đường) kêu tôi kêu lui, chịu đời không nổi, khi hôn ra khỏi xác lại có lệnh của Ngọc Hư Cung sai Như Ý Lão Quân bắt con đem ra nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Ở đây bọn quỷ lòi, cô hồn đủ thứ, mắng nhiếc tối ngày. Nhứt là nó nói con là đồ làm biếng chớ tu gì, tu gì. Lại có mấy tay phản Đạo đứng làm đầu giục bọn kia chửi bới con, con chịu hoài như vậy muốn chết đi mà chết không được. May đâu có một bà thật tử tế. Nghe nói bà ấy là Thất Nương Diêu Trì Cung đến thăm. Rồi bà biểu con theo bà chơi, vì bà có oai quyền lớn lắm, nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng ai cũng đều kiêng,

bà đem con đến Đức Quyền Giáo Tông ở. Ở đây chẳng đặng bao lâu thì ông nói với con rằng Ngọc Hư Cung cho con đi phó lý tỉnh Ninh Bình, làm ông Thần tại đó. May quá, cũng còn gần nên chạy đi chạy về thăm được.

Xin Sư Phụ nói lại với mẹ thằng Đường. Thằng Đường chết không phải con bắt, đừng có đổ thừa mang tội đạ. Vì nó là con của quý, quý dẫn đi đâu con đây còn không biết mà mẹ nó biết cái gì. Khi cần chữa nó, hỏi mẹ nó và con làm cái gì thì biết. Để anh ba nói chuyện con cái của mình cho các bạn nghe hay lắm.”

Phối Thánh Màng tiếp cơ:

“Khi nãy anh hai Chiếm có hứa để tôi nói chuyện con cái của mình.

Các bạn khi giao thân với bạn mình phải thật hiền. Buổi ấy sẵn tâm hung ác thì con sẽ nên hung ác, chẳng khác nào mở cửa nhà kêu ai thì người đó đến.”

Đức Hộ Pháp nói:

“Đó, Thánh Màng dạy bây rõ ràng hổng còn gì nữa.”

Được biết thuở sanh tiền vợ chồng ông Chiếm làm nghề phi pháp rồi bị Pháp truy nã. Sau khi về Tây Ninh cả gia đình đều ở sở. Nhưng từ khi ông mất, con của ông nghe lời phe của ông Tương hay nhiech mẹ:

“Bà làm công quả cái gì, đi riết rồi coi chừng mang chữa.”

Bà tự ái, giận con nói hỗn nên nói:

“Đó, con ông nó ăn nói với tôi như vậy đó. Ông có linh thì bắt nó đi cho rồi.”

Ai dè nó chết thiệt. Nó bị bệnh đột ngột mà qua đời chớ chẳng phải do ông Chiếm bắt đi. Nhưng bà vợ lại không biết, tưởng rằng bà giận mà nói lầy, ông Chiếm lại làm thiệt

nên cứ đổ thừa.

CHUYỆN PHẬT MẪU QÌ XIN CHÍ TÔN MỞ ĐẠO

Đức Hộ Pháp có lần kể cho anh em Phạm Môn nghe:

“Các mối đạo ở thế gian đã thất chơn truyền, nên chúng sanh càng ngày càng đắm chìm trong tội lỗi, không phương cứu vãn. Vì chúng sanh không biết nương tựa vào đâu. Đức Phật Mẫu nhìn thấy con cái của mình như vậy bà đau thảm. Nên bà quyết định đến quì trước Đức Chí Tôn cầu xin cho mở Tam Kỳ Phổ Độ. Quì đã 10 ngày mà Đức Chí Tôn vẫn không chấp thuận. Đức Phật Mẫu vẫn tiếp tục quì mãi. Cuối cùng Đức Chí Tôn thấy Đức Phật Mẫu cương quyết cũng đành chịu ý thuận cho. Chí Tôn nói: ‘Được, Tôi giao cho Người đó.’

Phật Mẫu mừng khôn xiết, nhưng bà không đành lòng, không thể không dẫn đo, vì bà biết quyền năng của bà làm sao bằng được Chí Tôn, nên nói:

‘Con thì bao giờ cũng mến Mẹ, nhưng nó không sợ Mẹ bằng Cha. Vậy phải có Thầy theo mới độ dẫn được.’

Đức Chí Tôn lại phải chịu ý Phật Mẫu vì đó là lời cầu xin hợp lý, không gì hay hơn.

Chính vì thế nền tôn giáo Cao Đài gồm có cả Cha lẫn Mẹ dìu dẫn. Vậy đứa con nào không nên đạo thì cam chịu lấy chớ đừng đổ thừa không có Mẹ Cha dạy dỗ.”

CHUYỆN HỒI MỚI KHAI ĐẠO

Đức Hộ Pháp có lần kể cho anh em Phạm Môn nghe, hồi mới ban sơ khai Đạo Đức Ngài và Thượng Phẩm còn khờ và ngây ngô lắm. Có lần cô Bát Nương giáng cơ cho một bài thi:

*“Mua giấy cho em để phất điều,
 Treo vắn trước ngõ mới nên kêu.
 Cánh, sườn kẹp nẹp cân cho đúng,
 Lẹo lái so dây giống đặng đều.
 Ngọn gió ồn ào vừa thổi tới,
 Mấy anh tỉnh mình phóng lên kêu.
 Chín từng lông lộng bay cho thấy,
 Mới rõ Hiệp Thiên nghĩa ít nhiều.”*

Sáng hôm sau Đức Ngài và Thượng Phẩm đi mua đồ dán điều, dán xong Đức Hộ Pháp cầm cầm con điều, Thượng Phẩm thì cầm lon chỉ chạy cho cánh điều bay lên. Đêm đến cầu cơ, cô Bát Nương về cười 2 ông quá cỡ. Cô nói **bài thi ấy là cốt ý để nói về ý nghĩa Hiệp Thiên Đài quan trọng hơn, lớn hơn Cửu Trùng Đài nhiều lắm**. Chớ đâu có biểu 2 ông làm điều cho cô thả đâu.

Đức Ngài và Thượng Phẩm cũng tức cười cho mình.

ẢNH HƯỞNG CỦA VẬT THỰC ĐẾN CHƠN THẦN

Ông bảy, anh của Đức Hộ Pháp ở Qui Thiện Trường Hòa có đêm nằm mộng thấy một người nữ đến than với ông:

“Bác bảy ơi, sao chân con yếu quá đi không được.”

Nhìn ra thì người nữ ấy là một người hàng xóm mới vừa chết cách đây vài tháng. Rồi ông giật mình dậy. Ông thấy không an trong lòng nên đến Hộ Pháp Đường trình cùng Đức Hộ Pháp. Nghe xong Ngài nói:

“Rồi, đũa nào hành pháp bị thất pháp rồi, cắt không được chớ gì. Anh về biểu sắp nhỏ ở nhà người con gái đó cúng cơm cho nó một tháng, nhớ là cơm mới nấu. Hơi cơm coi vậy chớ nhờ nó mới làm cho Chơn-Thần nó cứng cáp.”

Đức Hộ Pháp có lần nói chuyện với mấy vị được thọ pháp rằng:

“Cây kéo khi đã được trấn thần trước Thiên Nhân, mấy em đừng nghĩ nó là cây kéo mà làm, nó chính là cây Thư Hùng Kiếm của Đức Thượng Sanh đó. Chỉ có guơm Thư và guơm Hùng nhập lại mới đoạn được 7 dây oan nghiệt của thể hình mà thôi.”

NGƯỜI TU KHÔNG MẮC NỢ

Có lần Đức Hộ Pháp đang đi bộ với vài vị Phạm Môn, bất ngờ có một chiếc xe du lịch chạy vù tới. Xe bóng loáng, bốp còi inh ỏi, vụt một cái đã ra xa để lại một đám bụi mù.

Thấy vậy Đức Ngài mới quay lại hỏi mấy người Phạm Môn:

“Bây coi đó, xe hơi chạy một cái ro chở họ đi, nghĩ cũng sướng thật. Vậy chớ qua hỏi mấy em chớ họ chạy đi đâu mà lẹ dữ vậy?”

Không có ai trả lời được. Ngài mới nói:

“Có gì, coi ra là họ chạy nợ đó. Nợ nhà, nợ đời nó đòi, mắc nợ nên rần mà chạy đi lo cho kịp. Còn mình là người tu hành, đâu có mắc nợ ai nên đâu có ai đòi, vậy thì cứ thủng thẳng đi rồi từ từ cũng tới.”

Khởi sự từ năm Ất Sửu (1925) mấy ông Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang xây bàn xướng họa thi phú cùng các Đấng vô hình rồi được các Đấng dẫn lần hồi vào con đường Đại Đạo.

Sau bao năm tháng lèo lái con thuyền Đạo, các ông từng người từng người đều trở về bái mạng Đức Chí Tôn. Trong nhóm xây bàn ngày ấy thì Thượng Sanh Cao Hoài

Sang là về sau hết.

Hồi những năm 1933–1935, lúc khởi công phá rừng xây dựng Tòa Thánh. Có lần Thượng Sanh lái xe về thăm. Khi chạy xe ngang qua các công trình với nhân viên công quả đông đảo đang làm trong khu vực Nội Ô mọi người chỉ tay về phía xe nói với nhau:

“Xe đó là xe của Đức Thượng Sanh đó.”

Mọi người nhìn theo. Khi xe đã xa rồi, Đức Hộ Pháp nói:

“Bây giờ chúng ta làm đây là làm giùm mà thôi, chớ khi xong rồi ông ấy sẽ về làm chủ đó đạ!”

Đức Ngài kể hồi còn ở Thiên liêng Đức Hộ Pháp, Quyền Giáo Tông, Thượng Phẩm rủ Thượng Sanh đi mở Đạo. Thượng Sanh nói:

“Quý anh rủ thì tôi đi, chớ xuống dưới tôi không làm việc gì hết chỉ coi nhà cho quý anh thôi.”

Từ khi mở Đạo năm Bính Dần (1926), ông được Chí Tôn phong Thượng Sanh rồi luôn ở Sài Gòn, lâu lâu mới về. Mãi đến khi Đức Hộ Pháp lưu vong sang Cao Miên năm Bính Thân (1956) thì Thượng Sanh mới về Tòa Thánh chấp chính dưới thời chính quyền Diệm do yêu cầu của Hội Thánh Lương Đài.

Nhớ lại cái hồi năm Bính Tuất (1946) khi Đức Hộ Pháp mới từ Madagascar trở về, năm ấy ông Thượng Sanh có lên thăm và ở lại dự Hội Yến. Cô Bát Nương có giáng cơ làm một bài thi rồi Đức Ngài và Thượng Sanh cũng họa lại giống như những ngày đầu lúc trước. Bài thi như thế này:

*“Đào Nguyên lại trở trái hai lần,
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy Lân.
Cung Đẩu vít xa gươm Xích Quỷ,*

*Thiên Cung mở rộng cửa Hà Ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tể,
Phát Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thối khí vĩnh sanh lau Xã Tắc,
Mở đường quốc thể định Phong Vân.”*

■ *BÁT NGƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG*

*“Chông gai đường Đạo mãng dò lân,
Từ bước ta bà trở cổ lân.
Biển Bắc vừa nghe hơi súng nổ,
Gành Nam kể lóng tiếng chuông ngân.
Buồm thuyền tế độ sang mơ mộng,
Gió hạc chiêu Tiên giục định thần.
Cam Lộ kìa ai dành để sẵn,
Cành Dương rửa sạch nét phù vân.”*

■ *HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC*

*“Dựng gậy xã tắc bấy nhiều lần,
Mong mỗi vùng Nam dựng thấy Lân.
Đánh Việt Trời che gìn cảnh trí,
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,
Thiên khiến dành riêng đám tội thần.
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,
Làm trai tua vẹn trí thanh vân.”*

■ *THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG*

Đến năm Tân Hợi (1971), Thượng Sanh cũng tạm biệt cõi trần, nhóm xây bàn ngày nào giờ đã được hội ngộ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Chuyện Kể về

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

DUY HÒA